

Giải Nghĩa
KINH THÀNH

Xuất Ê-díp-tô Ký

Warren W.
Wiersbe

Giải Nghĩa
KINH THÁNH

Xuất Ê-díp-tô Ký

**Warren W.
Wiersbe**

VĂN PHẨM NGUỒN SỐNG

Xuat E-dip-to Ky

Vietnamese Edition

Copyright 2015 Voice Media

info@VM1.global

Web home: www.VM1.global

All rights reserved. No part of the publication may be reproduced, distributed or transmitted in any form or by any means, including photocopying, recording, or other electronic, or mechanical methods, without the prior written permission of the publisher, except in the case of brief quotations embodied in critical reviews and certain other noncommercial uses permitted by copyright law. For permission requests, email the publisher, addressed “Attention: Permission Coordinator,” at the address above.

This publication **may not be sold, and is for free distribution** only.

LỜI GIỚI THIỆU

Ngày nay chúng ta thường nghe nói đến chữ “giải phóng”. Giải phóng một dân tộc khỏi ách áp bức chính trị. Giải phóng một cá nhân khỏi nạn đàn áp.

Nhiều người muốn được giải phóng để có tự do nhưng tự do là gì hoặc sẽ sử dụng tự do ra sao thì ít ai biết. Một triết gia, cũng là một người khuân vác, tên là Erick Hoffer đã viết trong quyển “*The True Believer*” (Tín Hữu Thật) rằng “Nếu một người không có khả năng để làm một chút gì đó thì tự do quả là một gánh nặng khó chịu”. Đúng vậy. Những kẻ đại dốt dùng sự tự do như một món đồ chơi; nhưng người khôn ngoan sử dụng sự tự do làm nên công nên chuyện. Y-sơ-ra-ên là một trường hợp tiêu biểu cho sự sử dụng tự do.

Dân tộc Y-sơ-ra-ên là một trường hợp tiêu biểu được nói đến ở đây. Đức Chúa Trời đã đem họ ra khỏi xứ Ai Cập để họ có thể hưởng lấy giao ước (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 4:37-38), nhưng họ chưa đủ chín chắn để sử dụng sự tự do của mình một cách hiệu quả. Hậu quả là cả một thế hệ dân Y-sơ-ra-ên đã tàn lụi khi phải lang thang trong hoang mạc.

Xuất Ê-díp-tô Ký đã giải thích về sự tự do thật, về giá của sự tự do, và về cách sử dụng sự tự do. *Xuất Ê-díp-tô Ký* cho chúng ta biết tự do không phải là phóng túng và kỷ luật không phải là ách nô lệ. Đức Chúa Trời cho chúng ta biết làm thế nào để hưởng tự do trọn vẹn trong ý muốn của Ngài, một phẩm chất thiết yếu trong Hội Thánh và trong thế giới của chúng ta ngày nay. Tự do rất quý, và trách nhiệm của sự tự do rất quan trọng, chúng ta không thể hưởng tự do mà không có trách nhiệm gì với tự do. Tôi tin tưởng rằng khi áp dụng các nguyên tắc thuộc linh trong sách *Xuất Ê-díp-tô Ký*, ta sẽ tìm thấy sự tự do thật mà Cơ Đốc nhân phải có trong Đức Chúa Giê-xu Christ.

Warren W. Wiersbe

MỤC LỤC

1. **Cần Một Người Giải Cứu**
(Xuất Ê-díp-tô Ký 31:1-4:31)
 2. **Tuyên Chiến**
(Xuất Ê-díp-tô Ký 5:1-8:19)
 3. **“Đức Giê-hô-va, Đấng Mạnh Mẽ Trong Chiến Trận”**
(Xuất Ê-díp-tô Ký 8:20-10:29)
 4. **Một Tai Vạ Nữa**
(Xuất Ê-díp-tô Ký 11:1-13:16)
 5. **Được Cứu Chuộc Và Vui Mừng**
(Xuất Ê-díp-tô Ký 13:17-15:21)
 6. **Trường Đời**
(Xuất Ê-díp-tô Ký 15:22-16:36)
 7. **“Đức Giê-hô-va Vạn Quân Ở Cùng Chúng Ta”**
(Xuất Ê-díp-tô Ký 17:1-18:27)
 8. **Nghe Tiếng Đức Chúa Trời**
(Xuất Ê-díp-tô Ký 19:1-20:21)
 9. **Quyển Sách Giao Ước**
(Xuất Ê-díp-tô Ký 20:22-24:8)
 10. **Nơi Đức Chúa Trời Ngự Vào (Phần 1)**
(Xuất Ê-díp-tô Ký 24:9-25:40; 27:20-21; 30:11-16; 31:1-11; 35:4-36:38; 37:1-24; 38:21-31)
 11. **Nơi Đức Chúa Trời Ngự Vào (Phần 2)**
(Xuất Ê-díp-tô Ký 26:1-37; 27:1-19; 30:1-10,17-21; 37:25-29; 38:1-20)
 12. **Chức Tế Lễ Thánh**
(Xuất Ê-díp-tô Ký 28:1-29:46; 30:22-33; 39:1-43)
 13. **Một Tấm Lòng Tan Vỡ Và Một Gương Mặt Rạng Ngời**
(Xuất Ê-díp-tô Ký 32:1-34:35; 40:1038)
- LỜI BÁT

DÀN BÀI

SÁCH XUẤT Ê-DÍP-TÔ KÝ

Chủ đề chính: Đức Chúa Trời giải cứu chúng ta để chúng ta phục vụ Ngài.

Câu căn bản: Xuất Ê-díp-tô Ký 6:6-8

I. Sự cứu chuộc: Chúa giải cứu dân Ngài (1:1-18:27)

“Ta sẽ đem các ngươi ra” (6:6)

1. Chúa kêu gọi người lãnh đạo (1:1-4:31)
2. Chúa tuyên chiến với Pha-ra-ôn (5:1-10:29)
3. Chúa chiến thắng (11:1-15:21)
4. Chúa chu cấp cho dân Ngài (15:22-17:16)
 - Sự chữa lành (15:22-27)
 - Thịt (16:1-13)
 - Ma-na (16:14-16)
 - Nước (17:1-7)
 - Sự bảo vệ (17:8-16)
5. Chúa khuyên bảo người lãnh đạo của Ngài (18:1-27)

II. Giao ước: Chúa xác nhận về dân của Ngài (19:1-24:18)

“Ta sẽ nhận các ngươi làm một dân của ta” (6:7)

1. Dân chúng chuẩn bị (19:1-25)
2. Chúa tuyên bố Luật Pháp của Ngài (20:1-23:33)
3. Giao ước được xác lập bằng huyết (24:1-18)

III. Sự thờ phượng: Chúa ở cùng dân Ngài (25:1-40:38)

“Ta sẽ là một Đức Chúa Trời của các ngươi” (6:7)

1. Những chỉ dẫn về đền tạm (25:1-27:21)

2. Lễ phong chức các thầy tế lễ (28:1-29:46)
3. Sự bất tuân của dân (32:1-34:35)
4. Sự xây dựng đền tạm (35:1-39:43)
5. Vinh hiển của Đức Chúa Trời ngự vào đền tạm (40:1-38)

Hãy để ý đến sự quân bình trong kinh nghiệm thuộc linh của dân Do Thái: Đức Chúa Trời đã giải cứu họ khỏi ách nô lệ (1:1-18:27), nhưng muốn hưởng tự do phải có trách nhiệm vâng lời (19:1-24:18), và hề vâng lời thì phải thờ phượng Đức Chúa Trời (25:1-40:38). Không có sự tôn kính thì sự tự do sẽ trở nên vô kỷ cương và sự vâng lời trở thành cưỡng ép.

CẦN MỘT NGƯỜI GIẢI CỨU

Xuất Ê-díp-tô Ký 1:1-4:31

Một bé gái giải thích “radio” là “tivi không có hình ảnh”. Tôi không đồng ý như thế. Tôi lớn lên vào thời kỳ radio nở rộ. Lúc ấy mỗi khi nghe radio, trí tưởng tượng của tôi hoạt động mạnh, bao nhiêu là hình ảnh linh hoạt hiện ra trong đầu óc tôi. Tivi thì không có tác động như thế. Và những câu chuyện trên radio cứ tiếp tục, ngày này sang ngày kia, luôn khiến chúng ta phải thắc mắc, “Điều gì sẽ xảy ra tiếp sau đó?”

Cựu Ước là “một câu chuyện liên tục” của Đức Chúa Trời về chương trình cứu rỗi vĩ đại mà Ngài đã báo trước cho A-đam và Ê-va (*Sáng Thế Ký* 3:15) rồi cho Áp-ra-ham (12:1-3). Điều này giải thích vì sao bản văn Hê-bơ-rơ của sách *Xuất Ê-díp-tô Ký* bắt đầu bằng từ “và”, Đức Chúa Trời đang tiếp tục câu chuyện Ngài đã bắt đầu ở *Sáng Thế Ký* ¹. Câu chuyện kỳ diệu của Đức Chúa Trời đưa dẫn tới cuối cùng là sự giáng sinh của Chúa Giê-xu trên đất và sự chết của Ngài trên thập tự giá, và câu chuyện này cứ tiếp diễn cho đến khi dân Chúa được lên thiên đàng và được nhìn thấy Chúa Giê-xu đang ngồi trên ngai.

Chủ đề của *Xuất Ê-díp-tô Ký* là *sự giải cứu*. Ta không thể có được sự giải cứu mà không cần đến một người giải cứu. Môi-se bước vào chức vụ là người giải cứu, người lập pháp và là người cầu thay vĩ đại.

6 / Xuất Ê-díp-tô Ký

1. Người Giải Cứu

Xuất Ê-díp-tô Ký 1:1-22

¹ Đây là tên các con trai của Y-sơ-ra-ên, mỗi người đều dẫn người nhà mình đi với Gia-cốp đến xứ Ê-díp-tô:² Ru-bên, Si-mê-ôn, Lê-vi, và Giu-đa; Y-sa-ca, Sa-bu-lôn, và Bên-gia-min; Đan, Nép-ta-li, Gát, và A-se. ⁵ Hết thấy những người bởi Gia-cốp sanh ra, được bảy mươi người; Giô-sép đã ở tại xứ Ê-díp-tô.

⁶ Và, Giô-sép và anh em người cùng mọi kẻ đồng đời đó đều chết hết. ⁷ Con cháu Y-sơ-ra-ên thêm nhiều lạ lùng, nảy nở ra, và trở nên rất cường thịnh; cả xứ đều đầy dẫy.

⁸ Nhưng bảy giờ tại nước Ê-díp-tô, có một vua mới lên ngôi, chẳng quen biết Giô-sép. ⁹ Vua phán cùng dân mình rằng: Này, dân Y-sơ-ra-ên đông và mạnh hơn chúng ta. ¹⁰ Hê! Ta hãy dùng chức khôn ngoan đối cùng họ, kéo họ thêm nhiều lên, một mai nếu có cơn chinh chiến xảy đến, họ sẽ hiệp cùng quân nghịch đánh lại ta, và ra khỏi xứ chẳng. ¹¹ Vậy, người Ê-díp-tô bèn đặt các kẻ đầu xấu để bắt dân Y-sơ-ra-ên làm xấu khó nhọc; họ xây thành Phi-thom và Ram-se dùng làm kho tàng cho Pha-ra-ôn. Nhưng người Ê-díp-tô càng bắt làm khó nhọc chừng nào, dân Y-sơ-ra-ên càng thêm nhiều lên, và tràn ra chừng nấy. Người Ê-díp-tô bèn đem lòng ghen ghét dân Y-sơ-ra-ên, ¹³ bắt làm công việc nhọc nhằn, ¹⁴ gây cho đời dân ấy nên cay đắng, vì nổi khổ sở nhồi đất, làm gạch và mọi việc khác ở ngoài đồng. Các công việc nầy người Ê-díp-tô bắt dân Y-sơ-ra-ên làm nhọc nhằn lắm.

¹⁵ Vua xứ Ê-díp-tô cũng phán cùng các bà mẹ của dân Hê-bơ-rơ, một người tên Siép-ra và một người tên Phu-a, ¹⁶ mà rằng: Khi các người đi rước thai cho người đàn bà Hê-bơ-rơ, hễ thấy sanh con trai, thì hãy làm cho chết đi; còn con gái, thì hãy để cho sống. ¹⁷ Nhưng các bà mẹ kính sợ Đức Chúa Trời, chẳng làm theo lời vua Ê-díp-tô phán dặn, đều để cho các con trai sống hết. ¹⁸ Vua xứ Ê-díp-tô bèn đòi những bà mẹ mà phán rằng: Sao các người làm như vậy, để cho những con trai sống? ¹⁹ Các bà mẹ tâu rằng: Ấy tại người đàn bà Hê-bơ-rơ chẳng phải như người đàn bà Ê-díp-tô; vì họ mạnh khỏe hơn, đã sanh nở trước khi mẹ đến. ²⁰ Đức Chúa Trời ban ơn cho những bà mẹ; dân gia thêm và trở nên đông đúc. ²¹ Ấy vậy, vì bà mẹ có lòng kính sợ Đức Chúa Trời, nên Ngài làm cho nhà họ được thịnh vượng.

²² Pha-ra-ôn bèn truyền lệnh cho cả dân mình rằng: Phàm con trai của dân Hê-bơ-rơ mới sanh, hãy liệng xuống sông; còn con gái, thì để cho sống.

Các ra-bi Do Thái gọi *Xuất Ê-díp-tô Ký* là “Sách của các Tên” vì nó mở đầu bằng một danh sách tên của các con trai Gia-cốp (Y-sơ-ra-ên), người đã đem gia đình đến xứ Ai Cập để tránh nạn đói ở Ca-na-an (*Sáng Thế Ký* 46:1-34) ². Đức Chúa Trời đã dùng những kinh nghiệm của dân Y-sơ-ra-ên tại xứ Ai Cập để chuẩn bị dân này cho những nhiệm vụ đặc biệt Ngài giao cho họ thực hiện trên đất: làm chứng về Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống, viết nên bản Kinh Thánh, và chuẩn bị Chúa Cứu Thế vào trong thế gian.

Ban phước (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 1:1-7). Suốt những năm Giô-sép làm quan tể tướng tại xứ Ai Cập, gia đình ông rất được trọng vọng; ngay cả sau khi Giô-sép qua đời. Đức Chúa Trời đã giữ lời hứa về giao ước của Ngài với Áp-ra-ham qua việc ban phước cho dòng dõi của ông và khiến tăng bội phần (*Sáng Thế Ký* 12:1-3; 15:5; 17:2, 6; 22:17). Vào thời điểm diễn ra cuộc hành trình rời khỏi xứ Ai Cập, có hơn 600.000 người nam từ 20 tuổi trở lên (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:37; 38:26). Nếu tính cả phụ nữ và trẻ em thì tổng số có thể lên tới gần ba triệu người, tất cả đều là con cháu trong gia đình của Gia-cốp: Đức Chúa Trời đã giữ lời hứa của Ngài!

Nhưng một Pha-ra-ôn sau này lo lắng vì sự gia tăng nhanh chóng của dân Do Thái, nên đã đưa ra những biện pháp nhằm kiềm hãm sự gia tăng này.

- Bước 1: *Đày đọa những người Do Thái đã trưởng thành* (1:8-14). Đức Chúa Trời đã cho Áp-ra-ham biết con cháu ông sẽ đi đến một xứ lạ và ở đó họ sẽ bị bắt làm nô lệ và bị ngược đãi, nhưng Ngài cũng hứa rằng vào đúng thời điểm, Ngài sẽ giải phóng họ bởi quyền năng của Ngài (*Sáng Thế Ký* 15:12-14). Đức Chúa Trời so sánh xứ Ai Cập với một lò lửa bốc khói (c.17, xem *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 4:20), đây là nơi dân Ngài sẽ phải chịu khổ, nhưng kinh

8 / Xuất Ê-díp-tô Ký

nhịệm sống trong lò lửa như thế này sẽ biến đổi Y-sơ-ra-ên trở nên một dân tộc mạnh mẽ (*Sáng Thế Ký* 46:3).

Trải qua nhiều thế kỷ dân Do Thái sống tại Ai Cập (15:13; *Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:40-41), họ đã chứng kiến nhiều triều đại của Ai Cập đến rồi qua đi, nhưng ai là vị vua mới không biết đến Giô-sép cùng gia đình ông và đã tìm cách hủy diệt “con dân của Y-sơ-ra-ên”?³ Triều đại thứ 17, triều đại Hyksos⁴, là những người ngoại quốc và “khách lạ” giống như dân Do Thái, nên có lẽ họ cảm thông với dân Y-sơ-ra-ên, nhưng triều đại thứ 18 là người Ai Cập chính gốc, nên các nhà cai trị của triều đại này trục xuất người ngoại quốc ra khỏi xứ. Đây có thể là triều đại đã khởi đầu sự bắt bớ trên dân Y-sơ-ra-ên.

Vì sao những người Ai Cập muốn làm cho cuộc sống của dân Do Thái phải khốn khổ? Y-sơ-ra-ên là một nguồn phước trong xứ như trước đó Giô-sép cũng đã từng là một nguồn phước cho Ai Cập (*Sáng Thế Ký* 39:1-6) nên họ không hề gây khó khăn gì cho đám dân lưu vong này. Lý do Pha-ra-ôn đưa ra là sự hiện diện của quá nhiều người Do Thái sẽ ảnh hưởng đến sự an nguy của xứ ấy, vì người Do Thái là người ngoại bang, nếu có một cuộc xâm lược xảy ra trong xứ thì chắc chắn họ sẽ liên minh với kẻ thù. Tuy nhiên, dù Pha-ra-ôn có thực hiện điều này hay không thì nguyên nhân thật sự vẫn là sự mâu thuẫn đã được công bố trong 3:15, đó là sự thù địch giữa dân Chúa và con cái của Sa-tan, và mâu thuẫn này vẫn còn tiếp diễn trong thế giới ngày nay.

Trong sử sách được ghi chép lại thì không một dân tộc nào phải chịu cảnh khốn cùng như dân Hê-bơ-rơ đã gánh chịu, tuy nhiên, mọi quốc gia hay nhà cầm quyền nào từng bắt bớ dân Do Thái cũng đều bị trừng phạt. Lời hứa của Đức Chúa Trời cùng Áp-ra-ham vẫn là: “Ta sẽ ban phước cho người nào chúc phước người, và ta sẽ rửa sả người nào rửa sả người” (12:3). Đức Chúa Trời đã giữ lời hứa này qua cách Ngài hành xử với người Ai Cập và Ba-by-lôn

thời xưa, cũng như với Stalin và Hitler thời nay. Đức Chúa Trời đã rất nhẫn nại khi trông thấy các dân tộc bắt bớ tuyền dân của Ngài, nhưng cuối cùng những kẻ áp bức phải nhận lãnh sự trừng phạt.

Các đốc công Ai Cập “bắt họ làm việc một cách nhẫn tâm” (*Xuất Ê-díp-tô Ký 1:13*), buộc các nô lệ người Do Thái xây thành và làm việc trong những cánh đồng. Nhưng Đức Chúa Trời đã ban phước khiến dân Y-sơ-ra-ên càng thêm lên nhiều hơn, và điều này khiến những kẻ bắt bớ họ càng thêm sợ hãi và tức giận. Cần có thêm biện pháp khác để kiềm giữ dân Y-sơ-ra-ên.

- Bước 2: *Giết hại các bé trai Do Thái mới chào đời* (*Xuất Ê-díp-tô Ký 1:15-21*). Nếu kế hoạch này thành công, Pha-ra-ôn sẽ triệt hạ được toàn bộ dân Hê-bơ-rơ. Sẽ không còn đàn ông Hê-bơ-rơ. Đàn bà Hê-bơ-rơ rồi sẽ lập gia đình với những tôi tớ Ai Cập và dòng giống họ sẽ bị đồng hóa với Ai Cập. Thế nhưng *Sáng Thế Ký 3:15*; và *12:1-4* cho biết rằng Đức Chúa Trời không cho phép một việc như thế xảy ra, và Ngài đã dùng hai bà đỡ người Do Thái qua mặt được Pha-ra-ôn⁵.

Đây là trường hợp đầu tiên trong Kinh Thánh cho biết về điều mà ngày nay chúng ta gọi là “bất hợp tác”, nghĩa là không tuân theo một luật lệ không tốt vì một lý do chính đáng. Lời Kinh Thánh trong *Ma-thi-ơ 20:21-25*; *Rô-ma 13:1-14* và *I Phi-e-rơ 2:11* khuyên Cơ Đốc nhân phải vâng phục nhà cầm quyền của con người; nhưng *Rô-ma 13:5* nhắc nhở rằng sự vâng phục của chúng ta không được đi ngược lại với lương tâm của chúng ta. Khi các luật lệ của Đức Chúa Trời trái với luật lệ của con người thì chúng ta “phải vâng lời Đức Chúa Trời hơn là vâng lời người ta” (*Công Vụ Các Sứ Đồ 5:29*). Bạn sẽ thấy rằng điều này không những được minh họa qua các bà đỡ, mà còn qua Đa-ni-ên cùng các bạn của ông (*Đa-ni-ên 1:1-21*; *3:1-30*;

10 / Xuất Ê-díp-tô Ký

6:1-28), cũng như qua các sứ đồ (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:1-5:42) ⁶.

Các bà mẹ đã nói dối Pha-ra-ôn chăng? Có lẽ không ⁷. Các em bé đã ra đời trước khi các bà mẹ đến! Đức Chúa Trời đã ban phước cho hai bà mẹ vì đã liều mạng sống của họ để cứu dân tộc Do Thái khỏi nạn diệt chủng. Tuy nhiên, Ngài đã ban ơn cho hai người đàn bà này một cách kỳ lạ: Ngài ban cho họ con cái khi đã cao tuổi và được thịnh vượng! Có lẽ những đứa con của họ đều là con gái, hoặc có thể Đức Chúa Trời đã bảo vệ các con trai của họ như Ngài đã bảo vệ Môi-se. Phước hạnh này cho chúng ta thấy con cái quý là đường nào đối với Chúa: Ngài muốn ban cho hai người đàn bà này phần thưởng tốt nhất của Ngài, vì vậy Ngài đã ban cho họ con cái (*Thi Thiên* 127:3).

- Bước 3: *Nhận chìm các bé trai* (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 1:22). Khi Pha-ra-ôn phát hiện ra mình bị lừa, ông ta thay đổi kế hoạch và truyền lệnh cho toàn dân phải bảo đảm rằng các bé trai Do Thái phải bị nhận chìm dưới sông Nile linh thiêng. Người của Pha-ra-ôn không thể kiểm soát được tất cả các bà mẹ người Do Thái nhưng người dân Ai Cập có thể để ý theo dõi các nô lệ người Do Thái và báo tin khi có một bé trai ra đời. Tuy nhiên, vẫn có một bé trai đã chào đời mà Pha-ra-ôn không thể giết chết được.

2. Người Giải Cứu Đã Ra Đời

Xuất Ê-díp-tô Ký 2:1-10 ⁸

¹ Vả, có một người trong họ Lê-vi đi cưới con gái Lê-vi làm vợ.

² Nàng thọ thai, và sanh một con trai; thấy con ngộ, nên đem đi giấu trong ba tháng. ³ Nhưng giấu lâu hơn nữa không được, nàng bèn lấy một cái rương mây, trét chai và nhựa thông, rồi để đứa trẻ vào, đem thả trong đám sậy dựa mé sông. ⁴ Người chị đứa trẻ đứng xa nơi đó đặng cho biết nó sẽ ra sao. ⁵ Vả, bấy giờ, con gái Pha-ra-ôn xuống sông tắm, còn các con đòi đi dạo chơi trên mé sông; công chúa thấy cái rương mây đó giữa đám sậy, bèn sai con đòi mình đi vớt lên.

Cần Một Người Giải Cứu / 11

⁶Công chúa mở rương ra, thấy đứa trẻ, là một đứa con trai nhỏ đương khóc, bèn động lòng thương xót mà rằng: Ấy là một đứa con của người Hê-bơ-rơ. ⁷ Người chị đứa trẻ bèn nói cùng công chúa rằng: Tôi phải đi kêu một người vú trong bọn đàn bà Hê-bơ-rơ đặng cho đứa trẻ bú chớ? ⁸ Công chúa đáp rằng: Hãy đi đi. Người gái trẻ đó đi kêu mẹ của đứa trẻ. ⁹ Công chúa nói rằng: Hãy đem đứa trẻ này về nuôi bú cho ta; ta sẽ trả tiền công cho. Người đàn bà ẵm đứa trẻ mà cho bú. ¹⁰ Khi lớn khôn rồi, người bèn dẫn nó vào cho công chúa, nàng nhận làm con, và đặt tên là Môi-se, vì nàng nói rằng: Ta đã vớt nó khỏi nước.

Am-ram và Giô-kê-bết là cha mẹ của Môi-se (6:20). *Xuất Ê-díp-tô* Ký nhấn mạnh đến đức tin của người mẹ còn Hê-bơ-rơ 11:23 khen ngợi cả hai bậc cha mẹ vì đã tin cậy Đức Chúa Trời. Chắc chắn họ phải có đức tin trong suốt thời kỳ các trẻ sơ sinh Do Thái phải bị giết. Môi-se có đức tin mạnh mẽ, và ông đã học được điều này trước hết từ hai bậc cha mẹ tin kính của mình. Am-ram và Giô-kê-bết đã có hai con: Mi-ri-am, con cả và A-rôn, lớn hơn Môi-se 3 tuổi (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 7:7).

Ngay từ đầu, Môi-se đã được nhận ra là “đứa trẻ khác thường” (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:20; xem Hê-bơ-rơ 11:23) ⁹ và rõ ràng Đức Chúa Trời có một mục đích đặc biệt dành cho ông. Tin rằng điều này sẽ trở thành sự thật, cha mẹ của Môi-se đã bất chấp sắc lệnh của Pha-ra-ôn và vẫn giữ cho con trai của họ còn sống. Điều này không dễ thực hiện vì giờ đây mọi người Ai Cập đều là thám tử của Pha-ra-ôn, và kiểm soát kỹ việc nhận chìm các con trẻ Hê-bơ-rơ (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 1:22).

Đặt Môi-se trong dòng nước của sông Nile, bà Giô-bê-kết tránh né lệnh của Pha-ra-ôn. Bà tin cậy vào sự định liệu của Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời đã đoái đến bà. Khi công chúa đến sông Nile để tắm gội theo nghi thức tôn giáo, nàng nhìn thấy cái rương, phát hiện ra đứa bé, và nghe tiếng nó khóc; bản năng của người mẹ bảo nàng phải

12 / Xuất Ê-díp-tô Ký

nghe tiếng nó khóc; bản năng của người mẹ bảo nàng phải cứu đứa trẻ và chăm sóc nó.

Đức Chúa Trời đã dùng nước mắt của một em bé chạm đến tấm lòng của một vị công chúa quyền thế. Ngài cũng sử dụng lời nói của Mi-ri-am để sắp xếp cho người mẹ của đứa bé nuôi dưỡng con trai mà còn được trả công nữa! Khi được Chúa dùng thì một em bé có thể mạnh mẽ như một dũng sĩ. Hãy nhớ rằng khi Chúa muốn thực hiện một công việc vĩ đại, Ngài thường đẩy lên một đứa bé. Sự thật này được thể hiện qua Y-sác, Giô-sép, Sa-mu-ên, Giăng Báp-tít và đặc biệt là Chúa Giê-xu. Đức Chúa Trời có thể sử dụng những điều yếu đuối nhất để đánh bại những kẻ thù mạnh mẽ nhất (*I Cô-rinh-tô* 1:25-29), nước mắt của một em bé là vũ khí trước nhất của Đức Chúa Trời trong cuộc chiến của Ngài chống lại Ai Cập.

Công chúa đã nhận Môi-se làm con của nàng, điều này có nghĩa là Môi-se sẽ có một địa vị cao trọng trong xứ và được cung cấp một nền học vấn đặc biệt để phục vụ trong bộ máy cai trị (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:22). Theo ngôn ngữ của Ai Cập thì Môi-se nghĩa là “được sinh ra” hoặc là “con trai”, và âm thanh Hê-bơ-rơ của tiếng Môi-se nghe giống như có nghĩa là “kéo ra” (khỏi nước). Về sau, tên của Môi-se nhắc nhở ông về Đức Chúa Trời là Đấng đã cứu vớt ông và làm những việc lớn cho ông tại xứ Ai Cập. Môi-se từng cứu dân của ông nhiều lần vì ông tin cậy nơi Đức Chúa Trời.

3. Người Giải Cứu Được Chuẩn Bị

Xuất Ê-díp-tô Ký 2:11-25

¹¹ Và, đương lúc đó, Môi-se đã lớn khôn rồi, ra đi đến cùng anh em mình, xem thấy công việc nhọc nhằn của họ; cũng thấy một người Ê-díp-tô đánh một người Hê-bơ-rơ trong vòng anh em mình; ¹² ngó quanh quất chẳng thấy ai, bèn giết người Ê-díp-tô đem vùi trong cát.

¹³ Qua ngày sau, Môi-se đi ra nữa, thấy hai người Hê-bơ-rơ đánh lộn,

Cần Một Người Giải Cứu / 13

bèn nói cùng người có lỗi rằng: Sao người đánh người đồng loại mình? ¹⁴ Nhưng người đó đáp rằng: Ai đặt người làm vua, làm quan án cho chúng ta? Có phải muốn giết ta như đã giết người Ê-díp-tô kia chăng? Môi-se sợ, nói rằng: Chắc thật, việc này phải lậu rồi. ¹⁵ Pha-ra-ôn hay việc đó, thì tìm giết Môi-se; nhưng người trốn đi khỏi mặt Pha-ra-ôn, dừng chân tại xứ Ma-di-an, và ngồi gần bên một cái giếng.

¹⁶ Và, thấy tế lễ xứ Ma-di-an có bảy con gái; các nàng đó đến giếng xách nước đổ đầy máng đựng cho bảy chiên cha mình uống. ¹⁷ Nhưng các kẻ chăn chiên đến đuổi đi; Môi-se bèn đứng dậy, bênh vực các nàng đó và cho những bầy chiên uống nước. ¹⁸ Khi mấy nàng trở về nhà Rê-u-ên, cha mình, thì người hỏi rằng: Sao bữa nay các con về sớm vậy? ¹⁹ Thưa rằng: Một người Ê-díp-tô cứu chúng tôi ra khỏi tay bọn chăn chiên, và cũng có xách nước nhiều quá cho bầy chiên uống nữa. ²⁰ Cha lại hỏi rằng: Người đó bây giờ ở đâu? Sao các con bỏ người đi? Hãy mời đến đựng ăn bánh. ²¹ Môi-se ứng ở cùng người này, người bèn gả Sê-phô-ra, con gái mình, cho Môi-se. ²² Nàng sanh một con trai; Môi-se đặt tên là Ghê-t-sôn, vì nói rằng: Tôi kiêu ngạo nơi ngoại bang.

²³ Sau cách lâu, vua xứ Ê-díp-tô băng; dân Y-sơ-ra-ên than thở kêu van vì phải phục dịch khổ sở; tiếng kêu van lên thấu Đức Chúa Trời.

²⁴ Ngài nghe tiếng than thở chúng, nhớ đến sự giao ước mình kết lập cùng Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp. ²⁵ Đức Chúa Trời đoái lại dân Y-sơ-ra-ên, nhận biết cảnh ngộ của chúng.

Môi-se (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:23) phục vụ triều đình Ai Cập trong bốn mươi năm đầu của đời ông. (Một số học giả cho rằng ông được chuẩn bị để kế vị Pha-ra-ôn). Ai Cập không có vẻ gì là nơi thích hợp để Đức Chúa Trời huấn luyện một người lãnh đạo, nhưng đường lối của Đức Chúa Trời không phải là đường lối của chúng ta. Để trang bị Môi-se trong sự phục vụ, Đức Chúa Trời có nhiều phương cách.

Học vấn: “Và Môi-se đã được học mọi sự khôn ngoan của người Ai Cập, mạnh mẽ trong lời nói và việc làm” (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:22). Môi-se được học những gì? Vào thời bấy giờ, Ai Cập đã có một nền văn minh rất phát triển, đặc biệt là trong lãnh vực xây dựng, toán học và

14 / Xuất Ê-díp-tô Ký

thiên văn học. Nhờ vào kiến thức về thiên văn học, họ đã phát triển một hệ thống lịch rất chính xác, các kỹ sư của họ đã vẽ sơ đồ và giám sát việc xây dựng các dinh thự đến nay vẫn còn đứng vững. Các thầy tế lễ và các bác sĩ của họ là những người tinh thông về nghệ thuật ướp xác, còn các quan trưởng của họ rất có tài về mặt tổ chức và hành chính. Ngày nay khách tham quan Ai Cập không khỏi kinh ngạc khi chiêm ngưỡng những công trình của một dân tộc vào thời cổ đại. Tài trí của Đức Chúa Trời phải học thật nhiều để ứng dụng vào sự phục vụ Ngài cách hiệu quả và trung tín

Sự thất bại (Xuất Ê-díp-tô Ký 2:11-14). Dù vẫn có một số người chưa biết rõ về nguồn gốc của ông (c.19) nhưng Môi-se biết rằng ông là một người Hê-bơ-rơ chứ không phải người Ai Cập; ông không thể che giấu sự thương cảm trước cảnh ngộ khốn khổ của dân tộc mình. Một ngày nọ, ông nhất quyết đứng ra cứu vớt dân tộc mình. Dĩ nhiên ông hiểu rằng quyết định như thế là từ bỏ địa vị cao của mình trong hoàng tộc (*Hê-bơ-rơ* 11:24-26). Những lạc thú¹⁰ và của cải ở Ai Cập mất hết ý nghĩa đối với ông khi ông chọn con đường giải phóng dân tộc mình.

Có thể vị quan người Ai Cập này không phải chỉ phạt người nô lệ Do Thái cách bình thường nhưng cố ý cho đánh người ấy đến chết (từ ngữ Hê-bơ-rơ trong nguyên văn cũng có nghĩa đó). Vì vậy khi Môi-se can thiệp vào là để cứu mạng sống của một con người. Và nếu vị quan Ai Cập quay sang chống lại Môi-se (việc này rất có thể xảy ra) thì khi ấy Môi-se cũng tự vệ cho mạng sống của mình.

Nhưng nếu Môi-se dự định giải phóng người Hê-bơ-rơ bằng cách giết người Ai Cập từng người một thì ông sẽ rất thất vọng. Vì chỉ nội ngày hôm sau ông khám phá ra rằng không phải chỉ chống người Ai Cập mà còn phải khắc phục sự chia rẽ, bất hòa trong dân Do Thái nữa. Khi ông

tìm cách hòa giải hai người Do Thái thì họ gạt ông ta một cách phủ phàng. Ông biết rằng bí mật của ông đã bại lộ. Ông sẽ chết dưới tay Pha-ra-ôn. Ông chỉ còn một đường là chạy trốn.

Sự kiện này đã cho thấy Môi-se là một người có đầy lòng thương xót, có động cơ ngay thật, nhưng hành động lại nóng nảy. Khi biết được điều này có thể bạn sẽ không tin được rằng sau đó ông sẽ được gọi là “người nhu mì nhất trên đất” (*Dân Số Ký* 12:3). Thất bại của Môi-se trong việc giải cứu người Do Thái chắc hẳn đã khiến ông nản chí. Đó là lý do mà Đức Chúa Trời đã đem ông vào xứ Ma-đi-an để chăn chiên trong suốt 40 năm. Môi-se phải học biết rằng sự giải cứu sẽ đến từ cánh tay của Đức Chúa Trời, không phải đến từ chính ông (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:25; *Xuất Ê-díp-tô Ký* 13:3).

Phục vụ khiêm nhường và cô đơn (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 2:15-25). Môi-se trốn đến xứ của dân Ma-đi-an là những người bà con của dân Do Thái (*Sáng Thế Ký* 25:2). Với bản tính can đảm vốn có, ông đã giúp các con gái của Rê-u-ên, thầy tế lễ của xứ Ma-đi-an (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 2:18), do đó gia đình Rê-u-ên có thiện cảm với ông và gả cô con gái Si-phô-ra cho. Về sau Si-phô-ra sinh cho ông một con trai ¹¹. Tiếp theo bà sanh một con trai nữa, là Ê-li-ê-se (18:1-4; *I Sử Ký* 23:15). Rê-u-ên (“bạn của Đức Chúa Trời”) còn được gọi là Giê-trô (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 3:1; 18:12, 27), còn tên Giê-trô (“sự xuất sắc”) có lẽ là danh hiệu thầy tế lễ hơn là tên gọi của ông ¹².

Người “mạnh mẽ trong lời nói và việc làm” giờ đây phải ở trong đồng cỏ vắng vẻ để chăn bầy chiên bướng bỉnh, nhưng đây chính là sự chuẩn bị cần thiết cho ông để lãnh đạo một dân tộc bướng bỉnh. Y-sơ-ra-ên là bầy chiên đặc biệt của Đức Chúa Trời (*Thi Thiên* 100:3) và Môi-se là người chăn chiên được chọn của Ngài. Giống như 13 năm

16 / Xuất Ê-díp-tô Ký

làm tôi mọi tại xứ Ai Cập của Giô-sép và khoảng thời gian gần 3 năm của Phao-lô sau khi ông quy đạo (*Ga-la-ti* 1:16-17), bốn mươi năm chờ đợi và làm việc của Môi-se đã chuẩn bị cho ông một cuộc đời chức vụ trung tín. Đức Chúa Trời không vội vã đặt tay trên các tôi tớ của Ngài rồi sai đi phục vụ ngay. Ngài thông thả trang bị họ thật chín chắn rồi mới ban chức vụ.

Sự trì hoãn của Đức Chúa Trời không phải vì Ngài bỏ mặc chúng ta. Ngài vẫn nghe tiếng thở than của chúng ta, vẫn nhìn thấy nghịch cảnh của chúng ta, vẫn cảm nhận nỗi buồn rầu của chúng ta, và vẫn luôn nhớ giao ước Ngài. Điều Ngài đã hứa thì Ngài sẽ thực hiện. Hãy nhớ rằng đến thời điểm thích hợp Ngài mới hành động. Hãy trông cậy nơi đức thành tín của Ngài.

4. Người Giải Cứu Được Kêu Gọi

Xuất Ê-díp-tô Ký 3:1-4:17

¹ Và, Môi-se chăn bầy chiên cho Giê-trô, ông gia mình, là thầy tế lễ tại xứ Ma-di-an; dẫn bầy chiên qua phía bên kia đồng vắng, đến núi của Đức Chúa Trời, là núi Hô-rép. ² Thiên sứ của Đức Giê-hô-va hiện ra cùng người trong ngọn lửa, giữa bụi gai kia. Người nhìn thấy cả bụi gai đương cháy, nhưng không hề tàn. ³ Môi-se bèn nói rằng: Ta hãy tễ bước lại đặng xem sự lạ lớn nầy, vì cơ sao bụi gai chẳng tàn chút nào. ⁴ Đức Giê-hô-va thấy người tễ bước lại xem, Đức Chúa Trời bèn ở giữa bụi gai gọi rằng: Hỡi Môi-se, hỡi Môi-se! Người thưa rằng: Có tôi đây! ⁵ Đức Chúa Trời phán rằng: Chớ lại gần chốn nầy. Hãy cởi giày ngươi ra, vì chỗ ngươi đứng là đất thánh. ⁶ Rồi Ngài lại nói: Ta là Đức Chúa Trời của tổ phụ ngươi, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, và Đức Chúa Trời của Gia-cốp. Môi-se liền che mặt, vì sợ nhìn đến Đức Chúa Trời.

⁷ Đức Giê-hô-va phán rằng: Ta đã thấy rõ ràng sự cực khổ của dân ta tại xứ Ê-díp-tô, và có nghe thấu tiếng kêu rêu vì cơ người đốc công của nó; phải, ta biết được nỗi đau đớn của nó. ⁸ Ta ngự xuống đặng cứu dân nầy khỏi tay người Ê-díp-tô, dẫn từ xứ ấy lên đến một xứ kia đẹp đẽ và rộng rãi, đượm sữa và mật, tức là nơi dân Ca-na-an, dân Hê-tít, dân A-mô-rít, dân Phê-rê-sít, dân Hê-vít, và dân Giê-bu-sít ở. ⁹ Nầy, tiếng kêu rêu của dân Y-sơ-ra-ên thấu đến ta, và ta đã thấy

Cần Một Người Giải Cứu / 17

dân Ê-díp-tô hà hiệp chúng nó thế nào; ¹⁰ vậy bây giờ, hãy lại đây, đừng ta sai người đi đến Pha-ra-ôn, để dắt dân ta, là dân Y-sơ-ra-ên, ra khỏi xứ Ê-díp-tô.

¹¹ Môi-se bèn thưa rằng: Tôi là ai, dám đi đến Pha-ra-ôn, dắt dắt dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ê-díp-tô? ¹² Đức Chúa Trời phán rằng: Ta sẽ ở cùng ngươi; nầy là điều làm dấu cho ngươi biết rằng ta đã sai người đi: Khi người dắt dân ra khỏi xứ Ê-díp-tô rồi, thì các ngươi sẽ phụng sự Đức Chúa Trời tại trên núi nầy.

¹³ Môi-se thưa cùng Đức Chúa Trời rằng: Nầy, tôi sẽ đi đến dân Y-sơ-ra-ên, nói cùng họ rằng: Đức Chúa Trời của tổ phụ các ngươi sai ta đến cùng các ngươi; nhưng nếu họ hỏi: Tên Ngài là chi? thì tôi nói với họ làm sao? ¹⁴ Đức Chúa Trời phán rằng: Ta là Đấng tự hữu hằng hữu; rồi Ngài lại rằng: Hãy nói cho dân Y-sơ-ra-ên như vậy: Đấng tự hữu đã sai ta đến cùng các ngươi.

¹⁵ Đức Chúa Trời lại phán cùng Môi-se rằng: Ngươi sẽ nói cho dân Y-sơ-ra-ên như vậy: Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ các ngươi, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, Đức Chúa Trời của Gia-cốp, sai ta đến cùng các ngươi. Ấy đó là danh đời đời của ta, ấy sẽ là kỷ niệm của ta trải qua các đời.

¹⁶ Hãy đi, hội hiệp các trưởng lão Y-sơ-ra-ên, mà nói cùng họ rằng: Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ các ngươi, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, Đức Chúa Trời của Gia-cốp, đã hiện ra cùng ta mà phán rằng: Thật vậy, ta đã thăm viếng các ngươi, thấy điều họ đã làm các ngươi tại xứ Ê-díp-tô; ¹⁷ nên ta đã phán rằng: Ta sẽ rút các ngươi ra khỏi cảnh khổ tại xứ Ê-díp-tô, dắt đem lên xứ của dân Ca-na-an, dân Hê-tít, dân A-mô-rít, dân Phê-rê-sít, dân Hê-vít, và dân Giê-bu-sít, tức là một xứ đượm sữa và mật. ¹⁸ Dân sẽ vâng theo lời ngươi; vậy, ngươi và các trưởng lão Y-sơ-ra-ên hãy đi yết kiến vua xứ Ê-díp-tô mà tâu rằng: Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của dân Hê-bơ-rơ, đã hiện ra cùng chúng tôi. Vậy bây giờ, xin để cho chúng tôi đi đến nơi đồng vắng, cách chừng ba ngày đường, dâng dâng của lễ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi. ¹⁹ Vả, ta biết rằng dẫu lấy quyền lực ép buộc vua Ê-díp-tô, thì người cũng chẳng bao giờ cho các ngươi đi! ²⁰ Nhưng ta sẽ đưa tay ra hành xứ Ê-díp-tô bằng các phép lạ ta làm giữa xứ đó, sau rồi họ sẽ cho các ngươi đi. ²¹ Ta sẽ làm cho dân nầy được ơn trước mắt người Ê-díp-tô; vậy, khi nào các ngươi ra đi, thì sẽ chẳng đi ra tay không; ²² nhưng mỗi người đàn bà sẽ hỏi xin người nữ lân cận, cùng kẻ ở tạm nhà mình những đồ bằng vàng, bằng bạc và quần áo, mặc lấy cho con trai con gái mình. Các ngươi sẽ lột trần dân Ê-díp-tô là như vậy.

¹ Môi-se thưa rằng: Nhưng dân đó sẽ chẳng tin và chẳng vâng lời tôi, vì sẽ nói rằng: Đức Giê-hô-va chẳng có hiện ra cùng người đâu. ² Đức Giê-hô-va phán rằng: Trong tay người cầm vật chi? Thưa rằng: Một cây gậy. ³ Phán rằng: Hãy ném xuống đất đi. Người bèn ném xuống đất, gậy hóa ra một con rắn; Môi-se chạy trốn nó. ⁴ Đức Giê-hô-va bèn phán cùng Môi-se rằng: Hãy đưa tay ngươi ra nắm đuôi nó. Người đưa tay ra nắm, thì nó hoàn lại cây gậy trong tay. ⁵ Đức Giê-hô-va phán rằng: Ấy để cho chúng nó tin rằng Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ mình, là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, Đức Chúa Trời của Gia-cốp, đã hiện ra cùng người.

⁶ Đức Giê-hô-va lại phán rằng: Hãy đặt tay ngươi vào lòng. Người liền đặt vào, rồi lấy ra. Này, tay người nổi phung trắng như tuyết. ⁷ Đoạn, Ngài phán rằng: Hãy đặt tay ngươi vào lòng lại; người bèn đặt vào, rồi lấy ra. Kìa, tay trở lại như thịt mình. ⁸ Lại phán: Nếu khi nào dân đó chẳng tin ngươi và chẳng vâng theo tiếng của dấu thứ nhứt, thì sẽ tin theo tiếng của dấu thứ nhì. ⁹ Vả lại, nếu dân chẳng tin cả hai dấu này, và không vâng theo lời ngươi, thì hãy lấy nước dưới sông mà làm tràn ngập trên mặt đất; nước mà ngươi đã lấy dưới sông lên đó, sẽ thành máu trên mặt đất vậy.

¹⁰ Môi-se thưa cùng Đức Giê-hô-va rằng: Ôi! Lạy Chúa, từ hôm qua, hôm kia, hay là từ lúc Chúa phán dạy kẻ tôi tớ Chúa, tôi vẫn chẳng phải một tay nói giỏi, vì miệng và lưỡi tôi hay ngập ngừng. ¹¹ Đức Giê-hô-va bèn phán rằng: Ai tạo miệng loài người ra? hay là ai đã làm câm, làm điếc, làm sáng, làm mờ? Có phải ta là Đức Giê-hô-va chẳng? ¹² Vậy bây giờ, hãy đi; ta sẽ ở cùng miệng ngươi và dạy ngươi những lời phải nói. ¹³ Môi-se thưa rằng: Ôi! Lạy Chúa, Chúa muốn sai ai đi, thì sai. ¹⁴ Đức Giê-hô-va bèn nổi giận cùng Môi-se mà phán rằng: Có phải A-rôn, người Lê-vi, là anh ngươi chẳng? Ta biết người đó có tài nói giỏi, và kìa, người đương đi đến đón ngươi kia; khi thấy ngươi, chắc sẽ vui mừng trong lòng. ¹⁵ Vậy ngươi hãy nói cùng người, và sắp để những lời trong miệng người. Khi hai người nói, ta sẽ ở cùng miệng ngươi và miệng anh ngươi, dạy các ngươi những điều gì phải làm. ¹⁶ Ấy là người đó sẽ nói cùng dân chúng thế cho ngươi, dùng làm miệng ngươi, còn ngươi sẽ dường như Đức Chúa Trời cho người vậy. ¹⁷ Người hãy cầm lấy gậy này nơi tay, để dùng làm các dấu lạ.

Môi-se đã trải qua 40 năm chăn chiên ở xứ Ma-đi-an

(*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:23; *Xuất Ê-díp-tô Ký* 7:7). Chắc hẳn ông đã suy ngẫm hằng ngày hằng đêm trong đồng vắng về những việc thuộc về Đức Chúa Trời và cầu nguyện cho dân tộc của ông đang chịu sự hoạn nạn tại xứ Ai Cập. Việc Đức Chúa Trời kêu gọi những người đang bận rộn thật là có ý nghĩa: Ghê-đê-ôn đang đập lúa (*Các Quan Xét* 6:1-40), Sa-mu-ên đang hầu việc trong đền tạm (*I Sa-mu-ên* 3:1-21), Đa-vít đang chăm sóc bầy chiên (17:20), Ê-li-sê đang cấy ruộng (*I Các Vua* 19:19-21), bốn sứ đồ đang đánh cá (*Mác* 1:16-20) và Ma-thi-ơ đang thu thuế (*Ma-thi-ơ* 9:9). Đức Chúa Trời không dung thứ tính lười biếng (*Chân Ngôn* 24:30-34; *Ma-thi-ơ* 25:26-27; *II Tê-Sa-lô-ni-ca* 3:10-12).

Điều Môi-se đã được thấy (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 3:1-4). Đức Chúa Trời có thể sử dụng một bụi gai vô tri, đốt cháy nó lên, và biến nó thành một phép lạ; đây cũng là điều Ngài muốn thực hiện đối với Môi-se. Đối với một số người, bụi gai cháy là hình ảnh dân tộc Y-sơ-ra-ên: họ là ánh sáng của Đức Chúa Trời giữa thế gian, họ bị bắt bớ nhưng không bị hao mòn đi. Bụi gai cháy cũng là hình ảnh về điều Đức Chúa Trời đã hoạch định cho Môi-se: ông là bụi gai yếu ớt nhưng Đức Chúa Trời là ngọn lửa ban cho quyền năng (19:18; 24:17; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 4:24; *Các Quan Xét* 13:20; *Hê-bơ-rơ* 12:29); và với sự vừa giúp của Đức Chúa Trời, Môi-se có thể hoàn thành được bất cứ công việc gì.

Điều Môi-se đã được nghe (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 3:5-10). Đức Chúa Trời phán cùng Môi-se và cho ông lòng tin quyết rằng Ngài là Đức Chúa Trời của tổ phụ ông và Ngài biết được sự khốn cùng của dân Do Thái tại xứ Ai Cập. Giờ đây Ngài sẵn lòng giải cứu họ ra khỏi xứ Ai Cập và dẫn họ vào vùng Đất Hứa, Môi-se sẽ là người lãnh đạo được Ngài chọn lựa ¹³. Lời phán của Đức Chúa Trời "Này,

20 / Xuất Ê-díp-tô Ký

ta sẽ sai người” chắc hẳn đã khiến Môi-se kinh ngạc. Vì sao Đức Chúa Trời lại chọn một người thất bại?

Điều Môi-se làm (Xuất Ê-díp-tô Ký 3:1-4:17). Lẽ ra Môi-se phải vui mừng vì cuối cùng Đức Chúa Trời đã đáp lời cầu nguyện, và lẽ ra ông phải đầu phục ý muốn Đức Chúa Trời mà thưa rằng “Có tôi đây, xin hãy sai tôi!”. Trái lại, ông đã chống lại ý Chúa và cố tìm cách trốn tránh sự kêu gọi thiêng liêng phải giải cứu Y-sơ-ra-ên ra khỏi ách nô lệ. Bốn mươi năm trước đó tại xứ Ai Cập, Môi-se đã hành động như một con ngựa hung hăng muốn vượt trước Đức Chúa Trời, nhưng giờ đây ông phản ứng như một con la bướng bỉnh và kháng cự lại với Đức Chúa Trời (*Thi Thiên 32:9*). Môi-se đã đưa ra năm lý do ông không thể chấp nhận sự kêu gọi của Đức Chúa Trời.

(1) *“Tôi là một kẻ bất tài” (Xuất Ê-díp-tô Ký 3:11-12).* Điều Môi-se hay người khác nghĩ về ông thật sự không quan trọng. Đức Chúa Trời đã phán, thế là đủ bảo đảm cho Môi-se rằng ông là người thích hợp cho công tác này. Phải chăng bốn mươi năm chăn chiên đã dập tắt ngọn lửa nhiệt tình trong tâm hồn ông, vì thế ông có ý nghĩ không thể phục vụ Chúa? Tại sao ông chỉ nhìn vào chính mình thay vì phải hướng về Chúa bởi đức tin? “Ta sẽ ở cùng người” là tất cả sự bảo đảm mà các tội tổ của Đức Chúa Trời cần đến để được thành công (*Giô-suê 1:5; Ê-sai 41:10; 43:5*).

(2) *“Tôi không biết danh Ngài” (Xuất Ê-díp-tô Ký 3:13-22).* Với tư cách là người đại diện của Đức Chúa Trời, Môi-se phải giúp dân Do Thái biết rõ về đặc tính của Ngài. Dĩ nhiên, danh của Đức Chúa Trời là “Giê-hô-va” đã được biết đến từ những thế kỷ trước (*Sáng Thế Ký 4:26*) và rất quen thuộc đối với các tộc trưởng (14:22; 15:1; 25:21-22; 28:13; 49:18). Điều Môi-se muốn hỏi là “Danh Ngài có nghĩa là gì? Ngài là một vị thần như thế nào?” Đức Chúa Trời giải thích rằng danh Giê-hô-va hàm nghĩa năng động, tạo dựng, lập thành. Ngài là Đấng tự hữu, là

Đấng đã, đang và sẽ luôn là Đức Chúa Trời thành tín và đáng tin cậy, là Đấng tự xưng: “TA LÀ”¹⁴. Nhiều thế kỷ sau, Chúa Giê-xu sử dụng danh xưng “TA LÀ” trong các lời nói: “Ta là bánh của sự sống” (*Giăng* 6:35), “Ta là sự sáng của thế gian” (8:12), “Ta là gốc nho thật” (15; 1) và vân vân.

Đức Chúa Trời hằng hữu biết được sự kết cuộc ngay từ lúc khởi đầu, vì vậy Ngài có thể cho Môi-se biết chính xác điều gì sẽ xảy ra khi ông trở lại Ai Cập (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 3:16-22). Các trưởng lão Y-sơ-ra-ên sẽ chấp nhận Môi-se làm người lãnh đạo của họ và sẽ tin rằng Đức Chúa Trời sắp giải cứu họ. Vua Ai Cập sẽ chống nghịch lại sứ điệp của Đức Chúa Trời và phải chịu những hình phạt khủng khiếp từ Đức Chúa Trời. Dân Y-sơ-ra-ên sẽ được giải cứu khỏi xứ và sẽ tước đoạt của cải của dân Ai Cập, và nhờ đó họ nhận lãnh được tiền công mà họ đã không được trả trong suốt những tháng năm làm nô lệ.

(3) “*Các trưởng lão sẽ không tin tôi*” (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 4:1-9). “Họ sẽ không tin” cũng có nghĩa là “Tôi không tin”. Môi-se lo lắng về sự ủy nhiệm của ông trước các trưởng lão Do Thái, vì thế Đức Chúa Trời ban cho ông ba dấu hiệu để thuyết phục các trưởng lão rằng ông thật sự là tôi tớ được chọn của Đức Chúa Trời. “Người Do Thái đòi một dấu hiệu” (*I Cô-rinh-tô* 1:22). Từ đây, Môi-se sẽ kinh nghiệm được quyền năng của Đức Chúa Trời và làm những phép lạ.

(4) “*Tôi không phải là một người nói lưu loát*” (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 4:10-12). Môi-se hoàn toàn không hiểu sứ điệp về danh của Đức Chúa Trời và quyền năng mầu nhiệm của Ngài. Danh xưng “TA LÀ” là tất cả những gì chúng ta cần đến trong mọi hoàn cảnh của đời sống. Đừng chống lại ý Chúa bằng lý luận “Tôi không đủ khả năng”. Nếu Đức Chúa Trời có thể biến gậy thành rắn và rắn thành

22 / Xuất Ê-díp-tô Ký

gây, nếu Ngài có thể gây ra và chữa trị bệnh phung, và nếu Ngài có thể biến nước thành huyết, thì Ngài cũng có thể giúp Môi-se rao ra Lời Ngài một cách năng quyền 15. Môi-se phạm sai lầm là chỉ nhìn vào chính mình thay vì phải hướng nhìn Đức Chúa Trời (6:12). Đức Chúa Trời là Đấng dựng nên chúng ta, vì thế Ngài có thể sử dụng những tài năng và năng lực Ngài ban cho để hoàn thành nhiệm vụ mà Ngài đã giao phó.

Môi-se bày tỏ một thái độ kiêu ngạo hay sự khiêm nhường thật? Bốn mươi năm trước, ông cảm thấy mình hoàn toàn có thể đương đầu với kẻ thù và hành động thay cho dân tộc của ông, nhưng giờ đây ông lại thối lui và tự nhận mình là một kẻ thất bại vô dụng. Mặc cảm, tự đánh giá thấp không phải là khiêm nhường. Khiêm nhường là đừng nghĩ gì về mình nhưng trong mọi sự phải nhờ cậy Đức Chúa Trời. Tôi tớ khiêm nhường chỉ nghĩ về ý muốn và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, chứ không phải về sự bất xứng, sự thành công hay thất bại của chính mình. Môi-se đã ngụy trang sự kiêu ngạo và vô tín của mình với lý do mình không đủ sức phục vụ.

(5) Tránh việc cho người khác (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 4:13-17). “Ôi lạy Chúa, xin hãy sai ai khác làm việc ấy” (c.13). Môi-se gọi Ngài là “Chúa” nhưng từ chối vâng theo những mệnh lệnh của Ngài (*Lu-ca* 6:46; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 10:14). Đa số trong chúng ta có thể hiểu được thái độ này vì chúng ta cũng đã phạm sai lầm giống như vậy. Nếu không nhận Đức Chúa Trời là Chúa thì Ngài chẳng làm Cứu Chúa được.

Trong cơn giận của Ngài, Đức Chúa Trời đã chỉ định A-rôn làm người phát ngôn cho Môi-se, nhưng A-rôn chẳng phải luôn luôn là một người giúp đỡ em của mình. Chính A-rôn đã hiệp cùng dân chúng trong việc đúc bò vàng (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 32:35), và A-rôn đã cùng chị là Mi-ri-

am chỉ trích Môi-se và vợ của người, đã gây nhiều rắc rối cho trại quân (*Dân Số Ký* 12:1-16). Có ý trong *Xuất Ê-díp-tô Ký* 4:14 cho rằng khi tiếp nhận A-rôn, Môi-se đang làm lẫn lộn các chức vụ trong thời Cựu Ước, vì A-rôn phải là thầy tế lễ và Môi-se là tiên tri. Trong cơn giận của Ngài, Đức Chúa Trời ban cho điều chúng ta đã đòi hỏi một cách ích kỷ, thì sự ban cho ấy hiếm khi trở nên một phước hạnh (*Dân Số Ký* 11:33; *Ô-sê* 13:11). Một trong những hình phạt đau đớn nhất Đức Chúa Trời có thể cho xảy ra là để mặc cho dân Ngài đi theo ý riêng của họ.

Các sự kiện diễn ra sau đó chứng tỏ rằng Môi-se hoàn toàn có khả năng rao ra Lời Đức Chúa Trời bằng quyền năng mạnh mẽ, cả với dân của ông và với vua Ai Cập. Lịch sử của Y-sơ-ra-ên cho thấy Môi-se đã rao ra một vài sứ điệp thật hùng hồn trong quyền năng của Chúa. Sách *Phục Truyền Luật Lệ Ký* đã ghi lại lời từ giả đầy ý nghĩa của ông.

Bài học ở đây thật rõ ràng: Đức Chúa Trời biết chúng ta rõ hơn chúng ta biết về bản thân mình, vì thế chúng ta phải tin cậy Ngài và vâng theo điều Ngài bảo chúng ta làm. Khi chúng ta nói cùng Đức Chúa Trời về những sự yếu đuối của mình, không phải chúng ta báo với Ngài điều gì mà Ngài chưa biết (*Các Quan Xét* 15:1-20; *I Sa-mu-ên* 9:21; *Giê-rê-mi* 1:6). Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ sai bạn đi mà không ban quyền năng cho. Vậy hãy tin nơi lời hứa của Ngài mà bước đi cách vững vàng.

5. Người Giải Cứu Được Sai Đi

Xuất Ê-díp-tô Ký 4:18-31

¹⁸ Môi-se bèn đi, trở về Giê-trô, ông gia mình, mà thưa rằng: Xin cha hãy cho tôi trở về nơi anh em tôi tại xứ Ê-díp-tô, đặng thăm thử họ còn sống chăng. Giê-trô bèn nói cùng Môi-se rằng: Con hãy đi bình yên.

¹⁹ Vả, Đức Giê-hô-va có phán cùng Môi-se tại Ma-đi-an rằng: Hãy

24 / Xuất Ê-díp-tô Ký

trở về xứ Ê-díp-tô, vì mấy người tìm giết người đã chết hết rồi.

²⁰ Môi-se bèn đỡ vợ và con mình lên lưng lừa, trở về xứ Ê-díp-tô. Người cũng cầm cây gậy của Đức Chúa Trời theo trong tay. ²¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Khi trở về xứ Ê-díp-tô, hãy cẩn thận về các dấu lạ của ta đã giao nơi tay người mà làm trước mặt Pha-ra-ôn; nhưng ta sẽ khiến người cứng lòng chẳng cho dân đi.

²² Vậy, người phải tâm cùng Pha-ra-ôn rằng: Đức Giê-hô-va có phán như vậy: Y-sơ-ra-ên là con ta, tức trưởng nam ta, ²³ nên ta có phán cùng người rằng: Hãy cho con ta đi, để nó phụng sự ta, mà người đã từ chối không cho nó đi. Này, ta sẽ giết con trai người, là con trưởng nam của người.

²⁴ Và, đương khi đi đường, Đức Giê-hô-va hiện ra trước mặt Môi-se nơi nhà quán, và kiếm thế giết người đi. ²⁵ Sê-phô-ra lấy con dao bằng đá, cắt dương bì của con mình, và quăng dưới chân Môi-se, mà nói rằng: Thật, chàng là huyết lang cho tôi! ²⁶ Đức Giê-hô-va tha chông; nàng bèn nói rằng: Huyết lang! Là vì cơ phép cắt bì.

²⁷ Đức Giê-hô-va phán cùng A-rôn rằng: Hãy đi đến đồng vắng, đón rước Môi-se. A-rôn bèn đi, gặp Môi-se tại núi của Đức Chúa Trời, và hôn người. ²⁸ Môi-se thuật lại cho A-rôn mọi lời của Đức Giê-hô-va sai mình truyền, và các dấu lạ mà Ngài đã dạy mình làm. ²⁹ Vậy, Môi-se đi cùng A-rôn, nhóm lại các trưởng lão dân Y-sơ-ra-ên. ³⁰ A-rôn bèn thuật hết các lời của Đức Giê-hô-va đã phán cùng Môi-se, và làm những dấu lạ trước mặt dân sự. ³¹ Chúng bèn tin, hiểu rằng Đức Giê-hô-va đã thăm viếng dân Y-sơ-ra-ên, và thấy điều cực khổ của mình; chúng bèn cúi đầu và thờ lạy.

Khi bạn quen sống ở một nơi trong suốt 40 năm, làm sao bạn có thể từ bỏ nơi đó để đi đến một nơi xa lạ, nhất là nơi ấy lại đầy nguy hiểm? Chương Kinh Thánh đã mô tả năm điều Đức Chúa Trời ban cho Môi-se để khích lệ ông khi ông biết tìm kiếm và vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời.

Lời chúc phước của nhạc phụ (4:18). Môi-se không thể ra đi mà không xin phép cha vợ và được ông chúc phước. Tuy nhiên, không thấy có sách nào ghi lại việc Môi-se đã kể cho Giê-trô về cuộc gặp gỡ của ông với Đức Giê-hô-va và sự kêu gọi của Ngài để giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi vòng nô lệ. Ông chỉ cho Giê-trô biết ông muốn đi Ai Cập để xem gia đình ông có còn sống sót hay không.

Lời hứa của Đức Chúa Trời (4:19-23). Khi Môi-se ra đi bằng đức tin, Đức Chúa Trời đã phán cùng ông và khích lệ ông. Đức Chúa Trời bảo Môi-se đừng ngại trở lại xứ Ai Cập vì những kẻ thù của ông đã chết. Sau đó Ngài đảm bảo cho Môi-se rằng Ngài sẽ giúp ông làm được những dấu lạ nhưng Pha-ra-ôn sẽ cứng lòng và bởi đó ông ta càng chuốc lấy sự trừng phạt từ Chúa. Trước khi đến xứ Ai Cập, Môi-se biết mình sẽ đi vào chiến trận. Sẽ không dễ dàng để thuyết phục Pha-ra-ôn cho phép dân Do Thái tự do ra đi.

Đức Chúa Trời cũng bảo đảm với Môi-se về tình yêu đặc biệt của Ngài dành cho dân Y-sơ-ra-ên, là con đầu lòng của Ngài (*Giê-rê-mi 31:9; Ô-sê 11:1*). Trong thế giới cổ đại, con đầu lòng trong mỗi gia đình có những đặc quyền, và Đức Chúa Trời bảo đảm rằng Y-sơ-ra-ên, con đầu lòng của Ngài sẽ được giải cứu và được ban thưởng, trong khi con đầu lòng của Ai Cập sẽ bị giết. Đức Chúa Trời nhắc nhở Môi-se rằng ông là tội tử của một Đức Chúa Trời vĩ đại, là Đấng biết rõ những gì Ngài sẽ làm. Bí quyết cho sự chiến thắng là đức tin nơi Chúa.

Sự vâng lời của Sê-phô-ra (Xuất Ê-díp-tô Ký 4:24-26). Môi-se đã không màng làm phép cắt bì cho Ê-li-e-sê, người con trai thứ hai của ông nên bị Đức Chúa Trời phạt bằng một căn bệnh thập tử nhất sinh. Chúng ta có cảm tưởng rằng khi Môi-se làm phép cắt bì cho Ghết-sôn, con đầu lòng của ông, thì bà Sê-phô-ra vô cùng kinh hãi nên không dám để Ê-li-ê-se cũng chịu phép cắt bì như anh mình. Môi-se chịu theo ý riêng của bà nên Đức Chúa Trời không đẹp lòng. Xét cho cùng, Môi-se không thể lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên nếu ông bất tuân một trong những mạng lệnh chủ yếu của Chúa (*Sáng Thế Ký 17:10-14*). Dân Do Thái có thể không biết sự bất tuân của Môi-se nhưng Đức Chúa Trời biết.

Tội tử của Chúa phải cẩn thận để “khéo quản lý gia

26 / Xuất Ê-díp-tô Ký

đình riêng của mình” (I Ti-mô-thê 3:4) nếu muốn hưởng những phước hạnh của Chúa, vì “nếu có ai không biết quản lý gia đình của mình thì làm sao có thể chăm sóc Hội Thánh của Đức Chúa Trời ?” (c.5).

A-rôn (Xuất Ê-díp-tô Ký 4:27-28). Tại Hô-rếp (tên khác của núi Si-nai 19:10-11; Phục Truyền Luật Lệ Ký 4:10) Môi-se đã gặp A-rôn anh của ông, người sẽ là bạn đồng hành và là người cộng tác của ông trong 40 năm kế tiếp. Khi nói đến sự phục vụ Chúa thì “hai người hơn một” (Truyền Đạo 4:9). Chúa Giê-xu đã sai các môn đồ của Ngài đi ra từng cặp (Mác 6:7), Đức Chúa Trời kêu gọi Pha-ô-lô với Ba-na-ba cùng đem Tin Lành đến cho dân ngoại (Công Vụ Các Sứ Đồ 13:2). Dù đã phạm nhiều sai lầm, nhưng A-rôn vẫn trung tín thi hành chức vụ cùng với Môi-se và đã sáng lập chức tế lễ trong Y-sơ-ra-ên.

Đức tin của một dân tộc (Xuất Ê-díp-tô Ký 4:29-31). Môi-se lo sợ rằng các trưởng lão Do Thái sẽ không tin sứ điệp của ông hoặc sẽ không chấp sự lãnh đạo của ông. Nhưng nỗi lo này vô cơ. Mọi người đều tin tưởng vào Môi-se, tất cả dân chúng, ai nấy đều một lòng theo ông, nhất là khi chứng kiến những dấu hiệu quyền năng mà Đức Chúa Trời ban cho. Biết được Đức Chúa Trời lo liệu và sắp giải cứu họ, toàn dân đều cúi đầu thờ lạy với lòng biết ơn Ngài. Thờ phượng là sự đáp ứng tự nhiên của con dân Đức Chúa Trời đối với ân sủng và sự nhân từ của Ngài.

Đây là thời gian tạm lắng trước khi sóng gió sắp xảy ra. Đức Chúa Trời sẽ tuyên chiến cùng Ai Cập và Pha-ra-ôn, cuộc sống của người dân Do Thái sẽ gặp nhiều khó khăn rồi mới được hưởng thời thơ thái.

Chú thích

¹ Trong Cựu Ước có mười bốn sách bắt đầu bằng từ “và” (trong nguyên văn): *Xuất Ai Cập ký, Lê-vi Ký, Giô-suê, Các Quan Xét, Ru-tơ, I và II Sa-mu-ên, I và II Các Vua, II Sử ký, Ê-xơ-ra, Ê-xơ-tê, Ê-xê-chi-ên, và Giô-na*. Hầu hết các bản dịch Anh ngữ đều bỏ qua từ “và” hoặc dịch là “bây giờ” (now).

² Trong tác phẩm của tôi nhan đề *Hãy Là Một Người Đáng Tin Cậy* - “Be Authentic”(Chariot Victor) có trình bày về đời sống của Giô-sép và những ngày cuối cùng của Gia-cốp. Từ được dịch là “tên” trong tiếng Hê-bơ-rơ là “shem”, và Shem (hay Sem) là con trai của Nô-ê, tổ phụ của dân tộc Hê-bơ-rơ (*Sáng Thế Ký* 11:10).

³ Nhóm từ “Con cái Y-sơ-ra-ên” xuất hiện ở *Xuất Ê-díp-tô Ký* 1:9.

⁴ Từ “Hyksos” nghĩa là “những nhà cai trị ngoại bang”. Hyksos là những người bên ngoài xâm nhập vào xứ Ai Cập làm tội, nô lệ, rồi dần dần nắm chính quyền cai trị suốt triều đại thứ 15 và 16 (1700-1542 TC). Vốn gốc dân Xê-mít, chắc chắn họ đồng cảm với dân Do Thái sinh sống tại xứ Ai Cập.

⁵ Phụ nữ Do Thái sinh con quá nhiều, do vậy có lẽ Siê-ra và Phu-a là “những bà đỡ chính”, và còn có nhiều người phụ việc khác nữa. Dân Ai Cập có óc tổ chức rất khéo léo và khoa học có lẽ họ đã có một “Khoa Sản Phụ Dành Cho Khách Ngoại Kiều”.

⁶ Các ví dụ này dạy dỗ rằng khi Cơ Đốc nhân vì cơ lương tâm của mình mà bất tuân luật pháp thì phải dựa trên những luật lệ của Đức Chúa Trời đã được quy định rõ trong Kinh Thánh mà hành động, chứ đừng dựa trên thành kiến cá nhân. Cũng hãy lưu ý rằng các bà đỡ, Đa-ni-ên cùng các bạn của ông, và các sứ đồ đã cư xử rất nhã nhặn

28 / Xuất Ê-díp-tô Ký

và từ tổn trong cách họ đối phó với nhà cầm quyền, họ đã dùng những kinh nghiệm của mình để làm chứng về lẽ thật của Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu là tấm gương cao quý nhất cho chúng ta (*I Phi-e-rơ* 2:13-25).

⁷ Luật Pháp Đức Chúa Trời nêu rõ rằng giết người và nói dối là sai trật, nhưng đôi khi trong thế giới gian ác này, chúng ta phải chọn lựa giữa tội nhẹ hơn hay nặng hơn, và luôn luôn cầu xin Đức Chúa Trời ban sự khôn ngoan trong việc lựa chọn này (*Giăng* 1:5). Người theo Luật Pháp thì nhất nhất theo bản văn của Luật Pháp, người theo chủ nghĩa thực dụng thì cốt sao cho êm thấm và thuận với thời thế, còn người có ý thức thuộc linh thì kiếm ý chỉ của Đấng Christ. Khi mà thế gian này còn bóng dáng tội lỗi (*Rô-ma* 8:22) thì chúng ta vẫn còn nhiều khó khăn mới quyết định đúng đắn được.

⁸ Nhiều học giả Kinh Thánh cho rằng sách *Xuất Ê-díp-tô Ký* được viết vào khoảng năm 1445 TC. Nếu Môi-se được 80 tuổi vào lúc bắt đầu cuộc hành trình rời khỏi xứ Ai Cập (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 7:7) thì ông được sinh ra vào khoảng năm 1525 TC.

⁹ Cả *Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:20 và *Hê-bơ-rơ* 11:23 đều chép “xinh tốt trước mặt Đức Chúa Trời”. Cha mẹ của Môi-se đã hành động bởi đức tin, và đức tin đến bởi Lời Chúa (*Rô-ma* 10:17), Am-ram và Giô-kê-bết hẳn đã được Chúa cho biết rằng Môi-se sẽ là một người đặc biệt đối với Ngài.

¹⁰ Đừng thấy chữ “lạc thú” mà cho rằng Môi-se vui hưởng những lạc thú nhục dục trong cung điện. Đây chỉ là niềm vui của một người thành công có địa vị cao. Là một hoàng tử “mạnh mẽ trong lời nói và việc làm”, Môi-se có quyền hạn lớn, được tôn trọng, chẳng thiếu một thứ gì trên đời.

¹¹ Tên Ghệt-sôn nghĩa là “khách ngoại bang”. Ê-tiên đã

nói trong *Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:13, 35-36 rằng, giống như Chúa Giê-xu, cả Giô-sép và Môi-se đều bị anh em mình chối bỏ khi các ông dẫn thân phục vụ lần đầu tiên và chỉ được tiếp nhận ở lần thứ hai. Và cũng giống như Chúa Giê-xu, mỗi người nhận một nàng dâu vào lúc bị dân mình ghét bỏ.

¹² Con trai của Rê-u-ên là Hô-báp. Tuy nhiên, *Các Quan Xét* 4:11 cho biết Hô-báp là “cha vợ của Môi-se”. Tiếng Hê-bơ-rơ không phân biệt “anh em rể” với “ông gia”.

¹³ Những lời hứa của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham đã được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, vì vậy Môi-se gộp chung Lời của Đức Chúa Trời trong *Xuất Ê-díp-tô Ký* 3:18 với những lời hứa trong *Sáng Thế Ký* 15:13-21. Đó là toàn bộ chương trình cứu chuộc của Đức Chúa Trời.

¹⁴ Những bản dịch Kinh Thánh cũ gọi danh của Đức Chúa Trời trong tiếng Hê-bơ-rơ là “Giê-hô-va”, nhưng những học giả ngày nay thích dùng danh “Yahweh” hơn.

¹⁵ Tại Ai Cập, Môi-se là người ăn nói hùng hồn *Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:22, nhưng những năm dài sống bằng nghề chăn chiên đã khiến ông ít nói.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1

Xuất Ê-díp-tô Ký 1-4

1. Tự do được định nghĩa là gì? Sự tự do có thể bị lạm dụng vào mục đích sai trái nào? Chúng ta có thể dùng sự tự do như thế nào cho thích hợp?

2. Đức Chúa Trời đã giao cho Y-sơ-ra-ên thực hiện những nhiệm vụ đặc biệt nào trên đất?

3. Pha-ra-ôn đã theo những bước nào để điều khiển dân Do Thái?

4. Pha-ra-ôn bắt phải giết chết những bé trai Do Thái, các bà đỡ của Y-sơ-ra-ên đã không tuân theo mạng lệnh của vua. Trường hợp nào thì bất tuân luật pháp của nhà cầm quyền là hành động đúng? Tại sao?

5. Chúa đã sử dụng những gì để trang bị cho Môi-se? Điều gì trong đời sống bạn mà Đức Chúa Trời có thể sử dụng để trang bị cho sự phục vụ của bạn?

6. Môi-se đã được biến đổi thế nào từ một nhà lãnh đạo có lòng thương xót nhưng nóng tính trở nên một người được xem là “người nhu mì nhất trên đất”? Sự khác biệt chính yếu ở đây là gì?

7. Môi-se đã đưa ra năm lý do gì để không nhận lấy sự kêu gọi của Đức Chúa Trời? Nếu nghe lời kêu gọi của Đức Chúa Trời để bước vào chức vụ, bạn sẽ có thể đưa ra những lý do nào để lẫn tránh sự kêu gọi này?

8. Sự khiêm nhường thật là gì?

9. Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se năm điều gì để khích lệ khi ông ra đi bằng đức tin?

10. Có A-rôn đi theo là một sự khích lệ đối với Môi-se. Khi bạn phục vụ Chúa thì ai là sự khích lệ đối với bạn? Thế nào bạn có thể là sự khích lệ đối với người cùng phục vụ Chúa?

CHIẾN TRANH

Xuất Ê-díp-tô Ký 5:1-8:19

Nếu A-rôn và Môi-se có vinh dự được nghe Jonathan Edwards giảng bài nổi tiếng của ông "*Tội Nhân trong Tay của Một Đức Chúa Trời giận dữ*" (*Sinners in the Hands of an Angry God*) có lẽ họ sẽ hô to "A-men !" khi Edwards nói :

"Mọi vua trên đất, trước mặt Đức Chúa Trời, chỉ như cào cào; họ chỉ là những con số không: cả tình yêu lẫn sự thù ghét của họ chỉ đáng khinh. Cơn thạnh nô của Vua muôn vua vĩ đại kinh khiếp hơn cơn giận của họ bội phần vì sự uy nghi của Ngài không xiết tả ¹".

Khi nghe được những lời này, Môi-se và A-rôn hẳn sẽ nhớ lại cái ngày mà họ đứng trước vị vua của một trong những vương quốc lớn nhất của thế giới cổ đại ². Họ được Đức Chúa Trời sai đi để thông báo cho Pha-ra-ôn rằng, nếu ông ta không giải phóng dân Do Thái thì Đức Giê-hô-va sẽ hành hại ông ta cùng các thần của ông ta. Đất nước Ai Cập sẽ triền miên bị tàn hại cho đến chừng dân Y-sơ-ra-ên được tự do ra đi. Hai sứ giả của Đức Chúa Trời trao một sứ điệp từ Chúa: "Hãy để cho dân ta đi!" ³. Chúng ta có thể đoán được sự đáp ứng của Pha-ra-ôn đối với Môi-se và A-rôn: ông ta khước từ mệnh lệnh của Đức Chúa Trời,

32 / Xuất Ê-díp-tô Ký

khinh thường những phép lạ Môi-se và A-rôn đã làm, và cứng lòng cố tình chống lại Chúa.

1. Pha-ra-ôn Chối Bỏ Lời Đức Chúa Trời

Xuất Ê-díp-tô Ký 5:1-6:27

¹ Kế sau, Môi-se và A-rôn đến tâu cùng Pha-ra-ôn rằng: Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên có phán như vậy: Hãy cho dân ta đi, đặng nó giữ một lễ cho ta tại đồng vắng. ² Nhưng Pha-ra-ôn đáp rằng: Giê-hô-va là ai mà trẫm phải vâng lời người, để cho dân Y-sơ-ra-ên đi? Trẫm chẳng biết Giê-hô-va nào hết; cũng chẳng cho dân Y-sơ-ra-ên đi nữa. ³ Môi-se và A-rôn tâu rằng: Đức Chúa Trời của dân Hê-bơ-rơ đã đến cùng chúng tôi; xin hãy cho phép chúng tôi đi vào nơi đồng vắng, cách chừng ba ngày đường, đặng dâng tế lễ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi, kẻo Ngài khiến bịnh dịch hay việc gươm dao hành chúng tôi chẳng. ⁴ Vua xứ Ê-díp-tô phán rằng: Hỡi Môi-se và A-rôn, sao các ngươi xui cho dân chúng bỏ công việc như vậy? Hãy đi làm công việc mình đi! ⁵ Pha-ra-ôn lại phán rằng: Kia, dân trong xứ bây giờ đông đúc quá, hai người làm cho chúng nó phải nghỉ việc ư!

⁶ Trong ngày đó, Pha-ra-ôn truyền lệnh cho các đốc dịch và phái viên rằng: ⁷ Các ngươi đừng phát rơm cho dân làm gạch như lúc trước nữa; chúng nó phải tự đi kiếm góp lấy. ⁸ Nhưng các người hãy hạn số gạch y như cũ, chớ trừ bớt chi cả; vì họ biếng nhác, lấy cỏ mà đồng kêu lên rằng: Hê! Đi dâng tế lễ cho Đức Chúa Trời chúng ta! ⁹ Hãy gán công việc nặng cho chúng nó, hầu cho chúng nó mắc công việc, chẳng xiêu về lời giả dối nữa.

¹⁰ Các đốc dịch và phái viên bèn ra, nói cùng dân chúng rằng: Pha-ra-ôn có phán như vậy: Ta chẳng cho các ngươi rơm nữa. ¹¹ Hãy tự đi kiếm lấy rơm ở đâu thì đi; song chẳng trừ bớt công việc các ngươi chút nào. ¹² Bấy giờ, dân chúng bèn đi rải khắp xứ Ê-díp-tô, đặng góp gốc rạ thế cho rơm. ¹³ Các đốc dịch lại hối rằng: Hãy làm cho xong phần việc các ngươi, y số định, ngày nào cho rồi ngày nấy, cũng như khi có phát rơm. ¹⁴ Những phái viên trong vòng dân Y-sơ-ra-ên mà các đốc dịch của Pha-ra-ôn đã lập lên trên dân đó, bị đánh và quở rằng: Sao hôm qua và ngày nay, các ngươi chẳng làm xong phần định về việc mình làm gạch y như trước?

¹⁵ Các phái viên của dân Y-sơ-ra-ên bèn đến kêu cùng Pha-ra-ôn rằng: Sao bệ hạ đả đê kẻ tôi tớ như vậy? ¹⁶ Người ta chẳng phát rơm cho, lại cứ biểu chúng tôi rằng: Hãy làm gạch đi! Nầy tôi tớ của bệ

hạ đây bị đôn; lỗi tại dân của bệ hạ. ¹⁷ Nhưng vua đáp rằng: Các người là đồ biếng nhác, đồ biếng nhác! Bởi cố đó nên nói với nhau rằng: Hê! Đi tế Đức Giê-hô-va! ¹⁸ Vậy bây giờ, cứ đi làm việc đi, người ta chẳng phát rơm cho đâu, nhưng các người phải nộp gạch cho đủ số.

¹⁹ Vậy, các phái viên của dân Y-sơ-ra-ên lấy làm bối rối, vì người ta có nói cùng mình rằng: Các người chẳng được trừ số gạch đã định cho mình ngày nào rồi ngày nấy. ²⁰ Khi lui ra khỏi Pha-ra-ôn thì họ gặp Môi-se và A-rôn đợi tại đó, ²¹ bèn nói rằng: Hai người đã làm cho chúng tôi ra mùi hôi hám trước mặt Pha-ra-ôn và quần thần, mà trao thanh gươm vào tay họ đặng giết chúng tôi. Cầu xin Đức Giê-hô-va xem xét và xử đoán hai người! ²² Môi-se bèn trở về cùng Đức Giê-hô-va mà thưa rằng: Lạy Chúa! Sao Chúa đã làm hại cho dân nầy? Chúa sai tôi đến mà chi? ²³ Từ khi tôi đi yết kiến Pha-ra-ôn đặng nhận danh Chúa mà nói, thì người lại ngược đãi dân nầy, và Chúa chẳng giải cứu dân của Chúa.

6

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Bây giờ người hãy xem những điều ta sẽ hành Pha-ra-ôn; vì nhờ tay quyền năng ép buộc vua đó sẽ tha và đuổi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ mình.

² Đức Chúa Trời lại phán cùng Môi-se rằng: Ta là Đức Giê-hô-va. ³ Ta đã hiện ra cùng Áp-ra-ham, cùng Y-sác, và cùng Gia-cốp, tỏ mình là Đức Chúa Trời toàn-năng; song về danh ta là Giê-hô-va, thì ta chưa hề tỏ cho họ biết. ⁴ Ta cũng có lập giao ước cùng họ, để ban xứ Ca-na-an cho, là xứ họ đã kiều ngụ như khách ngoại bang. ⁵ Ta cũng có nghe lời than thở của dân Y-sơ-ra-ên bị người Ê-díp-tô bắt làm tôi mọi, bèn nhớ lại sự giao ước của ta. ⁶ Vậy nên, người hãy nói cùng dân Y-sơ-ra-ên rằng: Ta là Đức Giê-hô-va sẽ rút các người khỏi gánh nặng mà người Ê-díp-tô đã gán cho, cùng giải thoát khỏi vòng tôi mọi; ta sẽ đưa thẳng tay ra, dùng sự đoán phạt nặng mà chuộc các người. ⁷ Ta sẽ nhận các người làm dân ta, và ta sẽ làm Đức Chúa Trời của các người; các người sẽ biết ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các người, đã rút các người khỏi gánh nặng của người Ê-díp-tô. ⁸ Ta sẽ dắt các người vào xứ ta đã thề ban cho Áp-ra-ham, cho Y-sác, cho Gia-cốp, mà cho các người xứ đó làm cơ nghiệp: Ta là Đức Giê-hô-va. ⁹ Môi-se nói lại như vậy cho dân Y-sơ-ra-ên; nhưng vì bị sầu não và việc tôi mọi nặng nề, nên chẳng nghe Môi-se chút nào. ¹⁰ Đức Giê-hô-va bèn phán cùng Môi-se rằng: ¹¹ Hãy đi tâu cùng Pha-ra-ôn, vua xứ Ê-díp-tô, phải cho dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ mình. ¹² Nhưng Môi-se thưa cùng Đức Giê-hô-va rằng: Nầy, tôi là một kẻ vụng miệng; dân Y-sơ-ra-ên chẳng có nghe lời tôi, Pha-

34 / Xuất Ê-díp-tô Ký

ra-ôn há sẽ khứng nghe lời tôi sao?

¹³ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se và A-rôn, bèn truyền cho hai người phải đi đến dân Y-sơ-ra-ên và Pha-ra-ôn, vua xứ Ê-díp-tô, đặng đem dân đó ra khỏi xứ Ê-díp-tô.

¹⁴ Đây là các trưởng tộc của những họ hàng dân Y-sơ-ra-ên. Các con trai của Ru-bên, tức là trưởng nam Y-sơ-ra-ên, là: Hê-nóc, Pha-lu, Hết-rôn và Cạt-mi. Đó là những họ hàng của Ru-bên.

¹⁵ Các con trai của Si-mê-ôn là: Giê-mu-ên, Gia-min, Ô-hát, Gia-kin, Xô-ha, và Sau-lơ là con của vợ xứ Ca-na-an. Đó là họ hàng của Si-mê-ôn.

¹⁶ Đây là tên các con trai của Lê-vi, tùy theo dòng dõi của họ: Ghết-sôn, Kê-hát, và Mê-ra-ri. Lê-vi hưởng thọ được một trăm ba mươi bảy tuổi. ¹⁷ Các con trai của Ghết-sôn, tùy theo họ hàng mình: Líp-ni, và Si-mê-y. ¹⁸ Các con trai của Kê-hát là: Am-ram, Dít-sê-ha, Hếp-rôn, và U-xi-ên. Kê-hát hưởng thọ được một trăm ba mươi ba tuổi. ¹⁹ Các con trai của Mê-ra-ri là: Mách-li, và Mu-si. Đó là các họ hàng của Lê-vi, tùy theo dòng dõi của họ.

²⁰ Vả, Am-ram lấy Giô-kê-bết, là cô mình, làm vợ; nàng sanh cho người A-rôn và Môi-se. Am-ram hưởng-thọ được một trăm ba mươi bảy tuổi. ²¹ Các con trai của Dít-sê-ha là: Cô-rê, Nê-phết và Xiéc-ri.

²² Các con trai của U-xi-ên là: Mi-sa-ên, Ên-sa-phan, và Sít-ri. ²³ A-rôn cưới Ê-li-sê-ba, con gái của A-mi-na-đáp, em của Na-ha-sôn; nàng sanh cho người Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa, và Y-tha-ma. ²⁴ Các con trai của Cô-rê là: Át-si, Ên-ca-na, và A-bi-a-sáp. Đó là các họ hàng của dân Cô-rê.

²⁵ Ê-lê-a-sa, con trai của A-rôn, cưới con gái của Phu-ti-ên làm vợ; nàng sanh Phi-nê-a cho người. Đó là các trưởng tộc của nhà tổ phụ người Lê-vi, tùy theo họ hàng mình vậy.

²⁶ Ấy, A-rôn và Môi-se nầy, tức là người mà Đức Giê-hô-va đã phán dạy rằng: Hãy tùy theo cơ đội, đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ê-díp-tô. ²⁷ Ấy là hai người tâu cùng Pha-ra-ôn, vua xứ Ê-díp-tô, đặng đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ đó; ấy là Môi-se và A-rôn nầy.

Yêu cầu của Môi-se và A-rôn rất đơn giản: đưa dân Do Thái đến nơi thờ phượng Đức Chúa Trời, cách chỗ đang ở khoảng ba ngày đường ⁴. Vậy cả đi lẫn về là sáu ngày, cộng với một ngày thờ phượng nữa. Như thế Pha-ra-ôn mất đi một tuần công của đám nô lệ Do Thái. Nhưng Môi-se không cho biết sẽ ở lại bao lâu, chừng nào thì về. Do

đó Pha-ra-ôn nghi ngờ, và ông ta cho rằng đây là cố để dân Do Thái chạy trốn chứ chẳng phải thờ phượng gì cả. Ba câu hỏi được đặt ra.

Pha-ra-ôn: "Tại sao ta phải vâng lời Chúa?" (5:1-3). Đây là một câu hỏi hợp lý vì dân Ai Cập xem Pha-ra-ôn là một vị thần, vậy tại sao thần của họ phải vâng theo một vị thần xa lạ mà cả Pha-ra-ôn và dân Ai Cập đều không biết? Hơn nữa, vị thần mới này có quyền gì để gọi dân Y-sơ-ra-ên là "dân Ta" khi dân Do Thái đang là nô lệ của Pha-ra-ôn? Nếu Pha-ra-ôn vâng theo sắc lệnh này, ông nhận biết có một vị thần vĩ đại hơn chính ông. Pha-ra-ôn đâu chịu lép vế trước một thần khác. Kiêu ngạo và đại dột, Pha-ra-ôn không nghe theo lời của Đức Chúa Trời hằng sống.

Môi-se báo trước việc dân Y-sơ-ra-ên sẽ bị nguy cơ tiêu diệt nếu không vâng lời Chúa. Tại sao ông phải nêu lên điều đó? Có lẽ Môi-se ngụ ý rằng sự bướng bỉnh của Pha-ra-ôn có thể khiến ông ta mất đi những nô lệ của mình, và ông ta nên cho dân Do Thái nghỉ việc một tuần, như thế, sẽ bảo vệ được nguồn lao động rẻ mạt của mình. Tuy nhiên, điều này còn có liên quan đến một yếu tố khác: Môi-se cho Pha-ra-ôn biết rằng Đức Chúa Trời của dân Hê-bơ-rơ là Đức Chúa Trời năng quyền, Ngài có thể giết chết dân Ai Cập cũng như dân Do Thái. Pha-ra-ôn phải hiểu rằng ông ta không được xem nhẹ những yêu cầu mà Môi-se và A-rôn đã đưa ra vì đây là một vấn đề sinh tử của Ai Cập.

Pha-ra-ôn: "Tại sao phải ngưng công việc?" (5:4-21). Sự nô dịch của dân Y-sơ-ra-ên đã đẩy mạnh sự tăng trưởng cho nền kinh tế Ai Cập. Pha-ra-ôn sẽ không từ bỏ một mối lợi to như thế. Như những nhà độc tài của nhiều thế kỷ trước, Pha-ra-ôn đã bóc lột một dân tộc bị cầm hãm và không quan tâm gì đến phúc lợi của họ. Pha-ra-ôn có hay đâu Đức Chúa Trời vẫn thực hiện kế hoạch trọn vẹn của Ngài để giải phóng dân Ngài và làm vinh hiển danh cao

36 / Xuất Ê-díp-tô Ký

quý của Ngài. Pha-ra-ôn dù cố gắng đến đâu cũng chẳng thể nào cản trở được công việc của Đức Chúa Trời.

Thay vì giảm bớt sự vất vả trong công việc cho dân Do Thái, Pha-ra-ôn lại khiến họ phải lao động càng cực nhọc hơn. Pha-ra-ôn ra lệnh không cho họ rơm cần thiết để làm ra gạch, nhưng vẫn phải đạt chỉ tiêu hằng ngày như đã định. Pha-ra-ôn tự bảo: “Nếu họ có thì giờ trống để có thể xin nghỉ một tuần thì tại sao không bắt họ dùng thì giờ ấy để tự đi tìm rơm. Có thêm việc làm, dân Do Thái sẽ không còn suy nghĩ viển vông nữa”. Sự điệp của Đức Chúa Trời qua Môi-se và A-rôn chỉ là “những lời vô ích” đối với nhà vua (c.9, “những lời giả dối”).

Khi không còn chịu đựng nổi những luật lệ mới, dân Hê-bơ-rơ phái những đốc công đến phản đối Pha-ra-ôn. Các nô lệ được quyền đến gặp vua là điều bất thường, nhưng Pha-ra-ôn nhân cơ này thi hành một độc kế. Ông bảo với họ rằng sở dĩ dân Y-sơ-ra-ên thêm vất vả vì các lời yêu cầu ngạo mạn của Môi-se và A-rôn. Vì vậy các đốc công Do Thái trở nghịch với những người lãnh đạo mà Đức Chúa Trời đã ban cho họ. Các đốc công phản đối Môi-se và A-rôn và nói xấu hai người giữa vòng dân Do Thái. Đây không phải là lần cuối cùng Môi-se bị dân của mình chống đối vì họ không hiểu được điều Chúa đang làm cho họ.

Thay vì đi đến với Pha-ra-ôn để phàn nàn, lẽ ra các đốc công đến cùng Môi-se và A-rôn để đề nghị họ mời các trưởng lão đến mà cầu nguyện. Họ phải nhớ lại những lời hứa Đức Chúa Trời đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên và phải cầu nguyện trong đức tin mà nhận lấy những lời hứa này. Nếu họ khôn ngoan làm như vậy thì dân chúng cùng người lãnh đạo đâu phải chịu bao cảnh lầm than. Than ôi, suốt 40 năm kế tiếp, dân Y-sơ-ra-ên vẫn luôn miệng phàn nàn Đức Chúa Trời và chỉ trích những người lãnh đạo của Ngài. Đó là đặc tính của dân Y-sơ-ra-ên và cũng là của

chúng ta ngày nay nữa.

Môi-se: "Tại sao Ngài sai tôi đi?" (5:22-6:27). Môi-se đã làm điều mà những nhà lãnh đạo thuộc linh cần phải làm khi gặp công tác khó khăn: ông đem gánh nặng của mình trình với Chúa. Rõ ràng Môi-se đã thất vọng và lo âu. Ông đổ lỗi cho Đức Chúa Trời về cách Pha-ra-ôn đã ngược đãi dân Do Thái, và ông lên án Ngài đã chẳng làm gì cả. Ông hỏi: "Có phải đây là lý do Ngài sai tôi?" (5:22). Nói cách khác, "Ngài có giữ những lời hứa của Ngài với tôi hay không?"

Những tội tổ được chọn của Đức Chúa Trời phải chuẩn bị cho sự chống đối và hiểu lầm. Hễ lãnh đạo thì thường bị chống đối và hiểu lầm. Lãnh đạo phải biết tìm cách ở riêng với Đức Chúa Trời, tuôn đổ lòng mình ra, và tìm kiếm năng lực cùng sự khôn ngoan của Ngài. Người lãnh đạo thuộc linh phải can đảm trước mặt con người, nhưng tan vỡ trước Đức Chúa Trời (xem *Giê-rê-mi* 1:19) và phải cầu xin để được nhận lãnh những lời hứa của Đức Chúa Trời và làm theo ý muốn của Ngài cả khi mọi việc dường như chống nghịch lại mình.

Chúa đã khích lệ tội tổ của Ngài trong cơn khốn khó như thế nào?

Trước hết, *Đức Chúa Trời phán với ông và ban cho ông những lời hứa thật tuyệt vời (Xuất Ê-díp-tô Ký 6:1-8).* Ngày nay chúng ta có Lời Đức Chúa Trời đã được viết ra, nhưng Môi-se đã nghe trực tiếp tiếng Đức Chúa Trời phán cùng ông (33:11; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 34:10). Bốn lần trong lời phán này, Đức Chúa Trời nhắc nhở Môi-se "Ta là Đức Giê-hô-va" (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 6:2, 6, 7, 8)⁵ và sử dụng danh xưng "Giê-hô-va" trong giao ước của Ngài; bảy lần Đức Chúa Trời phán "Ta sẽ". Khi chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời đang nắm quyền tể trị, và chúng ta cầu hỏi những lời hứa của Ngài, thì chúng ta có thể kinh nghiệm

được sự bình an và can đảm trong những cuộc chiến của đời sống. Đức Chúa Trời đã hứa đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, giải phóng họ khỏi ách nô lệ, và đem họ vào Vùng Đất Hứa. Điều quan trọng nhất trong bảy lời hứa "Ta sẽ" đó là: "Và ta sẽ nhận các ngươi làm dân ta" (c.7), đây là nền tảng cho tất cả những gì Đức Chúa Trời đã làm cho dân Do Thái.

Thứ hai, Đức Chúa Trời cũng nhắc Môi-se về *danh giao ước của Ngài là "Giê-hô-va"* (6:3). Một phương cách để biết về Đức Chúa Trời nhiều hơn là chú ý đến những danh xưng của Ngài. Các tộc trưởng biết Đức Chúa Trời là "Đức Chúa Trời Toàn Năng" ⁶ mà theo tiếng Hê-bơ-rơ là "El Shaddai- Đức Chúa Trời toàn năng, toàn quyền", và họ cũng biết rằng danh Đức Chúa Trời là "Giê-hô-va" (Yahweh); nhưng họ không hiểu được một cách trọn vẹn ý nghĩa của danh xưng này. Đức Chúa Trời đã giải thích danh "Giê-hô-va" cho Môi-se khi Ngài kêu gọi ông ở Ma-đi-an (3:13-14), nhưng giờ đây Ngài kết hợp danh Ngài với giao ước mà Ngài sẽ lập với dân của Ngài (6:4). Giê-hô-va là danh đặc biệt của Đức Chúa Trời, liên kết Ngài với Y-sơ-ra-ên và những giao ước của Ngài,. Danh này rất thiêng liêng đối với dân Do Thái, ngày nay cũng vậy, đến nỗi họ không dám nói lên danh ấy khi đọc Kinh Thánh trong nhà hội. Thay vào đó, họ thay bằng danh "Adonai" (Chúa hay Thầy), hoặc chỉ nói là "Danh".

Thứ ba, Chúa bảo đảm với Môi-se rằng *Ngài biết được những gánh nặng của dân Ngài và sẽ hành động thay họ* (6:5; xem 2:24). Đức Chúa Trời không phải không biết về những nhu cầu của họ hay không quan tâm đến sự hoạn nạn của họ, Ngài cũng không tạo thêm vấn đề khó khăn cho họ bằng cách trì hoãn việc giải cứu họ. Mọi sự đang tiến hành theo kế hoạch của Ngài và không điều gì Đức Chúa Trời đã hoạch định mà thất bại. Bất cứ khi nào

chúng ta cảm thấy Chúa đã từ bỏ chúng ta và không quan tâm đến chúng ta, hãy nhớ những lời hứa bảo đảm của Ngài, “Hãy trao mọi điều lo lắng mình cho Ngài, vì Ngài hay chăm sóc anh em” (1 Phi-e-rơ 5:7).

Thứ tư, Chúa ra lệnh cho Môi-se đến nói với Pha-ra-ôn một lần nữa (Xuất Ê-díp-tô Ký 6:9-13). Môi-se nản lòng cùng cực khi các trưởng lão Do Thái không muốn nghe ông. Họ đã quên đi những dấu lạ và những lời hứa mà Môi-se và A-rôn đã bày tỏ cho họ (4:29-31), và trong nỗi thống khổ của mình họ tin rằng hoàn cảnh này hoàn toàn vô vọng. Môi-se và các trưởng lão đã bỏ cuộc nhưng Đức Chúa Trời không bỏ cuộc. Môi-se vẫn là tôi tớ của Đức Chúa Trời, và Ngài giao cho ông nhiệm vụ trở lại cung điện và đối diện với Pha-ra-ôn một lần nữa. Trong những lúc nản lòng, điều tốt nhất cần làm là bỏ qua những cảm xúc của mình và chỉ làm điều gì Đức Chúa Trời bảo chúng ta làm, mọi việc còn lại hãy để cho Ngài lo liệu.

Không phải ngẫu nhiên mà có bản phả hệ ở đây (6:14-27), vì đây là cách thức của Chúa nhắc nhở chúng ta, là những độc giả, rằng Đức Chúa Trời đã chuẩn bị chức vụ cho Môi-se và A-rôn tại xứ Ai Cập. Việc họ thuộc dòng dõi của Gia-cốp cũng nằm trong sự định liệu của Đức Chúa Trời. Ru-bên là con đầu lòng của Gia-cốp, đến Si-mê-ôn, rồi Lê-vi, tổ phụ của Môi-se và A-rôn. “Trước khi tạo nên người trong lòng mẹ, ta đã biết người, trước khi người được sinh ra ta đã thánh hóa người, và ta lập người làm tiên tri cho các nước” (Giê-rê-mi 1:5). Sự kêu gọi của Đức Chúa Trời tức là sự ban cho năng lực của Đức Chúa Trời, và điều gì Đức Chúa Trời đã bắt đầu thì Ngài luôn hoàn tất (Ê-phê-sô 2:10; Phi-líp 1:6).

2. Pha-ra-ôn Xem Thường Những Phép lạ Của Đức Chúa Trời

Xuất Ê-díp-tô Ký 6:28-8:7

²⁸ Vậy, trong ngày Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se tại xứ Ê-díp-tô, ²⁹ thì Ngài có truyền rằng: Ta là Đức Giê-hô-va, hãy tâu lại cùng Pha-ra-ôn, vua xứ Ê-díp-tô, hết thảy mọi lời ta sẽ phán cùng người. ³⁰ Mô-i-se bèn thưa rằng: Này, tôi là người vụng miệng: Pha-ra-ôn há sẽ nghe tôi sao?

7

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se rằng: Hãy xem, ta lập người như là Đức Chúa Trời cho Pha-ra-ôn, còn A-rôn, anh người, sẽ làm kẻ tiên tri của người. ² Hãy nói lại mọi lời ta sẽ truyền dạy người, rồi A-rôn, anh người, sẽ tâu cùng Pha-ra-ôn, đặng người thả dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ mình. ³ Ta sẽ làm cho Pha-ra-ôn cứng lòng, và thêm nhiều dấu lạ phép kỳ của ta trong xứ Ê-díp-tô. ⁴ Nhưng Pha-ra-ôn sẽ chẳng nghe các người đâu; ta sẽ tra tay vào đất Ê-díp-tô, dùng những sự đoán phạt nặng nề, đặng rút khỏi xứ đó các quân đội ta, là dân Y-sơ-ra-ên. ⁵ Khi nào ta tra tay vào xứ Ê-díp-tô mà rút dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi giữa vòng người Ê-díp-tô, thì họ sẽ biết ta là Đức Giê-hô-va. ⁶ Mô-i-se và A-rôn bèn làm y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn. ⁷ Và, khi hai người tâu cùng Pha-ra-ôn, thì Mô-i-se tuổi đã được tám mươi, còn A-rôn tám mươi ba.

⁸ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se và A-rôn rằng: ⁹ Khi nào Pha-ra-ôn truyền cho các người: Hãy làm phép lạ đi, thì người sẽ nói cùng A-rôn rằng: Hãy lấy cây gậy của anh, liệng trước mặt Pha-ra-ôn, gậy sẽ hóa thành một con rắn. ¹⁰ Vậy, Mô-i-se và A-rôn đến cùng Pha-ra-ôn và làm như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn. A-rôn liệng cây gậy mình trước mặt Pha-ra-ôn và quần thần, gậy liền hóa thành một con rắn. ¹¹ Còn Pha-ra-ôn bèn đòi các bác sĩ và thầy phù chú, là những thuật sĩ Ê-díp-tô; phần họ, cũng cây phép phù chú mình mà làm giống y như vậy. ¹² Mỗi người liệng gậy mình, liền hóa thành rắn; nhưng gậy của A-rôn nuốt các gậy của họ. ¹³ Thế mà lòng Pha-ra-ôn vẫn cứng cõi, chẳng nghe Mô-i-se và A-rôn, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán.

¹⁴ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se rằng: Pha-ra-ôn đã rắn lòng, từ chối không để cho dân chúng đi. ¹⁵ Sớm mai Pha-ra-ôn sẽ ngự ra bờ sông, người hãy ra mắt người và cầm theo tay cây gậy đã biến ra con rắn đó. ¹⁶ Người hãy tâu rằng: Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của dân Hê-bơ-rơ, sai tôi đến gần bệ hạ, đặng tâu rằng: Hãy tha cho dân ta đi, để chúng nó hầu việc ta trong đồng vắng; mà đến bây giờ người

không nghe ta chút nào. ¹⁷ Đức Giê-hô-va có phán như vậy: Vì việc này, người sẽ biết ta là Đức Giê-hô-va: Này ta lấy gậy trong tay ta mà đập nước ở dưới sông, nước sẽ trở nên huyết. ¹⁸ Cá dưới sông sẽ chết, và sông sẽ hôi thối đi; người Ê-díp-tô uống nước sông lấy làm ghê gớm.

¹⁹ Đoạn, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Hãy truyền cho A-rôn rằng: Cầm lấy cây gậy anh, đưa tay ra trên nước xứ Ê-díp-tô, trên rạch, sông, bầu, và khắp mọi nơi có nước trong xứ, hầu cho nước hóa thành huyết; cả xứ Ê-díp-tô, và trong những bình chứa nước bằng gỗ, bằng đá đều sẽ có huyết hết thảy. ²⁰ Vậy, Môi-se và A-rôn bèn làm y như lời Đức Giê-hô-va đã dặn mình. Trước mặt Pha-ra-ôn và quần thần, A-rôn đưa gậy lên, đập nước sông, hết thảy nước sông bèn hóa thành huyết. ²¹ Cá dưới sông chết, nước sông hôi thối, người Ê-díp-tô không thể uống được; vậy, huyết lan khắp cả xứ Ê-díp-tô. ²² Song các thuật sĩ cây phù chú mình cũng làm được như vậy, lòng Pha-ra-ôn cứng cỏi, không nghe Môi-se và A-rôn chút nào, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán. ²³ Pha-ra-ôn xây đi về đền mình, lòng chẳng để về mấy điều đó chút nào. ²⁴ Vả, vì hết thảy người Ê-díp-tô uống nước sông chẳng được, nên đào xung quanh sông tìm nước mà uống. ²⁵ Sau khi Đức Giê-hô-va đập sông thì được bảy ngày.

8

¹ Đoạn, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Hãy đi ra mắt Pha-ra-ôn, và tâu cùng người rằng: Đức Giê-hô-va có phán như vậy: Hãy tha cho dân ta đi, để chúng nó hầu việc ta. ² Nếu người không tha cho đi, này ta sẽ giáng tai nạn ếch nhái khắp bờ cõi người. ³ Sông sẽ sanh đồng đúc ếch nhái, bò lên vào cung điện, phòng ngủ, và trên giường người, vào nhà đầy tớ và dân chúng người, trong lò bếp, cùng nơi nhồi bột làm bánh của người. ⁴ Ếch nhái sẽ bò lên mình người, lên mình dân chúng và mọi đầy tớ người.

⁵ Vậy, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Hãy truyền cho A-rôn rằng: Hãy cầm gậy đưa tay ra trên rạch, trên sông, và trên bầu, khiến ếch nhái tràn lên xứ Ê-díp-tô. ⁶ A-rôn đưa tay mình trên các sông rạch xứ Ê-díp-tô, ếch nhái bò lên lan khắp xứ. ⁷ Các thuật sĩ cũng cây phù chú mình làm y như vậy, đặng khiến ếch nhái bò lên xứ Ê-díp-tô.

Trong cuộc chạm trán với Pha-ra-ôn cho đến thời điểm này, Môi-se và A-rôn chỉ mới gửi tối hậu thư của Đức Chúa Trời. Giờ đây đã đến lúc họ bày tỏ quyền năng của Đức Chúa Trời và làm những dấu lạ để cho thấy rằng họ

42 / Xuất Ê-díp-tô Ký

thật sự được Đức Chúa Trời sai phái. Chưa hoàn toàn sẵn lòng, Môi-se nhất định rằng ông không phải là một người ăn nói giỏi; vì thế Đức Chúa Trời nhắc cho Môi-se nhớ rằng A-rôn sẽ là người phát ngôn cho ông (6:26-7:2; 4:15-16). Tuy nhiên, Chúa cho Môi-se và A-rôn biết rằng cần phải có nhiều phép lạ để thực hiện mục đích của Ngài, vì Ngài sẽ thêm lên các dấu lạ và sự lạ trong xứ Ai Cập.

Trước khi chúng ta nghiên cứu một loạt các phép lạ đáng chú ý này, chúng ta phải tập trung vào những lý do tại sao Chúa dùng phương cách này để đối phó với Pha-ra-ôn và giáng sự trừng phạt qua các dấu lạ trên xứ Ai Cập. Dĩ nhiên, mục đích cuối cùng là khiến Pha-ra-ôn và dân Ai Cập phải nhượng bộ và sẵn sàng để cho dân Do Thái rời khỏi xứ. Đồng thời, Chúa bày tỏ chính Ngài cho dân Y-sơ-ra-ên và cả dân Ai Cập, và chứng minh rằng chỉ một mình Ngài là Đức Chúa Trời (7:5).

Những phép lạ và dịch lệ cũng là cách thức mà Đức Chúa Trời dùng để xét đoán các thần của Ai Cập và cho thấy rằng các thần này là giả dối và hư không. “Ta sẽ xét đoán các thần của xứ Ai Cập, ta là Đức Giê-hô-va” (12:12 xem 18:11 và *Dân Số Ký* 33:4). Tại Ai Cập có trên 80 vị thần, nhưng các thần này không thể làm được gì để giải cứu xứ này và dân chúng khỏi những trừng phạt khủng khiếp do Đức Giê-hô-va giáng xuống. Dân Ai Cập hẳn phải biết rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống.

Nhưng dân Y-sơ-ra-ên cũng cần được học bài học này. Theo (20:1-9), một số người Do Thái đã bắt đầu thờ phượng các thần của Ai Cập, và khi họ được giải cứu khỏi nơi này, họ đã mang theo các thần của mình! Phải chăng họ đã thỏa hiệp trong niềm tin của họ với hy vọng có thể làm hài lòng những người giam giữ họ và sẽ được đối xử tốt hơn? Nhưng làm sao họ có thể từ bỏ Đức Giê-hô-va sau khi đã được chứng kiến quyền năng của Ngài? “Tại Ai

Cập tổ phụ chúng tôi đã không hiểu những phép lạ của Chúa; họ cũng chẳng nhớ lại sự nhân từ dư dật của Chúa” (*Thi Thiên* 106:7).

(1) *Dấu hiệu con rắn* (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 7:8-13). Đức Chúa Trời ban cho Môi-se dấu hiệu này khi Ngài gọi ông ở Ma-đi-an (4:1-5), nhưng giờ đây chính A-rôn lặp lại dấu đó trong cung điện của Pha-ra-ôn. Rắn là một sinh vật đặc biệt trong tôn giáo của dân Ai Cập, đặc biệt là rắn hổ mang, nó là biểu tượng của sự bất diệt. Cây gậy của A-rôn đã nuốt hết những con rắn do các thuật sĩ làm ra.

Ba dấu lạ mà chúng ta đang xem xét – cây gậy biến thành rắn, nước biến thành huyết và sự xâm lấn của loài ếch – giống nhau ở điểm là các thuật sĩ trong hoàng cung Pha-ra-ôn bắt chước được. Có lẽ dùng chữ “giả mạo” thì chính xác hơn, vì điều họ làm có vẻ giống như một trò ma thuật lừa dối. Sa-tan có thể ban cho người của hắn quyền phép để thực hiện những “phép lạ giả dối” (*II Tê-sa-lô-ni-ca* 2:9-10; *Ma-thi-ơ* 24:24; *Khải Thị* 13:11-15), và có thể đây là nguồn quyền phép của họ.

Sứ đồ Phao-lô đã dùng những thuật sĩ Ai Cập này để giảng dạy một lẽ thật quan trọng: trong những ngày sau rốt, Sa-tan sẽ tấn công vào lẽ thật của Đức Chúa Trời và con dân Chúa bằng cách bắt chước những công việc của Ngài. Phao-lô cũng đã kể tên hai trong số những thuật sĩ hoàng cung: “Xưa kia Gian-nét với Giam-be đã chống trả Môi-se thế nào, thì những kẻ này cũng chống trả lẽ thật thế ấy” (*II Ti-mô-thê* 3:8). Như Chúa Giê-xu đã dạy trong ví dụ về những hạt giống (*Ma-thi-ơ* 13:24-30, 36-43), Sa-tan là một kẻ giả mạo, và hắn đã “gieo” những Cơ Đốc nhân giả dối vào giữa thế gian này. Phao-lô gọi họ là “anh em giả dối” (*II Cô-rinh-tô* 11:26). Sa-tan có một phúc âm giả mạo (*Ga-la-ti* 1:6-9), một sự công bình giả mạo (*Rô-ma* 10:1-3), và thậm chí có cả những người thi hành chức vụ giả mạo để rao ra những lời giả dối của hắn (*II Cô-*

44 / Xuất Ê-díp-tô Ký

rinh-tô 11:13-15). Một ngày nào đó Sa-tan sẽ tạo ra một Christ giả là kẻ sẽ lừa dối cả thế giới (*II Tê-Sa-lô-ni-ca* 2:1-12).

Các thuật sĩ của Pha-ra-ôn đã biến những cây gậy thành những rắn và nước thành huyết, và cũng có thể khiến ếch nhái lan tràn trên đất. Sa-tan chống đối công việc của Đức Chúa Trời bằng cách bắt chước những việc ấy, và qua cách này nó xem thường quyền năng và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Thái độ của Pha-ra-ôn là: “Bất cứ việc gì Giê-hô-va có thể làm thì chúng ta có thể làm tốt hơn!” Dĩ nhiên, Pha-ra-ôn chỉ hoang tưởng, và càng hoang tưởng thì càng kiêu ngạo, không muốn đầu phục Đức Chúa Trời.

(2) *Dấu hiệu nước biến thành huyết* (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 7:14-25). Phép lạ này là tai vạ đầu tiên trong mười “tai vạ” Đức Chúa Trời giáng xuống Ai Cập; tai vạ cuối cùng (con đầu lòng của Ai Cập chết tại lễ Vượt Qua) khiến Pha-ra-ôn phải để dân Do Thái ra đi⁷. Từ “tai vạ” (9:14; 11:1; 12:13) có nghĩa là “một cú đánh, một đòn đánh” chỉ ra rằng bàn tay của Chúa đang trừng phạt dân Ai Cập.

Pha-ra-ôn càng chống cự với Đức Chúa Trời thì hình phạt càng nghiêm trọng hơn, ba tai vạ đầu rất khốn khổ (nước thành huyết, ếch nhái, và muỗi); ba tai vạ kế tiếp thật đau đớn và gây nhiều tổn hại (ruồi mòng, súc vật chết, và ghẻ chốc), và bốn tai vạ cuối rất nguy hiểm và gây tàn hại (mưa đá, cào cào, sự tối tăm, con đầu lòng chết). Kẻ phạm tội càng chống lại ý muốn của Đức Chúa Trời và không nghe Lời Ngài thì Ngài cần phải phán với họ “càng mạnh” hơn những hình phạt của Ngài.

Không chỉ nước của sông Nile đã biến thành huyết, mà những nguồn nước khác trong xứ, và cả đến nước được trữ trong những bình gỗ và đá cũng biến thành huyết. Đây là một hình phạt trên chính sông Nile, là con sông được xem như một vị thần, và trên Hapi, thần của sông Nile, và Isis,

nữ thần của sông Nile. Dân Ai Cập sống nhờ sông Nile. Nước uống và nước tưới ruộng đất cả xứ Ai Cập chỉ do một sông Nile cung cấp mà thôi, vì vậy lấy nguồn nước của họ đi là một hình phạt trí mạng. Dân chúng đào giếng gần sông này để lấy nước sạch, nhưng cá chết dưới sông thối rửa bốc lên một mùi hôi thối khủng khiếp. Tai vạ này và hậu quả của nó kéo dài trong suốt một tuần lễ (7:25) ⁸.

Các thuật sĩ sử dụng một ít nước giếng còn tinh khiết và bắt chước lại phép lạ này. Nhưng nếu họ thật sự có phép thuật, tại sao họ không đảo ngược lại phép lạ? Như vậy mới chứng tỏ họ có năng quyền hơn Đức Giê-hô-va và khiến Pha-ra-ôn cùng dân chúng mến chuộng họ. Các thuật sĩ của Pha-ra-ôn chỉ đủ sức giả mạo các phép lạ trên chứ chẳng có chút quyền năng siêu nhiên nào.

(3) *Ếch nhái lan tràn* (8:1-7). Một lần nữa Môi-se và A-rôn ra lệnh cho Pha-ra-ôn “Hãy để dân ta đi!” và cảnh cáo ông ta rằng một tai vạ khác sẽ đến “Đất chúng nó sinh ếch nhái nhiều lúc nhúc, trong cung thất của các vua chúng” (*Thi Thiên* 105:30). Ở Ai Cập, ếch nhái là một biểu tượng của sự sinh sôi nảy nở. Heqet, nữ thần của sự sinh sản, có cái đầu của một con ếch.

Lời cảnh cáo của Chúa rất cụ thể. Ngài cho Pha-ra-ôn biết rằng ếch nhái sẽ vào nhà cửa, giường ngủ, lò bếp và các dụng cụ nấu ăn, thậm chí sẽ bám vào thân thể của con người. Dĩ nhiên, các thuật sĩ một lần nữa đã giả mạo phép lạ này, vì nếu họ thật sự tài giỏi thì họ đã hóa phép loại trừ ếch nhái rồi.

3. Pha-ra-ôn Cứng Lòng Nghịch Với Đức Chúa Trời

Xuất Ê-díp-tô Ký 8:8-19

⁸ Pha-ra-ôn bèn đòi Môi-se và A-rôn mà phán rằng: Hãy cầu nguyện Đức Giê-hô-va, để Ngài khiến ếch nhái cách xa ta và dân ta; thì ta sẽ tha dân Hê-bơ-rơ đi tế Đức Giê-hô-va. ⁹ Môi-se bèn tâu cùng Pha-ra-ôn rằng: Xin hãy định chừng nào tôi phải vì bệ hạ, đây tớ

46 / Xuất Ê-díp-tô Ký

cùng dân bệ hạ mà cầu khẩn Đức Giê-hô-va, để trừ ếch nhái lìa khỏi bệ hạ và cung điện, chỉ còn dưới sông mà thôi. ¹⁰ Vua đáp rằng: Đến ngày mai. Môi-se rằng: Sẽ làm y theo lời, hầu cho bệ hạ biết rằng chẳng có ai giống như Giê-hô-va là Đức Chúa Trời chúng tôi. ¹¹ Vậy, ếch nhái sẽ lìa xa bệ hạ, cung điện, tôi tớ, cùng dân của bệ hạ; chỉ còn lại dưới sông mà thôi. ¹² Môi-se và A-rôn bèn lui ra khỏi Pha-ra-ôn; Môi-se kêu cầu Đức Giê-hô-va về việc ếch nhái mà Ngài đã khiến đến cho Pha-ra-ôn. ¹³ Đức Giê-hô-va làm y theo lời Môi-se; ếch nhái trong nhà, trong làng, ngoài đồng đều chết hết. ¹⁴ Người ta dọn ếch nhái lại từ đông, và cả xứ hôi thối lắm. ¹⁵ Nhưng Pha-ra-ôn thấy được khỏi nạn, bèn rần lòng, chẳng nghe Môi-se và A-rôn chút nào, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán.

¹⁶ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Hãy truyền cho A-rôn rằng: Hãy đưa gậy anh ra, đập bụi trên đất: bụi sẽ hóa muối khắp cả xứ Ê-díp-tô. ¹⁷ Hai người làm y như vậy. A-rôn cầm gậy đưa tay ra, đập bụi trên đất, bụi liền hóa thành muối, bu người và súc vật; hết thảy bụi đều hóa thành muối trong xứ Ê-díp-tô. ¹⁸ Các thuật sĩ cũng muốn cậy phù chú mình làm như vậy, để hóa sanh muối, nhưng làm chẳng đặng. Vậy, muối bu người và súc vật. ¹⁹ Các thuật sĩ bèn tâu cùng Pha-ra-ôn rằng: Ấy là ngón tay của Đức Chúa Trời; nhưng Pha-ra-ôn cứng lòng, chẳng nghe Môi-se và A-rôn chút nào, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán.

Pha-ra-ôn cứng lòng từ khi Môi-se và A-rôn làm dấu lạ đầu tiên trước mặt ông ta như lời Đức Chúa Trời đã phán (7:3, 13-14). Pha-ra-ôn còn cứng lòng hơn nữa khi thấy các thuật sĩ của ông ta giả mạo được các dấu lạ này (c.22), và ngay cả khi họ không thể bắt chước lại việc Môi-se và A-rôn đã làm (8:19). Khi Môi-se cho ngưng tai và ếch nhái, lòng Pha-ra-ôn lại trở nên cứng cổ (c.15). Sự cứng lòng này cứ tiếp diễn trong suốt toàn bộ chuỗi tai và (8:32; 9:7, 34-38; 13:15).

Cứng lòng nghĩa là gì? Là thấy rõ bằng chứng về bàn tay Đức Chúa Trời đang hành động mà vẫn không chịu tiếp nhận Lời Ngài và đầu phục ý muốn Ngài. Cứng lòng là chống đối Đức Chúa Trời, là vô ơn, là bất tuân, là không hề kính sợ Chúa hay sự xét đoán của Ngài. Những người cứng lòng cùng đồng thanh với Pha-ra-ôn “Giê-hô-va là ai

mà ta phải vâng lời người?" (5:2).

Nhưng câu chuyện được ghi chép lại ở đây cũng cho thấy rõ là bằng cách giáng xuống những hình phạt khác nhau, Đức Chúa Trời đang làm cứng lòng Pha-ra-ôn (4:21; 7:3; 9:12; 10:1, 20, 27; 11:10; 14:4, 8, 17). Phải chăng Đức Chúa Trời bất công và Pha-ra-ôn không phải chịu trách nhiệm về những gì ông ta đã làm? Không. Cùng một mặt trời làm tan chảy băng đá, nhưng đất sét thì cứng lại.

Pha-ra-ôn cứ giữ thái độ kiêu ngạo, bướng bỉnh cho đến cùng (14:5tt), không chịu ăn năn mà nghe theo Lời Đức Chúa Trời, không làm theo ý muốn của Ngài, không giữ lời hứa của mình với dân Do Thái. Chúa đã tỏ ra các chứng cứ quá đủ để thuyết phục ông ta tin rằng các thần của Ai Cập là giả dối và Đức Chúa Trời của dân Hê-bơ-rơ là Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống. Pha-ra-ôn không chịu thấy ánh sáng mà cứ phạm tội; và dù Đức Chúa Trời đã sử dụng ông ta để thực hiện mục đích của Ngài, Pha-ra-ôn đã tự mình quyết định và tự mình trở nên cứng lòng nghịch với Đức Chúa Trời⁹.

Pha-ra-ôn cứng lòng trước sự thương xót của Đức Chúa Trời (Xuất Ê-díp-tô Ký 8:8-15). Đời sống của dân Ai Cập thật là khốn khổ vì nạn ếch nhái, đến nỗi Pha-ra-ôn phải yêu cầu Môi-se và A-rôn chấm dứt tai họa này đi. Ông ta thừa nhận rằng nạn ếch nhái là do Chúa giáng xuống. Pha-ra-ôn mong mỏi sớm thoát khỏi nạn ếch nhái nên có ý cho phép dân Do Thái tiến hành cuộc hành trình thờ phượng của họ với điều kiện Môi-se và A-rôn thu hồi phép lạ này. Đây chỉ là một mưu kế hoãn binh. Dầu vậy, Môi-se và A-rôn vẫn cứ chiều ý Pha-ra-ôn.

Tại sao Môi-se để Pha-ra-ôn lựa chọn thời gian cho ếch nhái rút đi? Để chứng minh với ông ta và dân chúng rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời hằng sống, là Đấng nghe được lời của họ và đáp ứng những lời cầu nguyện của các

48 / Xuất Ê-díp-tô Ký

tôi tớ Ngài. Tai vạ này không phải là một tai nạn quái đản; Đức Chúa Trời tế trị mọi sự. Nhưng tại sao Pha-ra-ôn không xin được giải cứu *tức thời* khỏi loài ếch nhái? Tại sao phải trì hoãn việc giải cứu cho đến ngày hôm sau? Có lẽ ông mong mỗi may ra có thể ếch nhái tự chúng sẽ bỏ đi, và sau đó ông ta có lý hủ bỏ lời hứa cho phép dân Y-sơ-ra-ên ra đi. Hoặc có thể Pha-ra-ôn muốn gián tiếp báo tin rằng sự giải cứu sắp đến, để dân Y-sơ-ra-ên thêm háo hức mong cho chóng đến ngày mai, để rồi thất vọng vì chẳng có sự giải cứu nào hết. Như thế Pha-ra-ôn sẽ là người chiến thắng, vì dân chúng chẳng còn tin tưởng Đức Giê-hô-va và tôi tớ của Ngài nữa.

Nhưng Môi-se vẫn vững vàng. Ông và A-rôn cầu nguyện với Đức Chúa Trời để tai vạ này chấm dứt. Đức Chúa Trời đã đáp lời, không phải bằng cách khiến cho ếch nhái trở về với sông hồ, nhưng bằng cách giết chết ếch nhái và do đó buộc dân phải đem vứt bỏ các xác chết và khử chúng đi. Nhưng dọn dẹp hàng đống xác ếch nhái này không dễ dàng. Mùi hôi thối càng nhắc nhở dân Ai Cập về sự chống nghịch của vua họ đối với Đức Chúa Trời.

Môi-se và A-rôn đã giữ lời hứa của họ và Chúa cũng vậy; nhưng Pha-ra-ôn không giữ lời của ông ta để cho dân Do Thái ra đi. Ông ta thật sự không quan tâm đến việc giúp đỡ dân Y-sơ-ra-ên mà chỉ muốn qua khỏi tai vạ khủng khiếp về ếch nhái. Nhiều tội nhân không quan tâm đến việc ăn năn và tiếp nhận ân sủng Đức Chúa Trời. Họ chỉ muốn được giải cứu khỏi sự xét đoán của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, đây chỉ là một thời gian yên ổn tạm bợ; những sự xét đoán kinh khiếp nhất rồi sẽ đến.

Trong chức vụ mục sư của tôi, tôi đã gặp những người gặp hoạn nạn cách này hay cách khác, họ nài nỉ tôi cầu nguyện để Chúa giải cứu họ. Họ hứa đủ điều với tôi và với Chúa, cho biết điều họ sẽ làm nếu Ngài giúp họ. Nhưng khi Ngài nhân từ giúp đỡ họ, họ lại quên đi những lời hứa

của mình và thậm chí quên cả Chúa. Tôi không gặp lại họ được. Họ hoàn toàn không giống với tác giả Thi Thiên là người đã viết: “Tôi sẽ lấy của lễ thiêu mà vào trong đền thờ của Chúa; trả xong các sự hứa nguyện mà môi tôi đã hứa, miệng tôi đã nói ra trong khi gian truân” (Thi Thiên 66:13-14).

Pha-ra-ôn cứng lòng trước quyền năng của Đức Chúa Trời (Xuất Ê-díp-tô Ký 8:16-19). Trong việc đình chỉ tai và ếch nhái, Đức Chúa Trời đã nhân từ đối với Pha-ra-ôn, nhưng thay vì đầu phục trước sự thương xót của Đức Chúa Trời, vua càng cứng lòng hơn. Vì vậy Chúa đã giáng xuống tai và thứ ba và khiến bụi đất trở thành muỗi mòng¹⁰. Các thuật sĩ của Pha-ra-ôn không thể bắt chước phép lạ này và phải thừa nhận đây là “ngón tay của Đức Chúa Trời”. Nhưng dù đã chứng kiến mọi phép lạ, Pha-ra-ôn vẫn không chịu đầu phục Chúa mà càng cứng lòng hơn nữa. Sự thương xót của Đức Chúa Trời hay quyền năng của Ngài đều không khiến ông ăn năn và vâng lời Chúa.

Việc bụi sa mạc biến thành muỗi là một sự xét đoán đối với Sét, thần sa mạc của dân Ai Cập. Đức Giê-hô-va vĩ đại đến nỗi Ngài có thể ban sự sống cho bụi đất vô tri và sử dụng sự sống đó để trừng phạt những kẻ tôn sùng Sét. Dân Ai Cập nói chung, và các thầy tế lễ nói riêng đều rất chuộng sự sạch sẽ, các thầy tế lễ thường xuyên tắm rửa thân thể và cạo râu tóc để được các thần của họ chấp nhận. Hãy tưởng tượng các thầy tế lễ khó chịu biết bao khi thân thể họ bị muỗi mòng làm cho ô uế! Thế mà các thần của họ chẳng thể làm được gì để giải cứu họ!

Các thuật sĩ bất lực nhìn “ngón tay của Đức Chúa Trời” trở thành nguyên cả “cánh tay quyền năng” (6:1) và “giơ thẳng” (6:6) của Đức Chúa Trời. Trong Kinh Thánh, “ngón tay của Đức Chúa Trời” có nghĩa là Ngài ban luật pháp (31:18; *Phục Truyền Luật Lệ* Ký 9:10), sáng tạo các

50 / Xuất Ê-díp-tô Ký

từng trời (*Thi Thiên* 8:3), và đuổi tà ma (*Lu-ca* 11:20). Tất cả những sự việc này là bằng chứng về năng quyền của Đức Chúa Trời.

Nhưng Đức Chúa Trời không dừng ở đó. Ngài còn giáng xuống bầy tai vạ nữa. Sau mười tai vạ ấy, Ai Cập là một đất nước hoang tàn.

“Sa vào tay Đức Chúa Trời hằng sống là sự đáng kinh khiếp thay” (*Hê-bơ-rơ* 10:31).

Chú thích

¹ *The Works of Jonathan Edwards (Những Tác phẩm của Jonathan Edwards)*, Banner of Truth - Trust edition, 1976, (Ngọn Cờ Của Lẽ Thật - nhà xuất bản Trust); quyển 2, trang 10. Đây có lẽ là bài giảng nổi tiếng nhất, ít được đọc nhất và bị chỉ trích nhiều nhất, đã từng được giảng ở Châu Mỹ. Edwards đã giảng bài giảng này tại Enfield, Massachusetts, vào ngày 8/7/1741, và Đức Chúa Trời đã dùng bài này để thức tỉnh cả vùng New England.

² Nhiều học giả tin rằng Pha-ra-ôn ở *Xuất Ê-díp-tô Ký* là Amenholep II, con trai của Thutmose III, ông ta là vị Pha-ra-ôn tàn bạo, cái chết của ông ta đã mở đường cho Môi-se trở lại Ai Cập.

³ Cụm từ “Hãy để dân ta đi” xuất hiện bảy lần trong câu chuyện ghi lại các sự việc diễn ra trước cuộc hành trình rời khỏi Ai Cập (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 5:1; 7:16; 8:1, 20; 9:1, 13; 10:3).

⁴ Chúa đã hứa rằng dân tộc này sẽ thờ phượng Ngài tại núi Si-nai (3:12), nhưng họ không thể đến được núi Si-nai trong ba ngày (19:1). Tuy nhiên Môi-se biết rằng Pha-ra-ôn sẽ không để cho dân đi (3:12-22); do đó những lời nói của ông, dù thành thật, chỉ là “loạt súng” đầu tiên trong cuộc chiến của Đức Chúa Trời chống lại Pha-ra-ôn. Mạng

lệnh của Đức Chúa Trời cho Pha-ra-ôn một cơ hội hoặc là để đầu phục Chúa hoặc đại đột chống nghịch Chúa.

⁵ Đức Chúa Trời nhắc nhở dân Do Thái rằng Ngài là Đức Giê-hô-va (6:2, 6-8, 29; 10:2; 16:12; 20:2; 29:46; 31:13), nhưng Ngài cũng muốn dân Ai Cập biết rằng Ngài là Chúa (7:5, 17; 8:22; 14:4, 18). Danh “Giê-hô-va” được dịch là “CHÚA” (toàn bộ chữ hoa) trong hầu hết các bản dịch Kinh Thánh Anh ngữ. Nó được sử dụng 6823 lần trong Cựu Ước.

⁶ Xin xem *Sáng Thế Ký* 17:1; 28:3; 35:11; 43:14; 48:3; 49:3. “El Shaddai” (Đức Chúa Trời Toàn Năng) được sử dụng 30 lần trong sách *Gióp* và tám lần trong sách *Khải Thị*. Cả hai sách này đều nhấn mạnh đến sự lớn lao của quyền năng Đức Chúa Trời.

⁷ Chín tai vạ đầu chia thành ba nhóm, mỗi nhóm gồm ba tai vạ, mỗi nhóm lên đến cao điểm bằng một tai vạ không được báo trước. Tai vạ thứ ba (muỗi), thứ sáu (ghẻ chốc) và thứ chín (sự tối tăm) không được báo trước. Tất cả những tai vạ khác đều đã được rao báo trước. Pha-ra-ôn không có quyền phản nài vì Đức Chúa Trời đã cho ông ta biết điều Ngài sắp làm.

⁸ Việc vẫn còn ếch nhái dưới sông cho thấy nước đã trở lại bình thường (8:11). Nếu nước vẫn là huyết, ếch nhái sẽ chết.

⁹ Vì Chúa thánh khiết, công bình, nhân từ, và đường lối của Ngài trọn vẹn, không ai cần phải biện hộ cho điều Ngài làm hay tìm cách giải thích lý do Ngài làm việc ấy (*Rô-ma* 9:14-21). Đức Chúa Trời đã cho Pha-ra-ôn nhiều cơ hội ăn năn nhưng ông ta vẫn cứng lòng không chịu đầu phục mặc dù Đức Chúa Trời đã tự mặc khải rõ ràng. Môi-se và A-rôn không có cách gì hơn thế được?

¹⁰ Từ Hê-bơ-rơ này được dịch là “chấy rận” trong Kinh Thánh bản KJV và NKJV, các bản NIV và NASB thì gọi

52 / Xuất Ê-díp-tô Ký

là nặng. Một số học giả nghĩ rằng đó có thể là một tai vạ về muỗi mòng. Đức Chúa Trời đã giáng xuống những bầy sinh vật nhỏ bé, biết bay, biết cắn khiến đời sống của người Ai Cập rất khốn khổ.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 2

Xuất Ê-díp-tô Ký 5:1-8:19

1. Lý do nào chứng tỏ khi Pha-ra-ôn hỏi rằng: “Tại sao ta phải vâng lời Chúa là một điều hợp lý?”

2. Vì sao dân Y-sơ-ra-ên đã nhanh chóng trở nghịch lại cùng Môi-se và A-rôn? Họ đã không thể nhìn thấy được điều gì?

3. Hai tội lỗi nào nói lên đặc thù của dân Y-sơ-ra-ên trong suốt cuộc hành trình ra khỏi xứ Ai Cập và trong 40 năm sau đó? Vì sao đây lại là những tội lỗi phổ biến giữa vòng con dân Chúa?

4. Các nhà lãnh đạo Cơ Đốc phải làm gì khi gặp phải sự chống đối và hiểu lầm? Phản ứng trước tiên của bạn thường là gì?

5. Theo Wiersbe chúng ta có thể kinh nghiệm được sự bình an trong những giờ phút khó khăn như thế nào?

6. Vì sao Đức Chúa Trời đã chọn phương cách trừng phạt Pha-ra-ôn qua các dấu hiệu?

7. Trong những phương diện nào thì những tai vạ là một sự trừng phạt không chỉ trên dân Ai Cập mà còn trên các thần của họ?

8. Việc Pha-ra-ôn trở nên cứng lòng có ý nghĩa gì?

9. Vì sao Đức Chúa Trời cho rằng Pha-ra-ôn phải chịu trách nhiệm về sự cứng lòng của ông ta trong khi có đôi chỗ Kinh Thánh bảo là Đức Chúa Trời khiến cho Pha-ra-ôn cứng lòng?

10. Có khi nào bạn hứa nguyện với Đức Chúa Trời trong những lúc gặp hoạn nạn, rồi sau đó quên mất lời hứa nguyện của mình như Pha-ra-ôn xưa không? Tại sao?

Đức Giê-hô-va, Đấng Mạnh Mẽ Trong Chiến Trận

Xuất Ê-díp-tô Ký 8:20-10:29

Đức Chúa Trời nhân từ và nhẫn nại, nhưng sẽ có lúc Ngài không còn khoan dung sự bất tuân và sự kiêu ngạo của tội nhân ngang ngạnh nữa. “Đối cùng kẻ trung tín Ngài tỏ mình thành tín, đối cùng kẻ trọn vẹn Ngài tỏ mình trọn vẹn, đối cùng kẻ thanh sạch Ngài tỏ mình thanh sạch, nhưng đối cùng kẻ trái nghịch Ngài tỏ mình nhất nhiệm” (*Thi Thiên* 18:25-26). Nếu chúng ta bước đi đối nghịch cùng Ngài, Ngài sẽ nghịch lại với chúng ta (*Lê-vi Ký* 26:23-24).

Charles Spurgeon viết “Đức Chúa Trời bày tỏ Ngài cho mỗi người tùy theo tính tình của người ấy”, không một cá nhân nào trong Kinh Thánh minh họa cho lẽ thật này rõ hơn vị vua xứ Ai Cập. Trong suốt nhiều tháng, Môi-se và A-rôn đối đầu với Pha-ra-ôn nhưng vua không muốn tuân theo mạng lệnh của Đức Chúa Trời, thậm chí không muốn thừa nhận uy quyền của Ngài. Các nguồn nước ở Ai Cập đã biến thành huyết, loài ếch nhái nhậy nhựa đã tấn công xứ, những bầy muỗi hành hại dân chúng rất khó chịu, nhưng Pha-ra-ôn vẫn không chịu đầu phục.

Đức Chúa Trời đã làm gì? Ngài thực sự giáng những trận đòn ác liệt trên vua Ai Cập và trên cả các thần của xứ này. Chúa đã giáng sáu tai vạ đau đớn và gây tàn hại cho xứ, và sau đó tai vạ thứ bảy giết chết mọi con trai đầu

lòng. Khi bạn nghiên cứu những phản ứng của Pha-ra-ôn đối với những tai vạ này, bạn sẽ thấy được tình trạng suy đồi về đạo đức và thuộc linh của một người không muốn đầu phục Đức Chúa Trời và phải trả một cái giá khủng khiếp cho sự ương ngạnh của mình.

Chúng ta hãy xem xét những phản ứng của Pha-ra-ôn trước sự xét đoán của Đức Chúa Trời, đồng thời, chúng ta cũng hãy xét lòng mình để xem chúng ta có đáp ứng một cách tích cực ý chỉ của Đức Chúa Trời hay không.

1. Mặc Cả

Xuất Ê-díp-tô Ký 8:20-32

²⁰ Kế đó, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Này Pha-ra-ôn sẽ ngự ra mé sông, người hãy dậy sớm, đi ra mắt người, mà tâu rằng: Đức Giê-hô-va có phán như vậy: Hãy tha cho dân ta đi, để chúng nó hầu việc ta. ²¹ Vì nếu người không cho đi, nầy, ta sẽ sai ruồi mòng bu nơi người, quần thân, dân và cung điện người; nhà của người Ê-díp-tô đều sẽ bị ruồi mòng bu đầy, và khắp trên đất nữa. ²² Nhưng ngày đó, ta sẽ phân biệt xứ Gô-sen ra, là nơi dân ta ở, không có ruồi mòng, hầu cho người biết rằng ta, Giê-hô-va, có ở giữa xứ. ²³ Ta sẽ phân biệt dân ta cùng dân người. Đến mai, dẫu lạ nầy tất sẽ có. ²⁴ Đức Giê-hô-va bèn làm y như lời. Vậy, trong cung điện Pha-ra-ôn, nhà cửa của quần thân người cùng cả xứ Ê-díp-tô đều có ruồi mòng vô số, đất bị ruồi mòng hủy hoại.

²⁵ Pha-ra-ôn bèn đòi Môi-se và A-rôn mà phán rằng: Hãy đi dâng tế lễ cho Đức Chúa Trời các người trong xứ. ²⁶ Nhưng Môi-se tâu rằng: Làm như vậy chẳng tiện, vì các của lễ mà chúng tôi sẽ tế Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi, là một điều gớm ghê cho người Ê-díp-tô. Nếu chúng tôi dâng của lễ gớm ghê trước mắt người Ê-díp-tô, họ há chẳng liệng đá chúng tôi sao? ²⁷ Chúng tôi sẽ đi trong đồng vắng, chừng ba ngày đường, dâng tế lễ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi, y như lời Ngài sẽ chỉ bảo. ²⁸ Pha-ra-ôn bèn phán rằng: Ta sẽ tha các người đi dâng tế lễ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người, ở nơi đồng vắng, nhưng đừng đi xa hơn. Hãy cầu nguyện cho ta với! ²⁹ Môi-se tâu rằng: Nầy, tôi sẽ lui ra khỏi bộ hạ, cầu nguyện Đức Giê-hô-va cho; ngày mai ruồi mòng sẽ lìa xa Pha-ra-ôn, quần thân, và dân người. Nhưng xin Pha-ra-ôn chớ cứ gạt chúng tôi mà không tha dân đi dâng tế lễ cho Đức Giê-hô-va. ³⁰ Môi-se bèn lui ra

56 / Xuất Ê-díp-tô Ký

khỏi Pha-ra-ôn, và cầu nguyện Đức Giê-hô-va; ³¹ Ngài làm y như lời Môi-se, ruồi mòng lìa xa Pha-ra-ôn, quần thần, và dân người, không còn lại một con nào. ³² Nhưng lần nầy, Pha-ra-ôn lại cứng lòng nữa, không cho dân đi.

Mỗi năm một lần, Pha-ra-ôn đến sông Nile linh thiêng để tham dự những nghi lễ tôn giáo đặc biệt, nếu vào các ngày lễ thánh ấy mà Pha-ra-ôn chạm mặt Môi-se và A-rôn thì thật là bực mình quá sức. Dưới mắt Pha-ra-ôn, hai vị này là cái đinh cho cả xứ. Thật ra, Pha-ra-ôn mới là nguyên nhân gây ra những sự hoạn nạn cho đất nước, nhưng ông không nhận ra sự thật đó. Đức Chúa Trời đối đãi với Pha-ra-ôn trong sự thương xót, muốn đem ông ta đến chỗ thuận phục; vì chỉ khi chúng ta vâng lời Đức Chúa Trời thì chúng ta mới thật sự hưởng được những phước hạnh từ nơi Ngài. Chỉ cần một tai vạ, Đức Chúa Trời đã có thể tiêu diệt Pha-ra-ôn và cả xứ của ông ta (9:15) nhưng Ngài muốn cho họ nhiều cơ hội để ăn năn.

Đức Chúa Trời cảnh cáo (8:20-21). Chúng ta đã lưu ý rằng trước khi giáng xuống bảy trong số mười tai vạ, Đức Chúa Trời đã cảnh cáo Pha-ra-ôn mối nguy diệt vong sẽ xảy ra, nhưng ông ta đã không chịu tin Lời Đức Chúa Trời và ngoan cố bất tuân. Mỗi tai vạ đều đã xảy ra như Đức Chúa Trời mô tả, vào thời gian đã được báo trước, lẽ ra phải khiến Pha-ra-ôn và quần thần của ông ta tin rằng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đang tế trị những sự kiện kỳ lạ này. Các sự kiện này không phải bởi các thuật sĩ của Pha-ra-ôn làm nên, họ đã không thể ngăn chặn hay đảo ngược chúng được, và các sự kiện này cũng không phải là ngẫu nhiên. Bàn tay của Đức Chúa Trời đã chống nghịch cùng xứ Ai Cập.

Ấn sủng của Đức Chúa Trời (8:22). Chúa thêm một đặc điểm mới cho tai vạ này bằng cách báo trước rằng dân Do Thái trong xứ Gô-sen ¹ sẽ hoàn toàn thoát khỏi tai vạ này.

Chỉ có Đức Chúa Trời vĩ đại của Y-sơ-ra-ên mới có thể điều khiển đường bay của những con ruồi bé nhỏ và ngăn cho chúng không vào xứ Gô-sen. Sự quan phòng của Đức Chúa Trời đối với Y-sơ-ra-ên thật quá rõ ràng trong cả tai vạ cuối cùng này bởi vì dân Do Thái đã thoát khỏi từng tai vạ.

Thông thường trong Kinh Thánh, xứ Ai Cập tượng trưng cho thế gian với sự kiêu ngạo và ách nô lệ của nó, và cuộc hành trình của dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ai Cập đặc tả sự giải cứu dân sự của Đức Chúa Trời nhờ huyết chiên con (*Giăng* 1:29; *Ga-la-ti* 1:4; *I Phi-e-rơ* 1:18-19). Trong suốt thời gian Giô-sép ở tại Ai Cập, Pha-ra-ôn đã ban xứ Gô-sen cho dân Do Thái, và giờ đây Đức Chúa Trời biệt riêng mảnh đất này cho con dân Ngài. Bằng cách này Đức Chúa Trời đã tạo ra một “sự phân biệt” giữa dân Ngài và dân Ai Cập. Từ đã được dịch là “sự phân biệt” trong (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 8:23) có nghĩa là “một sự cứu chuộc, một sự giải cứu”. Vì họ thuộc về Đức Chúa Trời một cách đặc biệt, dân Do Thái “khác” với dân Ai Cập nhưng Pha-ra-ôn không biết được điều này ².

Sự phân nộ của Đức Chúa Trời (Xuất Ê-díp-tô Ký 8:24). Sự việc đã xảy ra y như lời Đức Chúa Trời đã hứa, vào ngày hôm sau, hàng đàn ruồi mòng đã xâm chiếm đất, xông vào nhà cửa của dân chúng và cả cung điện của vua. Nạn ruồi mòng còn tai hại hơn người ta tưởng vì chúng còn gây hậu họa lâu dài về sau nữa. Những đàn côn trùng này nhất định sẽ mang mầm bệnh đến cho dân chúng, và rất có thể sẽ đẻ trứng trên cây cỏ, các ấu trùng sau đó sẽ cắn phá hoa màu và tàn hại đất. Một số học giả cho rằng ruồi là vật linh thiêng tượng trưng cho thần Uatchit của dân Ai Cập, vì thế tai vạ này cũng là một phương cách Đức Chúa Trời đã dùng để hạ thấp một vị thần giả dối của Ai Cập.

58 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Những đề nghị của Pha-ra-ôn (Xuất Ê-díp-tô Ký 8:25-32). Trong khoảng thời gian xảy ra những tai vạ này, Pha-ra-ôn đã bốn lần nhượng bộ cùng Môi-se và A-rôn. Trong tai nạn ruồi, Pha-ra-ôn nhượng bộ hai lần (c.25, 28). Lần nhượng bộ thứ ba diễn ra trong lúc có tai vạ cào cào (10:7-11), và lần thứ tư trong ba ngày có sự tối tăm (c.24-26). Việc Pha-ra-ôn nghĩ rằng ông ta có thể mặc cả với Đức Chúa Trời, một lần nữa chứng tỏ sự kiêu ngạo của ông ta. Loài người là chi, ngay cả vua của một dân tộc hùng mạnh, lại dám mặc cả với Đức Chúa Trời? Những đề nghị này đều nằm trong mưu đồ giả trá của Pha-ra-ôn nhằm để đánh lừa Môi-se và A-rôn vì lòng ông ta vẫn cứng cỏi và ương bướng. Ông ta không nghĩ đến ý của Đức Chúa Trời hay lợi ích của dân Do Thái. Ông chỉ muốn qua khỏi cơn nguy tai vạ mà thôi.

Con dân Chúa ngày nay cũng có kiểu mặc cả như thế khi chúng ta mong muốn được phục vụ Chúa. Kẻ thù nói với chúng ta rằng không cần phải phân cách với tội lỗi, vì chúng ta có thể phục vụ Đức Chúa Trời ngay “trong xứ”. Câu trả lời của Đức Chúa Trời được chép trong (*II Cô-rinh-tô* 6:14-18). Sa-tan nhỏ nhẹ: “Đừng đi quá trốn, người ta sẽ cho ngươi là quá khích đấy!”. Nhưng (*Gia-cơ* 1:27) và (*Gia-cơ* 4:4) khuyên ta phải thật thanh sạch. Sự phục vụ thật trước mặt Đức Chúa Trời là đặt tất cả mọi sở hữu và mọi người trong gia đình chúng ta dưới sự tể trị của Đức Chúa Trời. Không thực hiện điều này là không làm theo lời dạy trong (*Mác* 10:13-16; *Ê-phê-sô* 6:4; và *Phục Truyền Luật Lệ* Ký 6:6-13). Khi chúng ta bắt đầu mặc cả với ý muốn của Đức Chúa Trời để đến gần với thế gian là lúc chúng ta hết vâng phục Ngài.

Trong lời đề nghị đầu tiên của mình, Pha-ra-ôn muốn dân Do Thái giữ lễ thờ phượng của họ trong xứ Ai Cập (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 8:25), Môi-se và A-rôn đã khước từ lời đề nghị này. Họ biết rằng dân Do Thái sẽ dâng tế lễ một

số thú vật được xem là linh thiêng đối với dân Ai Cập³, và buổi thờ phượng trang nghiêm sẽ nhanh chóng biến thành một cuộc bạo loạn. Dân Do Thái là một dân sống tách biệt, họ ở vùng Gô-sen là nơi đã được Đức Chúa Trời biệt riêng ra, và họ phải biệt mình cách dân Ai Cập đến ba ngày đường để làm hài lòng Chúa.

Đề nghị thứ hai của Pha-ra-ôn là Y-sơ-ra-ên rời xứ nhưng đừng đi quá xa (c.28). Lời cầu xin màu mè của Pha-ra-ôn (“hãy cầu nguyện cho ta!”) cho thấy rằng ông ta chỉ cốt thoát khỏi những đàn ruồi. Bề ngoài, có vẻ như Môi-se và A-rôn chấp nhận đề nghị thứ hai này, vì Môi-se đã hứa sẽ đuổi ruồi đi. Có lẽ họ nghĩ rằng sẽ được cho phép ra đi thì mình cứ đi đến nơi mình muốn. Dù Pha-ra-ôn không muốn mình đi xa đến thế thì ông ta cũng làm ngơ. Nhưng điều chắc hơn là họ biết rằng Pha-ra-ôn sẽ không giữ lời của mình. Pha-ra-ôn có thói quen sẽ xin được điều gì thì quên mất lời hứa (c.8, 9:28; 10:16-17) (8:15, 32; 9:34-35; 10:20). Đức Chúa Trời đã đáp lời cầu nguyện của Môi-se và cất những đàn ruồi đi, nhưng Pha-ra-ôn càng cứng lòng nhiều hơn.

2. Chống Đối

Xuất Ê-díp-tô Ký 9:1-12

¹ Đức Giê-hô-va bèn phán cùng Môi-se rằng: Hãy đi ra mắt Pha-ra-ôn mà tâu rằng: Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của dân Hê-bơ-rơ, có phán như vậy: Hãy tha dân ta đi, đừng chúng nó hầu việc ta; ² vì nếu người từ chối không tha đi, còn cầm lại nữa, ³ nầy, tay của Đức Giê-hô-va sẽ tra vào các súc vật của người ngoài đồng, vào ngựa, lừa, lạc đà, bò, và chiên: sẽ có dịch lệ rất lớn. ⁴ Đức Giê-hô-va sẽ phân biệt súc vật của dân Y-sơ-ra-ên cùng súc vật của người Ê-díp-tô, sẽ chẳng có một con nào của dân Y-sơ-ra-ên bị chết. ⁵ Đức Giê-hô-va định kỳ mà rằng: Đến mai, Đức Giê-hô-va sẽ làm sự đó tại trong xứ. ⁶ Vừa đến mai, Đức Giê-hô-va làm sự đó, hết thảy súc vật của người Ê-díp-tô đều chết; nhưng của dân Y-sơ-ra-ên chẳng chết một con nào. ⁷ Pha-ra-ôn sai người đi xét, thấy chẳng có một con súc vật nào

60 / Xuất Ê-díp-tô Ký

của dân Y-sơ-ra-ên chết hết. Nhưng Pha-ra-ôn rắn lòng, chẳng cho dân đi.

⁸ Đức Giê-hô-va bèn phán cùng Môi-se và A-rôn rằng: Hãy hốt tro trong lò đẩy tay các người, rồi tạt trước mặt Pha-ra-ôn, Môi-se sẽ vãi tro đó lên trời. ⁹ Tro sẽ hóa thành bụi khắp cả xứ Ê-díp-tô, và sanh nhiều ghê chốc cương mủ trên mình người và súc vật trong khắp cả xứ Ê-díp-tô. ¹⁰ Vậy, hai người hốt tro trong lò, đứng trước mặt Pha-ra-ôn, rồi Môi-se vãi tro lên trời, thì sanh ra ghê chốc cương mủ trên mình người ta và súc vật. ¹¹ Các thuật sĩ đứng trước mặt Môi-se không được, vì cơ ghê chốc đã sanh trên mình các thuật sĩ như trên mình của hết thầy người Ê-díp-tô. ¹² Đức Giê-hô-va làm cho Pha-ra-ôn cứng lòng, không nghe Môi-se và A-rôn chút nào, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán cùng Môi-se.

Khi nghiên cứu về những tai vạ của Ai Cập, hãy luôn nhớ đến mục đích của Đức Chúa Trời. Trước hết, Ngài bày tỏ quyền năng Ngài trước Pha-ra-ôn cùng quần thần của ông ta và chứng minh với họ rằng chỉ một mình Ngài là Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống. Đồng thời, Chúa phơi trần tính phù phiếm trong tôn giáo của Ai Cập và sự hư không của nhiều vị thần mà họ thờ lạy, kể cả chính Pha-ra-ôn. Tất cả những gì Đức Chúa Trời đã làm trên xứ Ai Cập là để nhắc nhở con dân Ngài rằng Đức Chúa Trời của họ đang chiến đấu cho họ và họ không phải lo lắng hay sợ hãi.

Tai vạ thứ năm (Xuất Ê-díp-tô Ký 9:1-7). Môi-se thông báo với Pha-ra-ôn rằng nếu ông ta không để cho dân Y-sơ-ra-ên ra đi trong vòng 24 giờ thì mọi súc vật trong đồng ruộng của Ai Cập bị Đức Giê-hô-va tiêu diệt. Đức Chúa Trời sẽ giáng bệnh dịch khủng khiếp trên ngựa, lừa, lạc đà, gia súc, chiên và dê trong các đồng ruộng, và chúng sẽ chết hết. Chúng ta không biết dịch bệnh này là gì và cũng không ích lợi để suy đoán. Chỉ cần biết một điều là Đức Chúa Trời đã giáng tai vạ hủy diệt hết gia súc trong đồng ruộng ⁴. Vì dân Ai Cập xem bò đực, bò cái, chiên và một số gia súc khác là thần nên tai vạ này là một đòn nặng đối

với tín ngưỡng của dân Ai Cập.

Nhưng Đức Chúa Trời giữ lời hứa của Ngài và bảo vệ đàn gia súc của dân Do Thái sống trong xứ Gô-sen. Khi Gia-cốp và gia đình ông đến Ai Cập trong khoảng thời gian đương quyền của Giô-sép, họ đã đem bầy chiên và bầy gia súc theo (*Sáng Thế Ký* 45:10; 47:1; 50:8). Trong thời kỳ làm nô lệ, dân Do Thái được phép giữ lại gia súc, vì ở cuộc hành trình rời khỏi Ai Cập, họ đem theo rất nhiều gia súc (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:37-38).

Pha-ra-ôn đã đáp ứng ra sao với tai vạ khủng khiếp này? Ông ta vẫn cứng lòng và chống lại quyền năng Chúa. “Người nào hằng kính sợ luôn luôn lấy làm có phước thay; còn ai cứng lòng mình sẽ sa vào tai nạn” (*Châm Ngôn* 28:14). Lòng kính sợ Đức Chúa Trời này sẽ thúc đẩy chúng ta vâng theo lệnh Chúa. “Kính sợ Đức Giê-hô-va ấy là khởi đầu sự khôn ngoan” (*Châm Ngôn* 9:10), nhưng người cứng lòng không nhận ra Đức Chúa Trời và lẽ thật của Ngài (*Ê-phê-sô* 4:18).

Tai vạ thứ sáu (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 9:8-12). Không có sự ngăn đe nào khi tai vạ thứ sáu xảy ra. Môi-se và A-rôn chỉ đến các lò gạch, đổ tro đầy bàn tay, rải ra trong không khí, và giao phó cho Đức Chúa Trời phần việc còn lại. Đức Chúa Trời đã giữ lời hứa của Ngài vì bất cứ nơi nào tro rơi trên dân Ai Cập và gia súc của họ đều sinh ra những mụn nhọt mưng mủ đau đớn. Một lần nữa, dân Do Thái ở xứ Gô-sen lại được bảo vệ an toàn (c.11) ⁵.

Pha-ra-ôn cho mời các thuật sĩ của ông ta đến, nhưng họ không thể đến được. Những mụn nhọt mọc khắp mình họ, không có cách gì chạy chữa! Tai nạn này không chỉ đau đớn mà còn bẽ bàng vì dân Ai Cập rất trọng sự tinh sạch thuộc thể. Họ tắm rửa thường xuyên nhưng vết mưng mủ khiến cho việc tắm rửa rất khó khăn.

Xứ Ai Cập bị tàn phá và dân chúng đau đớn cùng cực, nhưng Pha-ra-ôn vẫn không muốn khuất phục. Ông ta tiếp

62 / Xuất Ê-díp-tô Ký

tục chống lại Chúa cùng các tôi tớ Ngài, và mỗi hành động bất tuân chỉ càng làm ông ta cứng lòng hơn. “Người nào bị quả trách thưởng, lại cứng cổ mình, sẽ bị bại hoại thành linh, không phương cứu chữa” (*Châm Ngôn 29:1*).

3. Lửa Đối

Xuất Ê-díp-tô Ký 9:13-35

¹³ Đoạn, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Người hãy thức dậy sớm, ra mắt Pha-ra-ôn mà nói rằng: Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của dân Hê-bơ-rơ, có phán như vậy: Hãy tha dân ta đi, để chúng nó hầu việc ta; ¹⁴ vì lần này ta sẽ giáng các tai nạn cho lòng người, quần thần, và dân người, hầu cho người biết rằng khắp thế gian chẳng có ai bằng ta. ¹⁵ Nếu bây giờ, ta đã đưa tay ra hành hại người bịnh dịch, thì người cùng dân người đều đã bị diệt khỏi đất rồi. ¹⁶ Nhưng vì cố nầy ta để người còn sống, là cho người thấy quyền năng của ta, hầu cho danh ta đồn khắp cả thiên hạ. ¹⁷ Nếu người còn cản trở, không để cho dân ta đi, ¹⁸ thì mai, tại giờ nầy, ta sẽ làm một đám mưa đá lớn, đến đổ tại xứ Ê-díp-tô từ khi khai sáng cho đến ngày nay chẳng có đám mưa nào giống như vậy. ¹⁹ Thế thì, bây giờ hãy sai đem lục súc và mọi vật thuộc về người ở ngoài đồng vào, cho khỏi hiểm nghèo. Mưa đá sẽ rớt xuống trên mọi người và vật đương ở ngoài đồng không vào nhà, thì sẽ chết hết. ²⁰ Những kẻ nào trong quần thần Pha-ra-ôn có lòng kính sợ lời Đức Giê-hô-va, lật đật rút đầy tổ và súc vật mình về nhà; ²¹ còn kẻ nào chẳng chú ý về lời Đức Giê-hô-va, thì để đầy tổ và súc vật mình ở ngoài đồng.

²² Đức Giê-hô-va bèn phán cùng Môi-se rằng: Hãy đưa tay người lên trời, làm mưa đá rớt xuống trên cả xứ Ê-díp-tô, trên mình người, súc vật, và khắp rau cỏ ngoài đồng. ²³ Môi-se bèn đưa gậy mình lên trời, Đức Giê-hô-va làm cho sấm động, mưa đá sa, lửa chạy trên mặt đất. Vậy, Đức Giê-hô-va khiến mưa đá sa trên xứ Ê-díp-tô. ²⁴ Và, có mưa đá sa xuống và lửa cháy rất mạnh pha lộn với, đến đổ từ khi xứ Ê-díp-tô lập quốc đến giờ, chẳng có giống như vậy. ²⁵ Thế thì, trong cả xứ Ê-díp-tô, mưa đá làm hại mọi vật ở ngoài đồng, nào người ta, nào súc vật, nào rau cỏ, và làm gãy cây cối nữa. ²⁶ Chỉ đất Gô-sen, là nơi dân Y-sơ-ra-ên ở, chẳng có mưa đá mà thôi.

²⁷ Pha-ra-ôn bèn truyền đòi Môi-se và A-rôn mà phán rằng: Lần này trẫm đã phạm tội; Đức Giê-hô-va là công bình; trẫm cùng dân của trẫm là kẻ phạm tội. ²⁸ Hãy cầu nguyện Đức Giê-hô-va, hầu cho tan sấm sét và mưa đá; rồi trẫm sẽ tha các người đi, không đợi lâu nữa

đâu. ²⁹ Môi-se bèn đáp rằng: Vừa khi tôi ra khỏi thành, tôi sẽ đưa tay lên Đức Giê-hô-va, sấm sét sẽ lặn, mưa đá sẽ tan, hầu cho bệ hạ biết rằng trái đất thuộc về Đức Giê-hô-va. ³⁰ Nhưng tôi biết rằng bệ hạ và quần thần chưa kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời. (³¹ Và, trong lúc đó, lúa mạch trở bông, cây gai có hoa, nên lúa mạch và gai bị đập nát; ³² còn lúa mì và tiểu mạch trở muộng, nên không bị đập). ³³ Vậy, Môi-se lui khỏi Pha-ra-ôn, đi ra thành, đưa tay lên Đức Giê-hô-va, sấm sét và mưa đá tạnh, mưa bèn ngớt hột trên mặt đất. ³⁴ Khi Pha-ra-ôn thấy mưa, mưa đá và sấm sét đã tạnh rồi, người và quần thần lại rần lòng, cứ phạm tội nữa. ³⁵ Vậy Pha-ra-ôn cứng lòng, không tha dân Y-sơ-ra-ên đi, y như lời Đức Giê-hô-va đã cậy Môi-se mà phán.

Có vẻ như Môi-se đã không đạt được mục đích của mình, vì mỗi tai vạ mới, làm cho tình thế trở nên trầm trọng hơn. Nhưng Đức Chúa Trời đang nắm quyền tể trị và Ngài biết điều Ngài đang làm. Chúa luôn có một lời hứa cho các tôi tớ Ngài. Tất cả những gì họ phải làm là lắng nghe, tin cậy và vâng lời.

Lời cảnh cáo thứ năm (Xuất Ê-díp-tô Ký 9:13-21). Cho đến bây giờ, đây là lời cảnh cáo dài nhất, có lẽ vì nó báo cho biết về tai vạ gây sự tàn hại nặng nề nhất mà Đức Chúa Trời đã từng giáng xuống. Một lần nữa Môi-se rao ra mạng lệnh của Đức Chúa Trời rằng Pha-ra-ôn phải để cho dân Do Thái rời khỏi xứ này để nhóm họp biệt riêng ra cho Chúa, nhưng lần này Chúa thêm vào một lời cảnh cáo đặc biệt: Đức Chúa Trời của dân Hê-bơ-rơ giáng tai vạ nặng hơn trên Pha-ra-ôn, trên dân chúng và xứ này (c.14). Lòng Pha-ra-ôn trở nên cứng cõi hơn, vì vậy sự trừng phạt của Đức Chúa Trời phải trở nên khắc nghiệt hơn.

Môi-se đã nhắc nhở vua về *lòng thương xót của Chúa*: “Vì nếu bây giờ ta đưa tay ra hành hại người với dân người bằng bệnh dịch, thì các người đã bị diệt khỏi đất rồi” (c.15). Chỉ bởi lời phán ra, Đức Chúa Trời có thể diệt sạch toàn bộ xứ Ai Cập, nhưng trong sự thương xót của Ngài, Đức Chúa Trời vẫn nương tay. Lẽ ra Pha-ra-ôn phải biết

64 / Xuất Ê-díp-tô Ký

ơn Ngài, nhưng ông ta cứ tiếp tục chống đối Chúa.

Môi-se cũng nhắc nhở Pha-ra-ôn về *ân sủng của Đức Chúa Trời* (c.16), một bài học mà nhiều nhà độc tài đã phải học một cách khó khăn (*Đa-ni-ên* 4:28-33; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 12:20-24). Nếu không nằm trong ý muốn tối cao của Đức Chúa Trời thì Pha-ra-ôn đã không thể làm vua Ai Cập. Mỗi lần Pha-ra-ôn chống nghịch cùng Đức Chúa Trời, Chúa đã dùng chính hoàn cảnh đó để bày tỏ quyền năng Ngài và làm vinh hiển danh Ngài. Nếu Pha-ra-ôn tự nhắc mình lên nghịch với Đức Chúa Trời thì Đức Chúa Trời sẽ tôn cao chính Ngài qua Pha-ra-ôn (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 9:16). Phao-lô đã trích dẫn câu 16 trong (*Rô-ma* 9:17) như một lời giải thích của ông về sự công bình và thương xót của Đức Chúa Trời có liên quan đến Y-sơ-ra-ên⁶.

Ngày hôm sau, Đức Chúa Trời giáng “cơn mưa đá lớn nhất chưa từng rơi trên Ai Cập” (9:18), vì vậy Môi-se khuyên dân tập trung tại một nơi an toàn cùng tất cả gia súc không ở trong đồng ruộng và còn sống sót qua tai vạ thứ năm. Ngay cả một số tôi tớ của Pha-ra-ôn giữ dây cũng tin Lời Đức Chúa Trời và làm theo lời ấy, nhưng vua của họ vẫn tiếp tục cứng lòng.

Tai vạ thứ bảy (9:22-26). Ngày kế tiếp, Môi-se đưa cây gậy của ông lên trời, và Đức Chúa Trời giáng sấm động⁷, mưa (c.33), đá và sét trên đất. Bất cứ người hay thú vật nào không có chỗ ẩn nấp đều bị giết chết, còn cây cối trong đồng ruộng đều bị hủy hoại. Vì cây gai và lúa mạch đã sẵn sàng cho mùa gặt (c.31) nên tai vạ này chắc đã xảy đến trong tháng 1 hoặc tháng 2. Một lần nữa, Chúa bảo vệ dân Ngài trong xứ Gô-sen. Không người dân Y-sơ-ra-ên nào bị tai nạn.

Pha-ra-ôn lại nói dối (9:27-35). Nhìn thấy sự tàn phá trong xứ mình, Pha-ra-ôn vội mời Môi-se và A-rôn đến, là

việc mà ông ta cũng đã làm trước đó (8:8) và sẽ còn làm nữa (10:16). Tuy nhiên, lần này vị vua kiêu ngạo đã nhận biết sự công bình của Đức Chúa Trời và thừa nhận rằng ông phạm tội ! (ông ta lại sẽ thừa nhận điều này. Xem 10:17). Tuy nhiên, sự xưng tội của ông ta không thành thật vì không kèm theo sự vâng lời ⁸. Môi-se biết rằng vua này thật sự không kính sợ Chúa. Pha-ra-ôn và quần thần của ông ta chỉ muốn thoát cơn mưa đá khủng khiếp này thôi.

Trong ân sủng Đức Chúa Trời, Ngài đã nhậm lời cầu nguyện của Môi-se và cho dừng lại tai vạ. Pha-ra-ôn vẫn lừa dối, vẫn thất hứa và không để dân Y-sơ-ra-ên ra đi. Cho đến khi nào ông ta mới hiểu được rằng không thể chống lại Đức Chúa Trời và chiến thắng Ngài?

4. Nài Xin

Xuất Ê-díp-tô Ký 10:1-20

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Hãy đi đến Pha-ra-ôn, vì ta đã làm rần lòng người và lòng quần thần, để làm cho các dấu lạ của ta tỏ ra giữa họ, ² hầu cho người thuật cùng con và cháu mình những công việc to tát ta đã làm trên dân Ê-díp-tô, các dấu lạ ta đã làm giữa vòng họ, đặng các người biết rằng ta là Đức Giê-hô-va. ³ Môi-se và A-rôn bèn đi đến Pha-ra-ôn mà tâu rằng: Giê-hô-va là Đức Chúa Trời dân Hê-bơ-rơ, có phán như vậy: Người không chịu hạ mình trước mặt ta cho đến chừng nào? Hãy tha dân ta đi, để chúng nó hầu việc ta. ⁴ Nếu từ chối, không cho dân ta đi, này, ngày mai ta sẽ sai bão đến địa phận người; ⁵ nó sẽ phủ rợp trên mặt đất, người ta chẳng còn thấy đất nữa; nó sẽ cắn xả những vật chi còn lại, tức vật nào trận mưa đá còn chừa lại; nó cũng cắn xả những cây mọc ngoài đồng ruộng các người, ⁶ vào đầy cung điện người, dinh thất của quần thần người, và nhà cửa của người Ê-díp-tô: ấy là một điều tổ phụ người, đến đời thủy tổ người, cũng chẳng bao giờ thấy từ khi họ đã có trên mặt đất cho đến ngày nay. Đoạn, Môi-se xây mặt lui ra khỏi Pha-ra-ôn. ⁷ Quần thần Pha-ra-ôn tâu rằng: Đến chừng nào người này mới thôi gài bẫy ta? Hãy tha dân ấy đi, để chúng nó hầu việc Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng nó! Bệ hạ há chưa biết rằng nước Ê-díp-tô đã bị nguy vong sao?

⁸ Họ bèn truyền đòi Môi-se và A-rôn trở lại cùng Pha-ra-ôn; người

nói rằng: Hãy đi hầu việc Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi. Hết thấy những ai là người phải đi? ⁹ Môi-se tâu rằng: Chúng tôi đi, sẽ đem nam phụ lão ấu và chiên bò theo, vì về phần chúng tôi, ấy là một lễ của Đức Giê-hô-va. ¹⁰ Pha-ra-ôn bèn nói rằng: Cầu xin Đức Giê-hô-va ở cùng các ngươi! Hồ để ta cho các ngươi cùng con cái đều đi sao! Không! Quả thật không cho đâu, vì các ngươi có mưu ác! ¹¹ Không được vậy đâu, chỉ các ngươi, là đàn ông, phải đi hầu việc Đức Giê-hô-va, vì là điều các ngươi đã xin. Đoạn, họ bèn đuổi Môi-se và A-rôn khỏi trước mặt Pha-ra-ôn.

¹² Đức Giê-hô-va bèn phán cùng Môi-se rằng: Hãy đưa tay ngươi ra trên xứ Ê-díp-tô, đặng khiến cào cào tràn lên xứ đó, cắn xả rau cỏ và mọi vật chi trên đất mưa đá còn chừa lại. ¹³ Vậy, Môi-se bèn đưa gậy mình ra trên xứ Ê-díp-tô, thì Đức Giê-hô-va dẫn ngọn gió đông thổi trên xứ suốt ngày và đêm đó; qua sáng mai gió đông đã dẫn cào cào đến. ¹⁴ Cào cào tràn lên khắp cả xứ Ê-díp-tô, và sa xuống trong địa hạt xứ ấy nhiều vô số. Trước kia chẳng bao giờ có bằng số đó, sau nầy cũng chẳng hề sẽ có bằng như vậy. ¹⁵ Cào cào bao phủ khắp mặt đất của cả xứ, và xứ thành ra tối tăm, cắn xả các rau cỏ ngoài đồng cùng trái cây mà mưa đá còn chừa lại; trong khắp xứ Ê-díp-tô chẳng còn chút xanh tươi chi cho cây cối hay là cho cỏ rau ở ngoài đồng ruộng nữa.

¹⁶ Pha-ra-ôn vội đòi Môi-se và A-rôn đến mà phán rằng: Trẫm đã phạm tội cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi, và cùng các ngươi nữa. ¹⁷ Nhưng bây giờ, xin xá tội cho trẫm lần nầy; và hãy cầu giùm Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi, hầu cho ít nữa Ngài khiến xa trẫm cái vạ chết nầy. ¹⁸ Môi-se bèn lui ra khỏi Pha-ra-ôn, và khẩn nguyện Đức Giê-hô-va. ¹⁹ Đức Giê-hô-va dẫn ngọn gió tây đến rất mạnh, đem cào cào đi đuổi xuống Biển đỏ; khắp địa hạt Ê-díp-tô chẳng còn một con cào cào nào. ²⁰ Nhưng Đức Giê-hô-va làm cho Pha-ra-ôn cứng lòng; người chẳng tha dân Y-sơ-ra-ên đi.

Lời Đức Chúa Trời truyền dạy Môi-se trong lần gặp mặt kế tiếp của ông với Pha-ra-ôn, cho ta biết thêm một lý do nữa về các tai vạ Ngài giáng xuống: Dân Do Thái có thể kể lại cho con cháu về quyền năng đáng kính sợ của Đức Chúa Trời vĩ đại.

Mục đích này cũng đã được ghi lại trong kỳ lễ Vượt Qua (12:26-27; 13:8, 14-15). Dù ở tại gia đình hay trong Hội Thánh địa phương, ta cũng cần cho con cháu biết và trân

trọng cách thức mà Đức Chúa Trời đã vừa giúp các thế hệ trước. Nhớ lại và cảm tạ về những công việc kỳ diệu của Đức Chúa Trời, kể cả về những điều mà Chúa đã làm cho Pha-ra-ôn là một trong những chủ đề cơ bản của sách *Phục Truyền Luật Lệ Ký* (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 4:34; 7:18-19; 26:5-8; 29:1-3).

Những câu hỏi then chốt (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 10:3-11). Trong lần chạm trán với Pha-ra-ôn lần này có ba câu hỏi then chốt. Trước hết, Môi-se và A-rôn hỏi Pha-ra-ôn: ông ta sẽ chống cự Đức Chúa Trời cho đến chừng nào. Pha-ra-ôn được dân Ai Cập xem như thần thánh. Môi-se phải thật can đảm mới dám bảo thẳng với Pha-ra-ôn rằng ông ta là một người kiêu ngạo. Tuy nhiên, Môi-se và A-rôn biết rằng Chúa sẽ bảo vệ họ. Họ cảnh cáo Pha-ra-ôn rằng nếu ông ta không vâng lời, những đàn cào cào nhiều vô số sẽ tràn vào trong xứ hủy hoại vật gì còn sót lại sau cơn mưa đá. Môi-se và A-rôn ra về ngay sau khi cảnh cáo như trên mà không chờ đợi một câu trả lời hay một lời hứa giả dối nào.

Câu hỏi thứ hai đến từ các quần thần của Pha-ra-ôn “Người này sẽ là một cái bẫy cho chúng ta đến chừng nào?” (c.7). Họ muốn nói rằng Pha-ra-ôn đã sai lầm trong việc không để cho dân Do Thái đi, và thậm chí họ còn dám nhắc nhở ông ta rằng chính sách bài Do Thái của ông đã tàn diệt xứ Ai Cập. Các quần thần phải liều lĩnh lắm mới dám nói điều này với Pha-ra-ôn. Dân tộc họ đang ở trong tình cảnh tuyệt vọng, họ không lên tiếng thì ai sẽ lên tiếng cho. Dân Do Thái tạm thời ngưng công việc để ra đi thì có tổn hại gì ghê gớm đâu?

Pha-ra-ôn đã cho gọi Môi-se và A-rôn trở lại cung điện và đưa ra câu hỏi thứ ba: “Ai là những người sẽ đi?” (c.8). Môi-se cho biết rõ rằng Đức Chúa Trời muốn mọi người đều phải đi trong cuộc hành trình kéo dài ba ngày này. Tất cả đàn ông, đàn bà, trẻ em, người trẻ tuổi và người già cả,

cũng như cả bảy chiên và bảy gia súc dùng làm của lễ dâng lên cho Chúa. Pha-ra-ôn chỉ để những người nam ra đi, còn gia đình của họ phải ở lại làm con tin. Môi-se và A-rôn đã khước từ đề nghị này.

Pha-ra-ôn giận dữ báng bổ danh Đức Chúa Trời (c. 10-11). Ý của Pha-ra-ôn muốn mỉa mai rằng “nếu ta để cho các người đi thì Chúa quả có ở cùng các người”. Ban dịch Kinh Thánh Living Bible đã chú giải lại câu đó rằng, “Trong danh Đức Chúa Trời ta sẽ không để cho các người đem theo con cái của các người đi!” Pha-ra-ôn hiểu lời yêu cầu của Môi-se và A-rôn như một âm mưu xấu xa để trốn thoát khỏi ách nô lệ của họ tại xứ Ai Cập. Nếu mọi người đàn ông Do Thái đều ra đi đem theo gia đình cùng với gia súc của họ thì họ sẽ không bao giờ phải quay trở lại!

Pha-ra-ôn ra lệnh cho quần thần của ông ta đuổi Môi-se và A-rôn ra khỏi cung điện. Về phần mình, Pha-ra-ôn xem như đã dứt khoát với Môi-se và A-rôn, và sẽ không bao giờ phải nghe sứ điệp của Chúa qua họ nữa. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời có kế hoạch khác. Pha-ra-ôn sau đó lại phải hạ mình cầu cứu lần nữa.

Cào cào lan tràn (Xuất-Ê-díp-tô 10:12-15). Đức Chúa Trời biết rõ những đối đáp giữa Môi-se và Pha-ra-ôn. Ngài sẵn sàng để đáp lại sự lộng ngôn và bất tuân của Pha-ra-ôn. Khi Môi-se đưa cây gậy của ông lên trời, Đức Chúa Trời khiến một ngọn gió đông thổi vào buổi chiều và cả đêm hôm đó. Ngọn gió đã đem vô số đàn cào cào vào xứ. Chúng bắt đầu cắn phá tất cả các loại hoa màu còn sót lại sau tai vạ trước (9:32).

Trong ngôn ngữ Hê-bơ-rơ có đến mười một chữ chỉ con cào cào. Như vậy đủ thấy cào cào là giống vật rất quen thuộc trong đời sống Hê-bơ-rơ, nhất là vào thời Cựu Ước. Dân Do Thái được phép ăn một vài loại cào cào nào đó (*Lê-vi Ký 11:20-23; Phục Truyền Luật Lệ Ký 14:19-20*

xem *Ma-thi-ơ* 3:1-4), nhưng đa phần, họ ghét các sinh vật này vì chúng có thể cắn phá hoa màu với tốc độ thật kinh khiếp. Dân Y-sơ-ra-ên dùng hình ảnh đàn cào cào để mô tả bất cứ điều gì nhanh chóng xâm nhập và tàn phá xứ sở của họ (*Các Quan Xét* 6:5; 7:12; *Ê-sai* 33:4; *Giê-rê-mi* 46:23 51:14, 27) và tiên tri Giê-ên đã ví sánh những con cào cào với một đội quân xâm lược (*Giô-ên* 1:1-2:32 xem *A-mốt* 7:1-3).

Sự cầu thay (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 10:16-19). Nếu quần thần của Pha-ra-ôn nghĩ rằng Ai Cập đã bị sụp đổ (c.7), vậy ý kiến của họ về tình cảnh sau khi cào cào đến là gì? Trong một thời gian ngắn, không một thứ cây cỏ nào còn lại bất cứ nơi nào trong xứ, và các sinh vật này đã xâm lấn nhà cửa cũng như các cánh đồng (c.6). Đó là thiên tai tàn phá xứ Ai Cập nặng nề nhất trong lịch sử của xứ này. Qua việc hủy phá hoa màu, Đức Chúa Trời không chỉ làm cho xứ phá sản, Ngài còn đắc thắng trên Osiris, thần của sinh sản và mùa màng tại Ai Cập. Ngài cũng cho thấy rằng Ngài có quyền tể trị trên gió.

Một lần nữa Pha-ra-ôn muốn thoát nạn mà không muốn ăn năn, và Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót đã chấp nhận lời cầu xin của ông ta. Đức Chúa Trời đã chứng minh sự vĩ đại của Ngài bằng cách đảo ngược những cơn gió và đem tất cả cào cào xuống Biển Đỏ. Về sau ta cũng thấy, Ngài nhận chìm quân đội của Pha-ra-ôn dưới Biển Đỏ để dân Y-sơ-ra-ên an toàn tiến vào Đất Hứa.

5. Đe Dọa

Xuất Ê-díp-tô Ký 10:21-29

²¹ Đức Giê-hô-va bèn phán cùng Môi-se rằng: Hãy đưa tay ngươi lên trời, hầu cho trên xứ Ê-díp-tô có sự tối tăm dày đến nỗi người ta rờ dụng đến được. ²² Vậy, Môi-se đưa tay mình lên trời, bèn có sự tối tăm rất dày trong ba ngày tại xứ Ê-díp-tô; ²³ trong ba ngày đó người ta không thấy nhau được, không ai nhớm khỏi chỗ mình được. Nhưng

70 / Xuất Ê-díp-tô Ký

trong chốn dân Y-sơ-ra-ên ở thì có ánh sáng cho họ.

²⁴ Pha-ra-ôn bèn đòi Môi-se mà phán rằng: Hãy đi hầu việc Đức Giê-hô-va; con trẻ các người đi theo nữa; chỉ bấy chiên và bò ở lại thôi.

²⁵ Nhưng Môi-se trả rằng: Chính bệ hạ hãy cấp cho chúng tôi các con sinh và vật chi dùng làm của lễ thiêu để dâng cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi. ²⁶ Các bầy lục súc sẽ theo chúng tôi nữa, không còn để lại một móng chân nào; vì chúng tôi sẽ dùng mấy con thú đó mà hầu việc Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi, Chúng tôi biết vật chi dùng để thờ phượng Đức Giê-hô-va, chỉ khi nào sẽ đến nơi đó. ²⁷ Nhưng Đức Giê-hô-va làm cho Pha-ra-ôn cứng lòng, nên người không khứng cho dân Y-sơ-ra-ên đi. ²⁸ Pha-ra-ôn nói rằng: Hãy lui ra khỏi ta cho rảnh! Khá giữ mình đừng thấy mặt ta nữa, vì ngày nào người thấy mặt ta thì sẽ chết! ²⁹ Môi-se bèn nói rằng: Bệ hạ nói phải lắm; tôi chẳng hề thấy mặt bệ hạ nữa đâu.

Chúng ta không biết bao lâu sau khi cào cào rời khỏi Ai Cập thì Đức Chúa Trời giáng xuống tai vạ thứ 9, nhưng sự tối tăm khắp xứ trong ba ngày đã chứng minh rằng Đức Giê-hô-va vĩ đại hơn Ra (hoặc Re) và Horus, là hai vị thần được dân Ai Cập tôn sùng như thần mặt trời. Sự tối tăm không phải là do một cơn bão cát nhưng là một phép lạ từ bàn tay Đức Chúa Trời của dân Hê-bơ-rơ. Dân Y-sơ-ra-ên vẫn được soi sáng trong xứ Gô-sen và cũng sẽ được soi sáng trên đường thoát ra Ai Cập (14:19-20). Dân của thế gian (dân Ai Cập) bước đi trong sự tối tăm nhưng dân của Đức Chúa Trời bước đi trong sự sáng (*Giăng* 3:19-21; *I Giăng* 1:5-10).

Trong cơn hoạn nạn, Pha-ra-ôn đã cho gọi Môi-se và A-rôn đến và đưa ra một lời đề nghị nữa: Dân Do Thái được phép tiến hành cuộc hành trình của họ để thờ phượng Chúa, nhưng không được đem theo bầy gia súc của họ. Ý định của Pha-ra-ôn là tịch thu toàn bộ gia súc của họ để bù lại những gì ông đã mất trong tai vạ, và sau đó phái quân đội đuổi bắt dân Do Thái trở lại với kiếp nô lệ cho Ai Cập. Môi-se và A-rôn đã bác bỏ đề nghị này, không chỉ vì họ thấy rõ bản chất gian xảo của ông ta, mà còn biết rằng dân

Y-sơ-ra-ên phải vâng theo mọi ý muốn của Đức Chúa Trời.

Pha-ra-ôn là một người kiêu ngạo, không thích bị lép vế trước những người mà ông xem là thấp kém hơn. Môi-se và A-rôn từ chối bốn lời đề nghị của Pha-ra-ôn và họ cương quyết đòi phải để cho dân Y-sơ-ra-ên đi. Hai người Do Thái khiêm nhường này đã tỏ mình mạnh mẽ hơn cả Pha-ra-ôn cao quý của Ai Cập - con trai của các thần. Bằng những sự đoán phạt đầy quyền năng của Ngài, Đức Chúa Trời của dân Hê-bơ-rơ đã bắt dân tộc Ai Cập hùng mạnh phải khuất phục. Quân thần của Pha-ra-ôn cùng dân chúng Ai Cập rất trọng vọng Môi-se (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 11:3).

Pha-ra-ôn là một người chiến bại, nhưng ông ta sẽ không thừa nhận mình chiến bại. Trái lại, ông ta vẫn còn tìm cách đe dọa Môi-se. Ông cảnh cáo Môi-se rằng nếu Môi-se trở lại cung điện gặp Pha-ra-ôn thì sẽ bị giết chết. Sẽ không có một cuộc tiếp kiến chính thức nào nữa với Pha-ra-ôn.

Nhưng trước khi Môi-se rời cung điện, ông đã rao ra lời cảnh báo sau cùng của Đức Chúa Trời về tai vạ cuối: Các con đầu lòng sẽ chết. Môi-se cảnh cáo vẫn tắt như thế rồi giận dữ bỏ về⁹. Pha-ra-ôn đe dọa giết Môi-se, nhưng Đức Chúa Trời sẽ giết hết mọi con trai đầu lòng trong xứ Ai Cập và nhận chìm đoàn quân tan rã của Ai Cập. Tuy Pha-ra-ôn bảo là không muốn gặp mặt Môi-se nữa, nhưng vào đêm lễ Vượt Qua, lại cho gọi Môi-se và cầu xin sự giúp đỡ của ông một lần nữa (12:31).

Sự cứng lòng của Pha-ra-ôn là một lời cảnh cáo cho tất cả chúng ta. Nếu tấm lòng của tội nhân không đáp ứng với Lời Đức Chúa Trời bởi đức tin thì không thể được biến đổi bởi ân sủng Đức Chúa Trời (*Ê-xê-chi-ên* 36:26-27; *Hê-bơ-rơ* 8:7-13). Càng chống nghịch với lẽ thật của Đức Chúa

72 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Trời con người sẽ càng cứng cõi hơn. Dù Đức Chúa Trời giáng tai họa bao nhiêu lần nữa thì cũng chỉ làm thêm lên sự bất tuân. Vào những ngày sau rốt, khi Đức Chúa Trời giáng những sự xét đoán kinh khiếp của Ngài trên thế gian (*Khải Thị* 6:1-16:21)¹⁰, người ta vẫn cứ rửa sả Đức Chúa Trời và ghì mài trong tội lỗi, không chịu ăn năn (6:15-17; 9:20-21; 16:9, 11). Thế giới sẽ đầy dẫy những người nam người nữ giống như Pha-ra-ôn, thấy rõ sự xét đoán của Đức Chúa Trời mà vẫn không ăn năn.

“Ngày nay, nếu các người nghe tiếng Ngài, thì chớ cứng lòng” (*Hê-bơ-rơ* 8:7).

“Sa vào tay Đức Chúa Trời hằng sống là sự đáng kinh khiếp thay” (10:31).

Chú thích

¹ Pha-ra-ôn đã ban xứ Gô-sen cho gia đình Giô-sép để đền đáp công trình của Giô-sép đã phục vụ xứ Ai Cập. Xin xem *Sáng Thế Ký* 45:10 và 50:8.

² Xin xem *Xuất Ê-díp-tô Ký* 19:5-6 và *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 32:8-9; 33:16. Ba-la-am đã nhận ra những nét đặc thù của dân tộc Y-sơ-ra-ên nên ông gọi dân Do Thái là “một dân ở riêng và không nhập vào các dân tộc” (*Dân Số Ký* 23:9). Trong *Rô-ma* 9:1-5 Phao-lô liệt kê ra những phước hạnh đặc biệt mà Đức Chúa Trời đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên. Việc dân Do Thái là tuyển dân của Đức Chúa Trời không có nghĩa là họ tốt lành hơn bất cứ dân nào khác (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 7:6-11), nhưng họ thuộc về Đức Chúa Trời cách đặc biệt, có những nhiệm vụ đặc biệt để thực hiện giữa thế gian này, và họ cũng phải chịu trách nhiệm cách đặc biệt vì cơ những đặc quyền này (*A-mốt* 3:2).

³ Nữ thần Hathor được mô tả là có đầu bò cái, thần Apis

có đầu bò đực, và thần Khnum có đầu chiên đực. Bò cái là vật thiêng liêng đối với Isis, và đối với Amon vật thiêng liêng là chiên đực. Nếu dân Ai Cập thấy dân Y-sơ-ra-ên dâng tế những con vật này cho Đức Giê-hô-va, họ sẽ chống đối kịch liệt và còn có thể tấn công dân Y-sơ-ra-ên, là những nô lệ trong xứ.

⁴ Vì trong xứ Ai Cập vẫn còn lại một số gia súc để bị sát hại trong hai tai vạ kế tiếp (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 9:9, 19-21) nên từ “hết thảy” trong câu 6 chỉ có nghĩa tương đối. Cũng lưu ý rằng gia súc bị giết bởi tai vạ thứ 5 đều ở ngoài đồng chứ không phải trong chuồng.

⁵ Đức Chúa Trời cảnh cáo Y-sơ-ra-ên rằng nếu họ bất tuân Ngài sau khi đã vào Vùng Đất Hứa thì Ngài sẽ giáng cho họ ghê chốc đau đớn như Ngài đã làm trên dân Ai Cập (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 28:27, 35).

⁶ Việc Đức Chúa Trời cho phép Pha-ra-ôn cai trị xứ Ai Cập, nhẫn nhục đối với ông ta, và đầy lòng thương xót tha mạng cho ông ta, không có nghĩa là Đức Chúa Trời có trách nhiệm về những quyết định của Pha-ra-ôn. Khi loài người không chịu để Đức Chúa Trời cai trị, thì Ngài ra tay và luôn thực hiện được mục đích của Ngài. Tuy nhiên, Ngài không tước đoạt quyền được lựa chọn của dân chúng và Ngài cũng không phủ nhận trách nhiệm của con người. Dân Do Thái không thể trách Đức Chúa Trời về những việc Pha-ra-ôn đã làm, Pha-ra-ôn cũng không thể tự miễn trách nhiệm cho chính mình.

⁷ Dân Do Thái xem tiếng sấm như là tiếng của Đức Chúa Trời (*Thi Thiên* 29:1-11; *Giăng* 12:29) và thường thì sau tiếng sấm là những việc làm vĩ đại của Đức Chúa Trời (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 19:19; 20:18; *I Sa-mu-ên* 7:10; 12:17).

⁸ Pha-ra-ôn là một trong sáu nhân vật trong Kinh Thánh đã nói rằng: “Tôi đã phạm tội” nhưng không cho thấy bằng chứng nào về sự ăn năn thật: Ba-la-am (*Dân Số Ký*

74 / Xuất Ê-díp-tô Ký

22:34), A-can (*Giô-suê* 7:20), vua Sau-lơ (*I Sa-mu-ên* 15:24, 30; 26:21) Si-mê-i (*II Sa-mu-ên* 19:20), và Giu-đa (*Ma-thi-ơ* 27:4). Có những người nói câu ấy và ăn năn bằng sự vâng phục, đó là: Đa-vít (*II Sa-mu-ên* 12:13; 24:10, 17; *I Sử Ký* 21:8, 17; *Thi Thiên* 51:4) và người con trai hoang đàng (*Lu-ca* 15:18, 21).

⁹ Chính sự kiện này đã được đề cập đến trong *Hê-bơ-rơ* 11:27. Môi-se không sợ sự thịnh nộ của Pha-ra-ôn khi ông tập hợp dân Do Thái và dẫn họ ra khỏi Ai Cập, vì ông biết rằng Đức Chúa Trời sẽ đánh bại Pha-ra-ôn và đội quân của ông ta.

¹⁰ Những tai vạ của Ai Cập và những sự phán xét trong sách *Khải Thị* có điểm tương tự rất đáng lưu ý: nước biển thành huyết (8:8; 16:4-6), ếch nhái (16:13), những vết lở loét đau đớn (16:2), mưa đá và lửa (3:7), cào cào (9:1) và sự tối tăm kinh khiếp (16:10).

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 3

Xuất Ê-díp-tô Ký 8:20-10:29

1. Lý do nào khiến Đức Chúa Trời đã không giáng sự trừng phạt của Ngài xuống nơi này bởi tai họa duy nhất thật khủng khiếp trong bảy tai vạ cuối cùng?

2. Chúng ta có thể thấy được sự chăm lo định liệu của Đức Chúa Trời dành cho dân Y-sơ-ra-ên như thế nào khi giải phóng dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ai Cập?

3. Bạn hiểu được gì về Đức Chúa Trời qua các tai vạ khác nhau?

4. Mục đích của Đức Chúa Trời trong các tai vạ là gì?

5. Ngược lại với một tấm lòng cứng cõi là gì? Điều này có ý nghĩa gì?

6. Làm thế nào để một tấm lòng cứng cõi trở nên mềm mại?

7. Pha-ra-ôn đã xưng nhận tội lỗi nhưng sau đó lại tỏ ra không thật tâm. Những đặc điểm của một sự xưng tội chân thành là gì?

8. Gia đình hay Hội Thánh có thể truyền đạt lại cho lớp trẻ những điều kỳ diệu Đức Chúa Trời đã thực hiện cho các thế hệ trước như thế nào?

9. Vì sao Môi-se và A-rôn từ chối kế hoạch của Pha-ra-ôn cho tất cả dân ra đi mà không đem theo bầy chiên và bầy gia súc?

10. Trong phương diện nào thì sự cứng lòng của Pha-ra-ôn là một sự cảnh cáo cho tất cả chúng ta?

MỘT TAI VÀ NỮA

Xuất Ê-díp-tô Ký 11:1-13:16

Phân đoạn này tập trung vào một đề tài ít ai thích nghe: Cái chết. Vua Giê-hô-va (*Thi Thiên 95:3*) sẽ đặt vua Pha-ra-ôn đối mặt với một vị vua khác – thần chết, là “vua của sự kinh khiếp” (*Gióp 18:14*). Kẻ thù cuối cùng, sự chết (*I Cô-rinh-tô 15:26*), sẽ hoành hành Ai Cập qua tai vạ cuối cùng, và giáng một đòn cuối trên vị vua kiêu ngạo của Ai Cập. Trong một đêm buồn bã, tất cả các con trai đầu lòng cùng mọi súc vật đầu lòng ở Ai Cập chết, có tiếng kêu khóc lớn trong cả xứ (*Xuất Ê-díp-tô Ký 11:6; 12:30*). Chỉ đến khi đó Pha-ra-ôn mới để cho dân của Đức Chúa Trời ra đi.

Tuy nhiên dân Do Thái và bầy gia súc của họ trong xứ Gô-sen vẫn bình an vì dân Y-sơ-ra-ên thuộc về Chúa, và là một dân được biệt riêng cho Ngài. Trong cả xứ Gô-sen, chỉ những chiên con một tuổi vô tội mới là những con vật sẽ chịu chết, một con cho mỗi gia đình Do Thái. Đêm này sẽ đánh dấu sự mở đầu của lễ Vượt Qua, đây là quốc lễ đầu tiên của Y-sơ-ra-ên. Trong chương này, chúng ta cần xét đến năm khía cạnh khác nhau của lễ Vượt Qua.

1. Lễ Vượt Qua Và Dân Ai Cập

Xuất Ê-díp-tô Ký 11:1-10

¹ Và, Đức Giê-hô-va có phán cùng Môi-se rằng: Ta sẽ giáng cho Pha-ra-ôn và xứ Ê-díp-tô một tai vạ nữa; đoạn, người sẽ tha các

người đi khỏi đây. ² Vậy, hãy nói với dân chúng và dặn rằng mỗi người bắt luận nam hay nữ phải xin kẻ lân cận mình những đồ bằng bạc và bằng vàng. ³ Đức Giê-hô-va làm cho họ được ơn trước mặt người Ê-díp-tô; Môi-se cũng là một người rất tôn trọng trong xứ Ê-díp-tô, trước mắt quần thần của Pha-ra-ôn và trước mắt dân ấy.

⁴ Môi-se nói: Đức Giê-hô-va có phán như vậy: Chừng giữa đêm ta sẽ ra tuần hành xứ Ê-díp-tô. ⁵ Hết thấy con trưởng nam trong xứ Ê-díp-tô sẽ chết, từ thái tử của Pha-ra-ôn ngồi trên ngai mình, cho đến con cả của người đòi ở sau cối, và luôn mọi con đầu lòng của súc vật nữa.

⁶ Trong cả xứ Ê-díp-tô sẽ có tiếng kêu la inh ỏi, cho đến đỗi chưa hề có, và cũng sẽ chẳng bao giờ có giống như vậy nữa. ⁷ Nhưng, trong cả dân Y-sơ-ra-ên đầu đến một con chó cũng sẽ chẳng sửa hoặc người, hoặc vật; hầu cho các người biết rằng Đức Giê-hô-va phân biệt dân Y-sơ-ra-ên cùng người Ê-díp-tô là dường nào. ⁸ Này, quần thần của bệ hạ sẽ xuống cùng tôi, sắp mình trước mặt tôi mà rằng: Người và cả dân theo người hãy đi đi! Đoạn, tôi sẽ đi ra. Môi-se bèn lui ra khỏi Pha-ra-ôn lấy làm giận lắm.

⁹ Vả, Đức Giê-hô-va có phán cùng Môi-se rằng: Pha-ra-ôn chẳng khứng nghe người đâu, hầu cho các dấu lạ ta thêm lên trong xứ Ê-díp-tô. ¹⁰ Môi-se và A-rôn bèn làm các dấu lạ trước mặt Pha-ra-ôn; nhưng Đức Giê-hô-va làm cho Pha-ra-ôn cứng lòng, nên người chẳng tha dân Y-sơ-ra-ên đi khỏi xứ mình.

Dân Ai Cập rất tức giận bởi sáu tai vạ đầu tiên, sau đó, xứ họ cùng những của cải của họ cũng đã bị tàn hại bởi hai tai vạ kế tiếp. Tai vạ thứ chín, ba ngày tối tăm, đã chuẩn bị cho tai vạ kinh khiếp nhất sẽ xảy ra, là lúc mà các sứ giả của thần chết đến trên xứ. “Ngài thả nghịch chúng nó với cơn giận dữ của Ngài, sự thanh nộ, sự căm phẫn và sự thù địch – tức là một đoàn thiên sứ đem đến sự hủy diệt” (*Thi Thiên* 78:49).

Môi-se nghe Lời Đức Chúa Trời (Xuất Ê-díp-tô Ký 11:1-3). Những câu này mô tả tình hình trước khi Môi-se được mời đến cung điện để nghe lời yêu cầu cuối cùng của Pha-ra-ôn (10:24-29). Lời rao báo của Môi-se (11:4-8) được rao ra giữa các câu 26 và 27 của chương 10 và kết thúc với hành động Môi-se rời khỏi cung điện trong sự giận dữ tột

78 / Xuất Ê-díp-tô Ký

độ (10:29; 11:8).

Đức Chúa Trời cho Môi-se biết Ngài sẽ giáng một tai và nữa cho Ai Cập, một tai và khủng khiếp đến nỗi Pha-ra-ôn không chỉ sẽ cho dân Y-sơ-ra-ên ra đi mà còn hạ lệnh cho họ phải đi. Pha-ra-ôn sẽ đuổi họ ra khỏi xứ, và vì thế làm ứng nghiệm lời hứa Đức Chúa Trời đã lập trước cả khi những tai và bắt đầu (6:1; xem 12:31-32, 39).

Môi-se cho dân Do Thái biết rằng đã đến lúc họ sẽ nhận lấy tiền công chưa được trả cho tất cả công việc mà họ và tổ tiên họ đã làm khi còn là nô lệ tại Ai Cập. Trong bản dịch Kinh Thánh Authorized Version, từ dịch là “mượn” thì trong tiếng Hê-bơ-rơ chỉ có nghĩa là “đòi hỏi hay yêu cầu”. Dân Do Thái không có ý định trả lại những gì dân Ai Cập đã cho họ, vì của cải đó là khoản phải trả cho một món nợ còn tồn đọng mà Ai Cập đã nợ Y-sơ-ra-ên. Đức Chúa Trời đã hứa với Áp-ra-ham rằng con cháu ông sẽ rời Ai Cập “với nhiều của cải” (*Sáng Thế Ký* 15:14). Và Ngài đã nhắc lại lời hứa đó với Môi-se (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 3:21-22). Đức Chúa Trời đã ban cho tôi tớ Ngài là Môi-se sự tôn trọng rất lớn giữa vòng dân Ai Cập, và giờ đây Ngài sẽ ban cho dân Do Thái đặc ân lớn với dân Ai Cập, họ sẽ cho dân Do Thái của cải của họ một cách rời rạc (12:36-37).

Môi-se cảnh cáo Pha-ra-ôn (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 11:4-10). Đây là những lời cuối cùng của Môi-se trước Pha-ra-ôn. Pha-ra-ôn vẫn khước từ như đã khước từ những lần trước. Pha-ra-ôn không có sự kính sợ Đức Chúa Trời trong lòng, do đó, ông không xem trọng những lời của Môi-se. Nhưng vì chối bỏ Lời Đức Chúa Trời, Pha-ra-ôn đã khiến cho những người nam trẻ tuổi, tuấn tú trong xứ phải chết, và vì thế đã chuốc lấy sự đau buồn cho mình và cho cả nước.

Có hai câu hỏi cần giải đáp: (1) Tại sao Đức Chúa Trời chỉ giết con đầu lòng? (2) Hành động như thế liệu Ngài có công bình chẳng khi Pha-ra-ôn mới là thủ phạm thật? Nếu giải đáp được câu hỏi đầu tiên, sẽ giúp chúng ta trả lời câu

hỏi thứ hai.

Trong hầu hết các nền văn hoá, con trai đầu lòng được xem trọng, và ở Ai Cập thì được xem là thiêng liêng nữa. Chúng ta phải nhớ rằng Đức Chúa Trời gọi Y-sơ-ra-ên là con trưởng nam của Ngài (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 4:22; *Giê-rê-mi* 31:9; *Ô-sê* 11:1). Ngay từ đầu, Môi-se đã cảnh cáo Pha-ra-ôn rằng cách ông ta đối xử với con đầu lòng của Đức Chúa Trời sẽ quyết định cách Đức Chúa Trời đối xử với con đầu lòng của Ai Cập (4:22-23). Pha-ra-ôn đã tìm cách giết hại các bé trai Do Thái và quần thần của ông ta đã ngược đãi các nô lệ Do Thái một cách tàn bạo, vì vậy, việc giết các con đầu lòng của Ai Cập để báo trả là điều tự nhiên.

Vay trả là luật bình thường của đời sống (*Ma-thi-ơ* 7:1-2). Đức Chúa Trời chẳng phải bất công mà cho phép luật này hoạt động trong thế gian. Pha-ra-ôn đã nhận chìm những em bé Do Thái, vì vậy Đức Chúa Trời nhận chìm quân đội của Pha-ra-ôn (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 14:26-31; 15:4-5). Gia-cốp lại nói dối với Y-sác cha mình (*Sáng Thế Ký* 27:15-17), và nhiều năm sau đó, những con trai của Gia-cốp đã nói dối với ông (37:31-35). Đa-vít đã phạm tội tà dâm và giết chồng của người đàn bà mình ham muốn (*II Sa-mu-ên* 11), sau đó con gái của Đa-vít bị cưỡng hiếp và hai trong số những con trai ông bị giết (13:1-29; 18:1-33). Ha-man đã dựng một giá treo cổ để treo Mạc-đô-chê, nhưng chính Ha-man lại bị treo lên đó (*Ê-xơ-tê* 7:7-10). “Chớ hề dối mình, Đức Chúa Trời không chịu khinh để đâu, vì ai gieo giống chi lại gặt giống ấy” (*Ga-la-ti* 6:7).

Đối với sự công bằng của tai vạ thứ 10 này, ai có thể xét đoán những hành động của Chúa khi “sự công bình và sự chính trực là nền của ngôi Chúa” (*Thi Thiên* 89:14)? Nhưng vì sao một người chống đối Đức Chúa Trời lại gây nên cái chết cho nhiều người nam trẻ tuổi vô tội? Tuy nhiên, những sự kiện tương tự vẫn đang xảy ra trong thế

80 / Xuất Ê-díp-tô Ký

giới của chúng ta ngày nay. Các nam nữ quân nhân đã hy sinh ngoài mặt trận đâu có muốn chiến tranh. Họ chỉ phải tuân theo một định luật tự nhiên của đời sống mà thôi. Và về “sự vô tội” của những con trai đầu lòng này, chỉ có Đức Chúa Trời mới biết lòng người và có thể xét đoán một cách công bình trọn vẹn. “Đấng đoán xét toàn thể gian há lại không làm sự công bình sao?” (*Sáng Thế Ký* 18:25).

Đọc sách *Sáng Thế Ký*, ta thấy nhiều lần Đức Chúa Trời khước từ con trưởng nam và chọn con trai thứ để tiếp nối dòng dõi và nhận lãnh phước hạnh đặc biệt của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời chọn A-bên, và sau đó là Sét, chứ không phải Ca-in; Ngài chọn Sem, không phải Gia-phết; Y-sác chứ không phải Ích-ma-ên; và Gia-cốp chứ không phải là Ê-sau.

Những sự chọn lựa này không chỉ bày tỏ ân sủng lớn lao của Đức Chúa Trời, mà còn là để tỏ rằng lần sinh ra đầu tiên của chúng ta không được Đức Chúa Trời thừa nhận. Chúng ta phải sinh ra lần thứ hai, một sự sinh ra về thuộc linh (*Giăng* 1:12-13; 3:1-18). Con trưởng nam tượng trưng cho điều tốt nhất của loài người, nhưng vẫn chưa phải là một điều tốt đẹp đối với Đức Chúa Trời thánh khiết. Bởi sự sinh ra lần thứ nhất, chúng ta thừa kế bản chất tội lỗi của A-đam và bị hư mất (*Thi Thiên* 51:5-6) nhưng khi chúng ta kinh nghiệm được sự sinh ra lần thứ hai bởi đức tin nơi Đấng Christ, chúng ta sẽ tiếp nhận bản chất thiêng liêng của Đức Chúa Trời và được chấp nhận trong Đấng Christ (*II Phi-e-rơ* 1:1-4; *Ga-la-ti* 4:6; *Rô-ma* 8:9).

Pha-ra-ôn và dân Ai Cập đã phạm tội nghịch với sự sáng và sỉ nhục sự thương xót của Đức Chúa Trời – Chúa đã chịu đựng sự chống nghịch và sự thiếu hiểu biết của vua Ai Cập, cũng như cách đối xử độc ác của ông ta đối với dân Do Thái trong một thời gian quá lâu. Đức Chúa Trời đã cảnh cáo Pha-ra-ôn nhiều lần, nhưng ông vẫn không đầu phục Ngài. Đức Giê-hô-va đã vô hiệu hóa các thần

của Ai Cập và chứng minh chính Ngài là Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống duy nhất, nhưng dân Ai Cập vẫn cứ không tin nhận Ngài.

“Vì án phạt nghịch với việc ác không được thi hành nhanh chóng, nên lòng con loài người chuyên làm điều ác” (*Truyền Đạo* 8:11). Sự thương xót của Đức Chúa Trời, lẽ ra đã đem Pha-ra-ôn đến chỗ thuận phục nhưng nhiều lần ông ta lại cứng lòng. Quân thần của Pha-ra-ôn đã hạ mình trước Môi-se (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 11:8); tại sao Pha-ra-ôn không thể theo gương của họ? “Sự kiêu ngạo đi trước sự bại hoại, và tánh tự cao đi trước sự sa ngã” (*Châm Ngôn* 16:18).

2. Lễ Vượt Qua Và Dân Y-sơ-ra-ên

Xuất Ê-díp-tô Ký 12:1-28, 43-51

¹ Tại xứ Ê-díp-tô, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và A-rôn rằng:

²Tháng nầy định làm tháng đầu cho các người, tức là tháng giêng trong quanh năm.

³ Hãy nói cho toàn hội chúng Y-sơ-ra-ên rằng: Đến ngày mồng mười tháng nầy, mỗi gia trưởng tùy theo nhà mình phải bắt một con chiên con. ⁴ Nếu nhà ít người quá ăn không hết một chiên con, hãy chung cùng người rất lân cận mình, tùy theo số người; và hãy tính cho mỗi chiên con tùy sức người ăn hết. ⁵ Các người hãy bắt hoặc trong bầy chiên, hoặc trong bầy dê, chiên con đực hay là dê con đực, tuổi giáp niên, chẳng tì vít chi, ⁶ đoạn để dành cho đến ngày mười bốn tháng nầy; rồi cả hội chúng Y-sơ-ra-ên sẽ giết nó, vào lối chiều tối. ⁷ Họ sẽ lấy huyết đem bôi trên hai cây cột và mành cửa của nhà nào ăn thịt chiên con đó. ⁸ Đêm ấy họ sẽ ăn thịt chiên quay với bánh không men và rau đắng. ⁹ Chớ ăn thịt nửa chín nửa sống hay là luộc trong nước, nhưng phải quay trên lửa cả và đầu, giò, với bộ lòng. ¹⁰ Các người chớ để chi còn lại đến sáng mai; nếu còn lại, hãy thiêu đi. ¹¹ Vậy, ăn thịt đó, phải như vậy: Dây lưng cột, chân mang giày, tay cầm gậy, ăn hồi hã; ấy là lễ Vượt Qua của Đức Giê-hô-va.

¹² Đêm đó ta sẽ đi qua xứ Ê-díp-tô, hành hại mọi con đầu lòng xứ Ê-díp-tô, từ người ta cho đến súc vật; ta sẽ xét đoán các thần của xứ Ê-díp-tô; ta là Đức Giê-hô-va. ¹³ Huyết bôi trên nhà các người ở, sẽ dùng làm dấu hiệu; khi ta hành hại xứ Ê-díp-tô, thấy huyết đó, thì sẽ

82 / Xuất Ê-díp-tô Ký

vượt qua, chẳng có tai nạn hủy diệt các người.

¹⁴ Các người hãy ghi ngày đó làm kỷ niệm; trái các đời hãy giữ làm một lễ cho Đức Giê-hô-va, tức là một lễ lập ra đời đời. ¹⁵ Trong bảy ngày phải ăn bánh không men: vừa đến ngày thứ nhất, hãy dẹp men khỏi nhà đi; vì hễ ai ăn bánh có men từ ngày thứ nhất cho đến ngày thứ bảy, thì sẽ bị truất ra khỏi Y-sơ-ra-ên. ¹⁶ Ngày thứ nhất, sẽ có một sự nhóm hiệp thánh; qua ngày thứ bảy các người cũng sẽ có một sự nhóm hiệp thánh nữa. Trong mấy ngày đó chẳng nên làm công việc chi, chỉ lo sắm đồ ăn cho mỗi người cần ăn mà thôi. ¹⁷ Vậy, các người hãy giữ lễ bánh không men, vì chánh ngày đó ta rút quân đội các người ra khỏi xứ Ê-díp-tô; nên chi, trái các đời phải giữ ngày đó như một lễ lập ra đời đời. ¹⁸ Ngày mười bốn tháng giêng, chiều lại, các người sẽ ăn bánh không men cho đến chiều ngày hai mươi một tháng đó. ¹⁹ Trong bảy ngày không nên còn thấy men tại nhà các người; vì bất luận người ngoại bang hay là người bản xứ, hễ ai ăn bánh có men sẽ bị truất khỏi hội chúng Y-sơ-ra-ên. ²⁰ Chớ nên ăn bánh có men; khắp nơi các người ở đều phải ăn bánh không men.

²¹ Vậy, Môi-se nhóm lại các trưởng lão Y-sơ-ra-ên mà nói rằng: Hãy đi bắt một con trong bầy cho mọi nhà các người, và giết nó làm lễ Vượt Qua. ²² Rồi hãy lấy một chùm kinh giới nhúng vào huyết trong chậu, bôi lên mày và hai cây cột cửa, đoạn, trong các người chớ ai ra khỏi cửa nhà mình cho đến sáng mai. ²³ Đức Giê-hô-va sẽ đi qua đặng hành hại xứ Ê-díp-tô; khi thấy huyết nơi mày và hai cây cột cửa, Ngài sẽ vượt qua, không cho kẻ tiêu diệt vào nhà các người đặng hành hại. ²⁴ Hãy giữ lễ này như một lệ lập ra đời đời cho các người và con cháu các người. ²⁵ Khi nào các người vào xứ mà Đức Giê-hô-va sẽ ban cho, như lời Ngài đã phán, thì hãy giữ lễ này. ²⁶ Khi con cháu các người hỏi rằng: Lễ này là nghĩa chi? ²⁷ Hãy đáp rằng: Ấy là của tế lễ Vượt Qua của Đức Giê-hô-va, vì khi Ngài hành hại xứ Ê-díp-tô thì Ngài đi vượt qua các nhà dân Y-sơ-ra-ên, và cứu nhà chúng ta đó.

²⁸ Dân Y-sơ-ra-ên bèn cúi đầu lạy, rồi đi, làm theo như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se và A-rôn.

⁴³ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và A-rôn rằng: Đây là luật lệ về lễ Vượt Qua: Phàm người ngoại bang chẳng được ăn lễ đó. ⁴⁴ Còn về phần kẻ tội mọi, là người bỏ tiền ra mua, người hãy làm phép cắt bì cho, thì họ mới được ăn. ⁴⁵ Khách ngoại bang và kẻ làm thuê cũng chẳng được phép ăn lễ đâu. ⁴⁶ Lễ đó chỉ ăn nội trong nhà; người đừng đem thịt ra ngoài, và cũng đừng làm gãy một cái xương nào. ⁴⁷ Hết thấy hội chúng Y-sơ-ra-ên phải giữ lễ Vượt Qua. ⁴⁸ Khi một khách ngoại bang nào kiều ngụ nhà người, muốn giữ lễ Vượt Qua

của Đức Giê-hô-va, thì mọi người nam của họ phải chịu phép cắt bì; đoạn, họ mới được đến gần giữ lễ này, và được coi như người sanh trong xứ. Nhưng ai không chịu phép cắt bì, thì chẳng được ăn đâu. ⁴⁹Cũng đồng một luật cho người sanh trong xứ cùng khách ngoại bang nào đến kiều ngụ giữa các người.

⁵⁰ Toàn dân Y-sơ-ra-ên đều làm như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se và A-rôn. Cũng trong ngày đó, Đức Giê-hô-va rút dân Y-sơ-ra-ên, tùy theo quân đội, ra khỏi xứ Ê-díp-tô.

Lễ Vượt Qua đánh dấu một khởi đầu mới đối với dân Do Thái và kết hợp họ lại thành một dân tộc ¹. Khi Chúa giải phóng khỏi ách nô lệ, đó là bình minh của một ngày mới và khởi đầu của một đời sống mới. Mỗi khi bạn gặp những từ “cứu chuộc” hay “sự cứu chuộc” trong Kinh Thánh Tân Ước nhiều người nghĩ về sự thoát khỏi cảnh nô lệ (ước tính có 60 triệu nô lệ ở đế quốc La Mã), còn các tín hữu Do Thái thì nghĩ ngay đến lễ Vượt Qua và sự giải cứu Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập nhờ huyết chiên con.

Trong thời Cựu Ước, dân tộc Do Thái sử dụng hai hệ thống lịch, loại lịch thường bắt đầu vào tháng 9-10 của chúng ta, và loại lịch tôn giáo bắt đầu vào tháng 3-4 của chúng ta. Ngày đầu Năm Mới của một năm thường (“Rosh Hashana” – “đầu năm”) rơi vào tháng thứ bảy của lịch tôn giáo và mở đầu cho các sự kiện đặc biệt trong tháng Tishri: Lễ hội Kèn Trumpet, Lễ Chuộc Tội, và Lễ Đền Tạm. Nhưng Lễ Vượt Qua đánh dấu cho sự khởi đầu của một năm tôn giáo, và tại Lễ Vượt Qua, ai cũng nghĩ về chiên con.

Câu hỏi của Y-sác “Chiên con ở đâu?” (*Sáng Thế Ký* 22:7) chuẩn bị cho chủ đề chính của Tân Ước vì con dân Chúa vào lúc ấy đang mong chờ Đấng Mết-si-a. Câu hỏi này cuối cùng đã được Giảng Báp-tít trả lời khi ông chỉ Chúa Giê-xu và nói: “Kìa, Chiên Con của Đức Chúa Trời, là Đấng cất tội lỗi thế gian đi!” (*Giăng* 1:29). Chiên con của Lễ Vượt Qua là hình ảnh về Chúa Giê-xu Christ đã

84 / Xuất Ê-díp-tô Ký

được khẳng định trong Tân Ước bởi nhà truyền giáo Phi-líp (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 8:32-35; *Ê-sai* 53:7-8), cũng như bởi sứ đồ Phao-lô (*I Cô-rinh-tô* 5:7), *Phi-e-rơ* (*I Phi-e-rơ* 1:18-20), và *Giăng* (*Khải Thị* 5:5-6; 13:8) ².

Chiên Con được chọn và xem xét (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:1-6a) vào ngày mùng 10 trong tháng và được kiểm tra kỹ lưỡng trong 4 ngày để bảo đảm đáp ứng được những điều kiện của Đức Chúa Trời. Không có nghi vấn gì khi Chúa Giê-xu đáp ứng mọi yêu cầu của một Chiên Con cho chúng ta, vì Đức Chúa Cha đã phán: “Này là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đàng” (*Ma-thi-ơ* 3:17). Suốt những ngày trước lễ Vượt Qua, những kẻ thù của Chúa chúng ta đã chất vấn Ngài nhiều lần, chờ đợi Ngài sẽ nói điều gì sơ hở để công kích Ngài. Suốt những cuộc xét xử và thẩm tra, Chúa Giê-xu đã bị xét hỏi nhiều lần, và Ngài đã vượt qua mọi cuộc thử nghiệm. Chúa Giê-xu không biết đến tội lỗi (*II Cô-rinh-tô* 5:21), không phạm tội (*I Phi-e-rơ* 2:22) và trong Ngài không có tội lỗi (*I Giăng* 3:5). Ngài là Chiên Con toàn vẹn của Đức Chúa Trời.

Ngày 14 trong tháng, vào lúc chiều tối ³, *chiên con bị giết* (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:6b-7, 12-13, 21-24) và huyết nó được bôi vào cột dọc và cột ngang cửa nhà của những gia đình Do Thái. Không phải *sự sống*, nhưng là *sự chết* của chiên con đã cứu dân chúng ra khỏi sự đoán phạt của Đức Chúa Trời. “Không đổ huyết thì không có sự tha thứ” (*Hê-bơ-rơ* 9:22; *Lê-vi-ký* 17:11). Một số người thán phục đời sống và sự dạy dỗ của Chúa Giê-xu nhưng lại không nghĩ gì đến thập tự giá của Chúa Giê-xu; nhưng chính sự chết của Ngài trên thập tự giá đã trả giá cho sự cứu chuộc chúng ta (*Ma-thi-ơ* 20:28; 26:28; *Giăng* 3:14-17; 10:11; *Ê-phê-sô* 1:7; *I Ti-mô-thê* 2:5, 6; *Hê-bơ-rơ* 9:28; *Khải Thị* 5:9). Chúa Giê-xu là người thay thế cho chúng ta; Ngài đã chết thay cho chúng ta và chịu sự xét đoán về tội lỗi chúng

ta (*Ê-sai* 53:4-6; *I Phi-e-rơ* 2:24).

Tuy nhiên, muốn được cứu, ta phải dùng huyết bôi vào các cột cửa, vì Đức Chúa Trời đã hứa “khi ta nhìn thấy huyết, ta sẽ vượt qua các người” (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:13). Nếu chỉ biết rằng Đấng Christ bị giết vì tội lỗi của thế gian thì chưa đủ, chúng ta còn phải đưa tay nhận lấy sự hy sinh đó cho chính mình và đồng thanh với Phao-lô rằng: “Con Đức Chúa Trời đã yêu tôi, và đã phó chính mình Ngài vì tôi” (*Ga-la-ti* 2:20), và với Ma-ri: “Tâm thần tôi mừng rỡ trong Đức Chúa Trời, là Cứu Chúa tôi” (*Lu-ca* 1:46). Phải tự ta kinh nghiệm về sự chuộc tội: “Lạy Chúa tôi và Đức Chúa Trời tôi” (*Giăng* 20:28).

Dân Do Thái nhúng chum kinh giới mỏng manh vào chậu huyết và bôi huyết vào các cột cửa (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 42:22). Chum kinh giới sau đó được sử dụng để rửa huyết làm trọn giao ước (24:1-8) và làm sạch những người bị bệnh phong (*Lê-vi Ký* 14:4, 6, 49, 51-52). Đức tin chúng ta có thể yếu đuối như chum kinh giới, nhưng không phải đức tin nơi đức tin của chúng ta, nhưng là đức tin nơi huyết của Chúa Cứu Thế đã cứu chúng ta.

Chiên con được quay lên và được ăn (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:8-11, 46), và phải ăn vội vã, mỗi người trong gia đình phải sẵn sàng để ra đi khi có hiệu lệnh. Bữa ăn gồm có chiên con quay, bánh không men và rau đắng, mỗi thứ tượng trưng cho một lễ thật thuộc linh quan trọng.

Phải giữ chiên con nguyên cả con. Muốn thế phải quay chiên con trong lửa chứ không luộc trong nồi. Chẳng phải dân Do Thái không có nồi đủ lớn để nấu cả một con chiên, mà vì luật cấm nấu, vì nấu thì phải lóc thịt chặt xương bỏ vào nồi. Xương sẽ bị gãy và thịt khi nấu sẽ rời ra khỏi xương. Đừng làm cho một chiếc xương nào bị gãy, và cũng không được đem thịt ra khỏi nhà (c.46, *Giăng* 19:31-37; *Thi Thiên* 34:20). Sự toàn vẹn của chiên con là một điều quan trọng.

86 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Chúng ta tin cậy nơi Đấng Christ rằng chúng ta được cứu khỏi tội lỗi mình bởi sự hy sinh của Ngài, nhưng chúng ta cũng phải sống bởi Đấng Christ để có đủ năng lực để theo đuổi cuộc hành trình thuộc linh mỗi ngày của chúng ta. Khi chúng ta thờ phượng, suy gẫm Lời Chúa, cầu nguyện và tin tưởng, ấy là lúc chúng ta hấp thụ linh lương của Chúa Giê-xu Christ và được tăng trưởng trong ân sủng cùng sự hiểu biết⁴.

Cùng với thịt chiên, dân *Y-sơ-ra-ên* còn ăn rau đắng và bánh không men (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:14-20, 39; 13:3-7). Việc nếm vị rau đắng sẽ nhắc dân Do Thái về những năm tháng nô lệ cay đắng của họ trong xứ Ai Cập. Tuy nhiên, khi hoàn cảnh trở nên khó khăn trong suốt cuộc hành trình ở trong đồng vắng của họ, dân chúng thường nhớ lại “những ngày xưa tươi đẹp” và muốn quay trở lại Ai Cập (16:3; 17:1-3; *Dân Số Ký* 11:1-9; 14:1-5). Họ đã quên đi sự cay đắng của cảnh nô lệ trong lò sắt kinh khiếp ấy.

Bánh của họ không men vì hai lý do: không có thời gian cho bánh nổi lên (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:39), và men là một biểu tượng về sự bất khiết của dân Do Thái. Một tuần sau Lễ Vượt Qua, họ buộc phải ăn bánh không men và phải cất bỏ hết men ra khỏi chỗ ở của họ.

Men là một hình ảnh về tội lỗi: nó ẩn giấu; nó hoạt động lặng lẽ và bí mật; nó ăn lan và làm ô uế; và nó làm cho bột nhào dậy lên – *I Cô-rinh-tô* 4:18-5:2). Cả Chúa Giê-xu và Phao-lô đều so sánh sự dạy dỗ sai trật với men (*Ma-thi-ơ* 16:6-12; *Mác* 8:15; *Ga-la-ti* 5:1-9), và men cũng được ví sánh với sự giả hình (*Lu-ca* 12:1) và đời sống tội lỗi (*I Cô-rinh-tô* 5:6-8). Phao-lô khuyên các hội thánh địa phương thanh tẩy mọi tội lỗi ra khỏi giữa vòng họ và dâng chính mình làm bánh không men cho Chúa.

Nếu có phần thịt nào còn lại từ bữa tiệc thì phải bị thiêu đốt đi. Chiên con không thể bị xem như một loại thức ăn

bình thường. Cũng như vậy, ma-na rất đặc biệt và không thể được tích trữ từ ngày này sang ngày khác trừ ngày trước lễ Sa-bát (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 16:14-22).

Họ dự tiệc với tư cách gia đình và với tư cách hội chúng (12:25-28; 13:8-10). Bữa ăn được chuẩn bị cho cả gia đình (xem 12:3-4) và tất cả các thành viên trong gia đình phải cùng tham dự. Đức Chúa Trời quan tâm đến cả gia đình chứ không chỉ cha mẹ. Nếu những đứa con quý báu trong các gia đình Do Thái không được bảo vệ bởi huyết và không được nuôi dưỡng bởi thức ăn thì chúng không thể được giải cứu khỏi xứ Ai Cập và như thế nghĩa là kết liễu một dân tộc⁵.

Dù có nhiều gia đình Do Thái trong xứ Gô-sen, Đức Chúa Trời xem họ chỉ như một hội chúng (c.3-6). Khi những hội chúng Cơ Đốc địa phương ngày nay họp lại để kỷ niệm Tiệc Thánh, Đức Chúa Trời nhìn xem mỗi hội chúng như một bộ phận trong cùng một thân, là Hội Thánh. Đó là lý do Phao-lô có thể viết về "cả cái nhà... cả gia đình... cả thân thể" (*Ê-phê-sô* 2:21; 3:15; 4:16). Bởi huyết chiên con Y-sơ-ra-ên đã trở nên một dân tộc, và bởi Chúa Giê-xu Christ Hội Thánh đã trở nên một sự giao hảo hiệp nhất.

Bữa ăn lễ Vượt Qua không chỉ là một lễ nghi cần phải tuân giữ (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:14, 17, 24, 43), nhưng nó còn là một "kỷ niệm" được lập ra thành một lễ để nhắc nhở trong Y-sơ-ra-ên câu chuyện về cuộc hành trình rời khỏi Ai Cập (c.14, 13:8-10). Sau khi Y-sơ-ra-ên tiến vào và chinh phục vùng Đất Hứa, dân chúng lo ổn định cuộc sống và dễ dàng quên đi những việc làm vĩ đại mà Đức Chúa Trời đã làm cho họ. Việc giữ lễ Vượt Qua hằng năm sẽ cho các bậc cha mẹ người Do Thái có thêm một cơ hội nữa để dạy cho con cái họ biết về ý nghĩa của sự tự do và về những gì mà Đức Chúa Trời đã làm cho họ. Những

88 / Xuất Ê-díp-tô Ký

người lớn tuổi phải là “những mắt xích sống động” liên kết với quá khứ của Y-sơ-ra-ên hầu cho mỗi thế hệ mới hiểu được nghĩa vụ của một tuyển dân của Đức Chúa Trời (xem *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 6:1-15; 11:18-21; *Thi Thiên* 34:11; 78:1-7; 145:4).

Về sau người Do Thái chính thống hiểu và áp dụng các câu Kinh Thánh *Xuất Ê-díp-tô Ký* 3:8, 9, 16 theo nghĩa đen cũng như đã hiểu các câu *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 6:8-9 và *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 11:18. Môi-se bảo rằng lễ Vượt Qua là một tiêu biểu (xem *Xuất Ê-díp-tô Ký* 13:19), một dấu hiệu để nhắc các thế hệ sau nhớ lại ơn Chúa đã cứu Y-sơ-ra-ên khỏi ách nô-lệ. Nhưng những người chính thống hiểu theo nghĩa đen và bắt những người nam Do Thái phải mang Kinh Thánh lên mình họ. Vì vậy, họ viết những đoạn Kinh Thánh trên giấy da và đặt vào những chiếc hộp nhỏ và mang trên cánh tay trái và ở trán. Trong Tân Ước, chúng được gọi là “thẻ bài da” (xem *Ma-thi-ơ* 23:5) ⁶.

Việc dự tiệc bị cấm đối với những ai ở ngoài giao ước (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:43-51). Không chỉ “vô số người ngoại bang” đi chung với Y-sơ-ra-ên khi họ rời Ai Cập (c.38), dân Do Thái cũng gặp nhiều dân tộc khác trên đường đi và khi họ đến Ca-na-an.

Y-sơ-ra-ên có thể bị cám dỗ để cho những láng giềng người ngoại bang tham dự với họ trong lễ Vượt Qua - “Lễ Quốc Khánh” của họ, nhưng Chúa đã cấm việc làm này. Sau đó, Ngài cũng cấm dân Do Thái tham dự những lễ nghi tôn giáo của những người láng giềng của họ, vì Y-sơ-ra-ên phải là một dân được biệt riêng cho Ngài (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 7:1-11) ⁷.

“Những người ngoại bang” này là ai mà Đức Chúa Trời phán dân Y-sơ-ra-ên không thể mời họ dự lễ Vượt Qua? Họ không phải là dân Y-sơ-ra-ên, họ chưa bao giờ chịu

phép cắt bì và do đó không phải là con cái của sự giao ước. Họ có thể là những nô lệ trong trại quân Y-sơ-ra-ên hoặc chỉ là những khách lạ (khách kiều ngụ) sống giữa vòng dân Do Thái. Bất cứ khách lạ hay tôi tớ nào cũng có thể chịu phép cắt bì và trở nên một thành viên của dân tộc này và được dự phần vào những đặc quyền của giao ước, đồng thời họ phải nhận lãnh những trách nhiệm cần thiết.

3. Lễ Vượt Qua Và Đức Giê-hô-va

Xuất Ê-díp-tô Ký 12:29-42, 51

²⁹ Và, khi giữa đêm, Đức Giê-hô-va hành hại mọi con đầu lòng tại xứ Ê-díp-tô, từ thái tử của Pha-ra-ôn ngồi trên ngai mình, cho đến con cả người bị tù, và hết thảy con đầu lòng của súc vật. ³⁰ Đương lúc ban đêm, Pha-ra-ôn, quần thần cùng hết thảy người Ê-díp-tô đều chờ dậy; có tiếng kêu la inh ỏi trong xứ Ê-díp-tô, vì chẳng một nhà nào là không có người chết. ³¹ Trong đêm đó, Pha-ra-ôn bèn đòi Môi-se và A-rôn mà phán rằng: Hai người và dân Y-sơ-ra-ên hãy chờ dậy, ra khỏi giữa vòng dân ta mà đi hầu việc Đức Giê-hô-va, như các người đã nói. ³² Cũng hãy dẫn bò và chiên đi, như lời các người đã nói, và cầu phước cho ta nữa. ³³ Người Ê-díp-tô thúc giục dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ mau mau, vì nói rằng: Chúng ta đều chết hết! ³⁴ Vậy, dân chúng đều đem bột nhồi rồi chưa men đi, và bọc những thùng nhỏ bột trong áo tơi vác lên vai mình. ³⁵ Và, dân Y-sơ-ra-ên có làm y theo lời Môi-se đã dặn, xin người Ê-díp-tô những đồ bằng bạc và bằng vàng cùng áo xống. ³⁶ Đức Giê-hô-va làm cho dân Y-sơ-ra-ên được ơn trước mắt người Ê-díp-tô, nên họ bằng lòng cho; và dân chúng lột trần người Ê-díp-tô vậy.

³⁷ Dân Y-sơ-ra-ên đi từ Ram-se đến Su-cốt, số không kể con nít, được chừng sáu mươi vạn người đàn ông đi bộ. ³⁸ Lại có vô số người ngoại bang đi lên chung, luôn với chiên, bò, súc vật rất nhiều. ³⁹ Chúng bèn hấp bánh không men bằng bột của mình đã đem theo từ xứ Ê-díp-tô; bột không men, vì có bị đuổi khỏi xứ Ê-díp-tô không thể chậm trễ, và cũng chẳng sắm kịp lương thực chi được.

⁴⁰ Và, thì kiều ngụ của dân Y-sơ-ra-ên tại xứ Ê-díp-tô được bốn trăm ba mươi năm. ⁴¹ Khi mãn bốn trăm ba mươi năm rồi, thì, cũng trong ngày đó, các quân đội của Đức Giê-hô-va ra khỏi xứ Ê-díp-tô. ⁴² Ấy là một đêm người ta phải giữ cho Đức Giê-hô-va, vì Ngài rút dân Y-sơ-ra-ên khỏi xứ Ê-díp-tô. Trải các đời, cả dân Y-sơ-ra-ên phải giữ

90 / Xuất Ê-díp-tô Ký

đêm đó, để tôn trọng Đức Giê-hô-va.

Chúng ta thường gọi sự kiện này là “Lễ Vượt Qua của dân Do Thái”, nhưng Kinh Thánh gọi đó là “lễ Vượt Qua của Đức Giê-hô-va” (*Lê-vi Ký* 23:5; *Dân Số Ký* 28:16). Việc giữ lễ này còn hơn cả lễ kỷ niệm “Ngày Quốc Khánh”, vì lễ Vượt Qua được giữ ‘cho Đức Giê-hô-va’ (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:48; *Dân Số Ký* 9:10, 14). “Ấy là tế lễ Vượt Qua của Đức Giê-hô-va” (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:27). Trung tâm của mọi sự chú ý là Đức Giê-hô-va, vì những gì đã xảy ra vào đêm đặc biệt đó là vì cơ Ngài. Có ít nhất 17 lần trong *Xuất Ê-díp-tô Ký* 12 nêu danh “Đức Giê-hô-va” vì Ngài là Đấng đảm trách mọi sự.

Đức Chúa Trời bày tỏ quyền năng Ngài (Xuất Ê-díp-tô Ký 12:29-30). Sau khi dân Do Thái đã cử hành lễ Vượt Qua thì họ chờ hiệu lệnh của Đức Chúa Trời để ra đi. Vào giữa đêm, Chúa đánh các con đầu lòng, sự chết đã đến trên mọi gia đình Ai Cập, tiếng kêu la inh ỏi nổi lên khắp xứ (11:6; 12:30). Sự chết không trừ một ai, từ gia đình của người tù nhân Ai Cập hèn hạ nhất cho đến chính Pha-ra-ôn. Tuy nhiên, giữa vòng dân Do Thái trong xứ Gô-sen không gặp cảnh chết chóc. Bài học ở đây thật rõ ràng. Nếu bạn không được bảo vệ bởi huyết của Đấng Christ, khi sự chết đến, bạn sẽ bị lôi đi vì chẳng hề được chuẩn bị tí nào. Có ai biết khi nào cái chết đến đâu!

Đức Chúa Trời đã giữ lời hứa của Ngài (Xuất Ê-díp-tô 12:31-36). Đức Chúa Trời cho Môi-se biết điều sắp xảy ra và Môi-se đã thông báo cho Pha-ra-ôn (11:1-8), nhưng Pha-ra-ôn không tin. Tuy nhiên, Lời của Đức Chúa Trời đã không qua đi. Như Ngài đã phán với Môi-se, các con đầu lòng ở Ai Cập đều chết, có tiếng kêu khóc rất lớn trong xứ, Pha-ra-ôn bảo dân Y-sơ-ra-ên phải ra đi, và dân Ai Cập cho đi của cải của họ cách rời rạc. Lời hứa được thiết lập với Áp-ra-ham nhiều thế kỷ trước, trong đêm hôm đó đã

được ứng nghiệm (*Sáng Thế Ký* 15:13-14). “Về các lời tốt lành mà Ngài đã cậy miệng Môi-se kể tôi tớ Ngài phán ra, chẳng có một lời nào không ứng nghiệm” (*I Các Vua* 8:56).

Đức Chúa Trời giải cứu dân Ngài (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:37-42, 51). Dân Y-sơ-ra-ên đã dạn dĩ đi ra khỏi Ai Cập trước sự chứng kiến của dân Ai Cập là những người đang lo chôn người chết của họ (*Dân Số Ký* 33:3-4). Có khoảng 600.000 người nam Do Thái rời Ai Cập, nếu tính cả phụ nữ, trẻ con thì tổng số dân Do Thái vào khoảng 2 triệu người. Họ ra đi như một đoàn quân (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:17, 50), nhanh nhẹn, trật tự cùng với bầy gia súc của họ. Không một người Do Thái nào quá yếu mệt không thể bước đi, còn dân Ai Cập vui mừng khi thấy dân Do Thái rời khỏi xứ họ (*Thi Thiên* 105:37-38).

Có hai từ khác nhau được dùng để mô tả điều mà bản dịch King James gọi là “đám đông pha tạp” đã rời Ai Cập cùng với dân Do Thái. Trong *Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:38 từ này chỉ đơn giản là “đám người” hoặc “đám đông”, nhưng trong *Dân Số Ký* 11:4 gọi là “dân tạp”. Đám đông pha tạp” này là gốc rễ của mọi sự than phiền trong trại quân và từ đó đã gây ra nhiều chuyện rắc rối cho Môi-se. Một số người trong đám đông này có thể là dân Ai Cập đã kết hôn với dân Do Thái, ngược lại với luật pháp của Đức Chúa Trời; những người khác có thể là dân Ai Cập đã rất kính sợ và bị thu phục bởi quyền năng của Đức Giê-hô-va (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 9:20), và họ muốn cùng dự phần với tuyển dân của Đức Chúa Trời. Có lẽ họ nghĩ rằng sẽ còn nhiều hình phạt nữa sẽ giáng trên xứ và họ muốn thoát khỏi những sự đoán xét ấy.

Dù họ là ai, “đám đông pha tạp” này cũng là những đại diện cho thế gian - là những người tuy bên ngoài được đồng nhất với con dân Chúa, nhưng bên trong họ thực sự không phải là con cái Đức Chúa Trời. Họ có thể là thuộc

92 / Xuất Ê-díp-tô Ký

viên trong hội thánh và thậm chí là những người lãnh đạo tôn giáo, nhưng thái độ và lòng ham muốn của họ về căn bản lại khác với những người thật sự thuộc về Chúa. Chúa Giê-xu đã cảnh cáo: “Chẳng phải hễ những kẻ nói cùng ta ra rằng: Lạy Chúa, Lạy Chúa, thì đều được vào nước thiên đàng đâu; nhưng chỉ kẻ làm theo ý muốn của cha ta ở trên trời mà thôi” (*Ma-thi-ơ* 7:21). Những đoàn dân đông đã đi theo Chúa Giê-xu trong suốt thời gian Ngài thi hành chức vụ trên đất, nhưng Ngài không chú ý đến những đám đông này. Xin xem (*Ma-thi-ơ* 13:1-9, 18-23; *Lu-ca* 14:25-35 và *Giăng* 6:60-71).

Những lời hứa của Đức Chúa Trời không bao giờ sai trật và thời điểm mà Ngài đã định luôn luôn đúng (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:40-41). Cuộc hành trình rời Ai Cập xảy ra 480 năm trước năm trị vì thứ 4 của triều đại vua Sa-lô-môn (*I Các Vua* 6:1), là vào năm 966 TC. Như vậy niên đại của cuộc hành trình rời khỏi Ai Cập là 1446 TC, và con cháu của Gia-cốp đã ở Ai Cập từ năm 1876 TC. Cả *Sáng Thế Ký* 15:13 và *Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:6 đều cho tròn số là “400 năm”, nhưng (*Ga-la-ti* 3:17) ghi rõ là “430 năm”. Hầu hết các học giả Kinh Thánh thận trọng đều chấp nhận 1446 là niên đại của cuộc hành trình ra khỏi xứ Ai Cập.

Rất nhiều chỗ trong Kinh Thánh đề cập đến cuộc hành trình của dân Y-sơ-ra-ên rời khỏi Ai Cập như một sự bày tỏ mạnh mẽ nhất về quyền năng của Đức Giê-hô-va trong lịch sử của Y-sơ-ra-ên. Các đấng tiên tri nói về cuộc hành trình ra khỏi Ai Cập như một chứng cứ về tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho Y-sơ-ra-ên (*Giê-rê-mi* 2:1-8; *Ô-sê* 11:1). Họ cũng liên hệ đến cuộc hành trình rời Ai Cập khi nói về sự giải phóng dân Do Thái ra khỏi cảnh giam cầm ở Ba-by-lôn (*Giê-rê-mi* 16:14; 23:7-8). Ê-sai đã hứa hẹn về một tương lai sẽ nhóm họp Y-sơ-ra-ên lại trong xứ của họ và ông đã so sánh sự kiện này với cuộc hành trình rời Ai Cập (*Ê-sai* 11:15; 43:14-21; 51:9-11). Nhiều lần Ê-

sai đã đề cập đến một “con đường cái” sẽ làm cho cuộc hành trình trong tương lai của dân Do Thái trở nên dễ dàng từ chính các dân tộc ngoại bang (11:16; 19:23; 35:8; 62:10).

4. Lễ Vượt Qua Và Các Con Đâu Lòng

Xuất Ê-díp-tô Ký 13:1-16

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: ² Trong vòng dân Y-sơ-ra-ên bất luận người hay vật, hãy vì ta biệt riêng ra thánh mọi con đâu lòng; bởi con đâu lòng thuộc về ta.

³ Môi-se nói cùng toàn dân rằng: Hãy kỷ niệm ngày này, vì là ngày Đức Giê-hô-va dùng tay quyền năng rút các người ra khỏi xứ Ê-díp-tô, tức là khỏi nhà nô lệ; nên chớ ai ăn bánh có men. ⁴ Ngày nay, nhằm tháng lúa trổ, các người ra đi. ⁵ Vậy khi nào Đức Giê-hô-va đưa người vào bờ cõi xứ dân Ca-na-an, dân Hê-tít, dân A-mô-rít, dân Hê-vít, và dân Giê-bu-sít rồi, là một xứ đượm sữa và mật, và là xứ Ngài đã thề cùng tổ phụ sẽ ban cho người, thì đến trong tháng này hãy giữ lễ thánh đó. ⁶ Trong bảy ngày hãy ăn bánh không men; đến ngày thứ bảy sẽ có lễ kính Đức Giê-hô-va. ⁷ Phải ăn bánh không men trong bảy ngày; khắp cả địa hạt người sẽ không thấy bánh có men, hoặc men tại nơi người nữa. ⁸ Trong ngày đó hãy giải nghĩa cho con trai người rằng: Ấy vì việc Đức Giê-hô-va làm cho ta, khi ta ra khỏi xứ Ê-díp-tô. ⁹ Điều đó sẽ làm một dấu hiệu nơi tay người, làm một kỷ niệm ghi nơi trán ở giữa cặp mắt người, hầu cho luật pháp của Đức Giê-hô-va ở nơi miệng người, vì Đức Giê-hô-va đã dùng tay quyền năng rút người ra khỏi xứ Ê-díp-tô. ¹⁰ Hằng năm, đến kỳ, người phải giữ lễ này.

¹¹ Khi Đức Giê-hô-va đã đưa người vào bờ cõi xứ Ca-na-an, như Ngài đã thề cùng người, và tổ phụ người, khi Ngài đã ban xứ đó cho rồi, ¹² thì hãy đem dâng cho Đức Giê-hô-va những con trưởng nam cùng cả con đâu lòng đực của súc vật người, vì chúng nó đều sẽ thuộc về Đức Giê-hô-va. ¹³ Nhưng mỗi con lừa đâu lòng, người phải bắt chiên con hay là dê con mà chuộc; bằng không, người hãy vụn cổ nó. Người cũng chuộc mọi trưởng nam trong vòng con trai người.

¹⁴ Và, một mai con trai người hỏi rằng: Điều đó có ý nghĩa chi? thì hãy đáp rằng: Ấy vì cơ Đức Giê-hô-va đã dùng tay quyền năng rút chúng ta ra khỏi xứ Ê-díp-tô, tức là nhà nô lệ; ¹⁵ và khi Pha-ra-ôn cứng lòng không tha chúng ta đi, Ngài bèn giết hết các con đâu lòng trong xứ đó, từ con trưởng nam người ta cho đến con đâu lòng súc

94 / Xuất Ê-díp-tô Ký

vật. Vì cơ đó, ta dâng tế cho Đức Giê-hô-va mọi con đực sanh đầu lòng, và ta chuộc con trưởng nam trong vòng con trai ta. ¹⁶ Ấy sẽ làm một dấu hiệu nơi tay người, và ấn chỉ nơi trán giữa cặp mắt người, để nhắc cho nhớ rằng Đức Giê-hô-va đã dùng tay quyền năng rút chúng ta ra khỏi xứ Ê-díp-tô.

Phân đoạn này giải thích ý nghĩa của các con đầu lòng trong dân Y-sơ-ra-ên. Không chỉ mỗi năm một lần tại lễ Vượt Qua dân Do Thái mới được nhắc nhở về ân sủng và quyền năng của Đức Chúa Trời, nhưng mỗi khi con đầu lòng, của người hay súc vật ra đời thì con đầu lòng đó phải được chuộc. Vì Đức Chúa Trời đã có những hành động mạnh mẽ để bảo vệ và cứu con đầu lòng của con người lẫn gia súc ra khỏi sự chết (12:12-13), nên mọi con đầu lòng đều thuộc về Đức Chúa Trời. Những con đầu lòng này được thánh hóa, nghĩa là được biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời.

Nghi lễ về sự cứu chuộc sẽ có hiệu lực khi dân Do Thái đã vào vùng Đất Hứa, và sau đó Môi-se giải thích cách thực hiện nghi lễ này (*Lê-vi Ký* 12:1-8; *Dân Số Ký* 18:14-19). Lừa là một con vật không thanh sạch nên con đầu lòng của nó không thể dâng làm của lễ cho Đức Chúa Trời, vì vậy nó phải được chuộc bởi chiên con. Là một con vật có sức lao động đáng kể, lừa chỉ được sót lại bởi cách này, nhưng nếu con vật này không được chuộc thì nó phải bị giết đi. Các bậc cha mẹ phải đem con trai đầu lòng của họ đến với Chúa và dâng lên những của lễ thích hợp (*Lê-vi Ký* 12:6-8). Khi Ma-ri và Giô-sép đến đền thờ để làm lễ chuộc tội cho Đấng Cứu Chuộc, họ đã đem dâng của lễ khiêm nhường của những người nghèo (*Lu-ca* 2:21-24).

Khi một con trai hay một con vật đầu lòng được làm lễ chuộc tội thì vào dịp này những người lớn có cơ hội để giải thích thế nào Đức Chúa Trời đã cứu những con đầu lòng trong xứ Gô-sen vào đêm lễ Vượt Qua, và thế nào Ngài đã giết tất cả các con đầu lòng của Ai Cập, cả người lẫn gia

súc. Mỗi con trai đầu lòng trong gia đình Do Thái cũng rất đặc biệt đối với cha mẹ của họ và với Chúa ngay cả trong những trường hợp không dính dáng gì đến nghĩa vụ trưởng nam.

5. Lễ Vượt Qua Và Môi-se

Hê-bơ-rơ 11:27-29

²⁷ Bởi đức tin, người lia xứ Ê-díp-tô không sợ vua giặc; vì người đứng vững như thấy Đấng không thấy được. ²⁸ Bởi đức tin, người giữ lễ Vượt Qua và làm phép rưới huyết, hầu cho đấng hủy diệt chẳng hề hại đến con đầu lòng dân Y-sơ-ra-ên.

²⁹ Bởi đức tin, dân Y-sơ-ra-ên Vượt Qua Biển đỏ như đi trên đất khô, còn người Ê-díp-tô thử đi qua, bị nuốt mất tại đó.

Chúng ta không được quên rằng chính Môi-se, từng là một người nhút nhát và hay viện dẫn lý do để thoái thác, đã cùng A-rôn, anh mình chạm trán với Pha-ra-ôn hết lần này đến lần khác và cuối cùng đã chiến thắng được Pha-ra-ôn cùng mọi thế lực của Ai Cập. *Hê-bơ-rơ* 11 nhắc nhở chúng ta rằng Môi-se đã thực hiện mọi điều này bởi đức tin nơi Đức Chúa Trời hằng sống. Lễ Vượt Qua và cuộc hành trình rời khỏi Ai Cập là những dấu mốc kỷ niệm cho quyền năng của đức tin.

Hê-bơ-rơ 11 đề cập đến *Xuất Ê-díp-tô Ký* 10:28-29 lúc Pha-ra-ôn đe dọa sẽ giết Môi-se nếu người đến gặp ông ta một lần nữa. Môi-se tin những lời hứa của Đức Chúa Trời và chẳng hề sợ hãi. Đức tin đơn giản chỉ là việc chúng ta nhờ cậy Đức Chúa Trời và vâng theo Lời Ngài, bất kể những cảm xúc, hoàn cảnh hay hậu quả. Bởi đức tin, Môi-se đã giữ lễ Vượt Qua cho dù việc giết chiên con và bôi huyết trên cửa có vẻ buồn cười đối với dân Ai Cập và chắc chắn đã gây xúc phạm đến họ. Bất cứ lúc nào, Pha-ra-ôn cũng có thể sai quần thần của ông ta đến cùng Môi-se và giết người, nhưng Đức Chúa Trời đã giữ người luôn được

an toàn.

Chính đức tin nơi Lời Đức Chúa Trời đã đem Môi-se trở lại Ai Cập để dẫn dắt dân của ông; chính đức tin đã đem ông ra khỏi Ai Cập; và chính đức tin đã phân cách ông cùng dân chúng khỏi Ai Cập khi họ vượt qua Biển Đỏ. Dù hoàn cảnh có thể nào đi chăng nữa thì chúng ta cũng có thể tin cậy Đức Chúa Trời sẽ giải cứu và giúp chúng ta vượt qua.

Chúa Giê-xu đã thiết lập Tiệc Thánh sau khi Ngài hướng dẫn các môn đồ trong việc giữ lễ Vượt Qua, Ngài là Chiên Con của Đức Chúa Trời, Đấng chết thay tội lỗi của thế gian, và vì thế, Ngài chính là sự ứng nghiệm của lễ Vượt Qua. Mỗi khi chúng ta dự Tiệc Thánh, chúng ta có dịp nhìn lại và nhớ lại sự chết của Ngài, nhưng chúng ta cũng phải nhìn lên phía trước và trông đợi sự tái lâm của Ngài. Khi Chúa Giê-xu tái lâm, một cuộc hành trình kỳ diệu sẽ diễn ra ! Những người chết trong Đấng Christ sẽ được sống lại và những tín hữu đang sống sẽ được cất lên cùng với họ và được vào thiên đàng để ở với Chúa (*1 Tê-sa-lô-ni-ca* 4:13-18;).

Ha-lê-lu-gia! Ngài thật là Cứu Chúa siêu việt!

Chú thích

¹ Nhóm từ “toàn hội chúng Y-sơ-ra-ên” (c.3) được ghi lại lần đầu tiên trong Kinh Thánh cho thấy Đức Chúa Trời giờ đây đã nhìn nhận dân Ngài như là một dân tộc. Lễ Vượt Qua đã hiệp nhất dân chúng lại với nhau qua việc giết Chiên Con (12:6), việc cất bỏ men (c.19) và dự tiệc (c.47). Cũng xem (16:1-2, 9-10, 22 và 17:1).

² Trong sách *Khải Thị*, Chúa Giê-xu Christ được gọi là “Chiên Con” 28 lần, và từ Hy Lạp được dùng ở đây có nghĩa là “chiên con bé nhỏ đáng quý”. Sự phán xét của

Đức Chúa Trời là “cơn giận của Chiên Con” (6:16); vợ mới cưới là “Vợ của Chiên Con” (21:9), và ngôi là “ngôi của Chiên Con” (21:1, 3). Chiên Con là hình ảnh Chúa Giê-xu Christ, Tân Ước có nói rõ về điều này.

³ Một ngày của Do Thái được tính từ chiều tối hôm trước đến chiều tối hôm sau. Chiên con lễ Vượt Qua bị giết “giữa những buổi chiều” vào thứ 6 ngày 14 của tháng Nisan, trước khi bắt đầu ngày hôm sau. Y-sơ-ra-ên rời Ai Cập ngày 15 tháng Nisan, vào ban đêm.

⁴ *Giăng* 6:51-59 so sánh mỗi giao thông thuộc linh của chúng ta với Đấng Christ đến việc dự tiệc cùng chính Ngài. Người Do Thái suy nghĩ theo nghĩa đen nên hiểu sai hình ảnh này và nghĩ rằng Chúa Giê-xu bảo họ ăn thịt và uống huyết người, nhưng Ngài giải thích rằng Ngài đang nói về việc “ăn” Lời Ngài (6:63). Phi-e-rơ hiểu được sứ điệp và đã trình bày rõ về điều này (câu 66-68). Nếu gọi *Giăng* 6:1-71 là một bài giảng về “Bữa Ăn Tối Của Chúa” (Tiệc thông công, Tiệc Thánh) là hoàn toàn không hiểu được vấn đề này. Vì sao Chúa Giê-xu lại bàn luận một “vấn đề gia đình” như vấn đề về Bữa Ăn Tối Của Chúa với một đám đông người Do Thái không tin khi mà ngay cả với các môn đồ của mình Ngài vẫn chưa đề cập đến chủ đề này? ⁵ “Và cả nhà người” trong *Công Vụ Các Sứ Đồ* 16:31 không có nghĩa là đức tin của người cha tự động sẽ cứu được con cái của mình, nhưng có nghĩa là con cái có thể xác nhận lời hứa tương tự như cha họ và được cứu. Tuy nhiên, câu nói này đã cho thấy mối quan tâm đặc biệt của Đức Chúa Trời đối với gia đình, Ngài muốn con cái tin và được cứu.

⁶ Tập tục này đã xuất hiện vào khoảng thế kỷ thứ 2 TC. Bốn đoạn Kinh Thánh được chép lại là (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 13:1-10, 11-16; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 6:4-9; 11:13-21). Từ tiếng Anh “phylactery” (hộp nhỏ đựng câu Kinh

98 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Thánh) là chuyển tự của từ Hy Lạp “phulakterion” nghĩa là “bùa, vật để che chở, phương tiện bảo vệ”. Đó là từ Hy Lạp tương đương với một từ trong tiếng Hê-bơ-rơ chỉ về những chiếc hộp nhỏ này - “tephillin” – nghĩa là “những lời cầu nguyện”.

⁷ Khi dân Y-sơ-ra-ên quá thân mật với dân Ma-đi-an, nên bị phạt, 24.000 người phải chết. Hãy xem *Dân Số Ký* 25:1-18.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 4

Xuất Ê-díp-tô Ký 11:1-13:16

1. Ông Wiersbe đưa ra hai câu hỏi liên quan đến tai vạ cuối cùng: (a.) Tại sao Đức Chúa Trời giết những con đầu lòng? (b.) Ngài có công bình trong việc này chăng vì chỉ Pha-ra-ôn mới là kẻ có tội thật sự?

2. Đức Chúa Trời thường không cho con trưởng nam những địa vị đặc biệt. Sự khước từ này tượng trưng cho điều gì?

3. Chiên con trong lễ Vượt Qua mô tả về điều gì hoặc về ai? Làm thế nào bạn biết được điều này?

4. Dân Do Thái cần phải làm gì với chiên con trong lễ Vượt Qua để được cứu?

5. Lễ Vượt Qua tượng trưng cho sự cứu rỗi của chúng ta như thế nào?

6. Ý nghĩa thuộc linh của mỗi món ăn trong bữa ăn lễ Vượt Qua là gì: chiên con quay, bánh không men và rau đắng?

7. Men là hình ảnh về điều gì? Những chương Kinh Thánh nào khác có sử dụng men như một ví dụ?

8. Bữa ăn lễ Vượt Qua và Bữa Tiệc Thánh giống nhau như thế nào?

9. Điều gì có thể giúp phân biệt được một con cái thật của Đức Chúa Trời với một người nào đó trong xã hội ngoài đời?

10. Đức tin là gì? Môi-se đã thực hành đức tin của ông nơi Chúa ra sao?

Được Cứu Chuộc Và Vui Mừng

Xuất Ê-díp-tô Ký 13:17-15:21

“Lịch sử chứng tỏ rằng những kẻ yếu đuối hoặc những người nhút nhát không thể bảo vệ tự do lâu dài được.”

Tổng thống Dwight D. Eisenhower đã nói như thế trong bài diễn văn nhậm chức của ông, ngày 20/1/1953. Là người lãnh đạo các nước Đồng Minh chiến thắng cuộc Thế Chiến thứ 2, tướng Eisenhower hiểu rất rõ về cái giá phải trả của sự chiến thắng cũng như trách nhiệm của tự do. Nhà viết tiểu thuyết người Anh Charles Kingsley đã phát biểu rất hợp lý rằng: “Có hai thứ tự do: sự tự do sai trật - con người tùy ý làm theo những điều ưa thích; và sự tự do đích thật - con người được tự do để làm những điều cần phải làm”. Suốt lịch sử của họ, dân Y-sơ-ra-ên đã phải vật lộn với cả hai thứ tự do này. Ngày nay dân Chúa cũng hãy còn tranh đấu cho cả hai thứ tự do như thế.

Có trường thành mới hiểu rằng tự do là một phương tiện để hoàn thành một mục đích chứ không phải là món đồ chơi để đùa giỡn. Tự do phải đi đôi với trách nhiệm. Những kinh nghiệm về cuộc hành trình rời khỏi Ai Cập của Y-sơ-ra-ên đã dạy họ rằng sự thành công trong tương lai của họ tùy thuộc vào việc thực hiện ba trách nhiệm quan trọng: bước theo Chúa (13:17-27), tin cậy Chúa (14:1-31), và ngợi khen Chúa (15:12-21).

1. Bước Theo Chúa

Xuất Ê-díp-tô Ký 13:17-22

¹⁷ Vả, khi Pha-ra-ôn tha dân Y-sơ-ra-ên đi, Đức Chúa Trời không dẫn dân ấy đi theo đường về xứ Phi-li-tin, là đường gần hơn hết, vì Ngài nói rằng: E khi dân thấy trận mạc, dời lòng trở về xứ Ê-díp-tô chăng.

¹⁸ Cho nên Đức Chúa Trời dẫn chúng đi vòng theo đường trong đồng vắng, về hướng Biển Đỏ. Dân Y-sơ-ra-ên cảm khí giới ra khỏi xứ Ê-díp-tô. ¹⁹ Môi-se dời hài cốt Giô-sép theo mình, vì Giô-sép có bắt dân Y-sơ-ra-ên thề quyết rằng: Chắc Đức Chúa Trời sẽ viếng các người; hãy dời hài cốt ta theo các người khỏi đây.

²⁰ Vả, chúng đi khỏi Su-cốt, đóng trại tại Ê-tam, ở cuối đầu đồng vắng. ²¹ Đức Giê-hô-va đi trước dân chúng, ban ngày ở trong một trụ mây, để dẫn đường đi; ban đêm trong một trụ lửa, để soi sáng cho chúng, hầu cho được đi luôn ngày và đêm. ²² Ban ngày trụ mây chẳng bao giờ cách xa dân chúng, trụ lửa ban đêm cũng vậy.

Cuộc hành trình rời Ai Cập của Y-sơ-ra-ên không phải là hết chuyện mà là một khởi đầu để sống với Đức Chúa Trời. George Morrison đã nói: “Chỉ mất một đêm để đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, nhưng phải mất 40 năm để đem Ai Cập ra khỏi Y-sơ-ra-ên” ¹. Nếu Y-sơ-ra-ên vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời, Ngài sẽ đem họ vào Đất Hứa và ban sản nghiệp cho họ. Bốn mươi năm sau đó, Môi-se nhắc nhở thế hệ mới rằng “Ngài đã đem các người ra khỏi Ai Cập... đem các người vào đất hứa, ban cho các người xứ làm sản nghiệp” (*Phục Truyền Luật Lệ Ký 4:37-38*).

Chúng ta cũng có thể nói về sự cứu chuộc mà chúng ta có trong Đấng Christ rằng: Đức Chúa Trời đã đem chúng ta ra khỏi ách nô lệ để rồi đem chúng ta vào cõi phước hạnh. A.W.Tozer thường nhắc nhở chúng ta rằng “Chúa cứu chúng ta bằng hai động tác: đem ra khỏi nơi tối tăm, dắt vào trong ánh sáng” ². Người tin nhận Chúa Giê-xu Christ được tái sinh trong gia đình Đức Chúa Trời, nhưng đó chỉ là sự khởi đầu của một cuộc hành trình mới đầy thú

vị giúp cho đời sống tăng trưởng và biết đâu phục. Đức Chúa Trời giải phóng chúng ta và dẫn dắt chúng ta qua nhiều kinh nghiệm của cuộc sống, từng ngày từng giờ, hầu cho chúng ta có thể học biết Ngài rõ hơn và bởi đức tin cầu xin cho mình tất cả những gì Ngài muốn chúng ta có. Đồng thời, chúng ta sẽ ngày càng được biết về chính mình rõ hơn; chúng ta khám phá ra những điểm mạnh cùng những điểm yếu của mình và được tấn tới trong sự thông biết ý muốn Đức Chúa Trời và trong sự tin cậy nơi những lời hứa của Ngài.

Đức Chúa Trời vạch ra đường đi cho dân Ngài (Xuất Ê-díp-tô Ký 13:17-18). Không điều gì ở ngoài ý chỉ Đức Chúa Trời cả, vì trong sự định liệu của Ngài, Ngài vạch ra đường lối tốt nhất cho dân Ngài. Không phải lúc nào chúng ta cũng có thể hiểu được đường lối Ngài đã chọn, và cũng có khi chống lại ý chỉ Ngài, nhưng đường lối của Ngài luôn là đường lối đúng. Chúng ta có thể nói cách quả quyết rằng: “Ngài dẫn tôi vào các lối công bình vì cơ danh Ngài” (*Thi Thiên 23:3*), và chúng ta phải khiêm cung cầu nguyện: “Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy chỉ cho tôi các đường lối Ngài; xin dạy dỗ tôi các nẻo của Ngài. Xin hãy dẫn tôi trong lẽ thật của Ngài và dạy dỗ tôi” (*25:4-5*).

Nếu có một nhà chiến lược quân sự nào ở Y-sơ-ra-ên vào đêm đó, có thể họ sẽ không đồng ý với con đường tản cư mà Đức Chúa Trời đã chọn vì nó quá dài³. Nơi đến gần nhất của Y-sơ-ra-ên là núi Si-nai, nhưng tại sao phải đưa hàng triệu con người đi qua một đoạn đường dài thay vì nên chọn một con đường ngắn hơn và dễ đi hơn? Câu trả lời là: vì có những trạm quân sự của người Ai Cập nằm dọc theo các con đường ngắn, và quân lính đóng ở đó sẽ chặn đường tiến của dân Do Thái. Hơn nữa, việc vượt qua biên giới Phi-li-tin sẽ bị quân đội của nước này chặn đánh, và như vậy Y-sơ-ra-ên không thể tránh một cuộc chiến với

các nước láng giềng. Đức Chúa Trời chọn cho Y-sơ-ra-ên con đường dài hơn không phải là vô cơ đầu.

Nếu bạn để Chúa hướng dẫn những bước đi của bạn (*Châm Ngôn 3:5-6*), thì đừng ngạc nhiên khi được dẫn dắt trên những con đường dường như loanh quanh và xa xôi một cách không cần thiết. Hãy tự nhắc nhở mình rằng Đức Chúa Trời biết rõ việc Ngài đang làm, Ngài không vội vàng, và hãy cứ bước đi theo Ngài thì được an ninh và ở trong nơi phước hạnh của Ngài. Ngài có thể đóng một vài cánh cửa rồi bất ngờ mở ra những cánh cửa khác. (*Công Vụ Các Sứ Đồ 16:6-10; II Cô-rinh-tô 2:12-13*).

Đức Chúa Trời khích lệ đức tin của dân Ngài (Xuất Ê-díp-tô Ký 13:19);). Trước khi chết, Giô-sép đã bắt các anh em của ông hứa rằng khi Đức Chúa Trời giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi Ai Cập, con cháu họ sẽ đem hài cốt của ông đến Đất Hứa (*Sáng Thế Ký 50:24-25; Hê-bơ-rơ 11:22*). Giô-sép biết rằng Đức Chúa Trời sẽ giữ lời hứa của Ngài và cứu con cái của Y-sơ-ra-ên (*Sáng Thế Ký 15:13-16*). Giô-sép cũng biết rằng ông thuộc về xứ Ca-na-an cùng với dân của ông (*49:29-33*).

Hài cốt này có ý nghĩa gì đối với các thế hệ dân Do Thái là những người đã sống qua những năm tháng dưới ách nô lệ khủng khiếp ở Ai Cập? Chắc chắn là dân Do Thái có thể nhìn xem hài cốt của Giô-sép và được khích lệ. Chúa đã gìn giữ Giô-sép qua suốt những hoạn nạn thử thách của ông, và sau cùng Ngài đã giải cứu ông, Ngài cũng gìn giữ dân tộc Y-sơ-ra-ên và cuối cùng giải cứu họ. Suốt những tháng năm trong đồng vắng, Y-sơ-ra-ên đã xem hài cốt của Giô-sép như một điều nhắc nhở họ rằng: Đức Chúa Trời có những thời điểm của Ngài và sẽ giữ những lời hứa của Ngài. Giô-sép đã chết, nhưng ông vẫn đang làm chứng cho sự thành tín của Đức Chúa Trời. Khi đã đến trong xứ mình, dân Do Thái giữ lời hứa của họ và chôn Giô-sép cùng với Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp (*Giô-suê 24:32*).

104 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Phải chăng những vật được dùng để nhắc nhở chúng ta về sự thành tín của Đức Chúa Trời là những thần tượng? Không nhất thiết như vậy. Trong sách *Giô-suê* ta thấy có nhiều tượng đài kỷ niệm quan trọng. Khi dân Y-sơ-ra-ên vượt qua sông Giô-đanh, họ đã dựng lên một đài kỷ niệm bằng đá trên bờ biển bên kia để kỷ niệm các công việc mà Đức Chúa Trời đã làm cho Y-sơ-ra-ên (*Giô-suê* 4:1-24). Họ cũng đặt những hòn đá trên núi Ê-ban và núi Ga-rim để nhắc nhở họ về Luật Pháp Đức Chúa Trời (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 8:30-35). “Một đồng đá” đã làm chứng cho sự giả dối của A-can (*Giô-suê* 7:25-26), và “hòn đá làm chứng” là vật nhắc nhở về sự tái xác nhận lòng tận hiến của Y-sơ-ra-ên sau khi chinh phạt xứ (*Giô-suê* 24:24-28). Sa-mu-ên dựng lên một hòn đá để kỷ niệm chiến thắng của Y-sơ-ra-ên đối cùng dân Phi-li-tin và gọi nó là “Ê-bên Ê-xe, hòn đá giúp đỡ” (*I Sa-mu-ên* 7:12).

Khi chúng ta còn tiếp tục vâng lời Chúa thì những vật kỷ niệm như thế vẫn có thể khích lệ đức tin của chúng ta. Điều quan trọng là những vật đó phải hướng về Chúa chứ không phải về một quá khứ chết, nhắc nhở chúng ta vẫn phải tiếp tục bước đi bởi đức tin và vâng giữ Lời Chúa.

Đức Chúa Trời đi trước dân Ngài để dẫn đường (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 13:20-22). Y-sơ-ra-ên được dẫn dắt bởi một trụ (cột) mây vào ban ngày và trở thành một trụ lửa vào ban đêm. Trụ này được xem là thiên sứ của Chúa đã dẫn đường cho dân chúng (14:19; 23:20-23 xem *Nê-hê-mi* 9:12). Đôi khi Đức Chúa Trời phán từ trụ mây (*Dân Số Ký* 12:5-6; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 31:15-16; *Thi Thiên* 99:7), trụ mây cũng che chở cho dân khỏi ánh nắng gay gắt khi họ ra đi vào ban ngày (*Thi Thiên* 105:39). Khi áng mây di chuyển thì trại quân di chuyển; khi áng mây dừng lại thì trại quân dừng lại (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 40:34-38).

Ngày nay tuy không có sự hướng dẫn có thể trông thấy giống như vậy nhưng chúng ta thật sự có Lời Đức Chúa

Trời là ánh sáng (*Thi Thiên* 119:105), và là lửa (*Giê-rê-mi* 23:29). Cần chú ý rằng trụ lửa ban ánh sáng cho dân Do Thái nhưng là lại sự tối tăm cho dân Ai Cập (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 14:20). Dân Chúa được soi sáng bởi Lời Chúa (*Ê-phê-sô* 1:15-23), nhưng những người chưa được cứu không thể hiểu được lẽ thật của Đức Chúa Trời (*Ma-thi-ơ* 11:25; *I Cô-rinh-tô* 2:11-16).

Thánh Linh của Đức Chúa Trời, là Thần Lẽ Thật, sẽ dẫn dắt chúng ta qua việc dạy dỗ Lời Chúa cho chúng ta (*Giăng* 16:12-13). Như Đức Chúa Trời đã phán với Môi-se từ trụ mây, Chúa cũng giao thông với chúng ta qua Lời Kinh Thánh bằng cách khiến Lời ấy trở nên rõ ràng với chúng ta. Có những khi chúng ta không chắc chắn về con đường mà Đức Chúa Trời muốn chúng ta phải đi, nhưng nếu chúng ta biết chờ đợi Ngài thì cuối cùng Ngài cũng sẽ dẫn dắt chúng ta.

Hãy tưởng tượng nếu dân Do Thái dừng lại để bỏ phiếu xem nên theo con đường nào để đi đến núi Si-nai! Lúc ấy sẽ là chuyện cười ra nước mắt. Dĩ nhiên cũng có lúc cần phải bàn bạc, thảo luận (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 6:1-7), nhưng khi Đức Chúa Trời đã phán bảo thì không cần thảo luận nữa. Hơn một lần Kinh Thánh đã cho thấy đa số không hẳn là đúng.

2. Tin Cây Chúa

Xuất Ê-díp-tô Ký 14:1-31

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: ² Hãy truyền cho dân Y-sơ-ra-ên trở lại đóng trại tại trước Phi-Ha-hi-rốt, ngang Ba-anh-Sê-phôn, giữa khoảng Mít-đôn và biển. Các ngươi hãy đóng trại đối diện nơi này, gần biển. ³ Chắc Pha-ra-ôn sẽ nói về dân Y-sơ-ra-ên rằng: Dân đó lạc đường bị khốn trong đồng vắng rồi. ⁴ Ta sẽ làm cho Pha-ra-ôn cứng lòng, người sẽ đuổi theo dân đó; nhưng ta sẽ vì Pha-ra-ôn và cả toán binh người được rạng danh; người Ê-díp-tô sẽ biết ta là Đức Giê-hô-va. Dân Y-sơ-ra-ên bèn làm như vậy.

⁵ Và, họ báo cùng vua Ê-díp-tô rằng dân Hê-bơ-rơ đã trốn đi rồi.

Lòng Pha-ra-ôn và quần thần đối cùng dân đó bèn thay đổi, nói rằng: Chúng ta đã làm chi vậy, tha dân Y-sơ-ra-ên đi để khỏi phục dịch ta nữa sao? ⁶ Pha-ra-ôn bèn thắt xe và đem dân mình theo. ⁷ Người đem sáu trăm xe thượng hạng và hết thầy xe trong xứ Ê-díp-tô, trên mỗi xe đều có chiến binh cả. ⁸ Đức Giê-hô-va làm cho Pha-ra-ôn, vua của xứ Ê-díp-tô, cứng lòng, đuổi theo dân Y-sơ-ra-ên; nhưng dân nầy đã ra đi một cách dạn dĩ. ⁹ Người Ê-díp-tô và cả ngựa xe, lính kỵ, cùng toán binh của Pha-ra-ôn đều đuổi theo dân Y-sơ-ra-ên, gặp đương đóng đồn nơi bờ biển, gần Phi-Ha-hi-rốt, ngang Ba-anh-Sê-phôn.

¹⁰ Vả, khi Pha-ra-ôn đến gần, dân Y-sơ-ra-ên ngược mắt lên, thấy dân Ê-díp-tô đuổi theo, bèn lấy làm hãi hùng, kêu van Đức Giê-hô-va. ¹¹ Chúng lại nói cùng Môi-se rằng: Xứ Ê-díp-tô há chẳng có nơi mộ phần, nên nỗi người mới dẫn chúng tôi vào đồng vắng đặng chết sao? Người đưa chúng tôi ra xứ Ê-díp-tô để làm chi? ¹² Chúng tôi há chẳng có nói cùng người tại xứ Ê-díp-tô rằng: Để mặc chúng tôi phục dịch dân Ê-díp-tô, vì thà rằng phục dịch họ còn hơn phải chết nơi đồng vắng? ¹³ Môi-se đáp cùng dân chúng rằng: Chớ sợ chi, hãy ở đó, rồi ngày nay xem sự giải cứu Đức Giê-hô-va sẽ làm cho các người; vì người Ê-díp-tô mà các người ngó thấy ngày nay, thì chẳng bao giờ ngó thấy nữa. ¹⁴ Đức Giê-hô-va sẽ chiến cự cho, còn các người cứ yên lặng.

¹⁵ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Sao người kêu van ta? Hãy bảo dân Y-sơ-ra-ên cứ đi; ¹⁶ còn người hãy đưa gậy lên, đưa tay trên mặt biển, phân rẽ nước ra, thì dân Y-sơ-ra-ên sẽ xuống biển đi như trên đất cạn. ¹⁷ Còn ta sẽ làm cho dân Ê-díp-tô cứng lòng theo dân Y-sơ-ra-ên xuống biển, rồi ta sẽ được rạng danh vì Pha-ra-ôn, cả đạo binh, binh xa, và lính kỵ người. ¹⁸ Khi nào ta được rạng danh vì Pha-ra-ôn, binh xa, cùng lính kỵ người, thì người Ê-díp-tô sẽ rõ ràng ta là Đức Giê-hô-va vậy.

¹⁹ Thiên sứ Đức Chúa Trời đã đi trước trại quân của dân Y-sơ-ra-ên lộn lại đi sau; còn trụ mây vốn đi trước trại quân, lại ở về sau; ²⁰ trụ mây đứng về giữa khoảng trại người Ê-díp-tô và trại dân Y-sơ-ra-ên, làm ánh mây tối tăm cho đàng nầy, soi sáng ban đêm cho đàng kia; nên trọn cả đêm hai trại chẳng hề xấp gần nhau được.

²¹ Vả, Môi-se đưa tay ra trên biển, Đức Giê-hô-va dẫn trận gió đông thổi mạnh đến đùa biển lại trọn cả đêm; Ngài làm cho biển bày ra khô, nước phân rẽ. ²² Dân Y-sơ-ra-ên xuống biển, đi như trên đất cạn; còn nước làm thành một tấm vách ngăn bên hữu và bên tả. ²³ Người Ê-díp-tô bèn đuổi theo; hết thầy ngựa, binh xa cùng lính kỵ của Pha-ra-ôn đều theo xuống giữa biển. ²⁴ Vả, đến canh sáng, Đức

Giê-hô-va ở trong lòng trụ mây và lửa, nhìn ra thấy trại quân Ê-díp-tô, bèn làm cho họ phải rối loạn. ²⁵ Ngài tháo bánh xe của họ, khiến dẫn dắt cực nhọc. Người Ê-díp-tô bèn nói nhau rằng: Ta hãy trốn khỏi dân Y-sơ-ra-ên đi, vì Đức Giê-hô-va thể dân đó mà chiến cự cùng chúng ta.

²⁶ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Hãy đưa tay ngươi ra trên biển, nước sẽ trở lấp người Ê-díp-tô, binh xa và lính kỵ của chúng nó. ²⁷ Môi-se bèn đưa tay mình ra trên biển, lối sáng mai, nước trở lấp phủ đáy biển lại, người Ê-díp-tô chạy trốn bị nước chặn; vậy Đức Giê-hô-va xô họ xuống giữa biển. ²⁸ Thế thì, nước trở lại bao phủ binh xa, lính kỵ của cả đạo binh Pha-ra-ôn đã theo dân Y-sơ-ra-ên xuống biển, chẳng còn sót lại một ai. ²⁹ Song dân Y-sơ-ra-ên đi giữa biển như trên đất cạn; nước làm thành vách ngăn bên hữu và bên tả. ³⁰ Trong ngày đó, Đức Giê-hô-va giải cứu dân Y-sơ-ra-ên thoát khỏi tay người Ê-díp-tô; dân ấy thấy người Ê-díp-tô chết trên bãi biển. ³¹ Dân Y-sơ-ra-ên thấy việc lớn lao mà Đức Giê-hô-va đã làm cho người Ê-díp-tô, nên kính sợ Ngài, tin Ngài và Môi-se, là tôi tớ Ngài.

“Ngài cho Môi-se biết những đường lối của Ngài, cho con cái Y-sơ-ra-ên biết những hành động của Ngài” (*Thi Thiên* 103:7). Dân Do Thái được cho biết điều Đức Chúa Trời muốn họ làm, nhưng Môi-se được cho biết lý do Đức Chúa Trời làm điều ấy. “Bí mật của Chúa ở cùng những người kính sợ Ngài” (25:14). Nhiệm vụ lãnh đạo của Môi-se là một yếu tố chính trong sự thành công của Y-sơ-ra-ên.

Sự đuổi bắt của đội quân Ai Cập (Xuất Ê-díp-tô Ký 14:1-9). Pha-ra-ôn và quần thần của ông ta nhận ra rằng khi để các nô lệ Do Thái trốn thoát thì sự đe dọa sẽ đến, nếu không muốn nói là toàn bộ nền kinh tế của Ai Cập bị phá hoại, vì thế điều hợp lý cần phải làm là đuổi theo dân Do Thái và đem họ trở về. Giờ đây chúng ta được cho thấy một lý do khác vì sao Chúa đã chọn con đường này: những lời thuật lại khiến Pha-ra-ôn tin rằng dân Do Thái đang lang thang như những chiên đi lạc trong đồng vắng và do đó là mồi ngon cho quân đội ông ta đuổi theo và bắt lại. Chúa đang đưa người Ai Cập vào bẫy của Ngài.

108 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Ai Cập tưởng sẽ chiến thắng dễ dàng nhưng lại thất bại nhục nhã. Mọi vinh hiển thuộc về Chúa. Một lần nữa, Ngài chiến thắng Pha-ra-ôn cùng các thần của Ai Cập. Pha-ra-ôn đã trưng dụng mọi xe ngựa của Ai Cập, cưỡi trên cỗ xe ngựa hoàng gia của ông ta và đuổi theo dân Y-sơ-ra-ên.

Sự hoảng sợ của Y-sơ-ra-ên (Xuất Ê-díp-tô Ký 14:10-12). Khi dân Y-sơ-ra-ên vẫn còn hướng mắt về phía trụ lửa và bước đi theo Chúa bởi đức tin thì không kẻ thù nào có thể gây hại cho họ được. Nhưng khi họ rời mắt khỏi Chúa và quay lại nhìn dân Ai Cập đuổi gần đến, họ đâm hoảng sợ và bắt đầu than vãn.

Những câu này cho chúng ta biết về tinh thần yếu đuối của dân Y-sơ-ra-ên trong suốt hành trình của họ từ Ai Cập đến xứ Ca-na-an. Khi mọi việc hanh thông tốt đẹp thì họ vâng theo Chúa và Môi-se, và được tấn tới. Nhưng nếu gặp phải hoàn cảnh khó khăn hay thiếu thốn thì họ lập tức phản nản với Môi-se và với Chúa và đòi được trở lại xứ Ai Cập. Tuy nhiên, trước khi chỉ trích dân Do Thái, có lẽ chúng ta nên xem xét chính lòng mình. Khi nào gặp trở ngại gian nan, chúng ta phiền trách Chúa, không còn tin tưởng nơi Ngài và bắt đầu phản nản? Hãy nhớ “Vì chúng ta bước đi bởi đức tin, chớ chẳng phải bởi mắt thấy” (II Cô-rinh-tô 5:7).

Khi quên những lời hứa của Đức Chúa Trời, ta sẽ chỉ nghĩ đến tai họa mà thôi. Dân Do Thái tin chắc rằng họ và con cái họ sẽ chết trong đồng vắng ngay khi đội quân Pha-ra-ôn bắt kịp họ. Nhìn những con người sợ hãi kia Môi-se nhớ lại đã có lần họ bảo ông hãy để mặc họ (Xuất Ê-díp-tô Ký 5:20-23), nhưng ông cứ nhất quyết thách thức Pha-ra-ôn. Y-sơ-ra-ên giờ đây ở trong một tình thế thật đáng kinh khiếp chỉ vì Môi-se. Sự vô tín có thể khiến chúng ta quên đi những lần Chúa đã chứng tỏ quyền năng của Ngài trước mặt ta, cùng những lúc Ngài hoàn thành lời hứa Ngài trên

đời sống chúng ta.

Quyền năng của Đức Chúa Trời (Xuất Ê-díp-tô Ký 14:13-31). Môi-se là một người có đức tin, ông biết rằng quân đội của Pha-ra-ôn chẳng phải là một sự đe dọa đối với Đức Giê-hô-va. Ông đưa ra nhiều mệnh lệnh cho dân và mệnh lệnh đầu tiên là “chớ sợ chi” (c.13) 4. Đôi khi sự sợ hãi tiếp thêm nghị lực cho chúng ta và chúng ta nhanh chóng tìm cách tránh khỏi sự nguy hiểm, nhưng đôi khi sự sợ hãi lại làm chúng ta tê liệt không biết phải làm gì. Y-sơ-ra-ên bối rối và muốn chạy trốn vì vậy Môi-se đã ra mệnh lệnh thứ hai của ông: “Hãy đứng yên và xem sự giải cứu của Đức Giê-hô-va” (c.13). Bởi đức tin, dân Do Thái đã ra khỏi Ai Cập, và giờ đây bởi đức tin, họ đứng yên chứng kiến Đức Chúa Trời tiêu diệt đoàn kỵ binh của Ai Cập.

Môi-se không chỉ bảo họ đứng yên, mà còn bảo “hãy yên lặng” (c.14). Ngồi đó mà khóc lóc, phàn nàn và chỉ trích Môi-se chẳng ích gì. Sự vô tín sinh ra phàn nàn, nhưng đức tin đem đến lòng vâng lời quy vinh hiển cho Chúa. “Hãy yên lặng và biết rằng ta là Đức Chúa Trời” (*Thi Thiên 46:10*). Tại sao phải phàn nàn khi chúng ta đã có lời hứa kỳ diệu: “Đức Giê-hô-va sẽ chiến cự cho các ngươi”? (*Xuất Ê-díp-tô Ký 14:14*). Sau này trong cuộc hành trình của họ, Chúa giúp Giô-suê và đội quân Do Thái đánh trận (17:8). Nhưng lúc này, Đức Chúa Trời sẽ đánh bại dân Ai Cập mà không cần đến sự hỗ trợ của dân Y-sơ-ra-ên.

Mệnh lệnh tiếp theo dành cho Môi-se đến từ Đức Chúa Trời: “Hãy đi tới!” (c.15). Việc Y-sơ-ra-ên cùng đường trước biển cả chẳng phải là vấn đề nan giải đối với Đức Chúa Trời. Ngài đã cho Môi-se biết việc cần phải làm. Khi Môi-se đưa cây gậy của ông lên, dòng nước chia ra và dân Y-sơ-ra-ên có thể băng qua trên khoảng đất khô và thoát khỏi đội quân Ai Cập. Theo hiệu lệnh của Môi-se,

110 / Xuất Ê-díp-tô Ký

khi ấy nước dồn lại, nhận chìm binh lính Ai Cập, và ngăn không cho dân Y-sơ-ra-ên trở lại Ai Cập. Trong những năm sau đó, mỗi khi dân Do Thái bày tỏ ước muốn được trở lại Ai Cập, lẽ ra họ phải nhớ lại rằng Đức Chúa Trời đã ngăn lại những con nước và khóa chặt những cánh cửa.

Vì sao Đức Chúa Trời thực hiện các phép lạ này cho dân Do Thái? Chắc chắn là họ không xứng đáng để nhận các phép lạ này khi họ tê cứng trong sự sợ hãi và phàn nàn rằng Đức Chúa Trời chỉ gây thêm khó khăn cho họ. Họ đâu biết rằng Ngài đang giữ lời hứa của Ngài, Ngài sẽ giải cứu dân Y-sơ-ra-ên và nhận họ làm dân của Ngài (3:7-8). Về sau người Do Thái mộ đạo sẽ đo lường mọi sự bằng sự bày tỏ về quyền năng vĩ đại của Đức Chúa Trời qua cuộc hành trình rời Ai Cập. Nhưng Đức Chúa Trời nghĩ đến một mục đích khác, đó là: bày tỏ một lần nữa quyền năng và sự vinh hiển của Ngài qua sự thất bại của đội quân Ai Cập. “Và dân Ai Cập sẽ biết rằng ta là Đức Giê-hô-va” (14:18).

Cột lửa di chuyển giữa dân Y-sơ-ra-ên và Ai Cập cho thấy rằng Đức Chúa Trời là một bức tường che chắn giữa dân Ngài và kẻ thù của họ. Cột lửa này ban ánh sáng cho dân Y-sơ-ra-ên nhưng đem lại sự tối tăm cho kẻ thù vì dân Ai Cập vô tín không thể hiểu được đường lối của Đức Chúa Trời. Khi Môi-se đưa tay ra, Chúa giáng một luồng gió mạnh dồn nước biển lại và mở ra một con đường cho dân Do Thái vượt qua. *Thi Thiên 77:16-20* cho thấy có một cơn mưa bão dữ dội đi kèm với những cơn gió mạnh, và sau khi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua, cơn mưa bão này biến con đường khô ráo của Y-sơ-ra-ên thành một con đường bùn lầy. Khi quân lính Ai Cập cố sức đuổi theo, bùn lầy đã vô hiệu hóa những cỗ xe ngựa và ngăn trở bước tiến của họ, rồi khi nước biển đổ ập xuống trở lại, quân lính của Ai Cập đều bị nhận chìm trong biển cả. Không thể quên đêm ấy được.

Biết kẻ thù đang đuổi theo mình, và nghe gió thổi cả

đêm, dân Y-sơ-ra-ên phải tự hỏi điều gì sắp xảy ra và vì sao Đức Chúa Trời chậm hành động như thế. Nhưng khi chúng ta có đức tin nơi lời hứa của Đức Chúa Trời thì chúng ta sẽ có sự bình an trong lòng. Chúa Giê-xu đã hỏi các môn đồ sau khi Ngài làm yên một cơn bão: “Vì sao các người quá sợ hãi? Các người không có đức tin sao?” (Mác 4:40). Đức tin và sự sợ hãi không thể sống chung với nhau. Có đức tin thì không sợ hãi. Hễ sợ hãi thì đức tin đi vắng. Đức tin thật tùy thuộc vào lời Đức Chúa Trời phán bảo, không phải dựa trên điều chúng ta thấy hay cách chúng ta cảm nhận. Thật đúng để nói rằng đức tin không phải là sự tin tưởng bất chấp chứng cứ - đấy là sự mê tín; nhưng đức tin là sự vâng lời bất chấp hậu quả.

Loạt phép lạ từ trời này chắc chắn là mạc khải về sự vĩ đại và quyền năng của Đức Chúa Trời, về sự thành tín của Ngài đối với những lời hứa, và về mối quan tâm của Ngài dành cho dân sự. Các tác giả *Thi Thiên* sau này ca tụng Chúa về những công việc lớn lao của Ngài tại Biển Đỏ (*Thi Thiên* 66, 78; 80-81; 105-106; 136), và các tiên tri dùng cuộc hành trình rời Ai Cập để khích lệ những phu tù người Do Thái khi họ trở về xứ sau khi đã bị giam cầm tại Ba-by-lôn (*Ê-sai* 43:1-7; 52:11-12; 55:12-13; *Giê-rê-mi* 16:14-15; 23:7-8), cũng như để thúc đẩy dân tộc sa ngã trở lại cùng Chúa (*Giê-rê-mi* 2:2-3; *Ê-xê-chi-ên* 20:1-44; *Ô-sê* 2:14-23; *A-mốt* 3:1-15; *Mi-chê* 6:3-4)⁵.

Vị trí của Môi-se (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 14:31; *I Cô-rinh-tô* 10:1-2). Phao-lô nhìn xem sự vượt biển của Y-sơ-ra-ên như một “phép báp-têm” vì nước ở hai bên giống như một bức tường và trụ mây tượng trưng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời ở phía sau và bên trên họ, dân Y-sơ-ra-ên được “nhận chìm” khi họ nhanh chóng vượt qua lòng biển khô ráo. Sự giải cứu họ chắc chắn là một hành động của Đức Chúa Trời, nhưng sự giải cứu này chỉ được thực hiện

112 / Xuất Ê-díp-tô Ký

qua sự lãnh đạo và vâng phục của Môi-se. Kết quả là “Dân chúng... tin Chúa và tôi tớ Ngài là Môi-se” (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 14:31). Giờ đây họ thành một dân tộc có Môi-se lãnh đạo. Qua “phép báp-têm” này, dân Y-sơ-ra-ên đã được hiệp làm một với Môi-se, cũng như qua phép báp-têm bằng nước mà dân Chúa ngày nay được hiệp nên một thể với Chúa Giê-xu Christ. Phép lạ về Cuộc Hành Trình rời Ai Cập đã trở nên một phần trong sự xưng nhận đức tin của Y-sơ-ra-ên khi họ đem những của lễ dâng lên cho Chúa (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 26:1-11).

3. Ngợi Khen Chúa

Xuất Ê-díp-tô Ký 15:1-21

¹ Đoạn, Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên hát bài ca này cho Đức Giê-hô-va, rằng:

Tôi ca tụng Đức Giê-hô-va, vì Ngài rất vinh hiển oai nghiêm.
Ngài đã liệng xuống biển ngựa và người cỡi ngựa.

² Đức Giê-hô-va là sức mạnh và sự ca tụng của tôi:

Ngài đã trở nên Đấng cứu tôi.

Ngài là Đức Chúa Trời tôi, tôi ngợi khen Ngài;

Đức Chúa Trời của tổ phụ tôi, tôi tôn kính Ngài.

³ Đức Giê-hô-va là một chiến sĩ;

Danh Ngài là Giê-hô-va.

⁴ Ngài đã ném xuống biển binh xa Pha-ra-ôn và cả đạo binh của người;

Quan tướng kén chọn của người đã bị đắm nơi Biển Đỏ,

⁵ Những lượn sóng đã vùi lấp họ rồi;

Họ chìm đến đáy biển như một hòn đá vậ.

⁶ Lạy Đức Giê-hô-va! Tay hữu Ngài có sức mạnh vinh hiển thay.

Hỡi Đức Giê-hô-va! Tay hữu Ngài hủy quân nghịch tan đi.

⁷ Bởi sự cả thể của oai nghiêm Ngài,

Đánh đổ kẻ dấy nghịch cùng mình.

Ngài nổi giận phùng phùng,

Đốt họ cháy như rơm rạ.

⁸ Lỗ mũi Ngài thở hơi ra, nước bèn dồn lại,

Lượn sóng đổ dựng như một bờ đê;

Vực sâu đọng lại nơi rún biển.

⁹ Quân nghịch rằng: Ta đuổi theo, ta sẽ đuổi kịp,

Được Cứu Chuộc Và Vui Mừng / 113

- Ta sẽ chia phân của giặc;
Tâm hồn ta sẽ thỏa nguyện nơi họ;
Ta rút gươm ra, tay ta hủy diệt họ.
- ¹⁰ Ngài đã thở hơi ra,
Biển vùi lấp quân nghịch lại;
Họ bị chìm như cục chì
Nơi đáy nước sâu.
- ¹¹ Lạy Đức Giê-hô-va! Trong vòng các thần, ai giống như Ngài?
Trong sự thánh khiết, ai được vinh hiển như Ngài,
Đáng sợ, đáng khen,
Hay làm các phép lạ?
- ¹² Ngài đã đưa tay hữu ra,
Đất đã nuốt chúng nó.
- ¹³ Ngài lấy lòng thương xót dịu đất
Dân nầy mà Ngài đã chuộc lại;
Ngài đã dùng năng lực đưa nó
Về nơi ở thánh của Ngài
- ¹⁴ Các dân tộc nghe biết việc nầy đều run sợ,
Cơn kinh hãi áp hãm dân xứ Pha-lê-tin.
- ¹⁵ Các quan trưởng xứ Ê-đôm bèn lấy làm bối rối;
Mấy mặt anh hùng nơi Mô-áp đều kinh hồn;
Cả dân Ca-na-an đều mất vía
- ¹⁶ Sự hoảng hốt kinh hãi giáng cho chúng nó;
Hỡi Đức Giê-hô-va! Vì quyền cao nơi cánh tay Ngài,
Chúng nó đều bị cầm như đá,
Cho đến chừng nào dân Ngài vượt qua;
Cho đến khi dân mà Ngài đã chuộc, vượt qua rồi.
- ¹⁷ Cúi lạy Đức Giê-hô-va! Ngài đưa dân ấy vào, và lập nơi núi cơ
nghiệp
Ngài,
Tức là chốn Ngài đã sắm sẵn, để làm nơi ở của Ngài,
Hỡi Chúa! Là đền thánh mà tay Ngài đã lập.
- ¹⁸ Đức Giê-hô-va sẽ cai trị đời đời kiếp kiếp.
- ¹⁹ Vì ngựa của Pha-ra-ôn, binh xa, cùng lính kỵ người đã xuống
biển;
Và Đức Giê-hô-va đã vùi dập nước biển lên trên,
Nhưng dân Y-sơ-ra-ên đi giữa biển như đi trên đất cạn.
- ²⁰ Nữ tiên tri Mi-ri-am, là chị của A-rôn, tay cầm trống cơm, các đàn
bà đều đi ra theo người, cầm trống cơm và múa. ²¹ Mi-ri-am đáp lại
rằng:
Hãy ca tụng Đức Giê-hô-va, vì Ngài rất vinh hiển oai nghiêm;

114 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Ngài đã liệng xuống biển ngựa và người cỡi ngựa.

Khi kẻ thù đã bị nhận chìm và sự tự do được bảo đảm, dân Y-sơ-ra-ên cất cao tiếng hát ca ngợi Chúa. Chúng ta không thấy dân Y-sơ-ra-ên ngợi khen Đức Chúa Trời trong lúc họ bị bắt làm nô lệ ở Ai Cập; và trên đường thoát khỏi xứ này, họ vẫn tiếp tục phàn nàn cùng Môi-se và đòi ông cho họ quay trở lại. Dân Chúa phải trưởng thành mới có thể cất lên "bài ca trong đêm" (*Gióp* 35:10; *Thi Thiên* 42:8; *Ma-thi-ơ* 26:30; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 16:25) mà dân Do Thái lại có đức tin rất non nớt vào thời điểm đó.

Bài thánh ca tôn vinh này có bốn phổ thơ: Rao truyền chiến thắng của Đức Chúa Trời (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 15:1-5), nói về vũ khí của Đức Chúa Trời (c.6-10), ca tụng bản tính Đức Chúa Trời (c.11-16a), và những lời hứa của Đức Chúa Trời được hoàn thành (c. 16b-18).

Rao truyền chiến thắng của Đức Chúa Trời (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 15:1-5). Chúa đã được đề cập đến mười lần trong thánh ca này khi Y-sơ-ra-ên hát cho Chúa và hát về Chúa. Sự thờ phượng thật cần có những lời chứng trung thực về bản chất của Đức Chúa Trời và về những gì Đức Chúa Trời đã làm cho dân Ngài.

Chiến thắng của Đức Chúa Trời là một chiến thắng đầy vinh hiển vì đây hoàn toàn là công việc của tay Chúa. Đội quân Ai Cập bị nhận chìm dưới biển (c.1-4), quân lính bị chìm như những hòn đá (c.5) và như cục chì (c.10). Chúng bị thiêu cháy như rơm rạ trong lửa (c.7). Pha-ra-ôn đã hạ lệnh nhận chìm các bé trai Do Thái, vì vậy Đức Chúa Trời đã đáp trả lại ông ta và nhận chìm đội quân của ông ta.

Câu "Đức Giê-hô-va là một chiến sĩ" (c.3) có thể gây khó chịu cho những người có thiện ý suy nghĩ rằng Phúc Âm không hề cổ xúy cho việc đánh nhau. Một số giáo phái đã loại bỏ những bản thánh ca có những từ ngữ mạnh mẽ

như bài “Tinh Binh Giê-xu Tiến Lên”. Nhưng Môi-se đã hứa với dân chúng rằng: “Đức Giê-hô-va sẽ chiến cự cho các ngươi” (14:14 xem *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 1:30), và một trong những danh của Đức Chúa Trời là “Jehovah-Sabaoth” nghĩa là “Đức Giê-hô-va vạn quân, Chúa của các đội quân”, một danh hiệu đã được sử dụng 285 lần trong Kinh Thánh Cựu Ước. Martin Luther đã viết trong Thánh ca của ông “A Mighty Fortress is Our God” (Đức Chúa Trời Chúng Ta Là Đồn Lũy Kiên Cố) rằng:

“Nếu chúng ta dựa vào sức riêng của mình,
Nỗ lực của chúng ta sẽ thất bại,
Chẳng phải Con Người công bình ở cạnh chúng ta đó
sao,
Là Người do chính Đức Chúa Trời chọn lựa.
Hãy hỏi xem đó có thể là ai?
Christ Giê-xu, ấy là Ngài;
Danh Ngài là Chúa vạn quân,
Và Ngài phải thắng mọi chiến trận”.

Nếu trên thế giới này có một kẻ thù như Sa-tan, và nếu tội lỗi và điều ác thật đáng căm ghét đối với Đức Chúa Trời thì khi đó Ngài phải tiến hành cuộc chiến chống lại chúng. “Đức Giê-hô-va sẽ ra như người mạnh dạn, giục lòng sốt sắng mình như người lính chiến; kêu la quát tháo ra sức cự lại kẻ thù nghịch mình” (*Ê-sai* 42:12). Chúa Giê-xu Christ vừa là Chiên Con chết thay tội lỗi chúng ta, vừa là Sư tử xét đoán tội lỗi (*Khải Thị* 5:5-6) và một ngày nào đó Ngài sẽ lên ngựa chinh phục những kẻ thù của Ngài (19:11). Nếu chỉ nhấn mạnh đến “Đức Chúa Trời là tình yêu” (*I Giăng* 4:8, 16) và bỏ qua “Đức Chúa Trời là sự sáng” (*I Giăng* 1:5) thì chúng ta quên mất những thuộc tính công nghĩa, thánh khiết và công chính của Ngài.

Có ba trường hợp đặc biệt được ghi lại trong Kinh Thánh mà dân Do Thái đã hát “Đức Giê-hô-va là sức mạnh và bài ca của tôi, và Ngài đã trở nên sự cứu rỗi của

116 / Xuất Ê-díp-tô Ký

tôi” (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 15:2), đó là: khi Đức Chúa Trời giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi Ai Cập, khi những người Do Thái còn sót lại đặt nền của đền thờ thứ hai (*Thi Thiên* 118:14)⁶, và khi dân Do Thái được nhóm lại và trở về xứ của họ để hưởng những phước hạnh của vương quốc (*Ê-sai* 12:2)⁷. Trong mỗi trường hợp, Chúa đều ban sức mạnh, sự giải cứu và một bài ca cho toàn dân⁸.

Mô tả những vũ khí của Đức Chúa Trời (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 15:6-10). “Đức Giê-hô-va là một chiến sĩ” không chiến đấu bằng những vũ khí thông thường. Sử dụng các đặc điểm của con người để mô tả về những thuộc tính của Đức Chúa Trời⁹, những người ca hát đã ngợi khen rằng tay hữu Ngài thật vinh hiển trong năng quyền, sự oai nghi của Ngài đánh đổ những kẻ dấy nghịch Ngài, và cơn giận của Ngài phừng phừng như lửa đốt cháy rơm rạ. Hơi thở từ mũi Ngài là gió dồn nước và làm chúng đông lại và dựng lên như một bức tường thành. Khi những tên lính Ai Cập quá tự tin nghĩ rằng sẽ đuổi kịp dân Do Thái, Đức Chúa Trời chỉ thở ra thì nước lại đổ ập xuống và nhận chìm đội quân. Ngài thật là một Đức Chúa Trời mạnh mẽ!

Ca tụng đặc tính của Đức Chúa Trời (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 15:11-16a). Trong mười tai vạ Chúa giáng trên xứ, Ngài đã chứng minh Ngài vĩ đại hơn các thần của Ai Cập. Chẳng lạ gì khi dân Ngài hát rằng “Lạy Đức Giê-hô-va, trong vòng các thần, ai giống như Ngài?” (c.11, xem *Mi-chê* 7:18). Dĩ nhiên câu trả lời là không có ai cả, vì không vị thần nào khác trong vũ trụ “oai nghi, thánh khiết, đáng sợ trong vinh hiển, hay làm các phép lạ” (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 15:11). Khổ thơ này tiếp tục ngợi khen Đức Chúa Trời về quyền năng của Ngài (c.12), về sự thương xót giải cứu cho dân Ngài, sự khôn ngoan để dẫn dắt họ (c.13), và sự đáng kính sợ của chính Ngài trước những kẻ thù của Ngài (c.14).

Dân Y-sơ-ra-ên mong đợi cuộc ra đi đến vùng Đất Hứa, và họ biết rằng tin tức về cuộc hành trình rời Ai Cập sẽ nhanh chóng lan đến các quốc gia khác và khiến những kẻ thù của họ sợ hãi (c.14-16a). Khi các thám tử của Y-sơ-ra-ên đi vào xứ Giê-rê-cô, họ khám phá ra rằng dân trong vùng thật sự đã bị tê liệt vì sợ hãi khi dân Y-sơ-ra-ên vào đến xứ ấy (*Giô-suê* 2:8-13, 24 xem *Dân Số Ký* 22:3; *Thi Thiên* 114:1-8). Các dân tộc ngoại đạo biết rằng Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống đầy quyền năng hơn các thần của họ và sẽ ban chiến thắng cho Y-sơ-ra-ên.

Những lời hứa của Đức Chúa Trời được thực hiện (Xuất Ê-díp-tô Ký 15:16b-18). Khổ thơ này diễn tả sự mong đợi của Y-sơ-ra-ên về cuộc chinh phạt xứ Ca-na-an và cho thấy Đức Chúa Trời đã chuộc Y-sơ-ra-ên, và họ là dân của Ngài. Các dân tộc ở Ca-na-an yên lặng và bất động như đá khi quân đội Do Thái chinh phạt xứ và các chi phái của Y-sơ-ra-ên giành lấy sản nghiệp của họ. Đức Chúa Trời đã đem dân Ngài ra khỏi Ai Cập, đưa họ vào xứ Ca-na-an và cho họ định cư tại đây (*Thi Thiên* 44:2; 80:8; *Ê-sai* 5:1-30). Đức Chúa Trời đặt nơi thánh của Ngài giữa vòng dân Ngài và ngự cùng họ trong sự vinh hiển. “Đức Giê-hô-va sẽ cai trị đời đời kiếp kiếp” (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 15:18) là câu then chốt của bài ca, tôn vinh Đức Chúa Trời là Đấng tối cao và đời đời.

Khi đọc câu 15:19 ta có cảm tưởng rằng chính Pha-ra-ôn đã cùng đi với đội quân của ông ta và dẫn họ xuống biển và tất cả đều bị chết đuối tại đó, nhưng Kinh Thánh NASB đã làm rõ sự hiểu lầm này. Bản này ghi lại rằng “Vì ngựa của Pha-ra-ôn, binh xa, cùng lính kỵ người đã xuống biển”. Rõ ràng là Pha-ra-ôn đã có mặt tại chỗ (14:6), nhưng chắc chắn là ông ta không dẫn đầu đội quân.

Không chỉ Môi-se hướng dẫn dân chúng trong việc hát bài thánh ca tôn vinh Chúa (15:1) mà Mi-ri-am¹⁰ còn lập

một đội hợp xướng đặc biệt gồm nhiều phụ nữ Do Thái để cùng phụ họa khi bà hát lặp lại những lời đầu của bài thánh ca. Sự nhiệt thành vui mừng của họ lộ rõ khi họ ca hát, chơi trống và nhảy múa trước mặt Chúa (xem *I Sa-mu-ên* 18:6; *II Sa-mu-ên* 1:20). Mi-ri-am được gọi là “nữ tiên tri”, điều này giải thích lý do sau đó bà đã dám nói hành Mô-i-se (*Dân Số Ký* 12:1-2)¹¹.

“Vả nước chụp phủ những kẻ hà hiếp họ, chẳng còn lại một người. Bấy giờ họ mới tin Lời Ngài. Bèn hát ngợi khen Ngài” (*Thi Thiên* 106:11-12). Tuy nhiên câu chuyện vẫn còn tiếp diễn, vì sự ca hát của dân Y-sơ-ra-ên chẳng bao lâu biến thành sự phàn nàn khi họ đi vào đồng vắng và đi đến núi Si-nai. “Họ đã sớm quên những công việc của Ngài. Họ không đợi lời Ngài, nhưng tham muốn quá mức tại đồng vắng, và còn thử Đức Chúa Trời trong sa mạc” (*Thi Thiên* 106:13-14).

Đối với họ, sử dụng tự do thật không dễ dàng chút nào. Đức Chúa Trời đã dạy họ phải sống trọn vẹn trách nhiệm ngày nào xong ngày ấy, đừng dồn dập mà thất bại.

Chú thích

¹ George Morrison, *Sunrise: Addresses from a City Pulpit* (Những Bài Nói Chuyện từ Bục Giảng Thành Phố) (London: Hodder and Stoughton), 66.

² A.W.Tozer, *That Incredible Christian* (Người Cơ Đốc Nhân Lạ Thường Đó) (Christian Publications: 1964), 44-46.

³ Tham khảo nhiều bản địa đồ Kinh Thánh, ta sẽ khám phá ra rằng những học giả trong thời Cựu Ước đã không đồng ý với nhau về con đường của Hành Trình Rời Ai Cập. Trước hết, họ không chắc một số thành được đề cập đến ở đây tọa lạc nơi đâu (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 14:2). Từ Hê-bơ-rơ

“yam suph”, thường được dịch là “Biển Đỏ” cũng có thể được dịch là “biển lau sậy”, một hồ nước ở phía Bắc Su-cốt. Vấn đề này được bàn kỹ trong trong tác phẩm “*The Moody Atlas of Bible Lands*” của Berry J. Beitzel (Chicago: Moody Press, 1985), 85-93.

⁴ Mạng lệnh “Đừng sợ chi!” bắt đầu từ (*Sáng Thế Ký* 15:1;) và kết thúc *Khải Thị* 1:17. Đây là một mạng lệnh cần suy gẫm.

⁵ Trong Tân Ước, cụm từ “Hành Trình Rời Ai Cập” (Exodus) chỉ sự khổ nạn và công tác cứu chuộc của Chúa chúng ta trên thập tự giá (*Lu-ca* 9:31) cũng như sự chết của các tín hữu (*II Phi-e-rơ* 1:15). Chúa Giê-xu xem sự thương khó của Ngài như là phép “báp-têm” (*Lu-ca* 12:50). “Tất cả những lượn sóng và nước lớn” của sự đoán xét của Đức Chúa Trời phủ trên Ngài (*Thi Thiên* 42:7).

⁶ Một số học giả Thần học tin rằng lúc đặt nền móng của đền thờ thứ hai hội chúng đồng ca bản *Thi Thiên* 118, như được ghi lại trong (*Ê-xơ-ra* 3:8-13). Hãy so sánh c.11 với *Thi Thiên* 118:1-4) và để ý đến nét tương tự của *Thi Thiên* này với kinh nghiệm của những người Do Thái còn sót lại trong xứ, đặc biệt là các câu 10-14 và 18-23.

⁷ *Ê-sai* 11:1-12:6 nhấn mạnh việc quy tụ dân Y-sơ-ra-ên trong tương lai và vương quốc vinh hiển của Đấng Mết-si-a. *Ê-sai* 11:15 còn nói đến một “cuộc hành trình thứ hai” và việc làm cạn biển để dân Do Thái vượt qua. Đây sẽ là thời kỳ vui mừng đối với dân Y-sơ-ra-ên, và họ sẽ hát cho Chúa như họ đã hát tại Biển Đỏ.

⁸ Trên trời, các thánh đồ chịu nạn sẽ hát “bài ca của Môi-se... và bài ca Chiên Con” (*Khải Thị* 15). Y-sơ-ra-ên hát trên biển của địa cầu, nhưng về sau, ở thiên đàng, họ sẽ hát trên biển pha-lê hòa vào lửa. Y-sơ-ra-ên hát *sau khi* thấy sự xét đoán của Đức Chúa Trời tuôn đổ trên một dân tộc, nhưng các thánh trên trời sẽ hát *trước khi* các thiên sứ

120 / Xuất Ê-díp-tô Ký

trút bảy bát thanh nộ trên khắp thế gian. Trong cả hai trường hợp, quyền năng của Đức Chúa Trời được bày tỏ và danh của Đức Chúa Trời được vinh hiển.

⁹ Dĩ nhiên, Đức Chúa Trời là thần nên không có hình thể, vì vậy khi nói tay Ngài, mũi Ngài là dùng biểu tượng để diễn ý mà thôi. Các nhà thần học gọi phương pháp này là “nhân hóa”, nghĩa là sử dụng những đặc điểm của con người để mô tả thuộc tính và việc làm của Đức Chúa Trời.

¹⁰ Trong ba anh em của A-rôn, Mi-ri-am, Môi-se thì Môi-se là em út, Mi-ri-am là chị của Môi-se, A-rôn là anh cả. Nhưng Mi-ri-am được gọi là em gái của A-rôn chứ ít khi được gọi là chị của Môi-se đây là việc khó hiểu. Có lẽ khi ở Ai Cập, A-rôn sống gần Mi-ri-am còn Môi-se thì sống tại Ma-di-an, rất xa nhà. Lại nữa, cách xưng gọi như vậy cũng là ngụ ý muốn nói rằng chức vụ của bà Mi-ri-am và chức vụ của ông A-rôn giống nhau (chức vụ ngợi khen). Còn chức vụ của ông Môi-se là tiên tri, một chức vụ hoàn toàn khác biệt. Khi bà và A-rôn phạm tội, Đức Chúa Trời đã trừng phạt (*Dân Số Ký* 12:1-50). Đây là nơi duy nhất trong sách *Xuất Ê-díp-tô Ký* tên Mi-ri-am được nhắc đến, dù chúng ta vẫn biết rằng chính Mi-ri-am là người đã bảo vệ em bé Môi-se (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 2:1-10).

¹¹ Để biết về những nữ tiên tri khác trong Kinh Thánh, xin hãy xem (*Các Quan Xét* 4:4; *II Các Vua* 22:14; *Nê-hê-mi* 6:14; *Ê-sai* 8:3; *Lu-ca* 2:36 và *Công Vụ Các Sứ Đồ* 21:9). Trong bài giảng về lễ Ngũ Tuần, Phi-e-rơ đã trích dẫn (*Giô-suê* 2:28-32) và khẳng định khi Đức Thánh Linh đến Ngài sẽ khiến con trai con gái của họ có thể nói được lời tiên tri (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:17-18). Ngày nay chúng ta đã có đầy đủ lời Đức Chúa Trời. Những vẫn còn có người cho rằng sẽ có tiên tri xuất hiện. Mối nguy cho Hội Thánh không phải là các tiên tri giả mà là các giáo sư giả giảng dạy sai quấy (*II Phi-e-rơ* 2:1; *I Ti-mô-thê* 4:1-2).

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 5

Xuất Ê-díp-tô Ký 13:17-15:21

1. Theo Charles Kingsley, sự khác nhau giữa tự do giả tạo và tự do thật là gì?
2. Ba trọng trách của Y-sơ-ra-ên sau khi họ được tự do là gì?
3. Dân Y-sơ-ra-ên đã được giải cứu khỏi ách nô lệ tại xứ Ai Cập để đến với sự tự do nơi vùng Đất Hứa. Bạn đã được giải cứu ra khỏi điều gì và để hướng đến điều gì?
4. Đức Chúa Trời đã dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên đến Biển Đỏ bằng cách nào? Chúa vẫn đang dẫn dắt các tín hữu trong thời đại ngày nay ra sao?
5. Khi nào dân Y-sơ-ra-ên đâm ra sợ hãi và bắt đầu phàn nàn? Họ đã quên đi điều gì?
6. Những việc làm nào của Đức Chúa Trời bạn đã được nghe hoặc thấy sẽ giúp bạn tin cậy và phó thác nơi Ngài trong những lúc gặp khó khăn hay thử thách?
7. Tại sao Đức Chúa Trời lại ban cho dân Y-sơ-ra-ên hay phàn nàn và thiếu đức tin những phép lạ trong cuộc hành trình ra khỏi xứ Ai Cập?
8. Đức tin thật cần phải phụ thuộc và không nên phụ thuộc vào điều gì?
9. Qua lễ kỷ niệm và tôn vinh Chúa sau cuộc hành trình vượt Biển Đỏ chúng ta có thể thấy được sự thờ phượng thật gồm có hai yếu tố nào?
10. Khi dân Y-sơ-ra-ên đi vào trong đồng vắng, bài ca khải hoàn và sự ngợi khen của họ đã biến thành điều gì? Đã có sự thay đổi gì ở đây?

Trường Đời

Xuất Ê-díp-tô Ký 15:22-16:36

“Đừng cầu xin một đời sống dễ chịu. Hãy cầu xin cho được mạnh mẽ hơn. Đừng cầu xin những nhiệm vụ tương xứng với sức của bạn; Hãy cầu xin cho được sức lực đáp ứng với nhiệm vụ của bạn”.

Lời khuyên khôn ngoan đó là của Phillips Brooks, nhà truyền giáo kiêm giám mục người Mỹ (1835-1893). Khi ông phát biểu những lời này với hội chúng ở Boston, có lẽ ông nghĩ đến dân Y-sơ-ra-ên vì mỗi khi gặp khó khăn trên đường đi thì dân Y-sơ-ra-ên lằm bằm và tính chuyện trở lại Ai Cập. Dân Do Thái đứng trước Biển Đỏ vui mừng hát những bài ca ngợi khen Chúa là một vấn đề, còn việc họ tin cậy Đức Chúa Trời để mỗi ngày bước đi trong đồng vắng hoàn toàn là một vấn đề khác. Họ chẳng khác gì dân Chúa ngày nay. Cuộc đời vẫn mãi mãi là một trường học, và những kinh nghiệm đau đớn của đời sống đã dạy chúng ta nhiều bài học vô cùng quan trọng.

Khi theo dõi những hoạt động của dân Y-sơ-ra-ên, chúng ta học được một số lẽ thật quan trọng giúp trong cuộc hành trình đức tin của mình.

1. Hãy Đón Chờ Những Thử Thách Sắp Đến

Xuất Ê-díp-tô Ký 15:22-16:3

²² Đoạn, Môi-se đem dân Y-sơ-ra-ên đi khỏi Biển Đỏ, đến nơi đồng vắng Su-rơ; trọn ba ngày đi trong đồng vắng, kiếm chẳng được nước đầu cả. ²³ Kế đến đất Ma-ra, nhưng vì nước tại đó đắng, uống chẳng

được, vì thế chỗ này gọi là Ma-ra. ²⁴ Dân chúng bèn oán trách Môi-se rằng: Chúng tôi lấy chi uống? ²⁵ Môi-se kêu van Đức Giê-hô-va; Ngài bèn chỉ cho người một cây gỗ, người lấy liêng xuống nước, nước bèn hóa ra ngọt.

Ấy tại đó, Đức Giê-hô-va định luật lệ cùng lập pháp độ cho toàn dân, và tại đó Ngài thử họ. ²⁶ Ngài phán rằng: Nếu người chăm chỉ nghe lời Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, làm sự ngay thẳng trước mặt Ngài, lắng tai nghe các điều răn và giữ mọi luật lệ Ngài, thì ta chẳng giáng cho người một trong các bệnh nào mà ta đã giáng cho xứ Ê-díp-tô; vì ta là Đức Giê-hô-va, Đấng chữa bệnh cho người.

²⁷ Đoạn, họ đến đất Ê-lim; nơi đó có mười hai suối nước, và bảy mươi cây chà là; dân chúng đóng trại tại đó, gần bên suối nước.

16

¹ Nhằm ngày mười lăm tháng hai, sau khi ra khỏi xứ Ê-díp-tô, cả hội chúng Y-sơ-ra-ên ở nơi Ê-lim đi đến đồng vắng Sin, nằm về giữa khoảng Ê-lim và Si-na-i. ² Cả hội chúng Y-sơ-ra-ên oán trách Môi-se và A-rôn tại nơi đồng vắng, ³ nói cùng hai người rằng: Ôi! Thà rằng chúng tôi chịu chết về tay Đức Giê-hô-va tại xứ Ê-díp-tô, khi còn ngồi kê nổi thịt và ăn bánh chán chê! Vì hai người dẫn dắt chúng tôi vào nơi đồng vắng này đặng làm cho cả đoàn dân đông nầy đều bị chết đói.

Ông Andrew Bonar đã viết rằng: “Chúng ta phải thận trọng sau cuộc chiến thắng cũng như đã từng cảnh giác trước các chiến trận”. Có thể thắng trận nhưng lại đánh mất khả hoàn, đó là điều dân Do Thái đã phạm phải khi họ vượt qua Biển Đỏ và khởi hành đi đến núi Si-nai. Họ đã quên rằng cuộc đời là một cuộc hành hương mà trong suốt khoảng thời gian đó chúng ta cần phải học những bài học mới và đánh những trận chiến mới. Một chiến thắng vĩ đại không giải quyết được tất cả; chúng ta cần đối diện với những kinh nghiệm mới để được trưởng thành và làm rạng danh Đức Chúa Trời. Đúng, đời sống là một trường học và Chúa biết đúng lúc nào chúng ta cần được trải nghiệm ¹.

“*Chúng tôi sẽ uống chi?*” (Xuất Ê-díp-tô Ký 15:22-27;). Trong tâm trí của dân Y-sơ-ra-ên, điều quan trọng hơn hết không phải là làm cách nào để làm đẹp lòng Đức Chúa

124 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Trời nhưng là “chúng tôi sẽ ăn chi? sẽ uống chi?” Theo Chúa Giê-xu, những câu hỏi này cho thấy một tâm trạng lo lắng chứ không phải là một tấm lòng tin cậy (*Ma-thi-ơ* 6:21, 25-33), và điều này đã dẫn đến nhiều vấn đề khác nhau.

Chỉ một ngày trong đồng vắng mà không có nước thì còn có thể chịu đựng được, hai ngày sẽ trở nên khó khăn, nhưng ba ngày là không thể được, đặc biệt đối với trẻ con hay súc vật. Đến khi tìm được nước thì nước lại đắng. Dân lại ta thán hơn là khi chưa tìm được nước. (“ma-na” nghĩa là “đắng”, và có liên quan đến từ “myrrh” nghĩa là nhựa trầm hương có vị đắng.) Nhưng Đức Chúa Trời thử nghiệm dân Ngài: không phải vì Ngài không biết lòng họ, nhưng vì chính họ không biết lòng mình. Người ta thường nói: “Ồ, tôi biết tôi mà”, nhưng chúng ta quên rằng “lòng người ta là dối trá hơn mọi vật, và rất là xấu xa, ai có thể biết được?” (*Giê-rê-mi* 17:9).

Chúa thử nghiệm để giúp chúng ta tăng trưởng về mặt thuộc linh và chỉ ra điều tốt nhất trong mỗi chúng ta, nhưng ma quỷ lại cám dỗ để chúng ta càng yếu hèn thêm, càng non kém, non kém thuộc linh thêm. Thái độ mà chúng ta chọn để đối phó với những khó khăn sẽ quyết định hướng đi cho cuộc đời của chúng ta vì cuộc sống ảnh hưởng trên chúng ta như thế nào tùy thuộc vào sự đáp ứng của chúng ta đối với cuộc sống ấy. Nếu chúng ta tin cậy Đức Chúa Trời và vâng lời Ngài, chúng ta sẽ vượt qua được cuộc thử nghiệm và tăng trưởng; nhưng nếu vì vô tín mà chúng ta phàn nàn và không vâng phục Chúa thì chúng ta sẽ thất bại và cứ mãi ở trong tình trạng non nớt về thuộc linh (*Gia-cơ* 1:12-18; *Hê-bơ-rơ* 12:1-11).

Dân Y-sơ-ra-ên là dân luôn luôn lầm bầm và phàn nàn (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 16:1-12; *Dân Số Ký* 14:2, 27-29; 16:41; 17:1-10; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 1:27; *Thi Thiên* 78:17; 106:14). Trong lúc Đức Chúa Trời thử nghiệm họ, họ đã

thử Ngài lại bằng chính thái độ và lời nói của họ. Thử Đức Chúa Trời nghĩa là cố tình chọn lấy thái độ bất tuân và thách thức Ngài đáp trả lại. Đã hơn một lần khi đang lang thang trong đồng vắng, dân Y-sơ-ra-ên chuốc lấy sự xét đoán của Đức Chúa Trời bởi thái độ bướng bỉnh và sự lằm bằm dai dẳng của họ. Cha trên trời của chúng ta nhẫn nại và nhân từ nhưng đôi khi Ngài phải “đánh” con cái Ngài để dạy một bài học.

Phản nản không giải quyết được vấn đề, và nếu tìm cách chạy trốn một hoàn cảnh khó khăn (“Trở lại Ai Cập!”) thì chúng ta cũng sẽ gặp những vấn đề tương tự trong môi trường mới và vẫn phải giải quyết chúng. Dĩ nhiên, cốt lõi của mọi nan đề là sự khúc mắc trong tấm lòng, mà lòng người Do Thái thì trái ý Đức Chúa Trời. Họ nghĩ đến thức ăn họ đã ăn ở Ai Cập nhưng quên những phép lạ Đức Chúa Trời đã làm cho họ (*Thi Thiên* 106:7), và vài người trong số họ bắt đầu thờ phượng các thần của Ai Cập mà Đức Giê-hô-va đã sỉ nhục và đoán xét (*Giô-suê* 24:14; *Ê-xê-chi-ên* 20:6-9; 23:8). Thờ lạ thì dành cho thần tượng, còn khi khó khăn thì lằm bằm với Đức Chúa Trời!

Môi-se đã chọn giải pháp đúng đắn - giải pháp của đức tin: ông kêu khóc với Chúa và sau đó làm theo mệnh lệnh của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời có thể giải quyết những vấn đề của chúng ta bằng cách thay đổi mọi sự (như là khiến nước đắng thành ngọt), hay ban cho chúng ta những điều gì khác (như các giếng nước tại Ê-lim), hoặc ban cho ơn để chúng ta có thể chịu đựng những khó khăn của mình mà không phản nản. Giải pháp thứ ba dẫn đến sự tăng trưởng bền lâu về mặt thuộc linh (*II Cô-rinh-tô* 12:7-10).

Bảo rằng “cái cây” là hình ảnh thập tự giá của Đấng Christ là vượt quá điều mà đoạn Kinh Thánh này muốn dạy dỗ. Chắc chắn con cái Đức Chúa Trời sẽ khắc phục những thử thách của mình qua việc đồng chết với Đấng

126 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Christ (*Rô-ma* 6:1-23) và đồng sống lại với Ngài (8:1-39), nhưng đó không phải là bài học của chương Kinh Thánh này. Phần đoạn này chỉ có ý nói đến sự tin cậy Đức Chúa Trời và vâng lời Ngài, và biết rằng Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ để chúng ta lâm vào cảnh khó khăn mà không tiếp sức cho chúng ta vượt khỏi. Gặp thử thách mà cứ phàn nàn là vô tín. Người có đức tin luôn luôn vâng lời trong mọi hoàn cảnh dù khó khăn đến đâu cũng vậy.

Qua sự thử thách này, dân Do Thái không chỉ biết thêm về chính họ và về cuộc sống nhưng họ còn được biết rõ hơn về Đức Chúa Trời rằng Ngài là “Jehovah Ropha – Giê-hô-va Đấng chữa lành” (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 15:26) ². Đức Chúa Trời đã hứa ban cho Y-sơ-ra-ên những phước hạnh dư dật về vật chất nếu họ vâng lời Ngài, còn nếu họ bất tuân Ngài thì sẽ chuốt lấy hoạ nạn (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 7:12-15; 28:1-68). Những lời hứa này là một phần trong Giao Ước Cũ của Đức Chúa Trời với Y-sơ-ra-ên và không được nhắc lại trong Giao Ước Mới cho các tín hữu ngày nay. Nếu Chúa khứng chắc chắn Ngài có thể chữa lành mọi bệnh tật, nhưng thái độ của chúng ta phải luôn là: “Không phải theo ý con mà là theo ý Cha”.

Nếu đời sống chỉ gồm toàn những thử thách, chúng ta sẽ dễ nản lòng. Nếu đời sống chỉ toàn là vui thú, chúng ta sẽ sinh ra phóng túng và chẳng bao giờ có được tư cách thanh cao. Chúa có cách làm cân bằng những khó khăn trong đời sống của chúng ta, Ngài đã đem dân Ngài đến Ê-lym nơi họ có được nhiều nước và có cơ hội được nghỉ ngơi. Chúng ta hãy biết ơn Chúa đã ban cho chúng ta đủ ơn lành để xoa dịu những khổ đau và Ngài cũng ban cho đủ thử thách để giúp ta biết hạ mình. Ngài biết sức chúng ta chịu đựng đến đâu thì Ngài ban đến đó.

“*Ta sẽ ăn gì?*” (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 16:1-3). Đồng vắng Sin nằm trên bờ phía Đông của Biển Đỏ, chúng ta không

nên lẫn lộn với Đồng vắng Sin nằm ở hướng Nam của Palestine và hướng đông của Ê-đôm (*Dân Số Ký* 13:21; 33:11-12). Từ “Sin” không nên được hiểu theo nghĩa tiếng Anh, như thể Y-sơ-ra-ên đang đi qua một nơi “tội lỗi”. Từ “Sin” này có liên hệ với “Si-nai” nhưng ý nghĩa thì không được rõ.

Cả hội chúng đã than vãn vì bị đói. Họ mới chỉ ra khỏi Ai Cập một tháng và vẫn còn nhớ đến những “nồi thịt” ở Ai Cập và những thức ăn mà họ đã ăn “no nê”, nhưng lại quên đi ách nô lệ cùng những trận đòn và những tủ nhục của kiếp nô lệ. Họ lên án Môi-se và A-rôn đã cố tình đưa dẫn họ vào đồng vắng để giết hại họ. Họ nói họ ước mong Chúa giết họ ở Ai Cập khi họ còn được no nê hơn là bị chết đói ở trong sa mạc! Đám dân Do Thái này đâu có biết rằng một ngày nào đó nguyện vọng của mình sẽ đạt được vì họ đều qua đời, vì toàn bộ thế hệ đi trước sẽ chết trong đồng vắng trước khi vào được vùng Đất Hứa.

2. Hãy Tin Cây Đức Chúa Trời Sẽ Đáp Ứng Nhu Cầu

Xuất Ê-díp-tô Ký 16:4-18

⁴ Đức Giê-hô-va bèn phán cùng Môi-se rằng: Này, ta sẽ từ trên trời cao làm mưa bánh xuống cho các ngươi. Dân chúng sẽ đi ra, mỗi ngày nào thâu bánh đủ cho ngày nấy, đặng ta thử dân coi có đi theo luật lệ của ta hay chẳng. ⁵ Qua ngày thứ sáu, dân sẽ dự bị phần đã góp, và sẽ được phần gấp bằng hai của mình thường thâu hằng ngày.

⁶ Môi-se và A-rôn bèn nói cùng dân Y-sơ-ra-ên rằng: Chiều nay các ngươi sẽ nhận biết rằng ấy là Đức Giê-hô-va đã rút các ngươi ra khỏi xứ Ê-díp-tô, ⁷ và sáng mai sẽ thấy sự vinh quang của Đức Giê-hô-va, vì Ngài đã nghe lời các ngươi oán trách Ngài rồi. Và lại, chúng ta là ai mà các ngươi oán trách chúng ta? ⁸ Môi-se nói: Chiều nay Đức Giê-hô-va sẽ phát thịt cho các ngươi ăn, rồi sáng mai bánh nhiều dư dật, vì Ngài đã nghe lời các ngươi oán trách Ngài rồi. Thế thì, chúng ta là ai? Những lời oán trách chẳng phải đổ về chúng ta đâu, nhưng về Đức Giê-hô-va vậy.

⁹ Môi-se nói cùng A-rôn rằng: Hãy nói cho cả hội chúng Y-sơ-ra-ên rằng: Các ngươi hãy đến trước mặt Đức Giê-hô-va, vì Ngài đã nghe

lời oán trách của các người rồi. ¹⁰ Và, khi A-rôn nói cùng cả hội chúng Y-sơ-ra-ên, thì họ xây mặt về phía đồng vắng, thấy sự vinh quang của Ngài hiện ra trong đám mây. ¹¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: ¹² Ta đã nghe lời oán trách của dân Y-sơ-ra-ên. Vậy, người hãy nói cùng chúng nó rằng: Lỗi chiều các người sẽ ăn thịt; sáng mai sẽ ăn bánh no nê, và sẽ biết ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các người.

¹³ Vậy, chiều lại, có chim cú bay lên phủ trên trại quân; đến sáng mai lại có một lớp sương ở chung quanh trại quân. ¹⁴ Lớp sương đó tan đi, trên mặt đồng vắng thấy có vật chi nhỏ, tròn, như hạt sương đọng trên mặt đất. ¹⁵ Khi dân Y-sơ-ra-ên thấy, bèn hỏi nhau rằng: Cái chi vậy? Vì chẳng biết vật đó là gì. Môi-se bèn nói cùng dân chúng rằng: Ấy là bánh mà Đức Giê-hô-va ban cho các người làm lương thực đó.

¹⁶ Này là lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn: Hãy tùy sức ăn của mỗi người, và tùy số người trong trại mà góp cho mỗi tên một ô-me. ¹⁷ Dân Y-sơ-ra-ên bèn làm như vậy, kẻ thì lượm nhiều, người thì lượm ít, ¹⁸ cứ lượm từ ô-me; ai lượm nhiều chẳng được trội, ai lượm ít cũng chẳng thiếu; mỗi người lượm vừa đủ sức mình ăn.

Đức Chúa Trời nghe những lời lầm bầm của dân chúng và đáp ứng những nhu cầu của họ trong ân sủng cùng sự thương xót của Ngài. Ngài bảo họ rằng vào buổi chiều họ sẽ có thịt để ăn (c.8) và buổi sáng Ngài sẽ làm mưa bánh từ trời (c.4). Bằng cách chu cấp một cách đặc biệt cho họ, Ngài cũng thử nghiệm để biết họ có tin cậy và vâng lời Ngài hay không.

Lời hứa của Đức Chúa Trời (16:4-5, 8, 11, 12). Trong đời hành hương, chúng ta sống nhờ vào *những lời hứa* chứ không phải *những lời giải thích*. Khi bị tổn thương, phản ứng bình thường của chúng ta là hỏi "Tại sao?", nhưng như thế là sai lầm. Trước hết, khi hỏi Đức Chúa Trời như vậy, chúng ta phạm thượng vì tự cho mình có quyền điều khiển mọi sự và Đức Chúa Trời phải có trách nhiệm với chúng ta. Nhưng Đức Chúa Trời là tối cao, Ngài không cần phải giải thích điều gì với chúng ta trừ khi Ngài muốn.

Đọc sách *Gióp*, ta thấy Gióp bất mãn với Đức Chúa Trời

và liên tục nói "Tôi muốn gặp Đức Chúa Trời để hỏi Ngài một số việc!" Nhưng cuối cùng khi Đức Chúa Trời đến với ông, *Gióp bị trấn áp đến nỗi ông không hỏi Đức Chúa Trời được một điều gì!* (xem *Gióp* 40:1-5). Chúng ta có thể hiểu được đường lối và kế hoạch của Đức Chúa Trời khi những đường lối ấy vượt xa trí hiểu của chúng ta và sự khôn ngoan của Ngài không thể dò lường được? (*Ê-sai* 55:8-9; *Rô-ma* 11:33-36). Những lời giải thích không chữa lành được những tấm lòng tan vỡ, nhưng những lời hứa thì chữa lành được, vì lời hứa tùy thuộc nơi đức tin, và đức tin giúp ta hưởng được ân sủng của Đức Chúa Trời.

Vinh hiển của Đức Chúa Trời (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 16:6-7, 9-10). Điều quan trọng là dân Y-sơ-ra-ên phải hướng về sự vinh hiển của Đức Chúa Trời chứ đừng đeo đuổi những ham muốn riêng của mình. Nếu họ bước đi bởi đức tin, họ sẽ làm vinh hiển Chúa và cả sáng danh Ngài. Điều quan trọng là Đức Chúa Trời được tôn cao, rạng danh còn đời sống chúng ta nhàn nhã hay gian truân là điều thứ yếu.

Khi gặp khó khăn, chúng ta có xu hướng cầu xin Chúa chỉ cho cách thoát khỏi khó khăn. Đúng ra ta phải hỏi ý Chúa mình phải làm gì, trả giá nào để thoát khỏi khó khăn. Điều quan trọng là nhận biết Đức Chúa Trời đang thực hiện mục đích của Ngài và mọi vinh hiển thuộc về Ngài (*Ma-thi-ơ* 6:33). Đức Chúa Trời cho phép thử thách xảy ra để có thể tạo nên lòng tin kính trong con cái Ngài và khiến chúng ta được trở nên giống Chúa Giê-xu hơn. Sự tin kính không phải là kết quả tự nhiên của việc đọc sách và tham dự những buổi sinh hoạt, thờ phượng; chịu thử thách, chiến đấu với mọi khó khăn, chịu đau đớn gian khổ mới thực sự giúp ta có lòng tin kính vững vàng hơn.

Sự thành tín của Đức Chúa Trời (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 16:13-15). Chiều hôm đó, chim cút bay bên trên trại quân Y-sơ-ra-ên và dân đã bắt chúng làm thịt và nấu ăn. Họ đã cầu xin cho được thịt tươi, và Đức Chúa Trời đã chu

130 / Xuất Ê-díp-tô Ký

cấp cho họ. Dân Do Thái trước đó có thấy chim rừng, nhưng điều xảy ra sáng hôm sau là hoàn toàn mới, vì ma-na xuất hiện dưới lớp sương trải trên mặt đất. Đức Chúa Trời đã dọn bàn ăn cho dân Ngài trong đồng vắng và ban cho họ “bánh của các thiên sứ” (*Thi Thiên* 78:17-25).

Từ “ma-na” có xuất xứ từ câu hỏi mà dân Do Thái đã hỏi vào buổi sáng đầu tiên ấy. “Vật chi vậy?” (tiếng Hê-bơ-rơ là *man hu*). Ma-na sẽ là lương thực của họ trong suốt 40 năm sắp tới, cho đến khi thế hệ sau đi vào Đất Hứa thì ma-na mới chấm dứt (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 16:35; *Giô-suê* 5:11-12). Mỗi buổi sáng dân Do Thái được hưởng phép lạ khi từ các căn lều bước ra, họ đã thấy nguồn thực phẩm của họ có sẵn trên lớp sương. Ma-na nhỏ, giống như một hạt lúa, nhưng có vị ngọt như mật (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 16:31).

Con Đức Chúa Trời (*Giăng* 6:22-59). Sau ngày xảy ra sự kiện Chúa Giê-xu cho hơn 5000 người ăn chỉ với năm ổ bánh lúa mạch và hai con cá nhỏ, Ngài đã giảng một bài giảng về “bánh của sự sống” cho một đám đông trong nhà hội ở Ca-bê-na-um. Họ muốn Chúa Giê-xu chứng minh Ngài là Đấng Mết-si-a bằng cách làm lại phép lạ về Ma-na (c.30-31), nhưng thay vào đó, Ngài đã tuyên bố rằng Ngài là “bánh thật” đến từ trời. Ma-na thời Cựu Ước là một kiểu mẫu³ hay là một hình ảnh về Con Đức Chúa Trời, Đấng đã đến để ban chính mình Ngài làm Bánh Sự Sống cho những tội nhân đang đói khát Bánh ấy.

Những người Do Thái trong nhà hội đi theo Chúa Giê-xu chủ yếu là vì Ngài đã ban thức ăn cho thuộc thể của họ, nhưng điều họ cần hơn là thức ăn cho linh hồn (*Ê-sai* 55:2). Chúa Giê-xu là Bánh của Sự Sống, và cách duy nhất để được cứu là tiếp nhận Ngài vào con người bên trong của chúng ta giống như thân thể tiếp nhận thức ăn. Đức Chúa Trời chỉ ban ma-na cho dân Y-sơ-ra-ên, nhưng Ngài

ban Chúa Giê-xu cho cả thế giới. Ma-na chỉ duy trì sự sống thuộc thể của họ trong đồng vắng nhưng Con Đức Chúa Trời ban sự sống đời đời cho cả thế gian. Như dân Do Thái đã phải cúi xuống lượm ma-na và ăn nó, thì tội nhân cũng phải hạ mình và tiếp nhận Chúa Giê-xu Christ vào lòng mình. Dân Do Thái ăn ma-na và cuối cùng cũng đã chết, nhưng những ai tiếp nhận Chúa Giê-xu Christ sẽ sống đời đời.

Có một ứng dụng thứ hai cho phép lạ về ma-na: mỗi ngày bạn và tôi phải “sống nhờ Chúa Giê-xu Christ” bằng cách đọc Lời Chúa, suy gẫm và làm theo lời ấy. Những người Do Thái trong nhà hội nghĩ rằng Chúa Giê-xu nói về việc ăn thịt và huyết Ngài theo nghĩa đen (*Giăng* 6:52-56) là điều có vẻ mâu thuẫn với luật pháp Do Thái ⁴. Chúa Giê-xu giải thích rằng Ngài đang nói bằng ngôn ngữ thuộc linh và đề cập đến việc tiếp nhận Lời Ngài (c.61-63). Tuy nhiên, Phi-e-rơ hiểu được sứ điệp này (c.67-68) và chúng ta cũng phải như vậy. Lời Đức Chúa Trời là lương thực từ trời nuôi dưỡng sự sống thuộc linh của chúng ta, và chúng ta phải sống nhờ vào Lời Chúa mỗi ngày (*Gióp* 23:12; *Giê-rê-mi* 15:16; *Ma-thi-ơ* 4:4; *I Phi-e-rơ* 2:2; *Hê-bơ-rơ* 5:12-14).

3. Vâng Theo Những Lời Chỉ Dẫn Của Đức Chúa Trời

Xuất Ê-díp-tô Ký 16:16-31

¹⁶ Đây là lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn: Hãy tùy sức ăn của mỗi người, và tùy số người trong trại mà góp cho mỗi tên một ô-me.

¹⁷ Dân Y-sơ-ra-ên bèn làm như vậy, kể thì lượm nhiều, người thì lượm ít, ¹⁸ cứ lượng từ ô-me; ai lượm nhiều chẳng được trội, ai lượm ít cũng chẳng thiếu; mỗi người lượm vừa đủ sức mình ăn. ¹⁹ Môi-se nói cùng dân chúng rằng: Đừng ai để dư lại cho đến sáng mai. ²⁰ Nhưng dân chẳng nghe theo lời Môi-se, một vài người để dư lại đến sáng mai; thì sâu hóa ở trong, vật sanh mùi hôi hám. Môi-se bèn nổi giận cùng họ. ²¹ Vậy, hằng buổi sớm mai mỗi người lượm vừa đủ sức mình ăn; khi mặt trời nắng nóng thì vật đó tan ra.

132 / Xuất Ê-díp-tô Ký

²² Đến ngày thứ sáu, họ lượm lương thực gấp hai; mỗi người hai ô-me. Các hội trưởng đến thuật lại cho Môi-se rõ. ²³ Người đáp rằng: Ấy là lời Đức Giê-hô-va đã phán rằng: Mai là ngày nghỉ, tức ngày Sa-bát thánh cho Đức Giê-hô-va, hãy nướng mớ chi các người muốn nướng, hãy nấu mớ chi các người muốn nấu; hễ còn dư, hãy để dành đến sáng mai. ²⁴ Dân chúng bèn để dành cho đến sáng mai, y như lời Môi-se đã truyền; vật đó chẳng sanh mùi hôi hám và cũng chẳng hóa sâu chút nào.

²⁵ Môi-se bèn nói rằng: Bữa nay hãy ăn đồ đó đi, vì là ngày Sa-bát của Đức Giê-hô-va; hôm nay các người chẳng tìm thấy vật đó ở trong đồng đâu. ²⁶ Các người lượm trong sáu ngày, nhưng qua ngày thứ bảy là ngày Sa-bát, sẽ chẳng có đâu.

²⁷ Ngày thứ bảy, một vài người trong vòng dân chúng ra đặng lượm lấy, nhưng tìm chẳng thấy chi hết. ²⁸ Đức Giê-hô-va bèn phán cùng Môi-se rằng: Các người chẳng chịu vâng giữ điều răn và luật pháp ta cho đến chừng nào? ²⁹ Hãy suy nghĩ rằng Đức Giê-hô-va đã cho các người ngày Sa-bát; vậy nên, đến ngày thứ sáu Ngài lại cho các người lương thực đủ hai ngày. Trong ngày thứ bảy, mỗi người phải ở yên chỗ mình, chớ ai ra khỏi nhà. ³⁰ Thế thì, ngày thứ bảy toàn dân đều nghỉ ngơi.

³¹ Nhà Y-sơ-ra-ên đặt tên lương thực nầy là ma-na; nó giống như hạt ngọc, sắc trắng, mùi như bánh ngọt pha mật ong.

Vì Đức Chúa Trời chẳng phải là Chúa của sự loạn lạc (*I Cô-rinh-tô* 14:33) nên bất cứ khi nào tiến hành một điều gì mới mẻ, Ngài luôn đưa ra những chỉ dẫn cần thiết để giúp công việc được thành công. Nếu chúng ta vâng theo những chỉ dẫn của Ngài thì Ngài sẽ chúc phước, nhưng nếu chúng ta bất tuân, thì sẽ thất bại và bị kỷ luật. Nguyên tắc vẫn là “mọi sự đều nên làm cho phải phép và theo thứ tự” (*I Cô-rinh-tô* 14:40).

Thu lượm ma-na (Xuất Ê-díp-tô 16:18, 21). Trước tiên, dân Do Thái được hướng dẫn phải thu lượm ma-na mỗi ngày, nhưng chỉ vừa đủ ăn cho mỗi người trong gia đình (c.16). Một ô-me là đơn vị đo lường của dân Hê-bơ-rơ tương đương với hai ga-lông. Ma-na rất bổ dưỡng vì khi ăn vào sẽ giúp người lớn đi được một ngày trong đồng vắng. Mỗi gia đình để chung phần lương thực mỗi ngày lại với

nhau và chưa bao giờ thiếu thức ăn cho họ ⁵. Vì dân Do Thái di chuyển và cắm trại theo chi phái (*Dân Số Ký* 1:1-2:34) nên là mỗi thị tộc và mỗi gia đình đều góp chung phần ma-na họ đã thu lượm và bảo đảm cho mọi người đều có đủ ma-na để ăn.

Điều quan trọng là dân Do Thái phải dậy sớm để thu lượm ma-na, vì mặt trời nóng bức của sa mạc sẽ làm tan chảy những hạt ma-na (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 16:21). Trong trại quân Y-sơ-ra-ên không có chỗ cho kẻ lười biếng nằm dài trên giường trong lúc những người khác phải thu lượm thức ăn cho mình. Đây là một bài học dành cho tín hữu ngày nay; chúng ta phải bắt đầu một ngày mới với Chúa, thu nhặt thức ăn thuộc linh từ Lời Chúa, vì nếu chúng ta gặp Chúa quá trễ thì ngày sẽ trở nên huyên náo, chúng ta sẽ bị phân tâm, và sẽ bị suy dinh dưỡng thuộc linh. “Những người dậy sớm” trong Kinh Thánh gồm có Áp-ra-ham (*Sáng Thế Ký* 19:27; 21:14; 22:3), Gia-cốp (28:18), Môi-se (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 8:20; 9:13; 24:4), Giô-suê (*Giô-suê* 3:1, 6), Sa-mu-ên (*I Sa-mu-ên* 15:12), Gióp (*Gióp* 1:5), Đa-vít (*Thi Thiên* 57:8; 108:2) và Chúa Giê-xu Christ của chúng ta (*Mác* 1:35).

Cất giữ ma-na (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 16:19-21). Những người Y-sơ-ra-ên lười biếng muốn để dành ma-na lại để hôm sau khỏi thức dậy sớm, nhưng Môi-se đã cảnh cáo họ không được làm như vậy. Tuy nhiên, một số người không tuân lệnh nên ma-na của họ bị chua, có mùi hôi, sinh giòi bọ và phải bỏ đi. Những người này không những không vâng theo lời chỉ dẫn của Đức Chúa Trời mà còn ngược với thông lệ của Ngài vì Chúa đã cho phép mặt trời làm tan chảy ma-na nào vẫn còn nằm trên mặt đất. Thật không ích chi khi chống đối lại điều Đức Chúa Trời đã phán bảo trong Lời Ngài và mẫu mực Ngài đã thiết lập trong sự sáng tạo của Ngài.

134 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Một lần nữa, lại có sự cảnh cáo riêng cho dân Chúa ngày nay: Chúng ta không thể tích trữ Lời Ngài và tìm cách sống nhờ vào nguồn dinh dưỡng thuộc linh của ngày hôm qua. Việc nghe chia sẻ Kinh Thánh vào Ngày của Chúa là một việc làm tốt, nhưng chúng ta cần ma-na tươi mới mỗi ngày nếu chúng ta muốn là những Cơ Đốc nhân khoẻ mạnh. Phải dành thời gian ở riêng với Chúa mỗi ngày để được hấp thụ nguồn dinh dưỡng tươi mới từ Lời Ngài.

Ma-na cho ngày Sa-bát (Xuất Ê-díp-tô Ký 16:22-31). Trong câu 23, đây là lần đầu tiên trong Kinh Thánh ngày Sa-bát được đề cập đến bằng tên gọi. Nó được gọi là “ngày thứ bảy” trong (*Sáng Thế Ký 2:1-3*) và để kỷ niệm sự nghỉ ngơi của Chúa sau sáu ngày sáng tạo. Dường như dân Do Thái đã được dạy phải giữ ngày Sa-bát ngay cả trước khi Đức Chúa Trời ban cho Môi-se Mười Điều Răn.

Mặc dù nhiều người thành thực gọi Chúa Nhật là ngày Sa-bát nhưng như thế là không đúng với Kinh Thánh vì ngày Sa-bát là ngày thứ bảy còn Chúa Nhật lại là ngày đầu tuần. Ngày Sa-bát là một ngày đặc biệt được Chúa ban cho dân Do Thái như một sự nhắc nhở về giao ước của Ngài với họ (*Xuất Ê-díp-tô Ký 20:8-11; 31:12-17; Nê-hê-mi 9:13-15*). Từ “sa-bát” trong tiếng Hê-bơ-rơ nghĩa là “ngưng làm việc, nghỉ ngơi” và có liên hệ với từ “số bảy” trong tiếng Hê-bơ-rơ.

Vì vậy dân Do Thái không phải làm việc vào ngày Sa-bát, nhưng họ phải có nhiệm vụ chuẩn bị trước bữa ăn của họ, phải thu lượm ma-na. Họ được phép lượm ma-na gấp đôi vào ngày thứ sáu, và những gì họ dự trữ sẽ không trở nên hôi thối. Việc ban ma-na sáu ngày một tuần không chỉ là một phép lạ, nhưng việc bảo quản ma-na cho ngày thứ bảy là một phép lạ. Luôn có một số người không thật sự hiểu được sứ điệp này. Một số người Do Thái ra ngoài vào ngày Sa-bát để tìm ma-na, nhưng chẳng tìm thấy gì cả. Họ

không vâng theo những chỉ dẫn của Môi-se! Hãy nhớ rằng việc thu lượm ma-na là một thử nghiệm của Đức Chúa Trời để biết dân chúng có tuân thủ theo Luật Pháp mà Ngài sắp ban cho họ hay không (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 16:4). Nếu họ không vâng theo một việc đơn giản như là việc lượm ma-na sáu ngày một tuần, làm sao họ vâng theo những quy chế và luật pháp mà Môi-se sẽ đem xuống từ núi Si-nai! Được ăn “bánh của các thiên sứ” ban xuống từ trời là một đặc quyền, và bất tuân những chỉ dẫn mà Chúa đã ban ra là một sự xúc phạm đối với Ngài.

4. Hãy Nhớ Những Bài Học Mà Đức Chúa Trời Đã Dạy Bạn

Xuất Ê-díp-tô Ký 16:32-36

³² Môi-se nói rằng: Lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn như vậy: Hãy đổ đầy một ô-me ma-na, đựng lưu truyền trải các đời, hầu cho thiên hạ thấy thứ bánh ta đã cho các người ăn nơi đồng vắng, khi ta rút các người ra khỏi xứ Ê-díp-tô. ³³ Môi-se lại nói cùng A-rôn rằng: Hãy lấy một cái bình đựng đầy một ô-me ma-na, để trước mặt Đức Giê-hô-va, đựng lưu truyền các đời. ³⁴ A-rôn bèn để bình đó trước sự chúng cố, hầu cho được lưu truyền y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se. ³⁵ Dân Y-sơ-ra-ên ăn ma-na trải bốn mươi năm, cho đến khi vào bờ cõi xứ Ca-na-an, là xứ có người ta ở.

³⁶ Vả, ô-me là một phần mười của ê-pha.

Những lời chỉ dẫn trong các câu 33-34 báo trước về việc ban Luật Pháp (hoặc “bảng chứng” 31:18; 32:15) và việc lập hòm bảng chứng (25:16, 22; 26:33) cùng việc xây cất đền tạm. Các chi tiết ở (16:35) được thêm vào những năm sau đó để cho câu chuyện được đầy đủ. Vào thời điểm đó, Môi-se vẫn chưa biết Y-sơ-ra-ên sẽ lang thang trong đồng vắng bao nhiêu năm.

Về sau chúng ta sẽ thấy, hòm bảng chứng là ngôi của Đức Chúa Trời trong trại quân. Hòm bảng chứng được đặt nơi chí thánh trong đền tạm là nơi sự vinh hiển của Đức

136 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Chúa Trời ngự, và trong hòm là hai bảng luật pháp, cây gậy của A-rôn và bình đựng ma-na bằng vàng (*Hê-bơ-rơ* 9:4). Chỉ thầy tế lễ cả mới có thể vào nơi chí thánh, và chỉ một lần trong năm, nhưng dân Do Thái biết được những gì ở trong hòm và đã dạy lẽ thật này cho con cái họ. Mỗi một vật trong hòm này nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên về một lẽ thật quan trọng rằng Đức Chúa Trời là Vua và là Đấng Ban Luật Pháp, Ngài đã thiết lập chức tế lễ và đã nuôi nấng dân Ngài vì Ngài luôn chăm sóc họ.

Đức Chúa Trời ban Luật Pháp cho Y-sơ-ra-ên vì Ngài yêu dân Ngài. Họ cần có ánh sáng để soi dẫn họ, mà Luật Pháp Đức Chúa Trời là ngọn đèn và là ánh sáng cho họ. Vâng theo Luật Pháp nghĩa là đi theo con đường của sự sống (*Châm Ngôn* 6:23). Khi dân bất tuân, họ cần một thầy tế lễ giúp họ được tha thứ và được làm hoà với Đức Chúa Trời. Họ cũng cần được nhắc nhở rằng chính Đức Chúa Trời là Đấng đã chu cấp lương thực cho họ, và họ sống không phải chỉ nhờ bánh nhưng còn bởi Lời Đức Chúa Trời (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 8:1-3).

Hầu hết mọi người có xu hướng quên đi cách Đức Chúa Trời đã đối đãi với họ, nên họ phải học lại những bài học mà họ đã quên. Một số người ghi nhật ký và thường xuyên mở ra xem lại. Một số khác thì ghi “nhật ký thuộc linh” ở lề quyển Kinh Thánh của họ. Họ ghi chú những câu Kinh Thánh và những kinh nghiệm đặc biệt có liên quan đến họ. Một bức ảnh có thể chẳng có ý nghĩa gì đối với chúng ta nhưng nó lại chứa đựng châu báu của lẽ thật thuộc linh đối với người sở hữu bức ảnh, là người biết rõ vì sao bức ảnh ở trên giá sách. Dù có những cách thức khác nhau, chúng ta cũng cần phải “giữ lại” những bài học quan trọng của cuộc sống và để chúng giúp chúng ta bước đi với Đức Chúa Trời và vâng giữ Lời Ngài.

Khi chúng ta bước đi với Chúa bởi đức tin, thì cuộc sống là một trường học; và những người hành hương hay những

học viên thành công là những người đã cùng cầu nguyện với Môi-se rằng: “Cầu xin Chúa dạy chúng tôi biết đếm các ngày chúng tôi, hầu cho chúng tôi được lòng khôn ngoan” (*Thi Thiên* 90:12).

Chú thích

¹ Thường thì sau một chiến thắng vẻ vang về đức tin, Chúa cho phép một thử thách xảy đến để thử nghiệm chúng ta. Khi Áp-ra-ham đến được Vùng Đất Hứa thì gặp nạn đói ở đây (*Sáng Thế Ký* 12:10), sau lễ báp-têm đầy vinh hiển, Chúa chúng ta bị Sa-tan cám dỗ trong đồng vắng (*Ma-thi-ơ* 3:13-4:11). Ê-li thắng một trận lớn tại núi Cạt-mên, nhưng sau đó ông phải chịu thử thách về đức tin (*I Các Vua* 18:1-19:21).

² Đây là một trong nhiều “danh ghép” của Chúa trong Cựu Ước. Hãy xem *Sáng Thế Ký* 22:13-14; *Xuất Ê-díp-tô Ký* 17:15; *Các Quan Xét* 6:24; *Giê-rê-mi* 23:6; *Ê-xê-chi-ên* 48:35.

³ Tân Ước thường dùng “hình bóng” để nói về một lẽ thật thuộc linh cần được bày tỏ. Có nhiều “hình ảnh” trong Cựu Ước diễn tả lẽ thật thuộc linh ở Tân Ước, nhưng những hình bóng thật sự phải căn cứ vào Tân Ước. Ví dụ, mối liên hệ giữa Ru-tơ và Bô-ô minh họa cho tình yêu giữa Đấng Christ và Hội Thánh, nhưng không nơi đâu trong Kinh Thánh gọi đây là hình bóng. Giô-sép cũng là hình bóng của Chúa Giê-xu Christ. Một số học giả gọi những trường hợp này là “những hình bóng suy diễn” vì chúng giống với rất nhiều lẽ thật trong Tân Ước. Ngoài ma-na, còn có những hình bóng khác về Đấng Christ như A-đam (*Rô-ma* 5:14), Mên-chi-xê-đéc (*Sáng Thế Ký* 14:1-24; *Hê-bơ-rơ* 5:1-7:28), chiên con (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:1-50; *Giăng* 1:29), và con rắn đồng (*Dân Số Ký* 21:8-9;

138 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Giăng 3:14). Phương thức tế lễ của người Do Thái, cũng như những nghi lễ và những vật dụng trong đền tạm và đền thờ (*Hê-bơ-rơ* 8:1-13) là hình bóng về sự hy sinh của Đấng Christ (*Hê-bơ-rơ* 10:1-18).

⁴ Chúa Giê-xu không nói về Bữa Tiệc Thánh (Bữa Ăn Tối Của Chúa) khi Ngài nói về việc ăn thịt và uống huyết của Ngài. Ngài cũng không lập Tiệc Thánh cho các môn đồ Ngài, vậy tại sao Ngài bàn luận vấn đề này với một hội chúng Do Thái chống nghịch chưa quy đạo? Ở đây Ngài đang sử dụng ngôn ngữ ẩn dụ để giải thích lẽ thật thuộc linh, và dân đã hiểu theo nghĩa đen. (*Giăng* 2:19-21; 3:4; 4:11, 32; 8:30-36; 11:11-13).

⁵ Phao-lô dùng ví dụ về việc thu lượm ma-na để minh họa sự ban cho của người Cơ Đốc (*II Cô-rinh-tô* 8:13-15). Mọi tín hữu ở Cô-rinh-tô đều mang đến Hội Thánh những món quà mà Đức Chúa Trời đã phán dạy. Thế là nhu cầu của cả Hội Thánh được đáp ứng đầy đủ.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 6

Xuất Ê-díp-tô Ký 15:22-16:36

1. Từ những hoạt động của dân Y-sơ-ra-ên trong Xuất Ê-díp-tô Ký, ông Wiersbe đã rút ra bốn lẽ thật quan trọng nào?

2. Hiện nay bạn đang trải qua những thử thách nào mà bạn mong rằng sẽ giúp bạn trưởng thành và làm rạng danh Chúa?

3. Xin cho biết sự khác nhau giữa sự thử nghiệm của Chúa và sự cám dỗ của ma quỷ?

4. Con người “thử Đức Chúa Trời” thế nào?

5. Khi đối diện với một nan đề thì hành động như thế nào là đúng đắn? Đức Chúa Trời có thể đáp lại một lời kêu cứu theo những phương cách nào?

6. Dân Y-sơ-ra-ên chỉ nhớ đến những điều tốt lành mà không nhớ đến sự gian khổ tại xứ Ai Cập. Các tín hữu có được một cái nhìn đúng đắn về quá khứ và hiện tại bằng cách nào?

7. “Sống bởi những lời hứa chứ không bởi những lời giải thích” nghĩa là gì?

8. Chúng ta có thể học được những bài học thuộc linh nào từ sự chu cấp ma-na của Đức Chúa Trời cho dân sự?

9. Đức Chúa Trời thử nghiệm bạn thế nào về sự vâng lời cũng như Ngài đã thử nghiệm dân Y-sơ-ra-ên trong lời chỉ dẫn cách dùng ma-na?

10. Làm sao bạn có thể chắc chắn nhớ được một bài học thuộc linh mà Chúa đã dạy dỗ bạn?

“Đức Giê-hô-va Vạn Quân Ở Cùng Chúng Ta”

Xuất Ê-díp-tô Ký 17-18

Ngày 18/4/1874, thi hài của nhà truyền giáo mà cũng là nhà thám hiểm David Livingstone được đặt yên nghỉ trong một ngôi mộ ở trung tâm giáo đường tại Westminster Abbey. Trong suốt tang lễ, hội chúng cùng hát bản thánh ca do Philip Doddridge và John Logan soạn, lấy ý từ (*Sáng Thế Ký 28:20-21*)

Lạy Đức Chúa Trời của Bê-tên, Đấng mà bởi tay Ngài
Dân Ngài vẫn được nuôi dưỡng;

Đấng mà suốt cuộc hành hương trên đất này

Đã dẫn dắt các tổ phụ của chúng tôi:

Qua mỗi nẻo đường đời đầy gian khó

Đã chỉ lối cho các bước chân lang thang của chúng tôi;

Xin hãy ban cho chúng tôi đồ ăn

Và đủ ấm mỗi ngày.

Suốt những năm tháng khó khăn và vất vả tại Châu Phi, Livingstone đã đặt đức tin và tương lai của ông nơi những lời hứa nhũ của Chúa Giê-xu: “Và này, ta thường ở cùng các người luôn cho đến tận thế” (*Ma-thi-ơ 28:20*). Nói về câu Kinh Thánh này, Livingstone đã viết trong nhật ký của ông ngày 14/1/1856: “Đây là lời của một người đáng kính trọng nhất. Lời này hẳn phải có một chủ đích!” Ông đã biết rằng lời của Chúa mình là đáng tin cậy!

Chính sự hiện diện của Chúa đã ban cho Môi-se sức

manh và sự tin quyết cần có trong suốt khoảng thời gian ông dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên đi trong đồng vắng. Môi-se có một nhiệm vụ khó khăn là phải lãnh đạo một đội quân vô ơn gồm những người nô lệ trước đây, và ông đang cố gắng kết hợp họ lại thành một dân tộc, nhưng ông vẫn kiên trì vì Chúa ở cùng ông. Những sự kiện được ghi lại trong hai chương này cho chúng ta thấy ý nghĩa về sự hiện diện của Chúa đối với dân sự Ngài và những người lãnh đạo khi họ đang trên đường hành hương.

1. Đức Chúa Trời Hướng Dẫn Những Bước Đi Của Chúng Ta *Xuất Ê-díp-tô Ký 17:1-7*

¹ Cả hội chúng Y-sơ-ra-ên đi từ đồng vắng Sin, đi từng trạm, tùy theo lệnh Đức Giê-hô-va, đóng trại tại Rê-phi-đim; ở đó chẳng có nước cho dân uống. ² Dân chúng bèn kiếm cỏ bãi lộn cùng Môi-se mà rằng: Hãy cho chúng tôi nước uống. Môi-se đáp rằng: Sao các người kiếm cỏ bãi lộn cùng ta? Sao ước thử Đức Giê-hô-va vậy? ³ Dân chúng ở đó không có nước, bị khát, nên oán trách Môi-se mà rằng: Sao người khiến chúng tôi ra xứ Ê-díp-tô, hầu cho chúng tôi, con và các bầy súc vật phải chịu chết khát thế này? ⁴ Môi-se bèn kêu cầu Đức Giê-hô-va mà rằng: Tôi phải xử thế nào cùng dân này? Thiếu điều họ ném đá tôi!

⁵ Đức Giê-hô-va đáp cùng Môi-se rằng: Hãy cầm gậy của người đã đập dưới sông, dẫn theo những trưởng lão Y-sơ-ra-ên, rồi đi trước mặt dân. ⁶ Này ta sẽ đứng đằng trước người, ở trên hòn đá tại Hô-rếp kia, người hãy đập hòn đá, thì nước từ đó chảy ra, dân sẽ uống lấy. Môi-se bèn làm như vậy trước mặt các trưởng lão Y-sơ-ra-ên. ⁷ Người đặt tên nơi này là Ma-sa và Mê-ri-ba. Vì cơ việc bãi lộn mà dân Y-sơ-ra-ên kiếm cỏ gây cùng người, và vì họ đã ước thử Đức Giê-hô-va mà nói rằng: Có Đức Giê-hô-va ở giữa chúng ta hay chẳng?

Khi đi đến núi Si-nai, dân Y-sơ-ra-ên vẫn được dẫn dắt bởi trụ mây vào ban ngày và trụ lửa vào ban đêm. Chúa dẫn Y-sơ-ra-ên vào những hoàn cảnh khó khăn và thử thách để bày tỏ quyền năng của Ngài và để gây dựng đức tin cùng

tư cách của dân chúng. Sống không phải chỉ có việc đi cho đến đích là đủ. Nếu sống mà không tăng trưởng đức tin, không hiểu biết Đức Chúa Trời, không tập tành được các đức tin kính thì chúng ta đã lãng phí nhiều cơ hội quý báu trong cuộc đời.

Một thử nghiệm cũ được lặp lại (Xuất Ê-díp-tô Ký 17:1-3). Cần phải mất một thời gian khá lâu để Y-sơ-ra-ên có thể trở nên một dân tộc tin kính. Cho đến thời điểm này mọi thử thách mới mà họ phải trải qua chỉ làm cho họ sa sút thêm. Khi dân đến Rê-phi-đim, trong đồng vắng Sinai, họ lại gặp nạn thiếu nước uống. Họ đã thất bại trong cuộc thử nghiệm này một lần trước đó, vì thế Đức Chúa Trời phải thử nghiệm họ một lần nữa. Chúa đã cho thấy rằng Ngài có thể cung cấp nước và thức ăn cho họ, vậy tại sao họ vẫn tranh cãi cùng Mô-i-se? Vì lòng họ vẫn ở Ai Cập. Họ phạm tội vô ơn và vô tín, muốn trở lại với đời sống cũ, và kết quả là họ không vượt qua được cuộc thử nghiệm.

Mọi sự khó khăn Đức Chúa Trời cho phép chúng ta đối mặt sẽ trở nên một cuộc thử nghiệm có thể khiến chúng ta trở nên tốt hơn hoặc là một cám dỗ khiến chúng ta tồi tệ hơn, và *chính thái độ của chúng ta sẽ quyết định cho điều này.* Nếu chúng ta phàn nàn và oán trách Đức Chúa Trời trong sự vô tín thì sự cám dỗ sẽ ngăn chúng ta lại và cướp đi của chúng ta cơ hội tăng trưởng về thuộc linh. Nhưng nếu chúng ta tin cậy Đức Chúa Trời và làm theo đường lối của Ngài thì thử thách sẽ có lợi chứ không gây hại cho chúng ta (*Rô-ma 8:28; Gia-cơ 1:12-15*) và giúp chúng ta được tấn tới trong ân sủng.

Khi con người ở ngoài mối giao thông với Chúa, cũng tức giận và cay đắng, họ thường muốn làm những điều trái lẽ chỉ khiến hoàn cảnh trở nên tồi tệ hơn. Trong trường hợp này, dân chúng muốn ném đá người lãnh đạo của họ! (*Xuất Ê-díp-tô Ký 17:5*). Việc đó có làm thay đổi hoàn

cảnh của họ hay không thì họ không nhận thức được, nhưng những người bất tuân thường tìm kiếm người để chịu tội thay cho họ¹.

Nguồn năng lực vĩnh cửu (Xuất Ê-díp-tô Ký 17:4-7). Môi-se đã làm điều ông thường phải làm với tư cách là một người lãnh đạo: ông kêu cầu Chúa giúp đỡ (15:25; 32:30; *Dân Số Ký* 11:1-2; 12:13; 14:13). “Đức Chúa Trời là nơi nương náu và sức lực của chúng tôi, Ngài sẵn giúp đỡ trong cơn gian truân” (*Thi Thiên* 46:1). Chúa đã hướng dẫn ông đem theo một số trưởng lão cùng với cây gậy tượng trưng cho quyền năng của Đức Chúa Trời (7:20) và đập hòn đá trước mặt dân chúng và bầy gia súc. Khi Môi-se làm theo thì nước phun ra từ hòn đá giúp cho dân chúng và bầy gia súc qua khỏi cơn khát (*Thi Thiên* 78:15-16; 105:41; 114:8; *Ê-sai* 48:21). Một Đức Chúa Trời nhân từ đã đáp ứng nhu cầu của một dân hay phàn nàn².

Hòn đá là hình ảnh Chúa Giê-xu Christ đã bị “đập” vì chúng ta trên thập tự giá (*I Cô-rinh-tô* 10:4)³ và dòng nước là Đức Thánh Linh mà bởi sự chết, sự phục sinh và thăng thiên của Đấng Christ mà Ngài đến với chúng ta (*Giăng* 7:37-39). Điều này giải thích lý do Môi-se đã sai lầm khi đập vào hòn đá mà lẽ ra ông cần phải nói với hòn đá ấy (*Dân Số Ký* 20:1-13) vì “[Đấng Christ] đã chết cho tội lỗi một lần đủ cả” (*Rô-ma* 6:10 và xem *Hê-bơ-rơ* 7:27; 9:26-28).

“Ma-sa” nghĩa là “thử” và “Mê-ri-ba” nghĩa là “bất hòa, cãi lộn”. Dân Do Thái chưa biết rằng Đức Chúa Trời *thử nghiệm dân Ngài trong mọi kinh nghiệm của đời sống.* Ngài dùng những kinh nghiệm gian nan của đời sống để củng cố đức tin chúng ta và hoàn thiện đức tính chúng ta. Nhưng đức tin của Y-sơ-ra-ên nơi Đức Chúa Trời rất yếu, vì họ nghĩ Đức Chúa Trời của họ đã dẫn họ đến một nơi mà Ngài không thể chăm sóc họ! Sai quấy của dân Y-sơ-

144 / Xuất Ê-díp-tô Ký

ra-ên là họ có tấm lòng cứng cõi không muốn đầu phục Chúa, vì vậy họ đã chống nghịch ý muốn của Ngài. Thật ra, thế hệ đi trước đã có tấm lòng vô tín trong suốt cuộc hành trình từ Ai Cập đến Ca-na-an (*Thi Thiên* 95:6-11; *Hê-bơ-rơ* 3:1-19) ⁴. Lúc khởi đầu cuộc hành hương họ đã phàn nàn về nước và 40 năm sau khi gần cuối cuộc hành hương họ cũng tiếp tục phàn nàn như vậy (*Dân Số Ký* 20:1-13).

Hãy ôn lại cuộc đời xem có bao nhiêu lần ta gặp thử thách và “lầm bầm” vì cảnh ngộ khó khăn và vì thiếu đức tin? Ngồi thoải mái trong nhà thờ và hát “Suốt đường Cứu Chúa tôi dẫn dắt tôi, tôi còn cầu xin điều gì hơn?” là điều dễ, nhưng khi đối diện với sự khốn cùng và tuyệt vọng mà có thể nói cách khiêm cung rằng “không phải ý con nhưng ý Ngài được nên” mới là việc khó. Corrie ten Boom thường nói: “Không cần phải đưa ra những lời chỉ dẫn cho Đức Chúa Trời, chỉ hãy nhận lãnh lấy nhiệm vụ của mình.”

2. Đức Chúa Trời Đánh Bại Những Kẻ Thù Của Chúng Ta *Xuất Ê-díp-tô Ký* 17:8-16

⁸ Và, khi đó, dân A-ma-léc đến khiêu chiến cùng Y-sơ-ra-ên tại Rê-phi-dim. ⁹ Môi-se bèn nói cùng Giô-suê rằng: Hãy chọn lấy tráng sĩ cho chúng ta, ra chiến đấu cùng dân A-ma-léc; ngày mai ta sẽ đứng nơi đầu nổng, cầm gậy của Đức Chúa Trời trong tay. ¹⁰ Giô-suê bèn làm y như lời Môi-se nói, để cự chiến dân A-ma-léc; còn Môi-se, A-rôn và Hu-rơ lên trên đầu nổng. ¹¹ Và, hễ đương khi Môi-se đưa tay lên, thì dân Y-sơ-ra-ên thắng hơn; nhưng khi người xụi tay xuống, dân A-ma-léc lại thắng hơn. ¹² Tay Môi-se mỏi, A-rôn và Hu-rơ bèn lấy đá kê cho người ngồi, rồi ở hai bên đỡ tay người lên; tay người chẳng lay động cho đến khi mặt trời lặn. ¹³ Giô-suê lấy lưới gươm đánh bại A-ma-léc và dân người.

¹⁴ Đức Giê-hô-va bèn phán cùng Môi-se rằng: Hãy chép điều này trong sách làm kỷ niệm, và hãy nói cho Giô-suê biết rằng ta sẽ bôi sạch kỷ niệm về A-ma-léc trong thiên hạ. ¹⁵ Môi-se lập lên một bàn

Đức Giê-hô-va Vạn Quân Ở Cùng Chúng Ta / 145

thờ, đặt tên là “Giê-hô-va cờ xí của tôi”; ¹⁶ và nói rằng: Bởi vì A-ma-léc có đưa tay lên nghịch cùng ngôi Đức Giê-hô-va, nên Đức Giê-hô-va chinh chiến với A-ma-léc từ đời này qua đời kia.

Trong cuộc hành trình của đức tin, chúng ta không chỉ trải qua những thử thách vật chất như thiếu cơm, thiếu nước, mà chúng ta còn phải đương đầu với những cuộc chiến khi kẻ thù tấn công chúng ta. Chúng ta là những kẻ hành hương và cũng là những chiến sĩ, nghĩa là đôi khi chúng ta phải chịu hoạn nạn khi chúng ta bước theo Chúa (*II Ti-mô-thê* 2:3-4).

Kẻ thù (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 17:8). Ma quỷ là kẻ thù lớn nhất của chúng ta (*I Phi-e-rơ* 5:8), nó sử dụng thế gian và xác thịt để chống lại chúng ta (*Ê-phê-sô* 2:1-3). Như dân Y-sơ-ra-ên đã được giải phóng khỏi Ai Cập bởi quyền năng của Đức Chúa Trời, thì dân Chúa ngày nay cũng được giải cứu khỏi “đời ác này” (*Ga-la-ti* 1:3-4) nhờ chiến thắng của Đấng Christ. Về phương diện vật lý, chúng ta ở trong thế gian này, nhưng về phương diện thuộc linh chúng ta chẳng thuộc về thế gian (*Giăng* 17:14-16), vì thế chúng ta không được làm theo đời này (*Rô-ma* 12:2). Chúng ta phải từ bỏ những điều thuộc về xác thịt (*Ga-la-ti* 5:16-21) và chống cự lại những sự tấn công của ma quỷ (*Gia-cơ* 4:7; *I Phi-e-rơ* 5:8-9).

Dân A-ma-léc là con cháu Ê-sau, anh của Gia-cốp (*Sáng Thế Ký* 36:12,16), ông là một “người khinh lờn” (*Hê-bơ-rơ* 12:16). Từ được dịch là “khinh lờn” (“bất kính”) do một từ Hy Lạp có nghĩa là “ngưỡng cửa”; nó chỉ một người nào đó rất tầm thường, có thể bị người ta hay vật gì dẫm lên. Từ tiếng Anh “khinh lờn” có xuất xứ từ tiếng La-tinh có nghĩa là “bên ngoài đền thờ”, tức là không được thánh hóa và tầm thường. Ê-sau đã sống cho thế gian và cho xác thịt, xem thường những điều thuộc linh (c.17). Ê-sau đã đối chọi cùng Gia-cốp em mình và dọa

146 / Xuất Ê-díp-tô Ký

giết Gia-cốp (*Sáng Thế Ký* 27:41), con cháu Ê-sau cũng đối nghịch với con cháu Gia-cốp (Y-sơ-ra-ên) và đe dọa hủy diệt họ.

Không có ghi chép nào cho biết dân Do Thái phải đánh bất kỳ cuộc chiến nào ở Ai Cập, nhưng khi đã được giải cứu khỏi ách nô lệ, họ lại khám phá ra rằng họ có những kẻ thù. Điều này cũng xảy ra trong đời sống Cơ Đốc nhân. Khi chúng ta hiệp cùng Chúa Giê-xu, thì những kẻ thù của Ngài trở thành những kẻ thù của chúng ta (*Lu-ca* 12:49-53) và chúng ta phải “đánh trận đức tin tốt lành” (*I Ti-mô-thê* 6:12). Nhưng chúng ta cũng cần có những cuộc chiến để giúp quân bình những phước hạnh của đời sống; nếu không, chúng ta sẽ trở nên quá tự tin và quá hanh thông đến nỗi không còn tin cậy nơi Chúa nữa.

Chiến lược (Phục Truyền Luật Lệ Ký 25:17-19). Dân A-ma-léc đã tấn công Y-sơ-ra-ên bất ngờ từ phía sau, tại nơi yếu nhất của trại quân, là chỗ những người Do Thái yếu đuối nhu nhược đang ở phía sau đoàn người. Dân A-ma-léc đã tấn công sau khi Y-sơ-ra-ên vừa hưởng được một phước hạnh lớn lao trong sự chu cấp nước từ hòn đá. Sa-tan và đội quân ma quỷ của nó (*Ê-phê-sô* 6:10-12) biết rõ đâu là điểm yếu nhất của chúng ta và chúng cũng biết lúc chúng ta kém chuẩn bị và lơ là nhất. Đó là lý do chúng ta phải “tỉnh thức và cầu nguyện để khỏi sa vào chước cám dỗ. Tâm thần thật sự sẵn sàng nhưng xác thịt thì yếu đuối” (*Mác* 14:38).

Kẻ thù thường tấn công dân Chúa sau khi họ hưởng được những phước hạnh đặc biệt, nhưng Chúa dùng những cuộc tấn công đó để khiến chúng ta hiểu rằng không nên nhìn vào phước hạnh được ban cho mà phải nhìn vào Đấng ban cho. Chính ngay sau khi chiến thắng được bốn vua thù nghịch mà Áp-ra-ham đã bị cám dỗ thu gom chiến lợi phẩm (*Sáng Thế Ký* 14:17-24), và sau chiến thắng Giê-ri-cô, Giô-suê trở nên quá khinh địch và đã bị bại trận tại A-

hi (*Giô-suê* 7:1-26). Sau khi Ê-li đánh bại các thầy tế lễ của Ba-anh, ông sinh ra nản lòng và thối lui (*I Các Vua* 18:41-19:18), sau những phước hạnh tại phép báp-têm của Chúa chúng ta, Ngài được dẫn vào đồng vắng để chịu cám dỗ (*Ma-thi-ơ* 3:13-4:1). “Vậy ai tưởng mình đứng vững hãy giữ kéo ngã” (*I Cô-rinh-tô* 10:12).

Chiến thắng (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 17:9-13). Không có bằng chứng nào cho thấy Y-sơ-ra-ên đã đánh trận ở Ai Cập. Thậm chí vào đêm họ được giải cứu khỏi Ai Cập, họ không phải chiến đấu với đội quân của Ai Cập vì Chúa đã chiến cự thay họ. “Chớ sợ chi, và hãy xem sự giải cứu của Đức Giê-hô-va sẽ làm cho các người ngày nay” (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 14:13). Nhưng giờ đây Y-sơ-ra-ên đang hành hương, họ sẽ phải nhiều lần chiến đấu và tin cậy Chúa để chiến thắng. “Sự thắng hơn thế gian, ấy là đức tin của chúng ta” (*I Giăng* 5:4).

Đoạn này đầu tiên nói đến Giô-suê. Sau đó ông còn được nhắc đến hai trăm lần nữa trong suốt bộ Kinh Thánh⁵. Ông sinh ra tại Ai Cập và được đặt tên là Hô-sơ, nghĩa là “sự cứu rỗi”. Sau này, Môi-se đổi tên lại là “Giô-suê – Đức Giê-hô-va là sự cứu rỗi” (*Dân Số Ký* 13:8, 16). Giô-suê là từ Hê-bơ-rơ tương đương với “Giê-xu” (*Ma-thi-ơ* 1:21; *Hê-bơ-rơ* 4:8). Ông biết được sự khắc nghiệt của kiếp nô lệ ở Ai Cập, và chắc hẳn ông cũng có khả năng về lãnh đạo quân sự nên Môi-se mới lập ông làm tướng lãnh đạo quân đội. Ông đã trở nên tôi tớ phục vụ Môi-se (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 24:13; 33:11; *Giô-suê* 1:1), vì đường lối của Đức Chúa Trời là trước hết chúng ta phải chứng tỏ mình là tôi tớ trung thành trước khi có thể được cất nhắc làm lãnh đạo (*Ma-thi-ơ* 25:21, 23). Giô-suê phải tập hợp đội quân để sẵn sàng tấn công nội trong một ngày, và ông đã thành công.

Chiến thắng huy hoàng của Y-sơ-ra-ên trước dân A-ma-léc đòi hỏi phải có ba yếu tố: quyền năng của Chúa ở trên

trời, tài khéo léo của Giô-suê và đội quân trên chiến trường, và sự cầu thay của Môi-se, A-rôn và Hu-rơ⁶ trên đầu nóng. Đức Chúa Trời có thể sai các thiên sứ hủy diệt kẻ thù (*Ê-sai* 37:38), nhưng Ngài đã cho con người cơ hội được Ngài sử dụng như những công cụ để thực hiện mục đích của Ngài. Giô-suê và quân đội của ông phải tin cậy Đức Chúa Trời và chiến đấu, Môi-se và các cộng sự của ông phải tin cậy Đức Chúa Trời và cầu thay, còn Đức Chúa Trời sẽ làm phần việc còn lại. Bằng cách này, dân Chúa sẽ được lớn lên trong đức tin và danh Đức Chúa Trời sẽ được vinh hiển.

Dân Do Thái đưa tay lên khi họ cầu nguyện là điều thông thường (*Thi Thiên* 28:2; 44:20; 63:4; 134:2; *I Các Vua* 8:22, 38, 54; *I Ti-mô-thê* 2:8), và vì Môi-se cầm gậy của Đức Chúa Trời trong tay tức là ông đang xưng nhận sự phó thác nơi quyền lực và sức mạnh của Đức Giê-hô-va. Không phải Môi-se là người ban quyền phép cho Giô-suê và quân đội ông; nhưng đó là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, là “Đức Giê-hô-va vạn quân”. Khi Môi-se đưa cây gậy trong tay của ông lên, thì Y-sơ-ra-ên thắng thế, nhưng khi ông hạ tay xuống, quân A-ma-léc sẽ thắng.

Chúng ta biết Giô-suê và đội quân Y-sơ-ra-ên rất mệt mỏi vì chiến trận, nhưng tại sao Môi-se lại mệt mỏi khi chỉ đưa gậy nhẹ nhàng của Đức Chúa Trời lên? Cho đến tận ngày ông qua đời, Môi-se vẫn mạnh khỏe kia mà! (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 34:7). Vậy nguyên nhân không thuộc về vật lý. Sự cầu thay là một hoạt động không phải dễ dàng. Tập trung suy nghĩ vào Đức Chúa Trời và “cầu nguyện không thôi” (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 5:17) là một công việc căng thẳng và làm mệt nhọc thể xác không ít. Giống như Ê-pháp-ra, chúng ta phải “chiến đấu” trong sự cầu nguyện (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:12)⁷ chứ không phải chỉ

thưa gửi qua loa vài câu với Chúa. Samuel M. Zwemer là nhà truyền đạo cho thế giới Hồi giáo, thường gọi sự cầu nguyện là “sự luyện tập của linh hồn”. John Bunyan đã viết: “Trong sự cầu nguyện thì một tấm lòng không nói nên lời còn đáng giá hơn là những lời nói không có tấm lòng”. Dốc lòng cầu thay thì tốn công, tốn sức không những người được cầu thay sẽ được phước mà người cầu thay cũng được ban ơn.

Giô-suê không thể thành công nếu không có Môi-se, nhưng Môi-se không thể thắng nếu không có sự hỗ trợ của A-rôn và Hu-rơ. Không phải mọi người đều là Môi-se hay Giô-suê, đều là D. L. Moody hay Billy Graham, nhưng tất cả các Cơ Đốc nhân đều có thể như A-rôn và Hu-rơ giúp giữ tay Môi-se theo lời Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đang tìm kiếm những người sẵn lòng dự phần trong cuộc chiến và chiến thắng vì họ vẫn bền lòng trong sự cầu nguyện (*Rô-ma* 12:12; *Ê-sai* 59:16).

Tại đây ta rút ra một bài học: Cứu Chúa hằng sống của chúng ta ở trên trời đang cầu thay cho chúng ta khi chúng ta đang chiến trận với cuộc sống mỗi ngày, và sức lực của Ngài thì chẳng bao giờ cạn (*Hê-bơ-rơ* 7:25). Hơn nữa, Đức Thánh Linh trong lòng cũng đang cầu thay cho chúng ta và nhắc nhở chúng ta cầu nguyện (*Rô-ma* 8:26-27). Đức Chúa Trời hứa ban chiến thắng cho những ai cầu nguyện và sử dụng gương Thánh Linh (*Ê-phê-sô* 6:17-18).

Lời chứng (Xuất Ê-díp-tô Ký 17:14-16). Môi-se không xây đài kỷ niệm cho mình hay cho Giô-suê, hoặc cho đội quân chiến thắng của Y-sơ-ra-ên. Thay vào đó, ông biết dành mọi vinh hiển về chiến thắng của Y-sơ-ra-ên cho Đức Chúa Trời bằng cách xây một bàn thờ và đặt tên là “Giê-hô-va Cờ xí của tôi”. Ở Ai Cập, có lẽ Môi-se đã nhìn thấy nhiều đội quân khác nhau và mỗi đội quân núp dưới bóng một vị thần riêng, vì vậy ông giương cờ để tôn cao Đức Chúa Trời chân thật duy nhất của mình. Môi-se cũng

150 / Xuất Ê-díp-tô Ký

nêu lý do cho đài kỷ niệm này rằng: “Vì tay có đưa lên cùng ngôi Chúa” (c.16, NIV), bày tỏ sự cầu xin của ông với Chúa trên núi ⁸. Đức Chúa Trời đã đáp lời cầu nguyện và cứu giúp dân Ngài, nên Môi-se muốn ngợi khen danh Ngài.

Môi-se cẩn thận ghi vào sử sách ⁹ rằng Y-sơ-ra-ên phải chiến đấu với A-ma-léc cho đến khi dân tộc này hoàn toàn bị tiêu diệt. Y-sơ-ra-ên chiến trận với họ một lần nữa tại Ca-đe Ba-nê-a nhưng bị thất bại (*Dân Số Ký* 14:45); Ghê-đê-ôn đã chiến thắng dân này cùng với dân Ma-đi-an (*Các Quan Xét* 6:33). Vua Sau-lơ không vâng lời Đức Chúa Trời mà tiêu diệt dân A-ma-léc, nên bị mất ngôi (*I Sa-mu-ên* 15:1-25) và chính ông bị giết hại bởi một người A-ma-léc (*II Sa-mu-ên* 1:1-16). Vua Đa-vít đã đánh bại dân A-ma-léc khi đám người này đột kích trại quân của ông (*I Sa-mu-ên* 30:1-31). Đến khi ông lên ngôi vua thì ông đã hoàn toàn chinh phục được họ (*II Sa-mu-ên* 8:11-12). Trong suốt thời trị vì của vua Ê-xê-chia, các đội quân của ông đã tiêu diệt số dân A-ma-léc ít ỏi còn sót lại. Sự đoán xét của Đức Chúa Trời trên dân A-ma-léc cho chúng ta một bài học rằng hễ phạm đến ngôi Đức Chúa Trời thì không thoát khỏi sự trừng phạt.

3. Đức Chúa Trời Đáng Được Ngợi Khen

Xuất Ê-díp-tô Ký 18:1-12

¹ Giê-trô, thầy tế lễ xứ Ma-đi-an, ông gia của Môi-se, hay được mọi điều Đức Chúa Trời đã làm cho Môi-se cùng Y-sơ-ra-ên, là dân Ngài, và nghe Ngài đã dẫn dân ấy ra khỏi xứ Ê-díp-tô. ² Người bèn dẫn Sê-phô-ra, vợ Môi-se, đã cho trở về nhà cha, ³ cùng hai con trai, một tên là Ghê-t-sôn, – vì Môi-se đã nói rằng: Tôi kiêu ngạo nơi ngoại bang; – ⁴ và một tên là Ê-li-ê-se, – vì người lại có nói: Đức Chúa Trời của tổ phụ tôi đã vùa giúp và giải cứu tôi khỏi gươm Pha-ra-ôn. – ⁵ Vậy, Giê-trô, ông gia của Môi-se, đến với hai con trai và vợ Môi-se, thăm người nơi đồng vắng, chỗ đóng trại gần bên núi Đức Chúa Trời. ⁶ Người bèn sai báo cùng Môi-se rằng: Ta là Giê-trô,

Đức Giê-hô-va Vạn Quân Ở Cùng Chúng Ta / 151

ông gia của người, ta cùng vợ người và hai con trai nàng đến thăm người.

⁷ Môi-se ra đón rước ông gia mình, mọp xuống và hôn người, hỏi thăm nhau, rồi vào trại. ⁸ Môi-se liền thuật cho ông gia mình biết mọi điều Đức Giê-hô-va vì Y-sơ-ra-ên đã làm cho Pha-ra-ôn và người Ê-díp-tô, mọi điều khổ nhục xảy đến cho mình dọc đường, và Đức Giê-hô-va đã giải thoát dân Y-sơ-ra-ên thế nào. ⁹ Giê-trô lấy làm vui mừng về các ơn mà Đức Giê-hô-va đã làm cho Y-sơ-ra-ên, giải cứu dân ấy khỏi tay người Ê-díp-tô. ¹⁰ Giê-trô nói rằng: Đáng ngợi khen Đức Giê-hô-va thay! Là Đáng đã giải cứu các người ra khỏi tay người Ê-díp-tô và tay Pha-ra-ôn, và giải cứu toàn dân ra khỏi quyền của người Ê-díp-tô. ¹¹ Bây giờ ta biết rằng Đức Giê-hô-va là lớn hơn hết các thần, vì khi người Ê-díp-tô cậy lòng kiêu ngạo dấy lên, thì Ngài thắng được chúng nó. ¹² Giê-trô, ông gia của Môi-se, bèn bày một của lễ thiêu và các lễ vật mà dâng cho Đức Chúa Trời; rồi A-rôn và các trưởng lão Y-sơ-ra-ên đến ăn bánh cùng ông gia của Môi-se, trước mặt Đức Chúa Trời.

Đọc những chương về những thử thách khó khăn, những lầm bầm cay đắng, những chiến trận đẫm máu ta thấy xốn xang lắm. Giờ đây, qua một chương mới nói về cảnh sống trong trại quân Y-sơ-ra-ên, dân sinh hoạt bình thường, giao tiếp với nhau trong không khí gia đình, ta thấy dễ chịu hơn nhiều. Cuộc sống không phải luôn luôn là sự đói khát và chiến tranh, nhưng những kỷ niệm đau thương này được lưu giữ trong ký ức con người lâu hơn là những ngày giờ hạnh phúc. Charles Spurgeon nói rằng dân Chúa có xu hướng khắc những hoạn nạn của họ vào đá hoa cương và viết những phước hạnh của họ trên cát. Có lẽ ông nói đúng.

Nhưng điều tuyệt vời nhất về phân đoạn này là mọi người đều tôn vinh Chúa về những việc Ngài đã làm cho dân Ngài. Ngợi khen Đức Chúa Trời tốt hơn là phàn nàn Đức Chúa Trời; thật ra, sự ngợi khen là liều thuốc giải độc cứu chữa một tinh thần hay than vãn. Nhà truyền giáo D. L. Moody đã nói rằng: "Có rất nhiều điều trong Kinh Thánh nói về sự ngợi khen hơn là sự cầu nguyện, nhưng

chúng ta lại có quá ít buổi nhóm thờ phượng tôn vinh Chúa!”

Sứ điệp của Giê-trô (18:1-6). Chúng ta đã gặp cha vợ của Môi-se (2:11-22), nhưng sự hiện diện của ông ở đây nêu lên hai câu hỏi quan trọng: 1. Giê-trô đã được nghe về những công việc kỳ diệu của Đức Chúa Trời tại Ai Cập như thế nào? 2. Vợ và hai con trai của Môi-se đã trở về nhà khi nào?

Có thể Môi-se đã đưa gia đình ông trở về xứ Ma-đi-an trước khi Chúa giáng trận trên Ai Cập. Rồi sau cuộc hành trình rời Ai Cập, Môi-se đã sai một sứ giả đến cùng Giê-trô và yêu cầu ông dẫn theo Sê-phô-ra với hai cậu con trai gặp ông tại núi Si-nai. Một số học giả bác bỏ tình tiết này vì Môi-se chắc chắn muốn gia đình ông nhìn thấy sự đoán xét của Chúa trên Ai Cập và được tham gia vào sự giải cứu vĩ đại của Y-sơ-ra-ên. Nếu chỉ muốn gia đình mình được yên ổn tại Ma-đi-an trong khi dân chúng đang chịu cảnh khốn cùng ở Ai Cập thì phẩm cách của người lãnh đạo trong Môi-se là gì?

Nếu gia đình ông cùng ở với ông tại Ai Cập thì sau cuộc hành trình rời Ai Cập, Môi-se chắc đã đưa Sê-phô-ra và hai con trai của họ về Ma-đi-an để báo tin mừng cho gia đình bà. Sê-phô-ra và những người cùng đi với bà có thể đi nhanh hơn rất nhiều so với cả đoàn dân cùng với con cái và gia súc của họ, vì vậy gia đình này sẽ đến Ma-đi-an trước khi dân Y-sơ-ra-ên đi đến khu vực núi Si-nai. Sau khi nghe tin mừng, Giê-trô sai một sứ giả đến chỗ Môi-se để cho biết rằng ông sắp đến trại quân cùng với Sê-phô-ra và các con trai của nàng.

Giê-trô đến (18:7-8). Ở Đông phương, những người trong gia đình và bạn bè dành khá nhiều thời gian để chào hỏi khi họ gặp mặt nhau (*Lu-ca* 10:4), đặc biệt là khi họ không được gặp nhau trong một thời gian dài (*Sáng Thế Ký* 29:9-14; 33:1-7; 45:1-15). Môi-se bày tỏ sự kính trọng của

ông đối với cha vợ bằng cách đi ra đón người, nhưng thật lạ khi Sê-phô-ra và hai người con trai không được đề cập đến tại đây¹⁰.

Sự hiếu khách là một phép tắc trên hết cần phải tuân giữ tại Đông phương. Môi-se đã mời Giê-trô cùng những vị khách vào trại của ông. Ở đó ông thuật lại cho họ nghe một lần nữa những công việc kỳ diệu Đức Chúa Trời đã làm cho dân Ngài. Giê-trô đã biết một số sự việc về sự thất bại của Ai Cập, nhưng Môi-se trình bày lại cho ông những chi tiết và trả lời những câu hỏi của ông. Đó không phải là sự tường thuật về những điều Môi-se đã làm nhưng là điều Đức Chúa Trời đã làm!

Sự thờ phượng của Giê-trô (Xuất Ê-díp-tô Ký 18:9-12). Giống như Mên-chi-xê-đéc (*Sáng Thế Ký 14:17-24*), Giê-trô là một thầy tế lễ người ngoại (*Xuất Ê-díp-tô Ký 2:16*) mà những lời chứng của ông cho thấy rằng ông đã biết Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống. Ông cũng biết tầm quan trọng của Y-sơ-ra-ên trong kế hoạch của Đức Chúa Trời, vì ông nói rằng Chúa đã trừng phạt dân Ai Cập bởi họ đã “đối xử với Y-sơ-ra-ên một cách kiêu ngạo” (18:11).

Chức tế lễ vẫn chưa được thiết lập chính thức trong Y-sơ-ra-ên, nên Môi-se, A-rôn và các trưởng lão Do Thái không phạm tội khi cùng Giê-trô dâng của lễ cho Đức Chúa Trời và sau đó dự bữa tiệc thông công với nhau. Suốt những năm sống ở Ma-đi-an, chắc chắn Môi-se đã tham dự nhiều bữa ăn về của lễ cùng với cha vợ của ông. Hình thức thông công này báo trước thời điểm Đấng Mết-si-a sẽ chết thay tội lỗi của cả thế gian và thực hiện sự cứu chuộc cho muôn dân muôn nước. “Vì từ nơi mặt trời mọc cho đến nơi mặt trời lặn, danh ta sẽ là lớn giữa các dân ngoại” (*Ma-thi-ơ 1:11*).

4. Đức Chúa Trời Cắt Đặt Công Việc Cho Chúng Ta

Xuất Ê-díp-tô Ký 18:13-27

¹³ Qua ngày sau, Môi-se ra ngồi xét đoán dân chúng; họ đứng chực trước mặt người từ sớm mai đến chiều. ¹⁴ Ông gia thấy mọi điều người làm cho dân, bèn hỏi rằng: Con làm chi cùng dân đó? Sao con chỉ ngồi một mình, còn cả dân đứng chực trước mặt từ sớm mai cho đến chiều như vậy? ¹⁵ Môi-se bèn thưa rằng: Ấy vì dân đến cùng tôi đặng hỏi ý Đức Chúa Trời. ¹⁶ Khi nào họ có việc chi, thì đến cùng tôi, tôi xét đoán người nầy cùng người kia, và cho họ biết những mạng lệnh và luật pháp của Đức Chúa Trời. ¹⁷ Nhưng ông gia lại nói rằng: Điều con làm đó chẳng tiện. ¹⁸ Quả thật, con cùng dân ở với con sẽ bị đuối chẳng sai, vì việc đó nặng nề quá sức con, một mình gánh chẳng nổi. ¹⁹ Bây giờ, hãy nghe cha khuyên con một lời, cầu xin Đức Giê-hô-va phù hộ cho. Về phần con, hãy làm kẻ thay mặt cho dân trước mặt Đức Chúa Trời, và đem trình mọi việc cho Ngài hay. ²⁰ Hãy lấy mạng lệnh và luật pháp Ngài mà dạy họ, chỉ cho biết con đường nào phải đi, và điều chi phải làm. ²¹ Nhưng hãy chọn lấy trong vòng dân chúng mấy người tài năng, kính sợ Đức Chúa Trời, chân thật, ghét sự tham lợi, mà lập lên trên dân, làm trưởng cai trị hoặc ngàn người, hoặc trăm người, hoặc năm mươi người, hoặc mười người, ²² đặng xét đoán dân hằng ngày. Nếu có việc can hệ lớn, họ hãy giải lên cho con; còn những việc nhỏ mọn, chính họ hãy xét đoán lấy. Hãy san bớt gánh cho nhẹ; đặng họ chia gánh cùng con. ²³ Nếu con làm việc nầy, và Đức Chúa Trời ban lệnh cho con, con chắc sẽ chịu nổi được, và cả dân nầy sẽ đến chỗ mình bình yên.

²⁴ Môi-se vâng lời ông gia mình, làm y như mọi điều người đã dạy. ²⁵ Vậy, Môi-se bèn chọn trong cả Y-sơ-ra-ên những người tài năng, lập lên trên dân, làm trưởng cai trị, hoặc ngàn người, hoặc trăm người, hoặc năm mươi người, hoặc mười người; ²⁶ họ xét đoán dân hằng ngày. Các việc khó họ giải lên cho Môi-se; nhưng chính họ xét lấy các việc nhỏ. ²⁷ Đoạn, Môi-se để cho ông gia mình trở về xứ người.

Đáng lẽ Môi-se phải dành ra ít ngày để vui chơi với gia đình và tiếp đón cha vợ của ông, nhưng là một người chăn bầy trung tín, ngay hôm sau ông đã trở lại để giúp đỡ dân giải quyết những vấn đề của họ.

Nhiệm vụ (Xuất Ê-díp-tô Ký 18:13-16). Dân tộc Y-sơ-ra-ên đã có những trưởng lão (c.13, 4:29), nhưng họ không

giúp đỡ Môi-se trong những công việc hằng ngày của trại quân, hoặc nếu họ giúp thì cũng có những vấn đề họ không thể tự giải quyết mà phải nhờ đến Môi-se. Trại quân của Y-sơ-ra-ên đã có những quy định cơ bản về sự quản lý (18:16), vì hai triệu dân sống chung với nhau thì bắt buộc phải có luật lệ quy củ. Nhóm từ “mạng lệnh và luật pháp” trong câu 16 có thể chỉ về ý muốn của Đức Chúa Trời nói chung cũng như về những mệnh lệnh cụ thể của Chúa. Từ rất lâu trước khi Luật Pháp được ban ra, Đức Chúa Trời đã chúc phước cho Áp-ra-ham vì ông đã làm theo những mạng lệnh, quy tắc và luật lệ của Ngài (*Sáng Thế Ký* 26:5).

Những điều khoản trong Luật Pháp cần thiết cho tình hình trật tự và an ninh trong xã hội, nhưng các điều khoản này cũng luôn cần phải được giải thích, ngay cả khi những điều này đến từ Chúa. Sau này, các thầy tế lễ sẽ giúp đỡ trong nhiệm vụ này (*Ma-thi-ơ* 2:4-7), nhưng vào lúc đó chức tế lễ vẫn chưa được thiết lập. Từ thời E-xơ-ra (*Ê-xơ-ra* 7:10), các thầy thông giáo có nhiệm vụ giải thích Luật Pháp.

Hiểm họa (Xuất Ê-díp-tô Ký 18:17-18). Giê-trô biết rằng sự lãnh đạo của Môi-se quyết định sự thành công trong tương lai của Y-sơ-ra-ên và bất cứ hoạt động nào làm cạn kiệt sức lực hay lãng phí thời giờ của Môi-se đều có hại cho dân tộc. Thêm nữa, ông cũng không muốn con rể của mình bị kiệt sức để Sê-phô-ra phải góa bụa và hai cháu của ông phải mồ côi. Làm sao phục vụ hai triệu dân mà không kiệt sức! Thậm chí sau khi đã có những sự xếp đặt mới thì Môi-se vẫn phải thú nhận rằng việc điều hành toàn dân là quá sức cho ông (*Dân Số Ký* 11:4), Dưới hệ thống điều hành cũ gánh nặng này còn nặng nề đến mức độ nào?

Lời đề nghị (Xuất Ê-díp-tô Ký 18:19-27). Lời đề nghị của Giê-trô rất hay. Môi-se phải tổ chức trại quân để cứ

156 / Xuất Ê-díp-tô Ký

mười người thì phải có người đại diện. Nếu người phụ trách nhóm mười người không thể giải quyết được vấn đề thì chuyển lên cho người chịu trách nhiệm nhóm năm mươi người, rồi một trăm người, rồi một ngàn người¹¹. Sau mọi việc đó, [nếu vấn đề vẫn chưa được giải quyết] mới giao cho chính Môi-se quyết định. D. L. Moody có thể đã nghĩ đến điều này khi ông nói: “Tôi thà để 10 người làm việc hơn là làm công việc của 10 người”.

Một hệ thống điều hành như thế sẽ tách những vấn đề phức tạp ra thành nhiều vấn đề đơn giản để giải quyết, và Môi-se không lãng phí thời gian của ông vào những vấn đề không quan trọng. (Dân Y-sơ-ra-ên chắc cũng giống như con người ngày nay, nên ai nấy đều nghĩ vấn đề của mình là quan trọng nhất!). Cách giải quyết như trên sẽ làm giảm bớt công việc, vì không phải ai cũng muốn kháng cáo lên trên.

Nhưng Giê-trô không khuyên Môi-se đẩy trách nhiệm cho người khác. Không, chính Môi-se phải dạy dỗ dân các luật lệ, và chắc chắn ông cần đến sự hỗ trợ của những trưởng nhóm đã được chọn lựa, để họ có thể thực hiện được những quyết định khôn ngoan. Ông cũng phải là người đại diện cho dân chúng trước mặt Đức Chúa Trời, phải cầu thay cho họ và tìm kiếm sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời trong những trường hợp khó khăn. Môi-se là người lãnh đạo được Đức Chúa Trời chỉ định, và không ai có thể thay thế ông cho đến khi công việc của ông đã được hoàn tất, nhưng ông không phải làm mọi công việc một cách đơn độc.

Có người nói rằng Giê-trô là một người xen vào việc của người khác, vì Đức Chúa Trời đã giúp Môi-se làm xong công việc mỗi ngày. Họ lý luận: “Nếu Chúa thấy Môi-se cần cố vấn điều gì thì Ngài đã nói cho Môi-se biết rồi.” Nhưng Giê-trô không *ra lệnh* Môi-se phải làm theo

những mệnh lệnh của ông. Ông chỉ giục Môi-se thưa với Chúa về vấn đề này và làm theo bất cứ điều gì Đức Chúa Trời phán dạy (c.23). Môi-se đã nghe theo lời đề nghị của cha vợ ông, ông chắc đã hỏi ý Chúa và nhận được ý chỉ của Ngài.

Môi-se không hỏi Giê-trô cách xây đền tạm hay cách dâng của lễ, vì những vấn đề đó đã được Chúa bày tỏ cho ông. Nhưng trong những vấn đề về tổ chức và quản lý, dân Chúa có thể học hỏi từ những người bên ngoài, vì “con đời này trong trong việc thông công với người đồng đời mình thì khôn khéo hơn con sáng láng” (*Lu-ca* 16:8). Dĩ nhiên chúng ta không được làm theo một thói quen hay một cách giải quyết nào đó cho đến khi chúng ta hiểu được nguyên tắc xử lý của nó và biết chắc rằng nó phù hợp với lời Kinh Thánh (*Gia-cơ* 3:13-18).

Điều quan trọng trong việc giao phó trách nhiệm là phải có những người lãnh đạo có khả năng và phẩm cách, “những người có năng lực, kính sợ Đức Chúa Trời, chơn thật, ghét sự tham lợi” (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 18:21)¹², những phẩm chất này nhắc nhở chúng ta về kinh nghiệm của Hội Thánh đầu tiên trong việc tìm người giúp đỡ các sứ đồ và đỡ dẫn những công việc nhẹ cho họ (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 6:1-7). Những người phụ tá này phải có tiếng tốt, đầy đầy Đức Thánh Linh cùng sự khôn ngoan, và được dân chấp thuận.

Theo *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 1:9-18, Môi-se đã nói về lời khuyên của Giê-trô cùng dân sự, ông thừa nhận sự yếu đuối và mệt mỏi của mình, và yêu cầu họ chọn ra những người lãnh đạo để giúp đỡ ông. Họ tán thành kế hoạch này và chọn ra những người sẽ phụ trách công việc, sau đó Môi-se đã giao trách nhiệm cho họ để cùng gánh vác. Khi Y-sơ-ra-ên vào Đất Hứa, họ bổ nhiệm các quan chức trong mỗi tỉnh để giúp trong việc giải quyết những việc kiện

158 / Xuất Ê-díp-tô Ký

tụng (16:18-20). Đức Chúa Trời là Chúa của sự trật tự, và Ngài muốn dân Ngài có được sự an ninh và công bằng trong trại quân và trong xứ.

Bất cứ khi nào chức vụ và cơ cấu mâu thuẫn với nhau, và chức vụ bị ngăn trở thì dân Chúa phải điều chỉnh lại cơ cấu để chức vụ được tấn tới. Khi Hội Thánh Giê-ru-sa-lem dành cho các sứ đồ sự hỗ trợ mà họ cần đến thì công việc được tiến triển và nhiều người trở lại quy đạo (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 6:7). Trong thế giới đang thay đổi nhanh chóng này, những người giữ các chức vụ Cơ Đốc phải rất linh động để giải quyết các vấn đề và nắm bắt những cơ hội của mình. Kinh Thánh không nhấn mạnh các vấn đề về mặt tổ chức nhưng chú trọng đến phẩm chất của người phục vụ. Nhiều tổ chức thất bại vì cứ giữ nguyên cơ cấu của họ và không chịu thay đổi. Những chức vụ mà Đức Chúa Trời chúc phước luôn sẵn sàng thay đổi, miễn là các nguyên tắc của Lời Đức Chúa Trời phải được vâng giữ.

Chú thích

¹ Những kẻ cùng đi với Đa-vít khi về nhà thấy tài sản mất sạch thì tính chuyện ném đá ông (*I Sa-mu-ên* 30:1-6). Hành động như vậy có giải quyết được gì không? Dân Do Thái muốn ném đá Chúa Giê-xu (*Giăng* 8:59; 10:31), Ê-tiên chết vì bị ném đá (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:58).

² Không nên nhầm lẫn phép lạ này với một phép lạ tương tự được mô tả trong *Dân Số Ký* 20:1-15 dù tên "Mê-ri-ba" được sử dụng trong cả hai câu chuyện (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 17:7; *Dân Số Ký* 20:13). Hơn một lần dân Y-sơ-ra-ên đã gây nên sự bất hòa!

³ Các ra-bi có lời truyền khẩu rằng hòn đá Môi-se đập đã đi cùng với dân Do Thái suốt cuộc hành trình của họ trong đồng vắng và đã cung cấp nước cho dân sự. Truyền

thuyết này không có cơ sở Kinh Thánh. Trong *I Cô-rinh-tô* 10:4, Phao-lô nói rằng hòn đá thuộc linh đã đi cùng họ, chứ không phải hòn đá theo nghĩa đen, và Đấng Christ chính là Hòn Đá thuộc linh đó.

⁴ Sách *Hê-bơ-rơ* sử dụng những kinh nghiệm của dân Y-sơ-ra-ên để minh họa cho lẽ thật thuộc linh quan trọng rằng chính bởi đức tin mà chúng ta được thừa kế sản nghiệp của mình và vui hưởng mọi điều Đức Chúa Trời đã hoạch định cho chúng ta. Tại Ca-đe Ba-nê-a, dân Y-sơ-ra-ên không chịu vâng lời Đức Chúa Trời mà đi vào trong xứ, vì vậy họ phải ở trong đồng vắng thêm 38 năm nữa cho đến khi thế hệ già vô tín đó chết đi. Chính vì sự vô tín mà dân Chúa ngày nay không hưởng được điều tốt nhất mà Đức Chúa Trời ban cho. Nhiệm vụ của chúng ta là nghe tiếng Ngài (Lời Chúa), tin điều Ngài phán, và vâng theo ý muốn Ngài. Ngài sẽ lo liệu phần việc còn lại.

⁵ Để hiểu thêm về sách Giô-suê, xin hãy xem sách "*Be Strong*" (*Hãy Mạnh Mẽ*) do Chariot Victor xuất bản, tác giả Wiersbe.

⁶ Đây có lẽ không phải là Hu-rơ có người con trai tham gia xây dựng đền tạm (31:2; 35:30; 38:22), (*I Sử Ký* 2:19-20). Xem *Xuất Ê-díp-tô Ký* 24:14. Lời truyền khẩu của người Do Thái cho rằng ông đã kết hôn với Mi-ri-am và do đó là anh rể của Mô-i-se và A-rôn, nhưng không có bằng chứng nào trong Kinh Thánh.

⁷ Chữ Anh "agonize" có nguồn gốc từ Hy văn (đau đớn), và từ này đã được áp dụng cho những vận động viên phấn đấu cực khổ để chiến thắng (*I Cô-rinh-tô* 9:25), và cho những chiến sĩ trong chiến trận (*I Ti-mô-thê* 6:12), bản Kinh Thánh NIV dịch là "vật lộn trong sự cầu nguyện vì anh".

⁸ Ở lề bản Kinh Thánh NIV có ghi "Vì một bàn tay đã nghịch với ngôi của Chúa", đề cập đến sự tấn công của

160 / Xuất Ê-díp-tô Ký

dân A-ma-léc. Lê bản ASV cũng ghi rằng “Vì có một bàn tay nghịch với ngôi của Đức Giê-hô-va”. Điều này giải thích lý do Đức Chúa Trời liên tục tuyên chiến trên dân A-ma-léc, vì họ đã ngạo mạn công kích Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Bản Kinh Thánh NRSVB dịch nhóm từ này là “một bàn tay trên ngọn cờ” ngụ ý rằng dân Do Thái “nắm giữ Đức Chúa Trời” bằng đức tin bất cứ khi nào họ thấy mình bị tấn công. Những ngọn cờ được dùng để tập hợp quân (*Ê-sai* 13:2), để tuyên chiến (31:9), báo động cho quân đội (*Giê-rê-mi* 51:12, 27) và loan tin chiến thắng (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 17:15).

⁹ Xem 24:4-7; 34:27, (*Dân Số Ký* 33:1-2), (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 25:17-19; 31:9-24).

¹⁰ Chúng ta đã gặp Ghệt-sôn (khách lạ, người ngoại bang) trong *Xuất Ê-díp-tô Ký* 2:22 nhưng 18:4 là chỗ đầu tiên người con trai nhỏ Ê-li-ê-se (“Đức Chúa Trời tôi là sự giúp đỡ của tôi”) được đề cập đến trong Kinh Thánh. Giống như tên mà Giô-sép đặt cho hai con trai của ông (*Sáng Thế Ký* 41:50-52), tên các con trai của Môi-se phản ánh kinh nghiệm của riêng ông: là một người ngoại bang trong xứ, nhưng với sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, ông đã trở thành một người chiến thắng.

¹¹ *Dân Số Ký* 31:14, 28 cho thấy rằng quân đội được tổ chức theo cách tương tự. Xem *I Sa-mu-ên* 22:7; *I Sử Ký* 12:1-40.

¹² Vì Y-sơ-ra-ên là một xã hội mang nặng tính tộc trưởng nên người nam thường được trọng hơn, nhưng xuyên suốt Kinh Thánh, Chúa đã kêu gọi và sử dụng nhiều người nữ có tài năng để phục vụ Ngài và dân Ngài.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 7

Xuất Ê-díp-tô Kỳ 17-18

1. Đức Chúa Trời hứa rằng Ngài sẽ ở cùng bạn luôn luôn như Ngài đã ở cùng Môi-se. Điều này đã làm thay đổi kinh nghiệm sống mỗi ngày của bạn như thế nào?
2. Vì sao Đức Chúa Trời đưa Y-sơ-ra-ên vào trong những hoàn cảnh khó khăn?
3. Trong thử nghiệm thứ hai về vấn đề thiếu nước, điều gì đã khiến Y-sơ-ra-ên không áp dụng những gì họ đã học được trong lần đầu tiên?
4. Điều gì Môi-se cần làm nhiều lần trong chức vụ lãnh đạo rất dễ nản lòng của ông?
5. Trong hành trình của đời sống bạn, nơi nào có thể gọi một cách đáng buồn là “Ma-sa” và “Mê-ri-ba”? Lẽ ra bạn phải hành động như thế nào cho đúng trong những trường hợp ấy?
6. Tại sao Wiersbe nói Môi-se trở nên mệt mỏi trong lúc đưa gậy của Đức Chúa Trời lên?
7. Sự hỗ trợ của A-rôn và Hu-rơ giữ vai trò quan trọng trong chiến thắng của Y-sơ-ra-ên. Trong Hội Thánh địa phương của mình, bạn có thể là một người giúp đỡ và dự phần trong cuộc chiến như thế nào?
8. Bạn có thể thêm lên lời ngợi khen tôn vinh Chúa trong mối tương giao giữa bạn với Chúa bằng cách nào?
9. Đức Chúa Trời đã sử dụng ai để giúp Môi-se làm một người lãnh đạo có kết quả hơn? Tại sao đây là một điều đáng ngạc nhiên?
10. Sự điều chỉnh về cơ cấu lãnh đạo của Môi-se dạy dỗ Hội Thánh điều gì về chức vụ?

Hãy Lắng Nghe Tiếng Đức Chúa Trời

Xuất Ê-díp-tô Ký 19:1-20:21

Khi Đức Chúa Trời phán với Môi-se ở bụi gai cháy, Ngài ban cho ông một lời hứa đầy khích lệ: “Khi người đem dân ra khỏi Ai Cập, các người sẽ phục vụ Đức Chúa Trời trên núi này” (9:12). Lời hứa đó giờ đây đã được ứng nghiệm. Dân Do Thái đang ở tại núi Si-nai, “núi của Đức Chúa Trời”, (câu 1, 4:27; 18:5; 24:13), và sẽ cắm trại ở đó trong bảy tháng tiếp theo ¹. Đức Chúa Trời đã cứu chuộc dân Ngài, và giờ đây Ngài sẽ tuyên bố họ thuộc về Ngài và sẽ bắt đầu một mối liên hệ giao ước với họ (19:1-24:17) y như Lời Ngài đã hứa (6:6-7).

Có ít nhất tám lần ² Môi-se đã xin phép Pha-ra-ôn để dắt dân vào đồng vắng để thờ phượng Đức Giê-hô-va, và Pha-ra-ôn đều từ chối cả tám lần. Nhưng giờ đây Y-sơ-ra-ên sẽ gặp Đức Chúa Trời của họ tại núi thánh và thờ phượng Ngài. Nhiều việc kỳ diệu đã xảy ra tại Si-nai ngày ấy, nhưng việc vĩ đại nhất là dân Chúa nghe tiếng của Đức Chúa Trời phán trực tiếp với họ. “Có việc nào lớn hơn việc này không? Có dân tộc nào khác nghe tiếng Đức Chúa Trời phán ra từ lửa như các người đã nghe mà còn sống chăng?” (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 4:33; 5:23-27).

Khi Đức Chúa Trời phán với dân Ngài, Ngài đã kêu gọi họ sống một đời sống rất đặc biệt trong ân sủng Ngài.

1. Một Đời Sống Trưởng Thành

Xuất Ê-díp-tô Ký 19:1-4

¹ Tháng thứ ba, sau khi ra khỏi xứ Ê-díp-tô, trong ngày đó dân Y-sơ-ra-ên đến nơi đồng vắng Si-na-i. ² Từ Rê-phi-đim ra đi, đến nơi đồng vắng Si-na-i, và đóng trại tại đó, đối diện cùng núi.

³ Môi-se bèn lên đến Đức Chúa Trời, Đức Giê-hô-va ở trên núi gọi người mà phán rằng: Người hãy nói như vậy cho nhà Gia-cốp, và tỏ điều nầy cho dân Y-sơ-ra-ên: ⁴ Các người đã thấy điều ta làm cho người Ê-díp-tô, ta chờ các người trên cánh chim ưng làm sao, và dẫn các người đến cùng ta thế nào.

Nếu tự do không dẫn đến sự trưởng thành, thì chúng ta sẽ đi đến chỗ bị giam cầm trong một ách nô lệ còn nặng nề hơn trước đó, một ách nô lệ từ bên trong tâm hồn. Bị một đốc công Ai Cập bắt làm nô lệ cũng đủ khổ, nhưng sẽ khổ hơn khi một người tự nô lệ hóa mình và trở nên đốc công của chính mình.

Môi-se đã đi lên núi để gặp Đức Chúa Trời, và ông đã đi xuống để chia sẻ với dân điều Đức Chúa Trời đã dạy bảo ông ³. Hình ảnh của sự trưởng thành mà Đức Chúa Trời sử dụng là hình ảnh của chim ưng, mang con nó trên đôi cánh và dạy cho chúng sự tự do tuyệt vời của việc bay lượn. Môi-se đã sử dụng hình ảnh tương tự trong bài ca ông dạy cho dân Y-sơ-ra-ên vào lúc cuối đời của ông. Hãy đọc kỹ (*Phục Truyền Luật Lệ Ký 32:10-12*). Loài chim ưng đã dạy chúng ta điều gì về một đời sống trưởng thành? ⁴.

Khi chim ưng con đủ khôn, chim ưng mẹ phá ổ chiếc tổ ấm cúng và đẩy những chim ưng con bay lên. Những chú chim con phải học bay để sống ở đời. Chim mẹ luôn ở gần các chim non, và nếu chim non rơi xuống thì chim mẹ hứng chúng trên đôi cánh mạnh mẽ của mình cho đến khi chim non bay rành rẽ trong không gian, và tận hưởng những khả năng mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng.

Chim ưng con minh họa ba khía cạnh của sự tự do: sự tự

do vì thoát khỏi một cảnh ràng buộc (chúng được ra khỏi tổ, đối với chúng ta là sự cứu chuộc); sự tự do vì được ở trong một môi trường to lớn hơn (chúng ở trên không, đối với chúng ta đó là sự trưởng thành), và sự tự do để đạt đến một mục đích (chúng có thể được thực hiện những mục đích trong đời sống, đối với chúng ta là chức vụ). Sự tự do thật có nghĩa là chúng ta được giải cứu khỏi việc làm những điều xấu xa, chúng ta có thể làm được những điều tốt đẹp, và chúng ta đang thực hiện ý muốn của Đức Chúa Trời trên đất.

Theo cái nhìn của Đức Chúa Trời thì Ai Cập là một lò lửa hoạn nạn đối với Y-sơ-ra-ên (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 4:20; *I Các Vua* 8:51; *Giê-rê-mi* 11:4), nhưng dân Do Thái thường xem Ai Cập như một “cái tổ” cung cấp lương thực, và chỗ nương thân (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 16:1-3; *Dân Số Ký* 11:1-9). Đức Chúa Trời đã giải cứu họ khỏi Ai Cập vì Ngài sẽ ban cho họ nhiều điều đáng giá hơn và giao họ nhiều công tác cao quý hơn. Muốn thế họ phải “thử nghiệm đôi cánh của mình” và phải trải qua những cơn đau đớn trước khi thực sự trưởng thành.

Khi chúng ta trưởng thành trong Chúa, cuộc sống là những cánh cửa mở tiếp nối nhau, đưa đến ngày càng nhiều cơ hội cho sự tự do có trách nhiệm. Nhưng nếu chúng ta không để Đức Chúa Trời hoàn thiện con người chúng ta thì cuộc sống sẽ trở thành một hàng rào sắt giam hãm chúng ta. Một bào thai được an toàn trong bụng mẹ, nhưng đến thời điểm nào đó đứa bé phải ra đời để bước vào một thế giới mới mẻ đầy đủ thử thách để tăng trưởng và chín chắn. Từ lúc sinh ra cho đến lúc chết, có “những bước ngoặt” của cuộc sống giúp con người nếm trải những tự do mới; sự tự do này kèm theo những đặc quyền và những trách nhiệm mới: tự bước đi thay vì được bế ẵm; cỡi xe đạp, rồi lái xe hơi, làm việc và kiếm tiền; học cách để sử dụng tiền cách khôn ngoan; kết bạn; lập gia đình;

nuôi dạy con cái; nghỉ hưu. Ở mỗi “bước ngoặt”, chúng ta phải mất đi điều gì đó và đạt được điều gì đó. Diễn trình của sự trưởng thành là như vậy.

Mỗi khi dân Do Thái phàn nàn về cách Đức Chúa Trời đã đối xử với họ và mong mỗi được trở lại Ai Cập là họ hành động như con trẻ, vì vậy Đức Chúa Trời phải kỷ luật họ. Câu nói mà tôi đã có lần trích dẫn của George Morrison cần được lặp lại lần nữa: “Chỉ cần một đêm để đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, nhưng phải mất 40 năm để đem Ai Cập ra khỏi Y-sơ-ra-ên”. Chúa phải mất bao lâu để khiến chúng ta có thể bay, hay phải chăng chúng ta là những chim non không muốn học bay?

2. Một Đời Sống Có Phẩm Cách

Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-8

⁵ Vậy, bây giờ, nếu các người vâng lời ta và giữ sự giao ước ta, thì trong muôn dân, các người sẽ thuộc riêng về ta, vì cả thế gian đều thuộc về ta. ⁶ Các người sẽ thành một nước thầy tế lễ, cùng một dân tộc thánh cho ta. Bấy nhiêu lời đó người sẽ nói lại cùng dân Y-sơ-ra-ên.

⁷ Môi-se đến đòi các trưởng lão trong toàn dân, thuật cùng họ mọi lời Đức Giê-hô-va đã dặn mình nói lại. ⁸ Dân đồng thanh đáp rằng: Chúng tôi xin làm mọi việc Đức Giê-hô-va đã phán dặn. Môi-se bèn thuật lại lời của dân cùng Đức Giê-hô-va.

Ở Ai Cập, dân Do Thái chỉ là những con người thụ động chỉ biết thực hiện theo mệnh lệnh của chủ mình, nhưng Chúa đã hoạch định những điều tốt đẹp hơn cho họ. Họ phải là một dân đặc biệt của Ngài và Ngài sẽ dùng họ để làm một nguồn phước cho cả thế giới (*Sáng Thế Ký 12:3*).

Dân thuộc riêng về Đức Chúa Trời (Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5). Tất cả các dân tộc trên đất đều thuộc về Chúa vì Ngài là Đấng tạo dựng và gìn giữ họ (*9:29; Thi Thiên 24:1; 50:12; Công Vụ Các Sứ Đồ 14:15; 17:24-28*), nhưng Ngài đã chọn Y-sơ-ra-ên làm dân tộc thuộc riêng về Ngài (*Phục*

166 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Truyện Luật Lệ Ký 7:6; 14:2; 26:18; *Thi Thiên* 135:4; *Ma-thi-ơ* 3:17). Sự chọn lựa này không phải vì Y-sơ-ra-ên thật sự chẳng xứng đáng gì (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 26:5-11), nhưng chỉ bởi tình yêu và ân sủng lớn lao của Đức Chúa Trời (7:6-8).

Việc dân Do Thái là tuyển dân của Đức Chúa Trời không có nghĩa là họ tốt lành hơn bất cứ dân tộc nào khác, mà chỉ vì họ rất khác biệt, được Chúa biệt riêng ra cho công tác đặc biệt của Ngài. *Rô-ma* 9:4-5 nhắc nhở chúng ta về một số của báu thuộc linh Đức Chúa Trời đã ban cho Y-sơ-ra-ên để họ có thể làm một nguồn phước cho cả thế giới, vì “sự cứu rỗi thuộc về dân Do Thái” (*Giăng* 4:22). Y-sơ-ra-ên có những của báu và những đặc quyền này nên họ cũng có nhiều trách nhiệm hơn để yêu mến và vâng lời Đức Chúa Trời, vì “ai đã được giao cho nhiều, sẽ bị đòi lại nhiều hơn” (*Lu-ca* 12:48) ⁵.

Nước của các thầy tế lễ (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 19:6). Sau này A-rôn và các con trai ông được phong chức để phục vụ với tư cách là những thầy tế lễ của dân tộc (28:1-29:46), nhưng ý định của Đức Chúa Trời là *cả dân tộc Y-sơ-ra-ên* đều phải sống như những thầy tế lễ, bày tỏ lẽ thật của Ngài và chia sẻ những ơn phước của Ngài cho thế gian. Y-sơ-ra-ên phải là nơi rao truyền về Đức Chúa Trời cho dân ngoại, cho họ thấy rằng chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống, và rằng phục vụ Ngài là con đường dẫn đến phước hạnh tràn đầy (*Ê-sai* 42:6; 49:6). Tiếc thay, lẽ ra Y-sơ-ra-ên phải gây ảnh hưởng trên các dân tộc khác để họ thờ phượng Đức Giê-hô-va thì các dân tộc đó lại ảnh hưởng xấu đến Y-sơ-ra-ên khiến thờ lạy các hình tượng của họ! Dân Do Thái đã tiếp nhận các tôn giáo cùng lối sống của dân ngoại và vì thế đã bán bỏ chính bản thân họ, xứ sở và đền thờ của họ đến nỗi Đức Chúa Trời phải trừng phạt họ thật nghiêm khắc và đưa họ vào cảnh lưu

dày tại Ba-by-lôn. Tuy nhiên, sẽ đến ngày mà Y-sơ-ra-ên được nhìn thấy Đấng Mết-si-a của họ, được tẩy sạch tội lỗi (*Xa-cha-ri* 12:10-13:1), và trở nên một dân tộc có những thầy tế lễ thánh để phục vụ Chúa (*Ê-sai* 61:6).

Một dân tộc thánh (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 19:6). “Các người phải là dân thánh của ta” (22:31) nghĩa là một dân được biệt riêng cho Đức Chúa Trời, một dân thật khác biệt. Ít nhất sáu lần trong *Lê-vi ký* có ghi câu “hãy nên thánh, vì ta là thánh” (*Lê-vi Ký* 11:44-45; 19:2; 20:7, 26; 21:8) và được lặp lại hai lần trong (*I Phi-e-rơ* 1:15-16). Trong mọi hoạt động của Y-sơ-ra-ên kể cả những việc thường tình như ăn gì, mặc gì, kết hôn với ai, chôn người chết như thế nào, và đặc biệt là thờ phượng ra sao, nhất nhất đều phải quy định sao cho đúng với cốt cách của một dân thuộc về Chúa.

Qua những tai vạ ở Ai Cập, Đức Chúa Trời khiến cho dân Do Thái khác hẳn dân Ai Cập (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 11:7), dân Do Thái không được sống giống như những dân tộc ngoại bang. Các thầy tế lễ Do Thái phải nêu gương và cũng dạy cho dân “phân biệt điều thánh và điều chẳng thánh, sự khiết và sự chẳng khiết” (*Lê-vi Ký* 10:10; 11:47). Các thầy tế lễ đã không thể làm được điều này (*Ê-xê-chi-ên* 22:26 xem 42:20; 44:23; 48:14-15) và tội lỗi của họ đã dẫn dân tộc vào tình trạng ô uế và hủy diệt (*Ca Thương* 4:13).

Khi Môi-se chia sẻ với dân tin mừng này, họ nhiệt tâm hứa vâng theo mọi điều Đức Chúa Trời bảo họ làm (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 19:7-8). Có thể họ thành tâm, nhưng Đức Chúa Trời biết rằng lòng họ có xu hướng làm ác (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 5:27-29). Họ có lập lại lời thề nguyện này hai lần nữa nhưng lòng họ vẫn không thay đổi (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 24:3, 7). Tư tưởng thờ hình tượng man nha trong lòng họ tự hồi nào. Chẳng bao lâu tư tưởng ấy bùng lên. Thế là họ đúc bò vàng để thờ lạy (32:1-35).

168 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Dân Chúa ngày nay (I Phi-e-rơ 2:5, 9). Phi-e-rơ đã mượn hình ảnh *Xuất Ê-díp-tô Ký 19:6* và gọi hội thánh ngày nay là “chức tế lễ thánh... là dân thuộc riêng về Ngài, hầu cho anh em có thể rao ra những sự ngợi khen về Đấng đã gọi anh em ra khỏi nơi tối tăm đến nơi sáng láng lạ lùng của Ngài” (*I Phi-e-rơ 2:5, 9*). Giống như dân Y-sơ-ra-ên ngày xưa, dân Chúa ngày nay phải hướng mọi người về Chúa và bày tỏ ra sự kỳ diệu của Ngài qua lời nói và việc làm của mình. Chúng ta phải là những nhân chứng sống về ân sủng và quyền năng của Đức Chúa Trời.

3. Một Đời Sống Thánh Khiết

Xuất Ê-díp-tô Ký 19:9-25

⁹ Ngài phán rằng: Này, ta sẽ ở trong đám mây mịt mịt đi đến người; đặng khi nào ta phán cùng người, thì dân nghe và tin cậy người luôn luôn. Đoạn, Môi-se đem lời của dân thưa lại cho Đức Giê-hô-va.

¹⁰ Đức Giê-hô-va bèn phán cùng Môi-se rằng: Hãy đi đến cùng dân, khiến dân giữ mình thánh sạch ngày nay và ngày mai, cùng phải giặt áo xống mình. ¹¹ Qua ngày thứ ba, dân khá sẵn sàng, vì ngày đó Đức Giê-hô-va sẽ giáng lâm trước mắt dân tại núi Si-na-i. ¹² Và, người hãy phân định giới hạn cho dân ở chung quanh núi, và dặn rằng: Khá giữ mình đừng leo lên núi, hoặc đụng đến chân; hễ kẻ nào đụng đến thì sẽ bị xử tử. ¹³ Chớ ai tra tay vào mình người đó, nhưng người đó phải bị liệng đá hoặc bắn tên; bất luận vật hay người, cũng chẳng để cho sống đâu. Khi kèn thổi lên, dân sẽ đến gần núi. ¹⁴ Môi-se xuống núi đến cùng dân, khiến họ giữ mình thánh sạch, và giặt áo xống mình. ¹⁵ Người dặn dân chúng rằng: Trong ba ngày hãy sẵn sàng, chớ đến gần đàn bà.

¹⁶ Qua sáng ngày thứ ba, có sấm vang chớp nhoáng, một áng mây mịt mịt ở trên núi, và tiếng kèn thổi rất vang động; cả dân ở trong trại quân đều run hãi. ¹⁷ Môi-se bèn biểu dân ra khỏi trại quân nghinh tiếp Đức Chúa Trời; dân chúng dừng lại tại chân núi. ¹⁸ Và, bấy giờ, khắp núi Si-na-i đều ra khói, vì Đức Giê-hô-va ở trong lửa giáng lâm nơi đó; khói ra khác nào khói của lò lửa lớn kia, và cả hòn núi đều rung động cách kịch liệt. ¹⁹ Tiếng kèn càng vang động; Môi-se nói, Đức Chúa Trời đáp tiếng lại. ²⁰ Đức Giê-hô-va giáng lâm trên chót núi Si-na-i, đòi Môi-se lên, Môi-se bèn lên.

²¹ Đức Giê-hô-va phán rằng: Hãy xuống cấm dân đừng xông pha đến

Hãy Lắng Nghe Tiếng Đức Chúa Trời / 169

gần Đức Giê-hô-va mà nhìn, e nhiều người trong bọn phải chết chẳng. ²² Dầu những thầy tế lễ đến gần Đức Giê-hô-va cũng phải giữ mình thánh sạch, kẻo Ngài hại họ chẳng. ²³ Môi-se thưa cùng Đức Giê-hô-va rằng: Dân chẳng được lên núi Si-na-i đâu, vì Ngài có cấm chúng tôi mà phán rằng: Hãy phân định giới hạn chung quanh núi, và phân biệt nơi đó là đất thánh. ²⁴ Đức Giê-hô-va phán rằng: Hãy đi xuống, rồi đem A-rôn lên cùng người, song những thầy tế lễ và dân chớ xông pha dâng lên đến gần Đức Giê-hô-va, e Ngài hại họ chẳng. ²⁵ Vậy, Môi-se đi xuống, nói lại cho dân nghe.

Môi-se trở lại với Chúa trên núi và thuật lại lời hứa của dân sẽ vâng theo những điều răn của Ngài. Việc Đức Chúa Trời trực tiếp phán với Môi-sê lẽ ra phải khiến dân đem lòng tin tưởng người lãnh đạo của họ, nhưng dân Y-sơ-ra-ên vẫn chẳng nghe theo Môi-se. Được một người lãnh đạo đức độ như Môi-se, dân Y-sơ-ra-ên chẳng kính nể thì chớ, đằng này họ lại còn gây quá nhiều khó khăn cho ông!

Chương này chú trọng đến sự thánh khiết của dân tộc Y-sơ-ra-ên với tư cách là dân thánh của Đức Chúa Trời. Có ba việc cần nói: Thay đổi quần áo, khoảng cách được thiết lập giữa dân chúng với Đức Chúa Trời, và sấm chớp trên núi Si-nai.

Việc thay quần áo và tắm rửa (19:10-11, 14-15). Ngày nay chúng ta đã quen xà bông và nước máy, cùng nhiều quần áo thay đổi, nhưng dân trong thời Kinh Thánh không có được những thứ xa xỉ đó. Họ không thể tắm mỗi ngày, và chỉ người giàu mới có nhiều quần áo để thay đổi. Đó là lý do mà việc tắm rửa và thay quần áo biểu hiệu cho một cái gì mới mẻ, chẳng hạn như khi Đức Chúa Trời phục hồi lại cho A-đam và Ê-va (*Sáng Thế Ký* 3:21) hay khi Gia-cốp và gia đình ông trở về Bê-tên (35:2). Khi Giô-sép được ra khỏi ngục (41:14), những người phụng dưỡng chữa lành và hòa đồng vào xã hội (*Lê-vi Ký* 14:8-9), Đa-vít trở lại với Đức Chúa Trời (*II Sa-mu-ên* 12:20), và vua Giê-hô-gia-kin được những người bắt giữ bày tỏ lòng thương xót

170 / Xuất Ê-díp-tô Ký

(*Giê-rê-mi 52:31-34*). Việc tắm rửa và thay quần áo là một vấn đề trong Cựu Ước tương đương với *I Giăng 1:9* và *II Cô-rinh-tô 7:1* trong Tân Ước ⁶.

Khoảng cách giữa Đức Chúa Trời và dân chúng (Xuất Ê-díp-tô Ký 19:12-13,20-25). Núi Si-nai hóa thành thánh địa vì có sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Dân chúng phải tránh xa núi Si-nai, ai vi phạm tất phải chết. Vì vậy Môi-se đã dựng lên những vật cản để giữ cho dân chúng không được lại gần. Ông cũng đặt lính canh có quyền giết bất cứ người nào vượt qua rào cản. Không ai được đụng đến xác chết. Khi tiếng kèn vang lên, Môi-se tiến lên núi để gặp Đức Chúa Trời, nhưng ngay lúc ấy, Đức Chúa Trời lại sai ông trở về để cảnh cáo dân đừng đến quá gần núi Si-nai.

Đức Chúa Trời đã nghiêm khắc dạy cho dân biết khoảng cách giữa một Đức Chúa Trời thánh khiết và con người tội lỗi, cũng như hiểm họa của việc xông lên núi một cách đường đột khi đang có sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Sau này Na-đáp và A-bi-hu quên nguyên tắc này nên bị Đức Chúa Trời giết (*Lê-vi Ký 10:1-20*). Sự thờ phượng trong thời Cựu Ước chú trọng đến sự phạm tội của con người và tính cách chí thánh của Đức Chúa Trời: hàng rào bao quanh đền tạm; bức màn trước nơi chí thánh; chỉ những thầy tế lễ mới có thể phục vụ trong đền tạm, chỉ thầy tế lễ cả mới có thể vào nơi chí thánh, mỗi năm một lần. Luật lệ cần nhớ kỹ là “đừng phạm đến nơi Chí Thánh.

Nhưng Tân Ước thì bảo phải đến gần Đức Chúa Trời, vì Con Đức Chúa Trời đã trở nên xác thịt và đến ở trên đất (*Giăng 1:14*), danh Ngài là “Em-ma-nu-ên – Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta” (*Ma-thi-ơ 1:23*). Bởi sự chết và sống lại của Ngài, Chúa Giê-xu đã mở một con đường mới để ta có thể đến với Đức Chúa Trời (*Hê-bơ-rơ 10:1-25*), và khẩu hiệu của Tân Ước là: “Hãy đến gần !” Đến gần không có nghĩa là quên đi tính cách chí thánh, chí tôn của Đức Chúa

Trời mà là nhận biết tình yêu cao cả bao la của Ngài đối với chúng ta. Xin hãy xem (*Hê-bơ-rơ* 12:18-29).

Sấm chớp (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 19:16-19; 20:18-20). Trong Kinh Thánh, sấm chớp thường là biểu tượng về sự hiện diện đáng kính sợ và đầy quyền năng của Đức Chúa Trời (*Thi Thiên* 18:1-15; 29:1-11; *Ha-ba-cúc* 3:1-16). Mây và sự tối tăm, sấm và ánh chớp, cơn động đất và lửa, tất cả đều bày tỏ sự vĩ đại của Đức Chúa Trời (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 5:22-23, 27) và tạo nên một sự kính sợ thánh khiết trong lòng dân. Cả Mô-ise cũng run rẩy sợ hãi! (*Hê-bơ-rơ* 12:21; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 9:19). Với sấm sét Đức Chúa Trời muốn dạy cho dân Luật Pháp của Ngài, và “sự kính sợ Đức Giê-hô-va là khởi đầu sự tri thức” (*Châm Ngôn* 1:7). Dân Do Thái từng mục kích những tai vạ ở Ai Cập, lần này lại chứng kiến quyền năng kinh khiếp của Đức Chúa Trời, chắc họ cũng phải dọn lòng để vâng lời Ngài (*Thi Thiên* 105:26-45).

Phải tắm rửa và thay quần áo, được chứng kiến cơn sấm sét, phải tránh xa núi Si-nai, chắc dân Y-sơ-ra-ên phải ý thức về tội lỗi của mình và sự thánh khiết uy nghi của Đức Chúa Trời. Họ được kêu gọi làm một dân thánh, không sống giống như những dân tộc quanh họ. Chỉ khi họ vâng lời Đức Chúa Trời, họ mới thật sự hưởng được những đặc ân của việc làm một nước của các thầy tế lễ, là dân thuộc riêng về Đức Chúa Trời và là một dân thánh của Ngài.

4. Một Đời Sống Có Trách Nhiệm

Xuất Ê-díp-tô Ký 20:1-17⁷

¹ Bấy giờ, Đức Chúa Trời phán mọi lời này, rằng: ² Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, đã rút ngươi ra khỏi xứ Ê-díp-tô, là nhà nô lệ.

³ Trước mặt ta, ngươi chớ có các thần khác.

⁴ Ngươi chớ làm tượng chạm cho mình, cũng chớ làm tượng nào giống những vật trên trời cao kia, hoặc nơi đất thấp này, hoặc trong nước dưới đất. ⁵ Ngươi chớ quỳ lạy trước các hình tượng đó, và cũng

172 / Xuất Ê-díp-tô Ký

đừng hầu việc chúng nó; vì ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, tức là Đức Chúa Trời kỳ tà, hễ ai ghét ta, ta sẽ nhân tội tổ phụ phạt lại con cháu đến ba bốn đời, ⁶ và sẽ làm ơn đến ngàn đời cho những kẻ yêu mến ta và giữ các điều răn ta.

⁷ Người chớ lấy danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời người mà làm chơi, vì Đức Giê-hô-va chẳng cầm bằng vô tội kẻ nào lấy danh Ngài mà làm chơi.

⁸ Hãy nhớ ngày nghỉ đặng làm nên ngày thánh. ⁹ Người hãy làm hết công việc mình trong sáu ngày; ¹⁰ nhưng ngày thứ bảy là ngày nghỉ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người: trong ngày đó, người, con trai, con gái, tôi trai tớ gái, súc vật của người, hoặc khách ngoại bang ở trong nhà người, đều chớ làm công việc chi hết; ¹¹ vì trong sáu ngày Đức Giê-hô-va đã dựng nên trời, đất, biển, và muôn vật ở trong đó, qua ngày thứ bảy thì Ngài nghỉ: vậy nên Đức Giê-hô-va đã ban phước cho ngày nghỉ và làm nên ngày thánh.

¹² Hãy hiếu kính cha mẹ người, hầu cho người được sống lâu trên đất mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho.

¹³ Người chớ giết người.

¹⁴ Người chớ phạm tội tà dâm.

¹⁵ Người chớ trộm cướp.

¹⁶ Người chớ nói chứng dối cho kẻ lân cận mình.

¹⁷ Người chớ tham nhà kẻ lân cận người, cũng đừng tham vợ người, hoặc tôi trai tớ gái, bò, lừa, hay là vật chi thuộc về kẻ lân cận người.

Người được hưởng tự do phải có trách nhiệm sử dụng sự tự do đó một cách khôn ngoan vì vinh hiển của Đức Chúa Trời và vì ích lợi của những người khác. Mười Điều Răn không chỉ là những luật lệ điều phối đời sống của dân tộc Y-sơ-ra-ên. Chúng còn là một phần trong giao ước mà Đức Chúa Trời đã lập với Y-sơ-ra-ên khi chính Ngài nhận họ làm một dân thuộc riêng về Ngài (6:1-8; 19:5-8). Trong Giao Ước lập cùng Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời đã ban cho dân Do Thái quyền sở hữu vùng Đất Hứa (*Sáng Thế Ký* 12:3; 13:14-18), nhưng việc Y-sơ-ra-ên được sở hữu và được hưởng vùng đất đó tùy thuộc vào sự vâng lời của họ đối với giao ước lập cùng Môi-se. Bi kịch ở đây là dân tộc đã bất tuân luật pháp, làm ô uế xứ, và làm buồn lòng Chúa, vì vậy họ phải bị sửa phạt.

Luật Pháp không phải là một phương cách cứu rỗi dành cho dân Do Thái hay dân ngoại, vì “không xác thịt nào bởi việc làm của luật pháp mà được xưng công bình” (*Ga-la-ti* 2:16). Sự cứu rỗi không phải là một phần thưởng cho việc làm thiện nhưng là sự ban cho của Đức Chúa Trời bởi đức tin nơi Đức Chúa Giê-xu Christ (*Rô-ma* 4:5; *Ê-phê-sô* 2:8-9). Luật Pháp bày tỏ sự công bình của Đức Chúa Trời và đòi hỏi sự công bình, nhưng Luật Pháp không thể ban sự công bình (*Ga-la-ti* 2:21), chỉ Chúa Giê-xu Christ mới có thể làm điều đó (*II Cô-rinh-tô* 5:21). Luật Pháp là một chiếc gương cho thấy bạn bị dơ bẩn ở đâu, nhưng bạn không thể rửa mặt mình trong gương (*Gia-cơ* 1:22-25). Chỉ huyết Chúa Giê-xu mới có thể tẩy sạch chúng ta khỏi tội lỗi (*I Giăng* 1:7, 9; *Hê-bơ-rơ* 10:22).

Đức Chúa Trời ban Thánh Linh Ngài cho chúng ta không phải vì cố chúng ta vâng phục Luật Pháp (*Ga-la-ti* 3:2), nhưng vì chúng ta tin Đấng Christ (4:1-7), và Ngài cũng không ban cơ nghiệp cho chúng ta qua Luật Pháp (3:18). Điều duy nhất một tội nhân hư mất cần đến là sự sống (*Ê-phê-sô* 2:1-3), nhưng Luật Pháp không thể ban sự sống (*Ga-la-ti* 3:21). Vậy mục đích của Luật Pháp là gì? Đó là cách Đức Chúa Trời chỉ cho chúng ta thấy tội lỗi của chúng ta và cởi bỏ sự công bình riêng của chúng ta để chúng ta kêu cầu sự thương xót và ân sủng của Đức Chúa Trời⁸. Đức Chúa Trời ban Thánh Linh Ngài cho tất cả những ai tin nơi Con Ngài, và Đức Thánh Linh giúp chúng ta có thể vâng phục ý muốn Đức Chúa Trời và bởi đó làm trọn vẹn sự công bình của Luật Pháp (*Rô-ma* 8:1-3)⁹.

Một trong những nhiệm vụ chính của Luật Pháp là chuẩn bị cho sự Giáng Sinh của Đấng Christ (*Ga-la-ti* 4:1-7). Dân tộc Y-sơ-ra-ên giống như một đứa trẻ non nớt cần một người chăm sóc, chỉ dạy và bảo hộ nó. Đây là cách mà người nô lệ trong thời của Phao-lô phải chăm sóc cho

con cái của người chủ. Nhưng khi đứa trẻ trưởng thành, người bảo hộ này không còn cần thiết nữa. Hệ thống lễ nghi Do Thái được trình bày trong sách *Xuất Ê-díp-tô Ký* và *Lê-vi Ký* đã được Đấng Christ thực hiện, nhưng nội dung đạo đức của Luật Pháp Đức Chúa Trời vẫn còn tồn tại, và 9 trong số 10 Điều Răn đã được nhắc đến trong các thư tín thời Tân Ước để Hội Thánh tôn trọng và làm theo. Điều răn về ngày Sa-bát không được lặp lại, và sau này chúng ta sẽ bàn thêm về vấn đề đó.

Mặc dù Mười Điều Răn đề cập đến những trách nhiệm của chúng ta đối với Đức Chúa Trời nhưng bốn điều răn đầu tiên đặc biệt hướng về Đức Chúa Trời và sáu điều răn cuối nói đến con người. Cách chúng ta liên hệ với những người khác tùy thuộc vào cách chúng ta tương giao với Đức Chúa Trời, vì nếu chúng ta yêu mến Đức Chúa Trời và vâng giữ Lời Ngài thì chúng ta cũng yêu mến những người lân cận của chúng ta và phục vụ họ (*Ma-thi-ơ* 22:34-40; *Rô-ma* 13:1-14).

Nhận biết một Đức Chúa Trời chân thật (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:1-3). Nhóm từ “Giê-hô-va Đức Chúa Trời người” được lặp lại năm lần trong phân đoạn này (c.2, 5, 7, 10, 12) để nhắc nhở dân về thẩm quyền phía sau những điều răn này. Không phải Môi-se thuật lại “mười lời dạy” của một giáo sư nào đó, mà là Mười Điều Răn do Đức Chúa Trời toàn năng phán ra. Dân Do Thái sống trong một thế giới mù lòa giữa những dân tộc mê tín thờ lạy nhiều thần khác nhau, là điều mà Y-sơ-ra-ên vẫn thường thấy hàng bao thế kỷ tại Ai Cập¹⁰. Y-sơ-ra-ên phải làm chứng về Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống (*Thi Thiên* 115) và mời gọi những người lân cận của họ đặt niềm tin nơi Ngài.

Nhóm từ “trước mặt Ta” có thể có nghĩa là “trong sự đối lập với ta”. Đối với dân Do Thái, việc thờ lạy thần khác có nghĩa là tuyên chiến cùng Đức Giê-hô-va và phải gánh lấy

cơ thành nộ của Ngài. Mỗi buổi sáng, một người Do Thái trung tín hô lên rằng: “Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy nghe: Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta là Giê-hô-va có một không hai” (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 6:4).

Thờ phượng chỉ một mình Chúa (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:4-6) ¹¹. Hình tượng là một sự thay thế cho Đức Chúa Trời và đó không phải là một thần, vì chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống. Thuyết đa nguyên trong tôn giáo thời nay (“bạn thờ thần của bạn và tôi thờ thần của tôi”) vừa không đúng với Kinh Thánh và vừa mang tính phi lý, vì làm sao có hơn một thần? Nếu Đức Chúa Trời là Thượng Đế thì Ngài là Đấng vô hạn, đời đời, tối cao và không thể chia sẻ ngôi vị với một thần nào khác cũng vô hạn, đời đời và tối cao.

“Ta là Đức Giê-hô-va, ấy là danh Ta. Ta chẳng nhường sự vinh hiển Ta cho một đấng nào khác, cũng không nhường sự tôn trọng Ta cho những tượng chạm!” (*Ê-sai* 42:8). Sự thờ hình tượng của các dân tộc ngoại bang không những phi lý và không đúng với Kinh Thánh, mà còn hết sức đồi bại (kỹ nữ trong đền thờ và những nghi lễ hành dâm), vô nhân đạo (giết trẻ con) lễ nghi ma quái (*I Cô-rinh-tô* 10:10-22). Chẳng có gì ngạc nhiên khi Chúa ra lệnh Y-sơ-ra-ên phải phá hủy những đền thờ, bàn thờ và hình tượng của dân ngoại bang khi họ vào chiếm xứ Ca-na-an (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 7:1-11).

“Hỡi các con cái bé mọn, hãy giữ mình khỏi những hình tượng” (*I Giăng* 5:21) là lời khuyên sau cùng của sứ đồ Giăng đối với Cơ Đốc nhân trong thời của ông; lời khuyên này vẫn cần được lưu ý trong thời đại ngày nay. Nếu một hình tượng có thể thay thế Đức Chúa Trời, nếu hình tượng chiếm hết năng lực và thì giờ của chúng ta, nếu hình tượng chiếm hết lòng yêu mến của chúng ta, bắt ta phải lo dăng của lễ và phục vụ, thì lời cảnh cáo của sứ đồ Giăng vẫn

176 / Xuất Ê-díp-tô Ký

cần thiết lắm vậy. Rất nhiều hình tượng đã cám dỗ dân Chúa ngày nay: tiền bạc, danh vọng, sự thành công, tài sản vật chất, tri thức, và cả chiếm hữu người khác.

“Đức Chúa Trời ghen tương” không có nghĩa là Ngài ghen các thần khác, vì Ngài biết rằng tất cả các “thần” khác đều là vô nghĩa và chỉ có trong tưởng tượng thôi. Từ “ghen” bày tỏ tình yêu của Ngài đối với dân Ngài vì Ngài muốn điều tốt đẹp nhất cho họ. Giống như cha mẹ ghen về con cái của họ và vợ chồng ghen nhau, Đức Chúa Trời cũng ghen về những con cái yêu dấu của Ngài và sẽ không tha thứ cho sự bất trung (*Xa-cha-ri* 1:14; 8:2). Trong Kinh Thánh, sự thờ hình tượng đồng nghĩa với sự tà dâm (*Ô-sê* 1:1-3:5; *Giê-rê-mi* 2:1-3:25; *Ê-xê-chi-ên* 16:1-63; 23:1-49; *Gia-cơ* 4:4-5). Đức Chúa Trời muốn có tình yêu duy nhất của dân dành cho Ngài (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 34:14; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 4:24; 5:9; 6:15). Và Ngài đáng được tình yêu ấy.

Đức Chúa Trời cũng rất nghiêm nhặt chỉ chấp nhận sự thờ phượng và sự yêu mến một mình Ngài thôi. Ngài sẽ trừng phạt những ai không chịu vâng theo lời Ngài. Đức Chúa Trời không trừng phạt con cháu vì cố tội lỗi của ai đó (24:16; *Ê-xê-chi-ên* 18:4), nhưng những hậu quả đáng buồn do tội lỗi của tổ tiên truyền từ đời này sang đời khác và con cháu vô tội phải gánh chịu hậu quả vì những gì cha mẹ hay ông bà họ đã gây nên. Thời xưa nhiều khi cả bốn thế hệ chung sống trong một gia đình đông đúc và vì thế mọi người rất dễ ảnh hưởng đến nhau.

Đồng thời, sự tin kính của tổ tiên có thể đem lại phước hạnh cho những thế hệ sau. Đức tin của Áp-ra-ham đã đem phước hạnh đến cho con cháu ông, chức vụ của Đa-vít vẫn giúp ích cho dân khi ông qua đời đã lâu. Ông cố tôi đã cầu nguyện sao cho mỗi thế hệ trong gia đình sẽ có một người rao giảng Phúc Âm, và Đức Chúa Trời đã đáp lời cầu nguyện đó!

Tôn trọng danh Đức Chúa Trời (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:7).
Khi đặt tên cho con cái, cha mẹ có những ước vọng về tư cách, thanh danh, tương lai của đứa con ấy (*Giăng 17:6, 26*). Khi nói rằng ai đó có một “danh xấu” thì không có nghĩa là tên của người ấy đọc lên không thấy êm tai mà có nghĩa là người ấy không có tư cách, không đáng tin. Nếu Đức Chúa Trời là Đấng vĩ đại nhất trong vũ trụ, thì danh Ngài là danh vĩ đại nhất và phải được tôn trọng. Lời cầu xin đầu tiên trong bài cầu nguyện của Chúa là “Danh Ngài được tôn thánh” (*Ma-thi-ơ 6:9*). Con người đã báng bỏ danh Đức Chúa Trời qua việc phát ngôn thô tục. Nhưng việc sử dụng danh Đức Chúa Trời để hứa nguyện hay thề nguyện, mà sau đó không thực hiện lời cam kết là đã xem thường danh Ngài và báng bỏ Đức Chúa Trời (*Lê-vi Ký 19:12*).

Tôn trọng ngày Sa-bát (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:8-11). “Sa-bát” nghĩa là “nghỉ ngơi”. Việc giữ lễ Sa-bát đã là một phần trong đời sống của Y-sơ-ra-ên (*16:23, 25*), nhưng giờ đây nó trở thành luật của Y-sơ-ra-ên và là mối liên hệ giao ước của họ với Đức Chúa Trời. Mặc dù ngày Sa-bát có nguồn gốc từ buổi sáng thế (*Sáng Thế Ký 2:1-3*), nó cũng là một dấu hiệu đặc biệt giữa Y-sơ-ra-ên và Chúa (*Xuất Ê-díp-tô Ký 31:12-17; Nê-hê-mi 9:13-15; Ê-xê-chi-ên 20:12, 20*). Không có chỗ nào trong Kinh Thánh cho rằng Đức Chúa Trời đã ra lệnh bất cứ dân tộc nào cũng phải giữ lễ vào ngày thứ bảy (*Thi Thiên 147:19-20*). Sau này, Môi-se đã kết hợp ngày Sa-bát với sự giải cứu Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập (*Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:12-15*), đây là một sự mừng rỡ trước về sự nghỉ ngơi họ sẽ được hưởng trong cơ nghiệp đã hứa ban cho họ (*3:20; 12:10; 25:19*).

Giữ ngày Sa-bát, không những là dấu hiệu về sự tận tụy của dân Y-sơ-ra-ên đối với Chúa, nhưng mà là một lời chứng cho những người lân cận ngoại đạo vốn xem ngày

178 / Xuất Ê-díp-tô Ký

nào cũng như ngày nào. Nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy, dân Do Thái bồi bổ lại sức lực cho chính họ cũng như cho tôi tớ và gia súc. Họ cũng nhận biết được sự tử tế của Đức Giê-hô-va trên thời gian và trên tạo vật (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 23:12). Từ những ngày đầu tiên, dân Chúa đã nhóm lại vào ngày đầu tuần để tôn vinh sự phục sinh của Chúa Giê-xu Christ (*Giăng* 20:19, 26; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 20:7; *I Cô-rinh-tô* 16:2), nhưng nguyên tắc cứ bảy ngày nghỉ một ngày vẫn không thay đổi (*Cô-lô-se* 2:16-17; *Ga-la-ti* 4:1-11; *Rô-ma* 14:1-15:7).

Đáng tiếc rằng dân Y-sơ-ra-ên đã không tôn trọng ngày Sa-bát như Đức Chúa Trời đã chỉ dạy nên phải bị kỷ luật (*II Sứ Ký* 36:14-21; *Ê-xê-chi-ên* 20:1-44; *Ê-sai* 58:13-14; *Giê-rê-mi* 17:19-27). Cũng thật đáng tiếc rằng các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đã thêm 39 hành động cấm làm vào điều răn này đến nỗi việc giữ ngày Sa-bát trở thành một gánh nặng thay vì một phước hạnh (*Mác* 2:23-3:5).

Tôn kính cha mẹ (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 20:12). Trong một thế giới đang tôn thờ và làm theo những người trẻ tuổi, giữa lúc phương pháp trợ tử được cổ xúy để loại bỏ những người già vô ích thì điều răn này nghe như lạc lõng không hợp thời. Nhưng dân Do Thái được dạy dỗ phải tôn kính người già cả và chăm sóc những người cao niên (21:15, 17; *Lê-vi Ký* 19:3, 32; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 27:16; *Châm Ngôn* 1:8; 16:31; 20:20; 23:22; 30:17). Đây là một gương tốt cho chúng ta noi theo ngày nay (*Ê-phê-sô* 6:1-3; *I Ti-mô-thê* 5:1-12)¹². Ai đó đã nói rằng những người già là nhóm người duy nhất bị ruồng bỏ mà mọi người đều muốn gia nhập vì thà bị bỏ bê còn hơn bị giết. Cách chúng ta đối xử với họ hôm nay sẽ quyết định cách chúng ta được đối xử trong tương lai vì gieo giống chi thì sẽ gặt giống ấy.

Quý trọng nhân mạng (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 20:13). Sự sống

là một món quà từ Đức Chúa Trời, và chỉ có Ngài mới có quyền cất đi sự sống. Vì chúng ta được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời nên sát nhân tức là chống lại Đức Chúa Trời (*Sáng Thế Ký* 1:26-27; 9:6). Bảo vệ sự sống là trách nhiệm của mọi người trong xã hội, không chỉ là trách nhiệm của chính quyền (*Rô-ma* 13:1-14). Vấn đề ở đây là tội sát nhân có dự mưu, là điều mà Chúa Giê-xu đã nói rằng nó có thể phát xuất trong cơn nóng giận (*Ma-thi-ơ* 5:21-26). Dân Do Thái được phép tự bảo vệ mình (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 22:2) và Luật Pháp giảm khinh trong trường hợp không dự mưu, còn tội cố sát luôn luôn là tội tử hình (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 21:12-14).

Trân trọng hôn nhân (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 20:14). Tà dâm là một tội nghiêm trọng phải ghép vào tội tử hình (*Lê-vi Ký* 20:10; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 22:22). Gia đình là đơn vị cơ bản của quốc gia, và sự chung thủy đối với giao ước hôn nhân là nền tảng cho gia đình. Tà dâm là trộm cướp (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 4:1-8), nhưng cuối cùng, những ai phạm tội tà dâm là cướp đi chính mình (*Châm Ngôn* 6:20-35). Mặc dù Chúa có thể tha thứ cho tội tà dâm (*I Cô-rinh-tô* 6:9-11; *Giăng* 8:1-11) như Đa-vít, nhưng người nam và người nữ phạm tội tà dâm phải sống với những hậu quả đau buồn của tội đã được tha (*II Sa-mu-ên* 12:13-14; *Thi Thiên* 51:1-16). Tội tà dâm khởi đầu bằng sự ham muốn trong lòng (*Ma-thi-ơ* 5:27-30).

Tôn trọng tài sản riêng (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 20:15). Đức Chúa Trời ban cho Y-sơ-ra-ên một bộ luật tử tử để chi phối cách họ sử dụng đất vì đất thuộc về Ngài và họ chỉ là những người quản gia (*Lê-vi Ký* 25:2, 23, 38). Đây là cơ sở cho ngành sinh thái học, *Ê-phê-sô* 4:28 cho biết rằng chỉ có ba cách để có được của cải: làm việc, được ban cho, hoặc trộm cắp. Dĩ nhiên việc trộm cắp là sai trật.

Nói sự thật (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 20:16). Nói sự thật và tôn trọng lời hứa là chất kết dính làm vững các mối quan hệ

180 / Xuất Ê-díp-tô Ký

trong xã hội. Nói dối trong một phiên tòa là phá hoại luật pháp. Vì vậy, Môi-se đòi hỏi những người làm chứng phải là những người có nhiệm vụ hành quyết các tử tội (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 17:6-13). Nói dối là một việc, nhưng giết người để bảo vệ sự giả dối của bạn hoàn toàn là một việc khác. Điều răn này cũng nghiêm cấm việc vu cáo người khác (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 23:1; *Châm Ngôn* 10:18; 12:17; 19:9; 24:28; *Tít* 3:1-2; *Gia-cơ* 4:11; *I Phi-e-rơ* 2:1)

Kiểm chế những tham muốn (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 20:17). Điều răn thứ nhất và thứ mười hướng về tư tưởng và tấm lòng con người, tám điều răn còn lại tập trung vào những hành động bên ngoài phát xuất từ trong lòng. Những người tham lam vi phạm tất cả các điều răn của Đức Chúa Trời để thỏa mãn những tham muốn của họ, vì căn nguyên của tội lỗi chính là một tấm lòng tội lỗi (*Ma-thi-ơ* 15:19). Thèm muốn tức là ấp ủ các tham muốn trong lòng về bất cứ điều gì Đức Chúa Trời cho là tội lỗi. Chính điều răn này đã làm cho Sau-lơ ở thành Tạt-sơ thoát xác và khiến một người Pha-ri-si thành đạt như ông thừa nhận rằng ông là một tội nhân (*Rô-ma* 7:1-14; xem *Lu-ca* 12:15; *Ê-phê-sô* 5:3; *Cô-lô-se* 3:5).

Mười Điều Răn kết thúc là lời dạy phải làm một người láng giềng tốt. Điều răn quan trọng thứ nhì đó là yêu kẻ lân cận của mình như chính mình (*Ma-thi-ơ* 22:34-40; *Lê-vi Ký* 19:18). Yêu những người lân cận của mình, chúng ta sẽ không tham tài sản của họ, không ăn cắp của họ, không nói dối về họ, hoặc làm bất cứ điều gì Đức Chúa Trời răn cấm. Đây là lý do vì sao yêu thương là làm trọn luật pháp (*Rô-ma* 13:8-10). Chỉ Đức Chúa Trời mới có thể thay đổi tấm lòng tội lỗi của chúng ta (*Hê-bơ-rơ* 10:14-18) và ban cho chúng ta tình yêu để có thể vâng lời Ngài và quan tâm đến những người khác (*Ga-la-ti* 5:22-26; *Rô-ma* 5:1-5) ¹³.

Chú thích

¹ Những ghi chép trong Kinh Thánh từ *Xuất Ê-díp-tô Ký* 19:1 đến *Dân Số Ký* 10:10 cho biết những sự kiện đã diễn ra trong trại quân suốt 11 tháng dân Do Thái ở tại núi Sinai. Môi-se đã tiếp nhận Luật Pháp và truyền lại cho dân sự; những người thợ đã xây cất đền tạm cùng những vật dụng của nó; chức tế lễ được thiết lập và được hướng dẫn để thi hành; dân chúng được điểm số và các chi phái được tổ chức để đi đến Ca-đe Ba-nê-a.

² Xem *Xuất Ê-díp-tô Ký* 5:1; 7:16; 8:1, 20; 9:1, 13; 10:3, 26.

³ Dường như đã có 8 lần Môi-se lên núi gặp Đức Chúa Trời và sau đó xuống núi để nói cho dân. Có những lần lên và xuống núi được ngầm hiểu qua lời của Môi-se nói với Đức Chúa Trời hoặc nói cùng dân chúng.

Lên núi	Xuống núi
19:3	19:7 hiểu ngầm
19:8	19:14
19:20	19:25
20:21	24:1-3 hiểu ngầm
24:9, 13, 15, 18	32:15
32:31	33:4 suy diễn
33:12 suy diễn	34:1-3 suy diễn
34:4	34:29

⁴ Chim ưng tiêu biểu cho Y-sơ-ra-ên không chỉ do việc họ được giải cứu khỏi Ai Cập (19:4) và do sự trưởng thành của họ (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 32:11-12), mà còn chỉ việc họ được giải thoát khỏi tình trạng bị giam cầm tại xứ Ba-by-lôn (*Ê-sai* 40:31) và sự an toàn của họ suốt thời kỳ

182 / Xuất Ê-díp-tô Ký

hoạn nạn của Gia-cốp được mô tả trong *Khải Thị* 6-19.

⁵ Một số học giả tin rằng ví dụ về cửa báu (*Ma-thi-ơ* 13:44) đặc biệt ám chỉ Y-sơ-ra-ên là cửa báu của Đức Chúa Trời. Trên thập tự giá, Chúa Giê-xu đã mua ruộng (“thế gian” 19:38) và “giấu” Y-sơ-ra-ên tại đó cho đến khi lời hứa sẽ được ứng nghiệm và dân tộc Y-sơ-ra-ên bước vào Vương Quốc của Đấng Mết-si-a.

⁶ Lời cảnh cáo những người nam chớ giao hợp với vợ họ (c.15) dù sao cũng không ngụ ý rằng hành động này là ô uế. Sau này khi Môi-se trình bày chi tiết về luật pháp, ông sẽ đề cập đến vấn đề này (*Lê-vi Ký* 15:16-18).

⁷ Phân đoạn (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 20:22-22:33) được gọi là “Quyển Sách Giao Ước” và đã được Môi-se cùng dân chúng tiếp nhận qua các tế lễ được dâng lên (24:1-8; *Hê-bơ-rơ* 9:18-22). “Quyển Sách Giao Ước” khai triển và ứng dụng vài Điều Răn vào đời sống của người dân Do Thái.

⁸ Chúa chỉ Luật Pháp cho người trai trẻ giàu có không phải để cho anh ta biết cách để được cứu, nhưng để thuyết phục anh ta tin rằng anh cần được cứu (*Mác* 10:17-31). Con người duy nhất giữ được Luật Pháp cách trọn vẹn chính là Chúa Giê-xu Christ, và Ngài đã làm điều đó cho chúng ta.

⁹ Luật Pháp là một cái ách đè nặng trên chúng ta (*Ga-la-ti* 5:1; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 15:10), nhưng ách của Đấng Christ cho chúng ta sự yên nghỉ (*Ma-thi-ơ* 11:28-30). Luật Pháp là một món nợ chúng ta không thể trả nổi, vì vậy Đấng Christ đã trả thay cho chúng ta (*Lu-ca* 7:36-50; *Cô-lô-se* 2:14). Sống dưới Luật Pháp là sống dưới bóng râm (*Cô-lô-se* 2:16-17; *Hê-bơ-rơ* 8:4-5; 10:1), nhưng tin cậy vào Đấng Christ là sống trong sự sáng thực hữu (*Giăng* 8:12; *I Giăng* 1:5-10).

¹⁰ Để biết nguồn gốc của thuyết đa thần và sự thờ hình tượng, hãy đọc *Rô-ma* 1:18-32.

¹¹ Luật cấm làm ra những hình tượng không liên quan gì đến quyền sáng tác nghệ thuật. Dân Do Thái được lệnh phải dựng một đền tạm xinh đẹp và sau đó là một đền thờ xinh đẹp, bên trong hai công trình này đều có những đồ vật được tạo dáng theo những tạo vật của Đức Chúa Trời. Sáng tạo ra những đồ vật mang tính nghệ thuật là một việc; còn thờ lạy những đồ vật này hoàn toàn là việc khác.

¹² Ban đầu thì lời hứa trong câu 12 được dành cho cả dân tộc, lời hứa này bảo đảm với dân Do Thái rằng sự vâng lời sẽ giữ họ lại trong xứ một thời gian dài, nhưng trong *Ê-phê-sô* 6:1-3 Phao-lô áp dụng lời hứa này cho cá nhân mỗi tín hữu.

¹³ Chúng ta vừa mới thảo luận sơ qua vấn đề cần nghiên cứu về phần Kinh Thánh quan trọng này. Để hiểu sâu hơn, xin hãy xem: *The Ten Commandments (Mười Điều Răn)* của R.W.Dale (Hodder and Stoughton, 1910), *The Ten Commandments for Today (Mười Điều Răn Cho Hôm Nay)* của William Barlay (Harper & Row, 1973); *Playing by the Rules (Chơi Theo Luật Lệ)* của D.Stuart Briscoe (Revell, 1986), *Lifelines: The Ten Commandments for Today (Mười Điều Răn Cho Hôm Nay)* của Edith Schaeffer (Crossway, 1982), *Foundations for Reconstruction (Nền Tảng Cho Sự Tái Thiết)* của Elton Trueblood (Word Paperback edition, 1972), *The Ten Commandments (Mười Điều Răn)* và *The Eleven Commandments (Mười Một Điều Răn)* của Lehman Strauss (Loizeaux, 1955).

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 8

Xuất Ê-díp-tô Ký 19:1-20:21

1. Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên biết Ngài mang họ trên đôi cánh chim ưng. Điều này có ý nghĩa gì? Theo Wiersbe cho rằng chim ưng và đại bàng con dạy chúng ta bài học nào về một đời sống trưởng thành và tự do?

2. “Bước ngoặt” gần đây nhất trong đời sống bạn là gì? Cùng với bước ngoặt này là sự tự do, đặc quyền và trách nhiệm mới nào?

3. Dân Do Thái là tuyển dân của Đức Chúa Trời, là cơ nghiệp quý báu của Ngài. Điều này có ý nghĩa gì? Các dân tộc khác sẽ có vị trí như thế nào?

4. Dân Y-sơ-ra-ên phải thánh sạch, biệt riêng ra và sống khác biệt trong những lãnh vực hoặc hoạt động nào của đời sống? Tín hữu ngày nay phải được biệt riêng ra như thế nào?

5. Tại sao dân chúng (ngoại trừ Môi-se) không thể đến gần núi Si-nai? Đức Chúa Trời dạy họ điều gì?

6. Mục đích của việc ban Mười Điều Răn là gì?

7. Trong Mười Điều Răn, nhóm từ được lặp đi lặp lại “Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi” có ý nghĩa gì?

8. Thần tượng là gì? Những tôn giáo nào có sự thờ lạy hình tượng? Ngày nay, tuy không thấy rõ nhưng những thần tượng nào vẫn có sức cám dỗ đối với chúng ta?

9. Điều răn thứ nhất và thứ mười có chung với nhau điểm gì?

10. Trong phương diện nào sự yêu thương là sự làm trọn Luật Pháp?

Quyển Sách Giao Ước

Xuất Ê-díp-tô Ký 20:22 -24:8

Phần này bao gồm những luật lệ căn bản có liên hệ đặc biệt đến sự bảo vệ nhân mạng và tài sản. Bằng cách tiếp nhận “Quyển Sách Giao Ước” (24:3-4), dân chúng bước vào một mối liên hệ đặc biệt với Đức Giê-hô-va và nhận lấy bốn phận vâng giữ Lời Ngài. Các luật lệ này không võ đoán mà dựa trên đặc tính của Đức Chúa Trời và những nguyên tắc đạo đức bất biến biểu lộ trong Mười Điều Răn.

Luật Pháp không có quyền năng làm thay đổi bản chất con người; nó chỉ có thể bảo vệ sự sống và tài sản của con người qua việc điều chỉnh hành vi của họ. Một trong những giai đoạn nguy hiểm và thảm khốc nhất trong lịch sử Do Thái là vào thời của các quan xét khi mà “mọi người làm điều đúng theo mắt mình” (*Các Quan Xét* 17:6; 18:1; 19:1; 21:25). Thi hành luật lệ không bảo đảm cho một xã hội toàn hảo, nhưng giúp xã hội ổn định và ngăn ngừa tình trạng vô chính phủ.

1. Đức Chúa Trời Là Vô Hình: Hãy Nghe Lời Ngài

Xuất Ê-díp-tô Ký 20:21-26

²¹ Vậy, dân chúng đứng cách tận xa, còn Môi-se đến gần đám mây đen kịt có Đức Chúa Trời ngự ở trong.

²² Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Người hãy nói cho dân Y-sơ-ra-ên như vậy: Các người đã thấy ta từ trên trời phán xuống cùng; vậy, chớ đúc tượng thần bằng bạc hay bằng vàng mà sánh với ta.

²⁴ Người hãy lập cho ta một bàn thờ bằng đất, trên đó phải dâng của lễ thiêu, cùng của lễ thù ân của người, hoặc chiên hay bò. Phàm nơi

nào có ghi nhớ danh ta, ta sẽ đến và ban phước cho người tại đó.
²⁵Nếu người lập cho ta một bàn thờ bằng đá, chớ dùng đá chạm, vì nếu người dùng đồ để chạm thì sẽ làm đá đó ra ô uế. ²⁶Người chớ đi từ bậc thang lên bàn thờ ta, hầu cho sự lỏa lồ người không tố lộ.

Bốn mươi năm sau đó khi Môi-se ôn lại Luật Pháp với thế hệ mới, ông nhắc nhở họ rằng tổ tiên họ đã mục kích tận mắt vinh hiển và quyền năng của Đức Chúa Trời tại núi Si-nai và đã được nghe tận tai Lời Ngài, *nhưng họ “không có thấy một hình trạng nào”* (Phục Truyền Luật Lệ Ký 4:15). Đức Chúa Trời đã không tỏ mình ra trong bất cứ hình dạng nào để dân Do Thái biến Đức Chúa Trời hằng sống thành một hình tượng chết. “Vậy các người sẽ ví Đức Chúa Trời với ai? Hay các người sẽ so sánh Ngài với ảnh tượng nào?” (Ê-sai 40:18).

Dân Do Thái được gọi là một dân có Lời Chúa. Sự thành công của dân tộc tùy thuộc vào việc nghe Lời Đức Chúa Trời, tin cậy và vâng lời. Các dân tộc lân cận Y-sơ-ra-ên đã lập ra những tôn giáo của họ dựa trên những điều họ có thể thấy được, là những hình tượng do tay người làm ra, nhưng Y-sơ-ra-ên thờ phượng một Đức Chúa Trời không thấy được ¹ Triết gia Cơ Đốc Jacques Ellul đã viết: “Những thần giả dối luôn là những thần mà một người có thể thấy và sờ mó được, và chính đặc điểm này nói lên sự giả dối và hư không của các thần giả” ².

Học giả Do Thái Abraham Joshua Heschel đã tóm tắt thần học của Y-sơ-ra-ên về Kinh Thánh như sau: “Để tin, chúng ta cần có Đức Chúa Trời, một linh hồn, và Lời Ngài” ³.

Đức Chúa Trời đã cảnh cáo Y-sơ-ra-ên đừng làm ra những hình tượng và đừng xây nên những bàn thờ công phu như những bàn thờ của các dân ngoại xung quanh họ (xem *II Các Vua* 16:10-20;). Một bàn thờ đơn giản bằng đất hoặc đá thô sơ vẫn được Chúa chấp nhận. Nếu đá được

đục đẽo, chúng sẽ trở nên những hình tượng, và công trình do con người tạo ra sẽ quan trọng hơn sự thờ phượng Đức Chúa Trời. Đá tự nhiên do Chúa chu cấp là đủ để Ngài tiếp nhận rồi.

Sự lỏa lỗ và sự giao hợp với kỹ nữ đền thờ là một hình thức trong nghi lễ ngoại giáo bị Chúa nghiêm cấm. Đức Chúa Trời đã ra lệnh cho các thầy tế lễ Do Thái mặc vào chiếc áo đặc biệt để che phủ sự lỏa lỗ của họ (*Xuất Ê-díp-tô Ký 28:42-43; Lê-vi Ký 6:10*), và nếu không vâng lời, họ sẽ có nguy cơ bị giết chết (*Xuất Ê-díp-tô Ký 28:35, 43*).

Dù đã thề thốt long trọng, Y-sơ-ra-ên vẫn mau quên những điều răn này. Trong lúc Môi-se ở với Đức Chúa Trời trên núi, dân chúng đã làm một bò con vàng và tham gia các cuộc truy hoan quanh hình tượng nên phải chết đến 3.000 người (32:1-6, 25-29). Bất cứ các nghi thức tế lễ nào hướng về nhục thể thay vì thuộc linh thì không thể đến từ Đức Chúa Trời hay được Đức Chúa Trời chúc phước cho.

2. Đức Chúa Trời Là Công Chính: Hãy Vâng Theo

Những Luật Lệ Của Ngài

Xuất Ê-díp-tô Ký 21:1-23:19

¹ Đây là luật lệ người phải truyền cho dân chúng:

² Nếu người mua một người đầy tớ Hê-bơ-rơ, nó sẽ hầu việc cho sáu năm; nhưng qua năm thứ bảy nó sẽ được thả ra, không phải thối tiền.

³ Nếu nó vào ở một mình, thì sẽ ra một mình; nếu có vợ, thì sẽ ra với vợ. ⁴ Nếu người chủ cưới vợ cho, và nếu vợ sanh được con trai hay gái, thì nó sẽ ra một mình, vợ và con thuộc về chủ. ⁵ Nếu kẻ tội mọi nói rằng: Tôi thương chủ, vợ và con tôi, không muốn ra được tự do, ⁶ thì người chủ sẽ dẫn nó đến trước mặt Đức Chúa Trời, biểu lại gần cửa hay là cột, rồi lấy mũi dùi xỏ tai; nó sẽ hầu việc người chủ đó trọn đời.

⁷ Nếu ai bán con gái mình làm con đòi, con gái đó không được ra như các đầy tớ kia. ⁸ Nếu chủ trước đã ưng lấy con đòi làm hầu, rồi sau lại chẳng muốn, thì chủ phải biểu chuộc nàng lại, chớ không có phép gạt, rồi đem bán nàng cho kẻ ngoại bang. ⁹ Nhưng nếu chủ định để cho con trai mình, thì phải xử với nàng theo phép như con gái mình

188 / Xuất Ê-díp-tô Ký

vậy. ¹⁰ Nếu chủ có lấy người khác, thì đối với người thứ nhứt chẳng được phép giãm đồ ăn, đồ mặc, và tình nghĩa vợ chồng chút nào.

¹¹ Nếu người chủ không làm theo ba điều nầy, nằng được phép ra không, chẳng phải thối tiền lại.

¹² Kẻ nào đánh chết một người, sẽ bị xử tử. ¹³ Nhược bằng kẻ đó chẳng phải mưu giết, nhưng vì Đức Chúa Trời đã phú người bị giết vào tay kẻ đó, thì ta sẽ lập cho người một chỗ đặng kẻ giết người ẩn thân. ¹⁴ Còn nhược bằng kẻ nào dấy lên cùng người lân cận mà lập mưu giết người, thì dầu rằng nó núp nơi bàn thờ ta, người cũng bắt mà giết đi.

¹⁵ Kẻ nào đánh cha hay mẹ mình, sẽ bị xử tử.

¹⁶ Kẻ nào bắt người và bán, hoặc giữ lại trong tay mình, sẽ bị xử tử.

¹⁷ Kẻ nào mắng cha hay mẹ mình, sẽ bị xử tử.

¹⁸ Khi hai người đánh lộn nhau, người nầy đánh người kia bằng đá hay là đấm cú, không đến nỗi phải chết, nhưng phải nằm liệt giường, ¹⁹ nếu đứng dậy chống gậy đi ra ngoài được, người đánh đó sẽ được tha tội. Nhưng chi phải đền tiền thiệt hại trong mấy ngày nghỉ, và nuôi cho đến khi lành mạnh.

²⁰ Khi người chủ lấy gậy đánh đầy tớ trai hay gái mình và chết liền theo tay, thì chắc phải bị phạt. ²¹ Song nếu đầy tớ trai hay gái còn sống một hai ngày, người chủ khỏi tội, vì nó vốn là tài sản của chủ.

²² Nếu người ta đánh nhau, đụng nhằm một người đàn bà có thai, làm cho phải sảo, nhưng chẳng bị sự hại chi khác, thì kẻ đánh nhằm đó phải bồi thường theo lời chồng người sẽ định, và trả tiền trước mặt quan án.

²³ Còn nếu có sự hại chi, thì người sẽ lấy mạng thường mạng, ²⁴ lấy mắt thường mất, lấy răng thường răng, lấy tay thường tay, lấy chân thường chân, ²⁵ lấy phỏng thường phỏng, lấy bầm thường bầm, lấy thương thường thương.

²⁶ Nếu ai đánh nhằm con mắt đầy tớ trai hay gái mình, làm cho mất đi, thì hãy tha nó ra tự do, vì cơ mất con mắt. ²⁷ Nếu ai làm rụng một răng của đầy tớ trai hay gái mình, thì hãy tha nó ra tự do, vì cơ mất một răng.

²⁸ Ví có một con bò báng nhằm một người đàn ông hay đàn bà phải chết đi, con bò sẽ bị ném đá chết, người ta không nên ăn thịt nó; còn người chủ bò sẽ được vô tội. ²⁹ Nhưng ngộ tử trước con bò có tật hay báng và chủ đã bị mắng vốn mà không cầm giữ, nếu bò nầy còn giết một người đàn ông hay đàn bà, thì nó sẽ bị ném đá, và chủ sẽ bị xử tử nữa. ³⁰ Nhược bằng người ta định giá cho chủ bò chuộc mạng, chủ phải chuộc mạng mình y như giá đã định. ³¹ Nếu bò báng nhằm một đứa con trai hay là con gái, người ta cũng sẽ chiếu theo luật nầy.

³²Con bò báng nhằm một đứa đầy tớ trai hay gái, chủ bò phải trả ba chục siếc-lơ bạc cho chủ nó; rồi bò sẽ bị ném đá chết.

³³Nếu ai mở miệng hãm hay là đào hãm mà chẳng đầy lại, và nếu có bò hay là lừa té xuống đó, ³⁴ chủ hãm sẽ bồi thường giá tiền cho chủ của súc vật, nhưng súc vật bị giết đó sẽ về phần mình.

³⁵ Bằng bò của ai báng nhằm bò của kẻ lân cận mình phải chết đi, hai người hãy bán bò sống đó, chia tiền và chia luôn con bò chết nữa.

³⁶ Nếu người chủ đã tỏ tường trước rằng bò mình có tật hay báng, mà không lo cầm giữ, chủ phải lấy bò thường bò, nhưng bò chết sẽ về phần người.

22

¹ Ví ai bắt trộm bò hay chiên, rồi giết hoặc bán đi, thì phải thường năm con bò cho một con, và bốn con chiên cho một con. ² Nếu kẻ trộm đương cạy cửa mà bị bắt và đánh chết đi, thì kẻ đánh chết chẳng phải tội sát nhân. ³ Song nếu đánh chết trong khi mặt trời đã mọc rồi, thì bị tội sát nhân. Kẻ trộm phải bồi thường; bằng chẳng có chi, thì sẽ bị bán vì tội trộm cắp mình. ⁴ Nếu vật mà kẻ trộm đã lấy, hoặc bò, lừa hay chiên, hãy còn thấy sống trong tay, thì kẻ trộm phải bồi thường gấp hai.

⁵ Ngộ ai làm hư hại trong ruộng hay là vườn nho, thả súc vật mình vào ăn trong ruộng người khác, thì ai đó phải lấy hoa lợi tốt nhất của ruộng hay là vườn nho mình mà thường bồi. ⁶ Nếu lửa nổi đốt bụi gai và cháy lan qua lúa đã bó, mùa màng, hay là đồng ruộng, thì kẻ nổi lửa đó phải bồi thường trọn mọi vật đã bị cháy.

⁷ Khi ai giao tiền bạc hay đồ vật cho kẻ lân cận mình giữ, rồi bị trộm cắp tại nhà kẻ lân cận đó, nếu tên trộm đã bị bắt được, thì nó phải thường gấp hai. ⁸ Nếu kẻ trộm không bị bắt được, thì chủ nhà cho gọi phải dẫn đến trước mặt Đức Chúa Trời, đặt thề rằng mình chẳng hề đặt tay vào tài vật của kẻ lân cận mình.

⁹ Trong mọi việc gian lận nào, hoặc về một con bò, một con lừa, một con chiên, áo xống hay là một vật chi bị mất, mà có người nói rằng: <<quả thật là đồ đó>>, thì phải đem duyên cớ hai đàng đến trước mặt Đức Chúa Trời; kẻ nào bị Ngài xử phạt phải thường bồi cho kẻ lân cận mình gấp hai.

¹⁰ Nhược bằng người nào giao lừa, bò, chiên, hoặc súc vật nào khác cho kẻ lân cận mình giữ, và bị chết, gãy một giò hay là bị đuổi đi, không ai thấy, ¹¹ thì hai đàng phải lấy danh Đức Giê-hô-va mà thề, hầu cho biết rằng người giữ súc vật có đặt tay trên tài vật của kẻ lân cận mình chẳng. Người chủ con vật phải nhận lời thề, và người kia chẳng bồi thường. ¹² Còn nếu con vật bị bắt trộm, thì người lãnh giữ phải thường bồi cho chủ nó. ¹³ Nếu con vật bị thú rừng xé chết,

190 / Xuất Ê-díp-tô Ký

người lãnh giữ phải đem nó ra làm chứng, sẽ không phải bồi thường vật bị xé đó.

¹⁴ Ví ai mượn người lân cận mình một con vật mà nó gãy một giò, hoặc bị chết, không có mặt chủ, thì ai đó phải bồi thường. ¹⁵ Nếu chủ có mặt tại đó, thì không phải bồi thường. Nếu con vật đã cho mượn, thì giá mượn thế cho tiền bồi thường.

¹⁶ Nếu kẻ nào hòa dụ và nằm với một người gái đồng trinh chưa hứa giá, thì kẻ đó phải nộp tiền sinh và cưới nàng làm vợ. ¹⁷ Nhược bằng cha nàng quyết từ chối không gả, thì kẻ đó phải nộp tiền bằng số tiền sinh của người gái đồng trinh.

¹⁸ Người chớ để các đồng cốt sống.

¹⁹ Kẻ nào nằm cùng một con vật sẽ bị xử tử.

²⁰ Kẻ nào tế các thần khác hơn một mình Đức Giê-hô-va sẽ bị diệt.

²¹ Người chớ nên bực đãi khách ngoại bang, và cũng chẳng nên hà hiếp họ, vì các người đã làm khách kiều ngụ tại xứ Ê-díp-tô.

²² Các người chớ ức hiếp một người góa bụa hay là một kẻ mồ côi nào. ²³ Nếu ức hiếp họ, và họ kêu van ta, chắc ta sẽ nghe tiếng kêu của họ; ²⁴ cơn nóng giận ta phừng lên, sẽ lấy gươm giết các người, thì vợ các người sẽ trở nên góa bụa, và con các người sẽ mồ côi.

²⁵ Trong dân ta có kẻ nghèo nàn ở cùng người, nếu người cho người mượn tiền, chớ xử với họ như người cho vay, và cũng chẳng nên bắt họ chịu lời. ²⁶ Nếu người cầm áo xống của kẻ lân cận mình làm của tin, thì phải trả cho họ trước khi mặt trời lặn; ²⁷ vì là đồ chỉ có che thân, là áo xống che da mình; người lấy chi mà ngủ? Nếu người đến kêu van ta, tất ta sẽ nghe lời người, vì ta là Đấng hay thương xót.

²⁸ Người chớ nên nói lộng ngôn cùng Đức Chúa Trời, và cũng đừng rủa sả vua chúa của dân người.

²⁹ Người chớ trể nải mà dâng cho ta những hoa quả đầu mùa của người chứa trong vựa và rượu ép chầy nơi bàn ép. Người cũng phải dâng cho ta con trai đầu lòng người. ³⁰ Về phần chiên và bò người cũng hãy làm như vậy; trong bảy ngày đầu, con đầu lòng ở cùng mẹ nó, qua ngày thứ tám người hãy dâng nó cho ta.

³¹ Các người sẽ làm người thánh của ta, chớ nên ăn thịt chi bị thú rừng xé ở ngoài đồng; hãy liệng cho chó ăn.

23

¹ Người chớ đồn huyên; chớ hòa cùng kẻ hung ác đặng làm chứng dối.

² Người chớ hòa đảng đông đảng làm quấy; khi người làm chứng trong việc kiện cáo, chớ nên trở theo bên phe đông mà phạm sự công bình.

³ Người chớ tư vị kẻ nghèo trong việc kiện cáo.

⁴ Nhược bằng người gập bò hay lừa của kẻ thù nghịch mình đi lạc thì buộc phải đem về cho họ.

⁵ Ngộ người thấy lừa của kẻ ghét mình bị chở nặng phải quy, chớ khá bỏ ngơ, phải cứu nó cho được nhẹ.

⁶ Trong cơn kiện cáo, người chớ phạm quyền lợi của người nghèo ở giữa vòng người. ⁷ Người phải tránh xa các lời giả dối; chớ giết kẻ vô tội và kẻ công bình, vì ta chẳng hề tha kẻ gian ác đâu. ⁸ Người chớ nhậm của hối lộ, vì của hối lộ làm mờ mắt người thượng trí, và làm mất duyên do của kẻ công bình.

⁹ Người chớ hiếp đáp người ngoại bang, vì các người đã kêu nộ tại xứ Ê-díp-tô, chính các người hiểu biết lòng khách ngoại bang là thế nào.

¹⁰ Trái sáu năm người hãy gieo trong đất, thâu lấy hoa lợi, ¹¹ nhưng qua năm thứ bảy hãy để đất hoang cho nghỉ; hầu cho kẻ nghèo khổ trong dân người được nhờ lấy hoa quả đất đó, còn dư lại bao nhiêu, thú vật ngoài đồng ăn lấy. Cũng hãy làm như vậy về vườn nho và cây ô-li-ve.

¹² Luôn trong sáu ngày người hãy làm công việc mình, nhưng qua ngày thứ bảy hãy nghỉ, hầu cho bò và lừa người được nghỉ; cùng con trai của đầy tớ gái và người ngoại bang được dưỡng sức lại.

¹³ Người khá giữ hết mọi lời ta phán cùng người. Chớ xưng đến danh các thần khác; chớ cho nghe danh đó ở nơi miệng người ra.

¹⁴ Mỗi năm ba kỳ người sẽ giữ lễ kính ta. ¹⁵ Người hãy giữ lễ bánh không men; phải ăn bánh không men trong bảy ngày về mùa thâu lúa trở, như lời ta đã phán dặn; vì trong tháng đó người ra khỏi xứ Ê-díp-tô. Lại chẳng ai nên tay không đến trước mặt ta. ¹⁶ Người hãy giữ lễ mùa màng, tức là mùa hoa quả đầu tiên của công lao người về các giống người đã gieo ngoài đồng; và giữ lễ mùa gặt về lúc cuối năm, khi các người đã hái hoa quả của công lao mình ngoài đồng rồi.

¹⁷ Mỗi năm ba kỳ các người nam phải đến trước mặt Chúa, tức là Đức Giê-hô-va.

¹⁸ Người chớ dâng huyết của con sinh tế ta chung với bánh có pha men; còn mỡ của nó dâng nhằm ngày lễ kính ta, chớ để trọn đêm đến sáng mai.

¹⁹ Những hoa quả đầu mùa của đất, người phải đem đến đền thờ Giê-hô-va Đức Chúa Trời người.

Người chớ nên nấu dê con trong sữa mẹ nó.

Công lý là việc làm thực tế thể hiện sự công bình của Đức Chúa Trời trong lịch sử của nhân loại, vì “Chúa yêu

192 / Xuất Ê-díp-tô Ký

chuộng sự công bình và chánh trực” (*Thi Thiên* 33:5; xem *Ê-sai* 30:18; 61:8). Có rất nhiều bất công trong thế giới chúng ta ngày nay. Sẽ đến lúc trong sự công bình Ngài, Đức Chúa Trời đoán xét thế gian bởi Chúa Cứu Thế mà thế gian đã chối bỏ. Sự xét đoán của Ngài hoàn toàn công chính (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 17:31).

Luật về tội mọi (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 21:1-11 cũng xem *Lê-vi Ký* 25:39-43; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 15:12-18). Dân Do Thái được phép có tội mọi từ các dân khác, thường là tù binh, nhưng họ không được phép bắt người trong dân tộc của họ làm nô lệ. Có hai việc sau đây: một người đàn ông tình nguyện làm tội tớ (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 21:1-7), và một cô gái bị bán để làm một con đòi (c.8-11).

Nếu vì bần cùng, một người Do Thái phải làm tội tớ thì bị ràng buộc bằng giao kèo. Chủ người ấy phải đối xử nhân đạo với anh ta và sẽ thả ra sau sáu năm phục vụ. Nếu vì cơ tình cảm gia đình, người tội tớ muốn ở lại phục vụ chủ, và được các quan xét cho phép, thì sẽ được đánh dấu ở trái tai và ở với chủ suốt đời. Tuy nhiên, người ấy không bao giờ bị đối xử như một tội mọi.

Một đầy tớ gái sẽ không được thả tự do sau sáu năm phục vụ. Nếu một người nghèo bán con gái mình làm con đòi hay nàng hầu⁴, thì cha của cô gái này sẽ nhận được tiền bán con, cô gái sẽ có một gia đình tươm tất hơn và chồng cô sẽ không phải tốn kém cho của hồi môn đắt giá. Nếu sau khi trở thành vợ lẽ của người đàn ông mà nàng không vừa lòng người, ai đó trong gia đình cha mẹ nàng có thể chuộc nàng và nàng sẽ được tự do.

Nếu chủ chọn nàng cho con trai ông, và đến một lúc nào đó bị người chồng ghét bỏ rồi cưới vợ khác, thì cha của người con trai phải bảo đảm cho nàng được đối xử như một con gái đã lập gia đình. Điều này có nghĩa là bảo đảm cho nàng có quần áo, thức ăn và mọi quyền lợi hôn nhân

(*I Cô-rinh-tô* 7:1-6). Nếu người cha không làm điều này, người con gái được tự do trở về gia đình nàng và không bị xem là một tội mọi nữa.

Những tội tử hình (Xuất Ê-díp-tô Ký 21:12-17). Những luật lệ này là sự ứng dụng hợp lý của điều răn thứ sáu, “Người chớ giết người” (20:13; *Lê-vi Ký* 24:17). Chúng ta được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời, do đó việc giết hại đồng loại là xâm phạm đến hình ảnh của Đức Chúa Trời (*Sáng Thế Ký* 9:6). Nếu một người bị phát hiện đã phạm tội giết người dựa trên lời chứng của hai nhân chứng trở lên (*Dân Số Ký* 35:30-31;), thì kẻ sát nhân sẽ bị xử tử.

Luật Pháp phân biệt giữa tội giết người có mưu tính trước và tội ngộ sát. Nếu ai vô tình giết chết một người thì có thể chạy đến bàn thờ Đức Chúa Trời để được sự an toàn (*I Các Vua* 2:29) cho đến khi các trưởng lão có thời gian để xem xét vấn đề. Khi dân Y-sơ-ra-ên định cư xong, họ đã dành ra sáu thành ẩn náu để kẻ giết người có thể đến trốn và được bảo vệ cho đến khi vấn đề được điều tra (*Dân Số Ký* 35:1-34; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 19:1-21; *Giô-suê* 20:1-9). Vào thời ấy, Y-sơ-ra-ên không có lực lượng cảnh sát; gia đình của nạn nhân chắc chắn mong đợi công lý sẽ được thực hiện. Nhưng trong cơn nóng giận, họ chỉ muốn trả thù hơn là trông vào công lý, vì vậy luật này nhằm bảo vệ bị cáo cho đến khi anh ta được chứng minh là có tội.

Con cái và cha mẹ (Xuất Ê-díp-tô Ký 21:15-17). Sau khi nói đến tội sát nhân nói chung, luật này đề cập đến những trường hợp cụ thể. Trước hết việc ngược đãi, đánh đập hoặc chửi rủa cha mẹ là vi phạm điều răn thứ năm (câu 15, 17, *Lê-vi Ký* 20:9; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 27:16). Có thể áp dụng “luật về đứa con bội nghịch” (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 21:18-21) ở đây và đứa con này rất cần đến sự kỷ luật. Những đứa con không kính trọng cha mẹ thường cũng không có sự tôn trọng đối với bất cứ quyền lực nào khác và

194 / Xuất Ê-díp-tô Ký

chỉ muốn làm theo ý riêng ích kỷ của mình.

Việc bắt cóc bị nghiêm cấm (Xuất Ê-díp-tô Ký 21:16; Phục Truyền Luật Lệ Ký 24:7). Việc ăn cắp tài sản đã là sai trái (*Xuất Ê-díp-tô Ký 20:15*), việc bắt cóc những người được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời và bán họ làm nô lệ lại càng sai trái và tội lỗi nghiêm trọng hơn.

Những sự dữ thương (21:18-32). Con người không nên tranh cãi đến độ phải xô xát nhau (*Châm Ngôn 15:1; 25:15*), nhưng điều đó đã xảy ra, và những người can dự thường bị thương tích. Nếu nạn nhân chết, kẻ gây hấn sẽ đền mạng, nhưng nếu nạn nhân hồi phục và cuối cùng có thể bước đi được thì kẻ gây hấn được miễn những trách nhiệm có liên quan. Tuy nhiên, người ấy phải bồi hoàn cho nạn nhân về khoảng thời gian bị mất việc và các chi phí thuốc men.

Tôi mọi (Xuất Ê-díp-tô Ký 21:20-21). Nguyên tắc này được áp dụng cho một người chủ và tôi tớ của người ấy. Chúa không muốn tôi tớ bị xem như những món đồ, mà phải được đối xử như những con người được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời và đáng được hưởng những quyền của con người. Nếu trong việc kỷ luật một tôi tớ (*Châm Ngôn 10:13; 13:24*), người chủ đã quá tay và giết người tôi tớ ấy thì người chủ này phải bị phạt. Chúng ta không được cho biết hình phạt này là gì. Điều này có thể do các quan án quyết định (xem *Xuất Ê-díp-tô Ký 21:22*) và tùy thuộc vào việc người chủ có ý định giết người thật sự hay không. (Thật khó tin rằng một người chủ lại muốn hủy hoại tài sản riêng của mình và để phải mất đi một nguồn lợi). Nếu sau một vài ngày người tôi tớ bình phục trở lại, chủ người ấy sẽ không bị phạt, vì ông ta đã mất đi nguồn lợi từ người đầy tớ trong khoản thời gian người này nghỉ bệnh.

Làm bị thương một người đàn bà có thai (Xuất Ê-díp-tô Ký 21:22-23). Chúng ta không được biết người đàn bà này có phải là vợ của một trong những người đánh nhau và

chồng bà ta bị thua trận? Các học giả không đồng ý về cách dịch của câu 22. Phải chăng câu ấy là: “và người phải sanh non”, hay là: “và người bị sẩy thai”? Mệnh đề “nhưng không có sự tổn hại nghiêm trọng nào” (đối với mẹ hoặc con) gợi ý rằng cách dịch thứ nhất hợp lý hơn, vì sẩy thai chắc chắn là một sự kiện nghiêm trọng.

Cho dù không có sự tổn hại nghiêm trọng nào xảy ra cho người mẹ hoặc đứa con, tòa xử án cũng phải phạt người có lỗi về hành động gây hấn của người ấy đối với một ai đó không phải là người tham gia vào cuộc đánh nhau. Dù người gây hấn không có ác ý nhưng hành động của anh ta đã làm tổn thương đến đứa con hay người mẹ, hoặc cả hai. Nhưng nếu có sự tổn hại nghiêm trọng, tức là người mẹ hoặc đứa con bị thương tật hoặc bị chết thì tòa án sẽ xét xử theo *luật mắt đền mắt, răng đền răng* (c.23-25), nghĩa là “hình phạt tương xứng với tội ác”⁵.

Nguyên tắc này đã bị một số người chỉ trích gay gắt là “dã man”, nhưng sự việc có ý nghĩa trái ngược hẳn. Trong một thời đại mà hệ thống luật pháp chỉ mới sơ khai thì luật này bảo đảm hình phạt tương xứng với tội ác. Nếu kẻ gây hấn đã làm mù mắt kẻ thù mình, thì mắt hấn phải bị làm cho mù. Thế là công bằng. Nếu bạn bẻ gãy ngón tay kẻ thù mình và tòa xử bạn phải bị mù thì không công bằng gì cả, vì án phạt phải xứng với tội ác. Nguyên tắc này được miễn trừ trong trường hợp duy nhất khi một người chủ gây thương tích cho một tội tở, và sự đền bù cho người đầy tớ này là được tự do (c.16-27).

Chúa Giê-xu cấm các môn đồ Ngài trả thù những ai làm tổn thương mình (*Ma-thi-ơ* 5:38-44; *I Phi-e-rơ* 2:19-21). Đây là sự trả thù cá nhân (“Ta sẽ trả thù người!”). Ngài khuyến khích sự tha thứ. Ngài không chỉ trích Môi-se, và cũng không can thiệp vào hệ thống Luật Pháp, vì Ngài đến để làm trọn Luật Pháp chứ không phải để hủy hoại Luật

196 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Pháp (*Ma-thi-ơ* 5:17-20). Là Cơ Đốc nhân, chúng ta nên bỏ “những quyền lợi hợp pháp” của chúng ta, nhận lấy vinh hiển của Đức Chúa Trời mà không cần đòi hỏi một sự đền bù nào (*I Cô-rinh-tô* 6:1-8). Tuy nhiên, phải có quan án gìn giữ công lý và bảo vệ Luật Pháp.

Bị đả thương bởi một con vật (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 21:28-32). Luật Pháp cho biết rõ rằng người chủ có trách nhiệm giữ con vật của mình không đả thương người khác. Một con bò hung hăng từng húc nhiều người thì phải bị nhốt lại. Nếu không nhốt lại và cứ để nó giết người thì chủ phải chịu trách nhiệm, cả chủ lẫn con vật đều phải bị xử tử. Người ta không được làm thịt con vật để ăn vì nó đã bị ô uế bởi hành động kinh khiếp của nó. Tuy nhiên, tòa án có thể phạt người chủ và cho phép người này trả một khoản tiền chuộc và được thả ra (xem *Dân Số Ký* 35:31). Hãy chú ý rằng Luật Pháp không phân biệt giữa cái chết của một người nam hay người nữ (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 21:29, 31). Tuy nhiên, khi một nô lệ bị một con vật gây tử thương thì người sở hữu con vật có thể trả cho người chủ nô lệ 30 miếng bạc để đền bù cho sự mất mát này (xem *Ma-thi-ơ* 26:14-16).

Thiệt hại về tài sản (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 21:33-22:15). Trong vùng Đất Hứa, Y-sơ-ra-ên là một xã hội nông nghiệp, súc vật rất quan trọng đối với nông dân. Không có súc vật, khó mà cày cấy được.

Thú vật bị thương hoặc bị giết chết (21:33-34). Nếu một người đào hầm mà vô ý không đập miệng hầm lại khiến một con vật rơi xuống bị thương hoặc chết, thì người ấy phải bồi thường cho người chủ của con vật, nhưng người chủ hầm có thể giữ lại con vật đó cho mình. Nếu một con vật giết hại con vật khác, hai người chủ sẽ chia nhau xác con vật đã chết và tiền có được từ việc bán con vật còn sống. Luật này không chỉ cho thấy rằng Đức Chúa Trời quan tâm đến công lý nhưng Ngài cũng mong rằng con

người phải cẩn thận chăm sóc súc vật đừng để chúng bị thương tích hay chết chóc.

Ăn cắp súc vật (22:1-4). Luật Pháp phân biệt giữa những con vật bị trộm đã bị giết hoặc bị bán, và những con vật bị ăn cắp vẫn còn ở trong tay của kẻ cắp. Khi kẻ trộm đem giết thịt hoặc bán con vật đi thì hắn phải bồi thường năm con bò cho một con và bốn con chiên cho một con bị giết hoặc bán. Còn nếu con vật còn sống và chưa đem đi bán thì hắn phải trả hai con vật cho một con. Nếu kẻ cắp không thể bồi thường, hắn sẽ bị bán làm nô lệ và tiền được giao lại cho người bị mất cắp.

Luật này cũng phân biệt giữa hành động ăn trộm ban đêm và ăn trộm ban ngày. Vào ban ngày, người chủ có thể nhận diện tên trộm đột nhập vào chuồng súc vật của mình và có thể nhờ người láng giềng giúp đỡ. Việc giết kẻ trộm vào ban ngày là một hành động trả thù không cần thiết. Nhưng vào ban đêm, người chủ không thấy rõ kẻ đột nhập, cũng không biết được kẻ này có vũ trang hay không, và do đó mạng sống của người chủ rất nguy hại; thêm nữa, vào ban đêm khó nhờ hàng xóm tiếp tay.

Luật về sự bồi thường súc vật bị mất cắp nhắc chúng ta nhớ đến lời của Đa-vít trong (*II Sa-mu-ên* 12:6) và lời hứa của Xa-chê trong *Lu-ca* 19:8. Tiên tri Na-than xem vua Đa-vít như một kẻ đánh cắp chiên và Bát-sê-ba là con chiên bị đánh cắp, vì tội tà dâm là tội trộm cắp (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 4:1-7). Đa-vít đã phải bồi thường gấp bốn lần: con trẻ bị chết, Am-nôn và Áp-sa-lôm đều bị giết, và Ta-ma bị cưỡng hiếp (*II Sa-mu-ên* 12:15-13:33; 18:1-18).

Mùa màng (Xuất Ê-díp-tô Ký 22:5-6). Ranh giới đồng ruộng được đánh dấu bởi những hòn đá đặt ở các góc, chứ không phải là những hàng rào xung quanh (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 19:14; 27:17; *Châm Ngôn* 22:28; 23:10). Những súc vật ăn cỏ không phân biệt được đồng ruộng này với đồng ruộng khác và sẽ lang thang bất cứ nơi nào có

sấn cỏ. Người chủ phải luôn ở bên cạnh để trông chừng súc vật. Nếu người chủ lơ là để cho súc vật của mình ăn cỏ trong đồng ruộng của người láng giềng thì phải bồi thường thỏa đáng cho người láng giềng, và hãy chú ý giao cho người này hoa lợi tốt nhất của mình. Không được bồi hoàn cho lấy có.

Trong mùa khô, đồng ruộng thường có nguy cơ bị hỏa hoạn làm hủy hoại mùa màng (*Xuất Ê-díp-tô Ký 22:6*). Những chữ “bồi thường” và “sự hoàn trả” được dùng đến sáu lần trong chương 22 (c.1, 3-6, 12) đã được dịch từ tiếng Hê-bơ-rơ “shalam” nghĩa là “làm cho trọn vẹn, làm cho hoàn toàn”, và có liên hệ với từ Hê-bơ-rơ tương tự là “shalom” (“hòa bình, sức khỏe”). Người phạm tội không phải chỉ xưng nhận tội lỗi của mình là có thể giải quyết được mọi sự mà còn phải cố gắng đền bù cho người bị thiệt hại. Chỉ khi đó những mối liên hệ bị đổ vỡ mới có thể được hàn gắn và xã hội mới có thể trở nên trọn vẹn.

Vật sở hữu của người khác (*Xuất Ê-díp-tô Ký 22:7-15*). Sự thành thật và liêm chính là chất liên kết xã hội, giúp xã hội lành mạnh và thịnh vượng. Nếu người trong xã hội không tin cậy nhau thì cuộc sống sẽ rất khó khăn. Nếu bạn nhờ tôi giữ gìn tiền bạc, vật dụng hay súc vật của bạn thì tôi phải trung tín làm phần việc của mình. Dù tôi hết sức cẩn thận, một kẻ trộm vẫn có thể đột nhập vào nhà và ăn cắp tài sản của bạn, nhưng khi hắn bị bắt, hắn phải bồi thường gấp đôi. Nếu kẻ trộm không bị bắt, thì tôi phải chứng minh trước tòa rằng tôi đã không bất cẩn và tôi không phải là thủ phạm. Muốn vậy tôi phải làm một trong ba việc sau đây: Đưa ra những nhân chứng có thể xác nhận sự vô tội của tôi; trình bày những mảnh còn lại của súc vật để chứng minh chúng đã bị những con thú giết hại (*Sáng Thế Ký 31:39; A-mốt 3:12*), hoặc nếu không có những bằng chứng này thì tôi phải thề trước Chúa về sự vô tội của mình, đây là một vấn đề nghiêm trọng. Các quan tòa, là

những người đại diện của Đức Chúa Trời trước cả dân tộc sẽ nhận biết được tôi có nói sự thật hay không. Nếu người ta chứng minh được rằng súc vật của người láng giềng của tôi đã chết, bị lạc hay bị đánh cắp bởi sự cẩu thả của tôi, thì tôi phải bồi thường thỏa đáng.

Nếu tôi mượn một con trong bầy gia súc của bạn để làm công việc đồng áng của tôi và con vật lại bị thương tích hoặc chết thì tôi phải bồi thường thiệt hại cho bạn. Nếu bạn ở cùng tôi lúc đó, điều khiển chính con vật của bạn thì tôi không bị buộc phải bồi thường bất cứ khoản nào. Nếu tôi thuê con vật của bạn và trả tiền, thì khỏi phải bồi thường thiệt hại.

Những luật khác (Xuất Ê-díp-tô Ký 22:16-23:19). Đa số những luật này không cần sự giải thích đặc biệt nào, nhưng chúng ta cần chú ý đến một số lẽ thật gắn liền với những luật lệ này.

Sự cưỡng hiếp (c.16-17). Những cô gái chưa kết hôn thuộc về cha của họ. Không ai đi hỏi các cô gái không đồng tình về làm vợ. Do đó sự mất trinh tiết của con gái là một sự thiệt hại về tiền sính lễ cho người cha. Kẻ phạm tội buộc phải cưới người con gái này, nhưng nếu cha nàng không muốn nhận anh ta làm con rể thì anh ta phải trả khoản bồi thường bằng tiền sính lễ để đổi lấy tự do. Nếu người con gái đã được hứa gả thì sự cưỡng hiếp bị xem là tội tà dâm và sẽ áp dụng một luật khác để giải quyết (*Phục Truyền Luật Lệ Ký 22:23-29*).

Phù phép (Xuất Ê-díp-tô Ký 22:18). Điều mà ngày nay chỉ bị xem như một sự giải trí vô hại thì trong thời Môi-se bị xem là việc làm tà ma nguy hại. Dân Do Thái có lệnh phải tránh xa mọi thứ phù phép (*Lê-vi Ký 20:6; Phục Truyền Luật Lệ Ký 18:10-14; I Sa-mu-ên 28:1-24; Ê-sai 47:12-14*). *Ga-la-ti 5:20* xem ma thuật là thờ hình tượng.

Hành dâm với thú vật (Xuất Ê-díp-tô Ký 22:19) cũng là một trong những tập tục tôn giáo của các dân tộc ngoại

200 / Xuất Ê-díp-tô Ký

bang bị Chúa lên án (*Lê-vi Ký* 18:23; 20:15-16; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 27:21). Đây là sự phỉ báng món quà sinh lý kỳ diệu Chúa ban.

Sự thờ hình tượng (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 22:20; 23:13). Dân không được tế các thần khác, nếu trái nghịch thì sẽ bị diệt, và họ cũng không được nhắc đến danh của các thần này. Sự thờ hình tượng là sự căm dỗ lớn nhất cho Y-sơ-ra-ên trong suốt cuộc hành trình trong đồng vắng và cả sau khi vào được Đất Hứa. Chúa đã cảnh cáo họ phải hủy phá các đền thờ và bàn thờ ngoại giáo (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 4:14-24).

Tính ích kỷ (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 22:21-27; 23:9). Những luật này khuyên bảo dân Do Thái phải cư xử tử tế với khách lạ và khách kiều ngụ, người góa bụa và trẻ mồ côi cùng người nghèo. Dân Do Thái từng là khách lạ ở Ai Cập và trong suốt nhiều năm đã được đối xử tử tế, góa phụ và cô nhi cũng còn là mối quan tâm đặc biệt của Chúa (*Lê-vi Ký* 19:9-10; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 14:28-29; 16:11, 14; 24:19-21; 26:12-13; *Thi Thiên* 10:14, 17-18; 68:5; 82:3; 146:9; *Ê-sai* 1:23; 10:2; *Giê-rê-mi* 7:6; 22:3; *Xa-cha-ri* 7:10; *â-la-chi* 3:5). Người giàu không nên bóc lột người nghèo mà phải sẵn sàng giúp họ (*Lê-vi Ký* 25:35-38; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 15:7-11; 23:19-20; 24:6, 10-13; *Châm Ngôn* 28:8). Đức Chúa Trời nghe thấu tiếng kêu van của người khốn khổ (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 22:23, 27).

Rủa sả nhà cầm quyền (22:28). Dân chúng có khi báng bổ Đức Chúa Trời qua môi miệng của mình hay qua việc xem thường những luật lệ Ngài ban cho, đặc biệt là những luật lệ đòi hỏi phải rời rộng đối với người khác (c.21-27). Báng bổ Đức Chúa Trời là một tội phạm phải bị xử tử (*Lê-vi Ký* 24:10-16). Việc nói xấu nhà cai trị là chống lại Luật Pháp (*Châm Ngôn* 24:21-22; *I Phi-e-rơ* 2:17). Phao-lô đã phải xin lỗi khi ông vô tình nói điều xấu về thầy tế lễ cả (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 23:4-5; *II Sa-mu-ên* 19:19; *I Các Vua*

21:10). Đức Chúa Trời đã thiết lập chính thể của loài người (*Rô-ma* 13:1-14), ngay cả khi chúng ta không tôn trọng các quan chức thì chúng ta cũng phải tôn trọng chức vụ của họ.

Châm vâng lời (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 22:29-30). Trái đầu mùa thuộc về Chúa, dù đó là con trai đầu lòng, con đực đầu lòng (13:1-22), hay quả đầu mùa của đồng ruộng và vườn cây ăn quả (*Châm Ngôn* 3:9-10). Việc cầm giữ áo xống (22:26-27), hay tiền công (*Gia-cơ* 5:4) của một người là không hợp lẽ. Mọi vật ta có đều là do Chúa ban cho để quản trị rồi giao lại Ngài?

Thịt bị ô uế (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 22:31). Luật này vừa có tính cách tôn giáo vừa có mục đích vệ sinh. Xác của những con vật bị giết bữa bãi vẫn còn đọng huyết, mà việc ăn huyết thì bị cấm (*Lê-vi Ký* 22:8). Hơn nữa, một xác súc vật phơi ngoài đồng ruộng sẽ chóng hư thối, ăn vào sẽ sinh bệnh. Dùng loại thịt này có khi phải tốn tiền chữa bệnh rất nhiều. Một người tinh sạch không dám chạm đến thịt ấy, đừng nói gì đến việc ăn nó.

Sự công bình (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 23:1-8). Đây là điều răn thứ 9 được khai triển rộng ra, (20:16). Chúa cấm làm chúng dối và hòa theo sự bất công như số đông vẫn làm (*Lê-vi Ký* 19:15-16; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 22:13-19). Dân Chúa không nên để tình cảm nghiêng theo sự nghèo khổ hay giàu có của bị cáo mà xét xử sai lầm; cũng đừng nhận của hối lộ mà đánh mất công lý (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 16:18-20; *Ê-sai* 1:23; *Mi-chê* 3:11). Kết án một người vô tội để kiếm tư lợi là có tội trước mặt Đức Chúa Trời, (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 23:7) ⁶. Môi-se cũng nhắc nhở họ phải đối xử tử tế với kẻ thù và súc vật của họ nữa (câu 4-5, *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 22:13-15). Những việc làm tốt lành của chúng ta phải là kết quả của việc tuân thủ luật lệ kèm theo tình yêu thương.

202 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Giữ những kỳ lễ (Xuất Ê-díp-tô Ký 23:10-17). Đức Chúa Trời quản lý thì giờ. Ngài truyền cho dân Do Thái phải nghỉ mỗi tuần một ngày để kỷ niệm ngày Sa-bát. Cứ bảy năm phải kỷ niệm một Năm Sa-bát. Trong suốt khoảng thời gian đó đất được nghỉ ngơi, người nghèo có thể dùng lương thực từ thực vật có sẵn mà không phải gieo trồng (Lê-vi Ký 25:1-7). Đã từ lâu, dân Do Thái được ban cho những luật lệ có mục đích bảo vệ sinh thái. Nhưng vào năm đặc biệt này, đức tin và sự vâng lời của họ sẽ được thử nghiệm.

Khi dân chúng đã định cư trong xứ, các người đàn ông phải họp lại để thờ phượng ba lần trong một năm, vào lễ Vượt Qua, lễ Ngũ Tuần, và lễ Lều Tạm. (Xin xem Lê-vi Ký 23:1-44 để biết về lịch tôn giáo của Do Thái). Những người nam này thường đi cùng với gia đình họ (xem I Sa-mu-ên 1:1-28 và Lu-ca 2:40).

“Chớ nên nấu dê con trong sữa mẹ nó” (Xuất Ê-díp-tô Ký 23:19; 34:26; Phục Truyền Luật Lệ Ký 14:21). Dê con là một món ăn ưa thích trong dân, khi nấu trong sữa sẽ làm cho món ăn ngon hơn. Ăn thịt dê con nấu trong sữa của mẹ nó là một sở thích phản ánh một tư tưởng không lành mạnh và sự thiếu lành mạnh này sẽ sinh ra nhiều tội lỗi. Hơn nữa, việc nấu dê con cách này là một phần của nghi lễ ngoại giáo của dân Ca-na-an, nên Đức Chúa Trời không muốn dân Ngài học đòi những kẻ thờ lạy hình tượng. Vì luật này có liên hệ với lễ Lều Tạm, lễ Mùa Gặt, nên có lễ nghi lễ được thiết lập để cầu mong sự thịnh vượng. Sữa được rắc trên cây cối và đồng ruộng để làm gia tăng sự màu mỡ, đây là một hành động ma thuật bị ngăn cấm đối với Y-sơ-ra-ên⁷.

3. Đức Chúa Trời Là Khôn Ngoan: Hãy Theo Sứ Dẫn Đất Của Ngài

Xuất Ê-díp-tô Ký 23:20-24:8

²⁰ Đây này, ta sai một thiên sứ đi trước mặt ngươi, đặt phù hộ trong lúc đi đường, và đưa ngươi vào nơi ta đã dự bị. ²¹ Trước mặt ngươi, ngươi khá giữ mình, phải nghe theo lời, chớ nên phản nghịch; người sẽ chẳng tha tội ngươi đâu, vì danh ta ngự trong mình ngươi.

²² Nhưng nếu ngươi chăm chỉ nghe lời người, cùng làm theo mọi lời ta sẽ phán, ta sẽ thù nghịch cùng kẻ thù nghịch ngươi, và đối địch với kẻ đối địch ngươi. ²³ Vì thiên sứ ta sẽ đi trước mặt, đưa ngươi vào xứ của dân A-mô-rít, dân Hê-tít, dân Phê-rê-sít, dân Ca-na-an, dân Hê-vít, và dân Giê-bu-sít, rồi ta sẽ diệt chúng nó.

²⁴ Ngươi chớ quì lạy và hầu việc các thần chúng nó; chớ bắt chức công việc họ, nhưng phải diệt hết các thần đó và đập nát các pho tượng họ đi. ²⁵ Ngươi hãy hầu việc Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi; Ngài sẽ ban ơn cho vật ăn uống của ngươi, và tiêu trừ các bệnh hoạn giữa vòng ngươi. ²⁶ Trong xứ ngươi sẽ chẳng có đàn bà sảo thai hay là đàn bà son sẻ. Ta sẽ cho ngươi được trường thọ. ²⁷ Ta sẽ sai sự kinh khiếp ta đi trước, hễ ngươi đến dân nào, ta sẽ làm cho dân ấy vỡ chạy lạc đường, và cho kẻ thù nghịch ngươi xây lũy trước mặt ngươi. ²⁸ Ta sẽ sai ong lổ đi trước đánh đuổi dân Hê-vít, dân Ca-na-an, dân Hê-tít khỏi trước mặt ngươi. ²⁹ Ta sẽ chẳng đuổi chúng nó đi hết trong một năm đâu, e khi xứ sẽ trở nên đồng vắng, và loài thú rừng sanh sản ra đồng, hại ngươi chẳng; ³⁰ nhưng ta sẽ đuổi chúng nó lần lần khỏi trước mặt ngươi, cho đến chừng nào số ngươi thêm nhiều và có thể cầm đất đó làm sản nghiệp.

³¹ Ta sẽ phân định bờ cõi ngươi từ Biển-Đỏ chí biển Phi-li-tin, từ đồng vắng đến sông cái; vì ta sẽ giao phú dân đó vào tay ngươi, và ngươi sẽ đuổi chúng nó khỏi mặt mình. ³² Ngươi đừng kết giao ước cùng chúng nó, hoặc cùng các thần của chúng nó. ³³ Họ sẽ chẳng ở trong xứ ngươi đâu, e khi chúng nó xui cho ngươi phạm tội cùng ta mà hầu việc các thần họ chẳng; điều đó chắc sẽ thành một cái bẫy cho ngươi vậy.

24

¹ Đức Chúa Trời phán cùng Môi-se rằng: Ngươi và A-rôn, Na-đáp, và A-bi-hu cùng bảy mươi trưởng lão Y-sơ-ra-ên hãy lên cùng Đức Giê-hô-va ở đằng xa mà lạy. ² Chỉ một mình Môi-se đến gần Đức Giê-hô-va mà thôi, còn họ không đến gần, và dân chúng cũng không lên cùng ngươi.

204 / Xuất Ê-díp-tô Ký

³ Môi-se bèn đến thuật lại cho dân mọi lời phán của Đức Giê-hô-va và các luật lệ, thì chúng đồng thanh đáp rằng: Chúng tôi sẽ làm mọi lời Đức Giê-hô-va phán dạy. ⁴ Môi-se chép hết mọi lời của Đức Giê-hô-va; rồi dậy sớm, xây một bàn thờ nơi chân núi, dựng mười hai cây trụ chỉ về mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên. ⁵ Người sai kẻ trai trẻ của dân Y-sơ-ra-ên đi dâng của lễ thiêu và của lễ thù ân cho Đức Giê-hô-va bằng con bò tơ. ⁶ Môi-se lấy phân nửa huyết dựng trong các chậu, còn phân nửa thì rưới trên bàn thờ. ⁷ Đoạn, người cầm quyển sách giao ước đọc cho dân nghe, thì họ nói rằng: Chúng tôi sẽ làm và vâng theo mọi lời Đức Giê-hô-va phán chỉ. ⁸ Môi-se bèn lấy huyết rưới trên mình dân mà nói rằng: Đây là huyết giao ước của Đức Giê-hô-va đã lập cùng các người y theo mọi lời này.

Dân Y-sơ-ra-ên lưu lại núi Si-nai khoảng 11 tháng, sau đó họ đến Ca-đe Ba-nê-a trước khi vào trong xứ (*Dân Số Ký* 10:11-14:45). Không tin cậy Đức Chúa Trời, không nghĩ rằng sẽ được ban sản nghiệp nên họ bị Chúa bắt phải lang thang trong đồng vắng cho đến khi thế hệ từ 20 tuổi trở lên đều đã chết, ngoại trừ Ca-lép và Giô-suê. Trong 38 năm, Đức Chúa Trời dẫn dắt dân Ngài và sau đó đem họ trở về biên giới Ca-na-an để tiến vào giành lấy xứ.

Vị thiên sứ ở đây là Chúa Giê-xu Christ, Con Đức Chúa Trời, Thiên Sứ Của Giao Ước (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 14:19). Chỉ có Ngài mới có thể tha thứ những vi phạm và danh kỳ diệu của Đức Chúa Trời chỉ ở trong Ngài. Đức Chúa Trời đã chuẩn bị một nơi cho dân trên đất của Ngài (23:20) cũng như Chúa Giê-xu đang chuẩn bị một nơi ở trên trời cho dân của Ngài (*Giăng* 14:1-6). Nếu họ vâng theo Chúa, Ngài sẽ đáp ứng tất cả những nhu cầu của họ và đánh bại mọi kẻ thù của họ.

Một lần nữa, Chúa cảnh cáo họ về tội thờ hình tượng, tà thần của các dân tộc chung quanh là những dân mà họ sẽ đánh bại. Nếu Y-sơ-ra-ên dâng mình hoàn toàn cho Chúa, Ngài sẽ đi trước họ, đánh bại kẻ thù của họ, và giúp họ chinh phạt xứ. Thật vậy, “sự kinh khiếp của Đức Chúa Trời” đã đi trước Y-sơ-ra-ên và làm suy yếu dân trong xứ

(*Giô-suê* 2:11; *Xuất Ê-díp-tô Ký* 15:16). “Ông lỗ” trong (23:28) rất có thể là loài côn trùng mà chúng ta đã biết vì dân Đông phương rất coi trọng loài ong lỗ (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 7:20; *Giô-suê* 24:12). Từ Hê-bơ-rơ này tương tự với từ có nghĩa là Ai Cập (zirah / mizraim), vì vậy một số nhà nghiên cứu tin rằng đây là hình ảnh có liên hệ đến những đội quân Ai Cập thường xuyên xâm lấn xứ Ca-na-an trước khi dân Do Thái đến. Trong (*Ê-sai* 7:18), Ai Cập đã được ví sánh với con ruồi và A-si-ri được ví sánh với con ong.

Giô-suê và đội quân của ông đã mất gần bảy năm mới chinh phục được xứ, và theo sau chiến thắng này là một đợt “càn quét”. Đức Chúa Trời hoạch định rằng dân sẽ từ từ chiếm lấy xứ để có thì giờ kiểm soát được mọi sự, nhưng một số chi phái không thể chinh phục được trọn vẹn phần lãnh thổ đã được giao cho họ (*Các Quan Xét* 1:1-2:23). Đức Chúa Trời đã đặt ra ranh giới của xứ này (*Sáng Thế Ký* 15:18-21). Đến thời vua Đa-vít và Sa-lô-môn thì lãnh thổ Y-sơ-ra-ên đạt đến các ranh giới ấy (*II Sa-mu-ên* 8:1-14; *I Các Vua* 4:20-25), nhưng khi dân tộc Y-sơ-ra-ên bị chia cắt, lãnh thổ họ rơi dần vào tay của kẻ thù.

4. Đức Chúa Trời Là Thành Tín: Hãy Tin Cậy Giao Ước Của Ngài

Xuất Ê-díp-tô Ký 24:1-8.

¹ Đức Chúa Trời phán cùng Môi-se rằng: Người và A-rôn, Na-đáp, và A-bi-hu cùng bảy mươi trưởng lão Y-sơ-ra-ên hãy lên cùng Đức Giê-hô-va ở đấng xa mà lạy. ² Chỉ một mình Môi-se sẽ đến gần Đức Giê-hô-va mà thôi, còn họ không đến gần, và dân cũng không lên cùng người.

³ Môi-se bèn đến thuật lại cho dân mọi lời phán của Đức Giê-hô-va và các luật lệ, thì chúng đồng thanh đáp rằng: Chúng tôi sẽ làm mọi lời Đức Giê-hô-va phán dạy. ⁴ Môi-se chép hết mọi lời của Đức Giê-hô-va; rồi dậy sớm, xây một bàn thờ nơi chân núi, dựng mười hai cây trụ chỉ về mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên. ⁵ Người sai kẻ trai

206 / Xuất Ê-díp-tô Ký

trẻ của dân Y-sơ-ra-ên đi dâng của lễ thiêu và của lễ thù ân cho Đức Giê-hô-va bằng con bò tơ. ⁶ Môi-se lấy phân nửa huyết đựng trong các chậu, còn phân nửa thì rưới trên bàn thờ. ⁷ Đoạn, người cầm quyển sách giao ước đọc cho dân nghe, thì họ nói rằng: Chúng tôi sẽ làm và vâng theo mọi lời Đức Giê-hô-va phán chỉ. ⁸ Môi-se bèn lấy huyết rưới trên mình dân mà nói rằng: Đây là huyết giao ước của Đức Giê-hô-va đã lập cùng các người y theo mọi lời này.

Hai câu đầu có liên hệ với *Xuất Ê-díp-tô Ký* 20:21, khi Đức Chúa Trời gọi Môi-se lên núi Si-nai, mang theo 70 trưởng lão, cùng với A-rôn và hai con trai là Na-đáp và A-bi-hu. Môi-se thuật lời của Đức Chúa Trời với dân, và một lần nữa họ hứa sẽ vâng theo mọi điều Đức Chúa Trời phán dạy (24:3; 19:8). Sau đó ông viết lại tất cả những gì Đức Chúa Trời đã phán dạy, tức là Mười Điều Răn và Quyển Sách Giao Ước.

Những lời hứa suông không làm cho dân nhớ mãi được Quyển Sách Giao Ước. Vì vậy, sáng hôm sau Môi-se dựng một bàn thờ cho Chúa và dựng mười hai trụ đá tiêu biểu cho mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên. Những người trai trẻ được biệt riêng để làm thầy tế lễ dâng của lễ cho Chúa vì giao ước phải được đóng dấu bởi huyết. Huyết được rảy trên bàn thờ, biểu thị rằng Đức Chúa Trời đã tha thứ cho tội lỗi của dân Ngài.

Tiếp đó, Môi-se đọc Quyển Sách Giao Ước cho dân và thầy đều tuyên xưng vâng phục Chúa. Môi-se lấy phần huyết còn lại trong các chậu và rảy trên Quyển Sách và trên dân (24:8; *Hê-bơ-rơ* 9:19-20). Đó là nghi lễ ban hành giao ước. Y-sơ-ra-ên phải có trách nhiệm vâng theo những luật lệ của Chúa. Giao ước đã được phê chuẩn bằng huyết, và Đức Chúa Trời sẽ giữ lời hứa của Ngài đã lập cùng dân chúng! Toàn dân đều biết rằng Đức Chúa Trời thành tín với lời hứa của Ngài.

Lời hứa của Chúa trong *Xuất Ê-díp-tô Ký* 6:6-8 giờ đây sắp bước vào giai đoạn thứ ba. Đức Chúa Trời đã chuộc

dân Ngài (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 1:1-18:27) và chính Ngài đã nhận họ làm dân của Ngài (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 19:1-24:18); Ngài sẽ đến và ngự giữa vòng họ và làm Đức Chúa Trời của họ (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 25:1-40:38). Phần cuối của sách *Xuất Ê-díp-tô Ký* tập trung vào sự thiết kế, xây dựng và dâng hiến đền tạm. Phần này chứa đựng nhiều lẽ thật thuộc linh và những bài học thực tiễn.

Chú thích

¹ Xem *Giăng* 1:18; 5:37; 6:46; *Cô-lô-se* 1:15; *I Ti-mô-thê* 1:17; 6:16; *Hê-bơ-rơ* 11:27.

² Jacques Ellul, *The Humiliation of the Word* (Grand Rapids: William B. Eerdmans, 1985), 86. Toàn chương ("Idols and the Word" - Hình Tượng và Lời Chúa). Tác phẩm này bàn kỹ về mối nguy không chịu nghe Lời Đức Chúa Trời mà chỉ tìm xem trong Ngài có gì đáng chú ý không. Chúng ta không thể hiểu biết được bản chất và ý chỉ của Đức Chúa Trời ngoại trừ những điều Ngài thấy cần khải thị cho chúng ta. Hình tượng nguy hiểm ở chỗ nó thay thế cho thân vị của Đức Chúa Trời và cả Lời Đức Chúa Trời nữa.

³ Abraham Joshua Heschel, *I Ask for Wonder: A Spiritual Anthology* Samuel H. Dresner, (New York: Crossroad, 1996), 73. Đáng tiếc rằng, trong thời của Chúa Giê-xu, một số thầy thông giáo và người Pha-ri-si đã biến Kinh Thánh thành vật thiêng nhưng không hề biết gì về Đức Chúa Trời của Kinh Thánh cả (*Giăng* 5:37-47).

⁴ Những người khá giả đôi khi có vợ bé. Luật pháp bảo đảm cho họ được hưởng những quyền lợi hợp pháp (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 21:10-14).

⁵ Từ La-tinh "talīs" nghĩa là "như thế", từ đó sinh ra chữ "retaliate" nghĩa là "trả miếng". Luật "ăn miếng trả

208 / Xuất Ê-díp-tô Ký

miếng” là một nguyên tắc giữ người ta khỏi sự trả thù quá đà.

⁶ Tòa án nhằm minh oan người vô tội và kết án kẻ có tội, nhưng trước Đức Chúa Trời, *không có người nào vô tội cả*. “Mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời” (Rô-ma 3:23). Nhưng trong ân sủng Ngài, vì cố sự hy sinh của Đấng Christ trên thập tự giá, Đức Chúa Trời xưng công bình cho bất cứ tội nhân nào tin nơi Chúa Giê-xu (4:5). Đức Chúa Trời biện hộ cho kẻ gian ác và bởi điều này Ngài biến đổi họ để họ không sống đời sống tội lỗi nữa!

⁷ Bởi luật này, người Do Thái chính thống không dùng sữa chung với thịt trong bữa ăn.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 9

Xuất Ê-díp-tô Ký 20:22-24:8

1. Những luật lệ của Đức Chúa Trời căn cứ trên điều gì?
2. Luật Pháp có thể làm gì, và không thể làm gì?
3. Những khác biệt giữa tôn giáo về một Đức Chúa Trời chân thật và các tà giáo là gì?
4. Làm thế nào để đảm bảo những lời hứa nhiệt thành của chúng ta sẽ được vâng giữ?
5. Sự công bình thật là gì?
6. Trong *Xuất Ê-díp-tô Ký 21:15, 18*, Đức Chúa Trời định án tử cho việc đánh đập hoặc chửi rủa cha mẹ. Một người cha hay người mẹ Cơ Đốc có thể học được nguyên tắc gì từ điều này? Ngày nay, hậu quả thích đáng cho những tội lỗi như thế là gì?
7. Khi đọc những phân đoạn Kinh Thánh có đề cập đến những luật lệ cụ thể chi phối đến công việc hằng ngày của Y-sơ-ra-ên, chúng ta đã ứng dụng riêng cho cá nhân mình thế nào (nếu có)?
8. Bạn hiểu thế nào về sự công bình của luật “mất đền mất” trong thời Cựu Ước so sánh với sự dạy dỗ của Chúa Giê-xu về việc “đưa má bên kia”? (xem *Ma-thi-ơ 5:38-39*).
9. Một người phạm lỗi phải làm gì để sửa chữa sai lầm?
10. Dân Y-sơ-ra-ên cần phải làm gì để nhận được sự ban phước của Đức Chúa Trời?

Phân Chuyển Tiếp

Trước khi bắt đầu phân nghiên cứu về đền tạm và chức tế lễ, chúng ta cần xét trước một số vấn đề.

Trước tiên, vì sách *Xuất Ê-díp-tô Ký* không được sắp xếp theo chủ đề nên phần về đền tạm và chức tế lễ được bàn trong sách *Xuất Ê-díp-tô Ký* trong các chương 25-39 cũng như trong các sách *Lê-vi*, *Dân Số*, và *Phục Truyền*. Có lẽ Đức Chúa Trời đã hướng dẫn Môi-se viết theo cách ấy để các thầy tế lễ (và các tín hữu ngày nay) phải đọc tất cả các tài liệu này để biết về điều Đức Chúa Trời muốn nói. Cả Kinh Thánh được Đức Chúa Trời thần cảm và cả Kinh Thánh phải được nghiên cứu bất cứ chủ đề nào cũng phải xét đến toàn bộ Kinh Thánh. Để việc nghiên cứu những chương này dễ dàng hơn, tôi đã đối chiếu tài liệu trong *Xuất Ê-díp-tô Ký* dưới nhiều đề mục chính, và tôi cũng sẽ đề cập đến ba sách khác của Môi-se.

Hai là, việc xem xét từng chi tiết trong mỗi phần của đền tạm và quần áo tế lễ để làm chệch hướng việc nghiên cứu, vì thế tôi tập trung vào những lễ thật thuộc linh chính yếu mà tôi tin Đức Chúa Trời muốn chúng ta học biết. Khi đã nắm được những lễ thật này, bạn sẽ được trang bị thuộc linh đầy đủ hơn để nghiên cứu những vấn đề khác.

Cuối cùng, đền tạm là chiếc lều di động, không phải là nơi để hội họp như nhà thờ. Khi Y-sơ-ra-ên nhổ trại, người Lê-vi tháo dỡ lều một cách cẩn thận, gói ghém đồ đạc lại, rồi mang đi cho đến khi Chúa bảo dừng lại (màn và khung được chở trên xe ngựa). Tại nơi ở mới, đền tạm được lắp ráp và đồ đạc được xếp đặt vào đúng chỗ (*Dân Số Ký* 3:1-4:49). Mỗi món đồ có những cái khoen để luồn vào những cây đòn để mang gánh đồ đạc qua suốt cuộc hành trình trong đồng vắng, những cây đòn trên cái hòm không bao giờ được rút ra (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 25:15; *I Các Vua* 8:8).

Nơi Đức Chúa Trời Ngự Vào (Phần I)

*Xuất Ê-díp-tô Ký 24:9-25:40; 27:20-21; 30:11-16;
31:1-11; 35:4-36:38; 37:1-24; 38:21-31*

Thành tín với lời hứa của Ngài trong *Xuất Ê-díp-tô Ký 6:6-8*, Chúa đã giải cứu dân Ngài ra khỏi Ai Cập (1:1-18:26) và tại núi Si-nai Ngài “tiếp nhận” con dân Chúa coi như một của báu đặc biệt (19:24; *Rô-ma 9:4*). Giờ đây Ngài thực hiện phần còn lại của lời hứa đó bằng cách đến trại quân của Y-sơ-ra-ên và ngự giữa vòng dân Ngài (*Xuất Ê-díp-tô Ký 25:1-40:38*).

Để làm việc này, Chúa cần đến hai điều: một nơi để sự vinh hiển của Ngài ngự vào, và những người phục vụ Ngài tại nơi đó. Vì vậy, Ngài ra lệnh dân Do Thái dựng đền tạm và biệt riêng chi phái Lê-vi để phục vụ Ngài. Việc dựng đền tạm và việc phong chức tế lễ là hai chủ đề chính của *Xuất Ê-díp-tô Ký 25-40*.

Trải qua suốt *Sáng Thế Ký*, Chúa đã đồng đi với dân Ngài – A-đam và Ê-va (*Sáng Thế Ký 3:8*), Hê-nóc (5:22-24), Nô-ê (6:9), và các trưởng tộc (17:1; 24:40; 29:44-46), nhưng giờ đây Ngài lưu lại cùng họ. Việc có Chúa ngự trong trại quân là một vinh dự đối với dân tộc Y-sơ-ra-ên (*Rô-ma 9:4-5*), vì không một dân tộc nào khác có Đức Chúa Trời hằng sống ở cùng. Nhưng hưởng vinh dự thì phải có trách nhiệm. Dân Y-sơ-ra-ên phải có trách nhiệm

giữ cho trại quân của mình thật thánh sạch vì đây là nơi Đấng Thánh ngự vào.

Mười sáu chương này không chỉ ghi lại những sự kiện lịch sử xoay quanh việc xây dựng đền tạm và tấn phong chức tế lễ mà còn là những trang sách quan trọng trình bày một số lẽ thật thuộc linh sâu sắc về một Đức Chúa Trời thánh khiết và cách chúng ta đến gần Ngài thờ phượng và “phục vụ sao cho thật tôn kính” (*Hê-bơ-rơ* 12:28).

1. Đức Chúa Trời Kêu Gọi Chúng Ta Đến

Sự Thờ Phượng Ngài

Xuất Ê-díp-tô Ký 24:9-18

⁹ Đoạn, Môi-se và A-rôn, Na-đáp và A-bi-hu cùng bảy mươi trưởng lão Y-sơ-ra-ên đều lên núi, ¹⁰ ngó thấy Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên; dưới chân Ngài có một vật giống bích ngọc trong ngần, khác nào như sắc trời thanh quang. ¹¹ Ngài chẳng tra tay vào những người tôn trọng trong vòng dân Y-sơ-ra-ên; nhưng họ ngó thấy Đức Chúa Trời, thì ăn và uống.

¹² Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Hãy lên núi, đến cùng ta và ở lại đó; ta sẽ ban cho ngươi bảng đá, luật pháp và các điều răn của ta đã chép đặt dạy dân. ¹³ Môi-se bèn chờ dậy cùng Giô-suê, kẻ hầu mình, rồi Môi-se đi lên núi Đức Chúa Trời. ¹⁴ Người bèn nói cùng các trưởng lão rằng: Hãy đợi chúng tôi tại đây cho đến chừng nào trở về cùng các người. Nầy, A-rôn và Hu-rơ ở lại cùng các người, ai có việc chi hãy hỏi hai người đó.

¹⁵ Vậy, Môi-se lên núi, mây che phủ núi. ¹⁶ Sự vinh quang của Đức Giê-hô-va ở tại núi Si-na-i; trong sáu ngày mây phủ núi, qua ngày thứ bảy Đức Giê-hô-va ngự trong đám mây gọi Môi-se. ¹⁷ Cảnh trạng của sự vinh quang Đức Giê-hô-va nơi đỉnh núi, trước mặt dân Y-sơ-ra-ên, khác nào như đám lửa hừng. ¹⁸ Môi-se vào giữa đám mây, lên núi, ở tại đó trong bốn mươi ngày và bốn mươi đêm.

Thờ phượng Đức Chúa Trời là vinh dự cao nhất và là trách nhiệm lớn nhất của đời sống Cơ Đốc, vì Đức Chúa Trời là Đấng Chí Cao trong vũ trụ và là Đấng mà một ngày nào đó chúng ta phải khai trình. Mọi điều chúng ta có và làm đều bắt nguồn từ mối liên hệ của chúng ta với Chúa. Đức

214 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Chúa Trời đã tạo nên chúng ta theo hình ảnh của Ngài để chúng ta có thể yêu Ngài và giao thông với Ngài, không phải vì bắt buộc mà do sở nguyện. Đức Chúa Trời tìm kiếm những người thờ phượng Ngài “bằng tâm thần và lẽ thật” (Giăng 4:23-24).

Bước lên càng cao. Tại chân núi, dân Y-sơ-ra-ên thậm trọng không tiến đến quá gần và chờ đợi Lời của Chúa. Môi-se, A-rôn, Na-đáp và A-bi-hu cùng bảy mươi trưởng lão đã lên cao hơn và được gặp Chúa (Xuất Ê-díp-tô Ký 24:9-11), sau đó Môi-se với Giô-suê còn lên cao hơn nữa (c.13-14). Sau cùng chỉ một mình Môi-se tiến lên cao hơn và tại nơi đó ông đã nhìn thấy sự vinh hiển của Chúa (c.15-17).

Mọi điều này là sự minh họa một lẽ thật quan trọng là chúng ta cần phải lớn lên trong kinh nghiệm thờ phượng Chúa, và chính chúng ta là những người quyết định phải lên “cao” đến mức nào. Dân chúng đứng dưới chân núi rất sợ hãi khi nghe tiếng Chúa phán và an tâm khi nghe Môi-se nói với họ (20:18-19). Nhưng Môi-se không chỉ nghe tiếng Đức Chúa Trời mà ông còn trông thấy sự vinh hiển của Ngài. Thật đáng buồn khi dân Chúa chỉ muốn dừng lại ở mức thấp nhất khi vẫn có những độ cao mới của phước hạnh dành cho những ai tìm kiếm Đức Chúa Trời bằng cả tấm lòng của họ.

Y-sơ-ra-ên phải thờ phượng từ đằng xa, vì đó là mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, nhưng Đức Chúa Trời kêu gọi những tín hữu ngày nay bước vào trong sự hiện diện của Ngài với một tấm lòng và đức tin tươi mới (Ê-phê-sô 10:19-25). “Hãy đến gần Đức Chúa Trời, thì Ngài sẽ đến gần anh em” (Gia-cơ 4:8). Chúng ta không phải run sợ đến gần một ngọn núi bão táp nhưng dạn dĩ tiến đến một thành vinh hiển trên trời nơi tên chúng ta được ghi sẵn trong danh sách công dân của nước trời (Ê-phê-sô 12:18-24).

Giao thông với Đức Chúa Trời (Xuất Ê-díp-tô Ký 24:9-

11). Kinh Thánh nói rằng 74 người “thấy Đức Chúa Trời”. Điều này không có nghĩa là họ đã nhìn thấy diện mạo của Ngài vì điều này không thể xảy ra (*Giăng* 1:18). Họ chỉ nhìn thấy một phần vinh hiển của Đức Chúa Trời và có thể họ đã được nhìn thấy ngôi của Đức Chúa Trời trên nền bích ngọc (xem *Ê-xê-chi-ên* 1:26), nhưng Đức Chúa Trời không thể thấy được đã ẩn khỏi họ. Sau sự hiện thấy này về Đức Chúa Trời, họ đã cùng dự một bữa ăn thông công với nhau mà điểm đỉnh là việc tiếp nhận giao ước. Ăn với nhau là một dấu hiệu của tình bằng hữu và sự hiệp nhất. Đức Chúa Trời là vinh hiển, cao trọng và được tôn cao, nhưng Ngài cũng hạ mình để dự vào sự thông công với chúng ta! ¹.

Lưu lại với Đức Chúa Trời (Xuất Ê-díp-tô Ký 24:12-18). Đức Chúa Trời gọi Môi-se lên cao hơn nữa để Ngài có thể ban cho ông những bảng đá trên đó Ngài đã viết Mười Điều Răn. Bảng Luật Pháp trong Kinh Thánh được nói đến lần đầu tiên trong phân đoạn này. Đám mây vinh hiển ở lại trên núi Si-nai, và từ Hê-bơ-rơ được dịch “ở lại” là “shekinah”, một từ mà những nhà thần học Do Thái và Cơ Đốc đều sử dụng để mô tả sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Trong *Xuất Ê-díp-tô Ký* 25:8 và 29:45-46, nó được dịch là “ở giữa”. Đám lửa hùng trên núi nhắc nhở chúng ta rằng “Đức Chúa Trời chúng ta là đám lửa hay thiêu đốt” (*Hê-bơ-rơ* 12:29). Môi-se ở lại trên núi với Đức Chúa Trời trong 40 ngày và 40 đêm (xem *Ma-thi-ơ* 4:1-2), suốt thời gian đó, Đức Chúa Trời cho ông biết chương trình về đền tạm và chức tế lễ.

2. Đức Chúa Trời Lập Kế Hoạch

Xuất Ê-díp-tô Ký 25:9, 40; 26:30 ².

⁹ Hãy làm đền đó y như kiểu đền tạm cùng kiểu các đồ dùng mà ta sẽ chỉ cho người.

216 / Xuất Ê-díp-tô Ký

⁴⁰ Vậy, người hãy xem, cứ làm y như kiểu đã chỉ cho trên núi.

26

³⁰ Người phải dựng đền tạm y như kiểu đã chỉ cho người trên núi vậy.

Mỗi khi Đức Chúa Trời làm việc gì, Ngài đều có kế hoạch cho công việc ấy, dù đó là việc xây cất đền tạm hay đền thờ (*I Sử Ký* 28:11-12, 18-19), một Hội Thánh địa phương (*Phi-líp* 2:12-13), hay đời sống và chức vụ của một Cơ Đốc nhân (*Ê-phê-sô* 2:10). Đức Chúa Trời cho Môi-se biết rằng ông phải làm mọi thứ theo như kiểu mẫu đã được tỏ ra cho ông ở trên núi (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 25:40; *Hê-bơ-rơ* 8:5).

Đền tạm trên đất là một bản sao của đền tạm trên trời, nơi Chúa chúng ta giờ đây đang chăm sóc dân Ngài (*Hê-bơ-rơ* 8:1-5; 9:1). Sách *Khải Thị* đề cập đến một bàn thờ bằng đồng (*Khải Thị* 6:9-11), một bàn thờ xông hương (8:3-5), một ngai (4:2), các trưởng lão/ thầy tế lễ (c.4, 5), những ngọn đèn (c. 5), “biển” (c. 6) và chê-ru-bin (c. 6-7). Tất cả đều giống với những đồ đạc chính yếu của đền tạm trên đất. Một nguyên tắc cơ bản về chức vụ là chúng ta phải làm theo kiểu mẫu được ban cho từ trời, không phải kiểu mẫu của thế gian này (*Rô-ma* 12:2).

3. Đức Chúa Trời Cung Cấp Vật Liệu Để Xây Cất

Xuất Ê-díp-tô Ký 25:1-9; 30:11-16; 35:4-29.

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: ² Hãy nói cùng dân Y-sơ-ra-ênặng họ dâng lễ vật cho ta; các người hãy nhận lấy lễ vật của mọi người có lòng thành dâng cho. ³ Đây là lễ vật các người sẽ nhận lấy của họ: vàng, bạc, và đồng; ⁴ chỉ tím, đỏ điều, đỏ sậm, vải gai mịn, lông dê, da chiên đực nhuộm đỏ, ⁵ da cá nước, cây si-tim, ⁶ dầu thấp, hương liệu để làm dầu xức và hương, ⁷ bích ngọc cùng các thứ ngọc khác để gắn vào ê-phốt và bảng đeo ngực. ⁸ Họ sẽ làm cho ta một đền thánh và ta sẽ ở giữa họ. ⁹ Hãy làm đền đó y như kiểu đền tạm cùng kiểu các đồ dùng mà ta sẽ chỉ cho người.

30

¹¹ Đức Giê-hô-va cũng phán cùng Môi-se rằng: ¹² Khi nào người đếm số dân Y-sơ-ra-ên đặng kê số, mỗi tên phải nộp tiền đền mạng mình cho Đức Giê-hô-va, hầu cho khỏi mắc tai nạn chi trong khi kê số. ¹³ Kẻ nào có tên trong sổ phải nộp nửa siếc-lơ, tùy siếc-lơ của nơi thánh, cân nặng hai mươi ghê-ra; vậy, nửa siếc-lơ, tức là của dâng cho Đức Giê-hô-va. ¹⁴ Mọi người có tên vào sổ từ hai mươi tuổi sắp lên sẽ dâng của nầy cho Đức Giê-hô-va. ¹⁵ Khi dâng của nầy cho Đức Giê-hô-va đặng đền mạng mình, người giàu không nộp trời, người nghèo không nộp thiếu nửa siếc-lơ. ¹⁶ Vậy, người thu tiền đền mạng của dân Y-sơ-ra-ên, rồi dùng tiền đó vào việc hội mạc; ấy là một kỷ niệm của dân Y-sơ-ra-ên trước mặt Đức Giê-hô-va, đặng đền mạng mình.

35

⁴ Môi-se nói cùng cả hội chúng Y-sơ-ra-ên rằng: Đây là các lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn: ⁵ Hãy lấy một lễ vật chi ở nhà các người mà dâng cho Đức Giê-hô-va. Hễ người nào có lòng thành dâng cho, hãy đem lễ vật cho Đức Giê-hô-va: vàng, bạc, và đồng; ⁶ chỉ tím, đỏ điều, đỏ sậm, vải gai mịn, lông dê, ⁷ da chiên đực nhuộm đỏ, da cá nước, cây si-tim, ⁸ dầu thấp, các thứ hương liệu đặng chế dầu xức và hương thơm, ⁹ bích ngọc, và các thứ ngọc khác để dùng khảm cho ê-phôít và băng đeo ngực. ¹⁰ Trong vòng các người mấy người khôn ngoan hơn hết hãy đến làm mọi điều Đức Giê-hô-va đã phán dặn; ¹¹ đền tạm, trại và bong của đền tạm, móc, ván, xà ngang, trụ và lỗ trụ; ¹² hòm bằng chứng và đôn khiêng; nắp thi ân cùng màn che nơi chí thánh; ¹³ cái bàn và đôn khiêng, các đồ phụ tùng của bàn cùng bánh trần thiết; ¹⁴ chân đèn, đồ phụ tùng, các đèn và dầu thấp đèn; ¹⁵ bàn thờ xông hương cùng đôn khiêng; dầu xức, hương liệu, và bức màn cửa đền tạm; ¹⁶ bàn thờ dâng của lễ thiêu và rá đồng; đôn khiêng và các đồ phụ tùng của bàn thờ; cái thùng và chân thùng; ¹⁷ bộ vi che hành lang, trụ, lỗ trụ, và bức màn của cửa hành lang; ¹⁸ các nọc của đền tạm, cùng nọc và dây của hành lang; ¹⁹ bộ áo lễ dùng về công việc trong nơi thánh; bộ áo thánh cho A-rôn, thầy tế lễ cả, và bộ áo cho các con trai người đặng làm chức tế lễ.

²⁰ Cả hội chúng Y-sơ-ra-ên bèn lui ra khỏi mặt Môi-se. ²¹ Mọi người có lòng cảm động, và mọi người có lòng thành, đều đem lễ vật đến dâng cho Đức Giê-hô-va, để làm công việc hội mạc, các đồ phụ tùng và bộ áo thánh. ²² Phàm người nam cùng nữ, tức mọi kẻ có lòng thành, đều đến đem những hoa tai, nhẫn, khâu, kiềng, các thứ trang sức bằng vàng, và hết thầy đều dâng lễ vật bằng vàng cho Đức Giê-

218 / Xuất Ê-díp-tô Ký

hô-va. ²³ Kẻ nào ở nhà mình có chỉ tím, đỏ điều, đỏ sậm, vải gai mịn, lông dê, da chiên đực nhuộm đỏ, và da cá nước đều đem đến. ²⁴ Hễ ai có chỉ làm lễ vật bằng bạc hay bằng đồng, đều đem dâng cho Đức Giê-hô-va, và hễ ai có cây si-tim nơi nhà mình dùng hiệp về các công việc tế lễ, đều đem đến. ²⁵ Phàm người đàn bà khéo thì chánh tay mình kéo chỉ lấy và đem đến món chi họ đã kéo rồi, chỉ tím, đỏ điều, đỏ sậm, và chỉ gai mịn. ²⁶ Còn mấy người đàn bà có cảm động và tài khéo thì kéo chỉ lông dê. ²⁷ Các bực tôn trưởng trong dân đem bích ngọc và các thứ ngọc khác để khảm cho ê-phót và băng đeo ngực; ²⁸ dầu thấp đèn, các hương liệu để chế dầu xức và dầu thơm. ²⁹ Cả dân Y-sơ-ra-ên, nam hay nữ, phàm ai có lòng cảm động xui cho mình tình nguyện quyên vào các công việc Đức Giê-hô-va đã phán dặn nơi Môi-se, đều đem dâng cho Đức Giê-hô-va các lễ tình nguyện vậy.

Chúng ta chỉ có thể dâng lên Đức Chúa Trời những gì Ngài đã ban cho chúng ta trước, vì mọi thứ đều đến từ Ngài. Đa-vít đã nói trong lời cầu nguyện của ông: “chúng tôi đã dâng cho Chúa chỉ những gì đến từ tay Ngài” (*I Sử Ký* 29:14).

Đức Chúa Trời không chỉ tạo ra những vật liệu mà dân đã đem đến cho Ngài (*Ê-sai* 66:1-2), Ngài cũng làm việc trong lòng họ để họ vui lòng dâng cách rời rộ (xem *II Cô-rinh-tô* 8:1-5, 12). Dân chúng dâng hiến quá nhiều đến nỗi Môi-se phải bảo họ ngưng lại! (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 36:6-7).

Các loại vật liệu cần thiết là: kim loại quý (vàng, bạc), đồng thiếc, vải (chỉ, vải gai mịn, và lông dê), gỗ, da, dầu ô-liu, hương liệu, và đá quý. Người ta ước tính rằng một tấn vàng và trên 3 tấn bạc đã được sử dụng trong đền tạm. Tất cả của cải này đến từ đâu? Trước hết, dân Do Thái đã “tước đoạt” của dân Ai Cập trước khi họ rời khỏi xứ ấy (12:35-36), và chắc là cũng có những chiến lợi phẩm từ cuộc chiến thắng dân A-ma-léc (17:8-16). Đức Chúa Trời bảo đảm rằng họ có mọi thứ họ cần để xây dựng đền tạm như Ngài đã thiết kế sẵn cho họ vậy.

Theo *Xuất Ê-díp-tô Ký* 30:11-16, Môi-se thu nửa siếc-lơ của mỗi người ở tuổi quân ngũ, và theo (38:21-31), tất cả số bạc này lên đến 100 ta-lăng cộng với 1.775 siếc-lơ, tổng cộng là 301.775 siếc-lơ (một ta-lăng có 3.000 siếc-lơ). Khoản này do 603.550 người ở độ tuổi 20 trở lên đóng góp. Số bạc này đã được dùng để làm những cái lỗ cột trụ của đền thờ và những cái móc để treo các bức màn.

4. Đức Chúa Trời Trang Bị Cho Những Người Làm Việc

Xuất Ê-díp-tô Ký 31:1-11; 35:30-36:7.

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se nữa rằng: ² Này, ta đã kêu tên Bết-sa-lê-ên, con trai của U-ri, cháu của Hu-rơ, trong chi phái Giu-đa. ³ Ta đã làm cho người đầy dẫy Thần của Đức Chúa Trời, sự khôn ngoan, sự thông sáng, và sự hiểu biết để làm mọi thứ nghề thợ, ⁴ đặng bày ra và chế tạo đồ vàng, bạc và đồng, ⁵ đặng khắc và khảm ngọc, đeo gỗ và làm được mọi thứ nghề thợ. ⁶ Đây, ta lại cho một người phụ việc, tên là Ô-hô-li-áp con trai của A-hi-sa mạc, trong chi phái Đan. Ta cũng đã ban sự thông minh cho mọi người tài năng, hầu cho họ làm các việc ta đã phán dặn người, ⁷ là hội mạc; hòm bồng chướng, nắp thi ân ở trên hòm, cùng đồ dùng trong hội mạc; ⁸ bàn thờ cùng đồ phụ tùng, chân đèn bằng vàng ròng và đồ phụ tùng, bàn thờ xông hương, ⁹ bàn thờ dâng của lễ thiêu cùng đồ phụ tùng, cái thùng và chân thùng; ¹⁰ áo lễ, áo thánh cho A-rôn thầy tế lễ cả, và bộ áo cho các con trai người, đặng làm chức tế lễ; ¹¹ dầu xức, và hương thơm của nơi thánh. Các người đó phải làm hết thầy theo lời ta đã phán dặn người.

35

³⁰ Môi-se nói cùng dân Y-sơ-ra-ên rằng: Này Đức Giê-hô-va đã kêu danh Bết-sa-lê-ên, con trai của U-ri, cháu của Hu-rơ, trong chi phái Giu-đa. ³¹ Ngài phú cho người đầy dẫy Thần của Đức Chúa Trời, sự khôn ngoan, sự thông sáng, và sự hiểu biết, để làm mọi thứ nghề thợ, ³² đặng bày ra và làm đồ vàng, bạc, và đồng, ³³ đặng khắc và khảm các thứ ngọc, đặng chạm cây làm các đồ khéo léo. ³⁴ Ngài lại phú cho người tài dạy dỗ, và cũng đồng ban cho Ô-hô-li-áp, con của A-hi-sa mạc, trong chi phái Đan nữa; ³⁵ Ngài phú cho hai người đó đầy sự khôn ngoan đặng làm các công nghệ về thợ thêu, thợ dệt nhiều màu, tức là màu tím, đỏ điều, đỏ sẫm, và vải gai mịn; để bày ra và

220 / Xuất Ê-díp-tô Ký

làm các thứ công nghệ khéo.

36

¹ Bết-sa-lê-ên, Ô-hô-li-áp và các người khôn khéo, tức là người Đức Giê-hô-va đã phú cho sự khôn ngoan và sự thông sáng để làm các công việc định dựng về việc tế lễ nơi thánh, đều làm mọi việc mà Đức Giê-hô-va đã phán dặn. ² Vậy, Môi-se bèn gọi Bết-sa-lê-ên, Ô-hô-li-áp, và các người khôn khéo mà trong lòng họ Đức Giê-hô-va phú sự thông sáng, cùng các người có lòng cảm động xui mình đến gần, để làm công việc. ³ Trước mặt Môi-se, họ thu các lễ vật của dân Y-sơ-ra-ên đã đem đến, để làm các công việc định dựng về sự tế lễ nơi thánh. Nhưng mỗi buổi sớm mai, dân chúng lại đem đến lễ vật tình nguyện nữa. ⁴ Thế thì, các người khôn khéo làm mọi công việc của nơi thánh, đều tạm đình, ⁵ đến nói cùng Môi-se rằng: Dân đem đến dư bội phần để làm các công việc mà Đức Giê-hô-va đã phán dặn. ⁶ Theo lệnh truyền của Môi-se, họ bèn đi rao từ trại quân rằng: Bất kỳ người nam hay nữ, chớ làm công việc về lễ vật của nơi thánh nữa! Vậy họ cấm dân không cho đem đến chi thêm nữa hết. ⁷ Vì đã đủ các vật liệu để làm hết thảy công việc, cho đến đổi còn dư lại nữa.

Dù là việc xây dựng đền tạm trong thời Cựu Ước, xây Hội Thánh trong thời Tân Ước, hay việc gây dựng đời sống và chức vụ của chúng ta ngày nay, Thánh Linh Đức Chúa Trời phải trang bị cho chúng ta và giúp chúng ta có thể làm được việc. Đức Chúa Trời đã ban cho Bết-sa-lê-ên và Ô-hô-li-áp kỹ năng và sự khôn ngoan cần có. Những người thợ làm việc dưới quyền của các vị này cũng được Đức Thánh Linh soi dẫn mà vâng lời Chúa để xây nên đền tạm và những vật dụng ở trong đó.

Đức Chúa Trời đã chỉ định Bết-sa-lê-ên và Ô-hô-li-áp điều khiển công việc xây cất vì nếu không có những người lãnh đạo thì tình hình sẽ rối loạn. Ngài cũng kêu gọi thợ thuyền hoan hỉ góp phần xây cất (35:10). Chúng ta được Chúa phú cho những khả năng khác nhau, và khi tin Chúa, chúng ta nhận được những sự ban cho khác nhau từ Đức Thánh Linh để xây dựng Hội Thánh và quy vinh hiển cho Đức Chúa Trời (*I Cô-rinh-tô* 12:1-3; *Ê-phê-sô* 4:1-16; *Rô-*

ma 12:1-21). “Vì ấy chính Đức Chúa Trời hành động trong anh em để vừa muốn vừa làm theo ý muốn tốt lành của Ngài” (Phi-líp 2:13). Dân Do Thái đã xây một lều tạm mà từ lâu đã biến thành bụi đất, nhưng chúng ta đang góp phần xây dựng “nhà ở của Đức Chúa Trời trong Thánh Linh” (Ê-phê-sô 2:2) sẽ đời đời quy vinh hiển cho Đức Chúa Trời.

5. Đức Chúa Trời Phải Được Đặt Ưu Tiên

Trên Hết Mọi Sự

Xuất Ê-díp-tô Ký 25:10-22; 37:1-9.

¹⁰ Vậy, chúng hãy đóng một cái hòm bằng cây si-tim; bề dài hai thước rưỡi, bề ngang một thước rưỡi, và bề cao cũng một thước rưỡi, ¹¹ lấy vàng ròng bọc trong, bọc ngoài, và chạy đường viền chung quanh hòm bằng vàng. ¹² Người cũng hãy đúc bốn khoen bằng vàng để tại bốn góc hòm: hai cái bên hông nầy, hai cái bên hông kia, ¹³ cùng làm hai cây đòn bằng cây si-tim, bọc vàng; ¹⁴ rồi lòn đòn vào khoen hai bên hông hòm, để dùng đòn khiêng hòm. ¹⁵ Đòn sẽ ở trong khoen luôn, không nên rút ra. ¹⁶ Người hãy cất vào trong hòm bằng chứng mà ta sẽ ban cho.

¹⁷ Người cũng hãy làm một cái nắp thi ân bằng vàng ròng, bề dài hai thước rưỡi, bề ngang một thước rưỡi. ¹⁸ Lại làm hai tượng chê-ru-bim bằng vàng dát mỏng, để hai đầu nắp thi ân, ¹⁹ ló ra ngoài, một tượng ở đầu nầy và một tượng ở đầu kia. ²⁰ Hai chê-ru-bim sẽ sè cánh ra, che trên nắp thi ân, đối diện nhau và xây mặt vào nắp thi ân. ²¹ Người hãy để nắp thi ân trên hòm, rồi để vào trong hòm bằng chứng mà ta sẽ ban cho. ²² Ta sẽ gặp người tại đó, và ở trên nắp thi ân, giữa hai tượng chê-ru-bim, trên hòm bằng chứng, ta sẽ truyền cho người các mạng lệnh về dân Y-sơ-ra-ên.

37

¹ Đoạn, Bết-sa-lê-ên đóng hòm bằng cây si-tim, bề dài hai thước rưỡi, bề ngang một thước rưỡi, và bề cao một thước rưỡi. ² Người bọc vàng ròng bề trong và bề ngoài, cùng chạy đường viền chung quanh. ³ Đúc bốn cái khoen vàng đặt gần bốn góc: hai cái bên hông nầy, hai cái bên hông kia. ⁴ Người cũng chuốt các đòn bằng cây si-tim, bọc vàng; ⁵ rồi xỏ đòn đó vào khoen hai bên hông, đặt khiêng hòm.

⁶ Người cũng làm một cái nắp thi ân bằng vàng ròng, bề dài hai

222 / Xuất Ê-díp-tô Ký

thước rưỡi, bề ngang một thước rưỡi. ⁷ Làm hai tượng chề-ru-bim bằng vàng đánh dát để nơi hai đầu nắp thi ân, ⁸ một tượng ở đầu này và một tượng ở đầu kia, ló ra nơi hai đầu nắp. ⁹ Hai chề-ru-bim sẽ cánh ra che trên nắp thi ân, đối diện nhau và xây mặt vào nắp thi ân.

Có sáu vật dụng quan trọng trong đền tạm. Hòm giao ước là vật thiêng được đề cập đến trước hết (3). Đây là một hòm gỗ dài hai thước rưỡi, rộng và cao một thước rưỡi, được đặt trong nơi Chí Thánh có sự hiện diện “shekinah” của Đức Chúa Trời ngự ở đó. Phía trên hòm giao ước là nắp thi ân bằng vàng là ngôi của Đức Chúa Trời (*Thi Thiên* 80:1; 99:1; *II Các Vua* 19:15).

Chiếc hòm này có nhiều tên gọi ngoài tên là “hòm giao ước” (*Dân Số Ký* 10:33). Nó được gọi là “hòm của Đức Chúa Trời” (*I Sa-mu-ên* 3:3), “hòm của Đức Giê-hô-va” (*Giô-suê* 3:15), “hòm của Giê-hô-va Đức Chúa Trời” (*I Các Vua* 2:26), “hòm bằng chứng” (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 25:22) vì có những bảng luật pháp ở trong đó, “hòm thánh” (*II Sử Ký* 35:3) và “hòm sức mạnh của Đức Chúa Trời” (*Thi Thiên* 132:8). Hòm này tiêu biểu cho sức mạnh và uy quyền của Đức Chúa Trời trong trại quân Y-sơ-ra-ên. Vì vậy nên hòm giao ước được kể đến trước tiên. *Ma-thi-ơ* 6:33 lấy cảm hứng từ hòm giao ước để nói về sự tiếp trợ của Đức Chúa Trời.

Hòm giao ước cũng dạy cho chúng ta biết về Chúa Giê-xu Christ. Gỗ của hòm giao ước là nhân tính Ngài, nhưng lại hoàn toàn được phủ bằng vàng là thần tính của Ngài. Theo *Hê-bơ-rơ* 9:4, bên trong hòm là những bảng luật pháp (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 25:16), một bình đựng ma-na (16:32-34), và cây gậy trở hoa của A-rôn (*Dân Số Ký* 16:1-17:13). Những đồ vật này cho chúng ta biết rằng Luật Pháp của Đức Chúa Trời ở trong lòng Đấng Christ, Ngài vâng phục trọn vẹn và làm trọn Luật Pháp (*Thi Thiên* 40:6-8; *Hê-bơ-rơ* 10:5-9). Ngài là Bánh Sự Sống, là Đấng

ban sự sống đời đời cho tất cả những ai tiếp nhận Ngài (*Giăng* 6:32); Ngài sống bởi năng quyền của sự sống vĩnh cửu để chúng ta có thể kết quả cho Đức Chúa Trời (*Hê-bơ-rơ* 7:16).

Ở mỗi đầu của nắp thi ân bằng vàng đặt trên hòm có một chê-ru-bin và đôi cánh của chúng che phủ chiếc hòm. Một lần trong năm, vào ngày lễ Chuộc Tội, thầy tế lễ được phép vào nơi chí thánh, tại đây ông sẽ rảy huyết của con sinh tế trên nắp thi ân (*Lê-vi Ký* 16:1-24) để chuộc tội Y-sơ-ra-ên cho năm sau (c.29-34). Đây là hình ảnh Chúa Giê-xu Christ chịu chết một lần đủ cả cho tội lỗi thế gian và cất đi mọi tội lỗi bằng sinh tế của chính Ngài (*Hê-bơ-rơ* 9:11-10:14).

Trong Kinh Thánh bạn sẽ thường thấy hình ảnh được sự an toàn “dưới cánh Ngài”. Đôi khi điều này liên hệ đến hình ảnh chim mẹ bảo vệ con nó (*Thi Thiên* 57:1; 63:7; *Ma-thi-ơ* 23:37; *Lu-ca* 13:34). Ý nghĩ đó cũng chỉ về việc ở dưới cánh chê-ru-bin trong nơi thánh (*Ru-tơ* 2:12; *Thi Thiên* 17:8; 36:7-8; 61:4; 91:1, 4).

Môi-se được phép vào nơi chí thánh, nơi Đức Chúa trời đã phán với ông từ nắp thi ân và bày tỏ ý muốn của Ngài cho dân Y-sơ-ra-ên (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 25:21-22; 29:42; 30:6, 36; *Dân Số Ký* 7:89 xem *Thi Thiên* 91:1). Dân Chúa ngày nay có thể bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời nhờ huyết của Chúa Giê-xu Christ (*Hê-bơ-rơ* 10:19-25), vì Ngài là “ngôi thương xót” của chúng ta (sự phục hòa, *Rô-ma* 3:25; *I Giăng* 2:2). Bởi huyết Ngài đã đổ ra vì chúng ta nên ngôi Đức Chúa Trời đối với chúng ta là ngôi ân sủng.

Hòm của Đức Giê-hô-va và trụ mây dẫn đường khi dân Do Thái di chuyển từ nơi này sang nơi khác (*Dân Số Ký* 10:33-36). Trong hành trình hành hương, dân Chúa được hướng dẫn từ ngôi Đức Chúa Trời và bước đi theo sự vinh hiển của Ngài.

6. Đúc Chúa Trời Hiện Diện

Để Nuôi Nấng Dân Ngài

Xuất Ê-díp-tô Ký 25:23-29; 37:10-16.

²³ Người cũng hãy đóng một cái bàn bằng cây si-tim; bề dài hai thước, bề ngang một thước, và bề cao một thước rưỡi, ²⁴ bọc bằng vàng ròng, và chạy một đường viền chung quanh; * rồi lên be cho tứ vi bàn, cao chừng bốn ngón tay và chạy cho be một đường viền vàng. ²⁶ Lại đúc bốn cái khoen vàng, tra vào bốn góc nơi chân bàn. ²⁷ Khoen sẽ ở gần be, để xô đòn khiêng bàn. ²⁸ Người hãy chuốt đòn bằng cây si-tim, bọc vàng, rồi người ta sẽ dùng khiêng bàn đó. ²⁹ Lại hãy lấy vàng ròng mà làm đĩa, chén, chậu, và ly đựng dùng làm lễ quán.

37

¹ Đoạn, Bết-sa-lê-ên đóng hòm bằng cây si-tim, bề dài hai thước rưỡi, bề ngang một thước rưỡi, và bề cao một thước rưỡi. ² Người bọc vàng ròng bề trong và bề ngoài, cùng chạy đường viền chung quanh. ³ Đúc bốn cái khoen vàng đặt gần bốn góc: hai cái bên hông này, hai cái bên hông kia. ⁴ Người cũng chuốt các đòn bằng cây si-tim, bọc vàng; ⁵ rồi xô đòn đó vào khoen hai bên hông, đặt khiêng hòm.

⁶ Người cũng làm một cái nắp thi ân bằng vàng ròng, bề dài hai thước rưỡi, bề ngang một thước rưỡi. ⁷ Làm hai tượng ché-ru-bim bằng vàng đánh dát để nơi hai đầu nắp thi ân, ⁸ một tượng ở đầu này và một tượng ở đầu kia, ló ra nơi hai đầu nắp. ⁹ Hai ché-ru-bim sẽ cánh ra che trên nắp thi ân, đối diện nhau và xây mặt vào nắp thi ân.

¹⁰ Người cũng đóng một cái bàn bằng cây si-tim; bề dài hai thước, bề ngang một thước, bề cao một thước rưỡi; ¹¹ bọc bằng vàng ròng, và chạy một đường viền chung quanh. ¹² Lại cũng lên be cho tứ vi bàn cao chừng bốn ngón tay, và chạy cho be một đường viền vàng. ¹³ Người đúc bốn cái khoen vàng tra vào bốn góc, tại nơi chân bàn. ¹⁴ Các khoen ở gần nơi be để xô đòn vào, đặt khiêng bàn; ¹⁵ người chuốt đòn bằng cây si-tim, bọc vàng, đặt khiêng bàn. ¹⁶ Lại cũng lấy vàng ròng mà làm các đồ dùng bày trên bàn: đĩa, chén, ly, và chậu, để dùng làm lễ quán.

Khi thầy tế lễ từ sân ngoài đi vào nơi thánh, ông thấy bàn để “bánh trần thiết” ở bên phải, chân đèn bằng vàng ở bên trái, và trước mặt ông là bàn thờ dâng hương bằng vàng

được đặt trước bức màn xinh xắn phân cách nơi thánh với nơi chí thánh.

Chiếc bàn dài một thước rộng và cao non một thước. Giống như chiếc hòm, nó được làm bằng gỗ keo dát vàng. Điều này cũng nhắc nhở chúng ta về nhân tính và thần tính của Cứu Chúa chúng ta. Chúa Giê-xu là Bánh Sự Sống, là Đấng đã mặc lấy thân xác loài người để có thể đến đất này và chết thay cho tội lỗi của chúng ta (*Giăng 6:26*).

Mười hai ổ bánh được làm mỗi tuần, theo công thức đã được qui định trong *Lê-vi Ký 24:5-9*. Kinh Thánh không cho biết những ổ bánh này lớn cỡ nào, nhưng tính theo từ lượng bột làm bánh thì chắc chúng phải rất lớn ⁴. Bột mì do dân dâng lên Chúa. Mỗi kỳ Sa-bát, các thầy tế lễ lấy đi những ổ bánh cũ và ăn trong nơi thánh, và thay bánh mới vào.

Khi đặt bánh lên bàn, luôn luôn phải có nhũ hương kèm theo. Nhũ hương được đốt lên trong một đồ dùng đặc biệt (*Xuất Ê-díp-tô Ký 25:29*). Việc dùng nhũ hương là bày tỏ rằng đây là một “của lễ chay” cho Chúa (*Lê-vi Ký 2:1-11*) để tạ ơn Ngài vì “đồ ăn mỗi ngày”. Bột do dân dâng hiến là của lễ tạ ơn dâng lên cho Đức Chúa Trời vì sự chu cấp của Ngài đối với những nhu cầu của họ.

Bánh được gọi là “bánh trần thiết” (*Xuất Ê-díp-tô Ký 25:30*). Mười hai ổ bánh trong nơi thánh nhắc nhở các thầy tế lễ rằng họ đang phục vụ mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên, tuyển dân của Đức Chúa Trời. Qua những ổ bánh này, mười hai chi phái được trình lên trước mặt Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời ở với họ trong trại quân, chứng giám sự thờ phượng và cách ăn ở hằng ngày của họ. Các chi phái này cũng được thể hiện qua những viên bích ngọc gắn trên băng đeo ngực và vai của thầy tế lễ cả (*28:6-21*). Hình ảnh những viên bích ngọc và những ổ bánh khiến ta suy gẫm đến việc Chúa nuôi nấng dân Ngài, mang họ trên vai

226 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Ngài, và đặt để họ nơi lòng Ngài.

Các ổ bánh cũng nhắc nhở chúng ta rằng Y-sơ-ra-ên đã được kêu gọi để đem bánh thuộc linh mà Chúa đã ban cho họ đến với một thế giới đang đói khát. Họ đã đem đến cho thế giới Lời Đức Chúa Trời, là bánh (*Ma-thi-ơ* 4:4), và Chúa Giê-xu là Bánh Sự Sống⁵. Nhưng tiếc thay, họ đã xoay bỏ khỏi Chúa và ăn tại các bàn thờ của người ngoại đạo nên bị Đức Chúa Trời trừng phạt.

Phao-lô so sánh Hội Thánh với một ổ bánh không men (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 5:1-8; xem 10:16-17). Nhiệm vụ của chúng ta là phải rao ra Lời Chúa và cho các tội nhân biết về Chúa Giê-xu Christ, là Bánh Sự Sống. Vì 12 ổ bánh được xem như của lễ chay nên trong bột bánh phải không có men (*Lê-vi Ký* 2:1-11), và dân Chúa phải giữ mình khỏi mọi sự bất khiết. Chúng ta không hiện diện trên thế gian này để nuôi dưỡng chính chúng ta, nhưng cho một thế giới đang đói khát.

Những ổ bánh mang ý nghĩa rất đặc biệt và không thể được ăn một cách khinh suất, ngay đối với các thầy tế lễ. Thầy tế lễ nào bị ô uế mà ăn bánh hoặc bất cứ của tế lễ nào thuộc về các thầy tế lễ đều có thể bị chết (*Lê-vi Ký* 22:3-9).

7. Đức Chúa Trời Hưởng Dẫn

Sự Thờ Phượng Và Phục Vụ Của Chúng Ta

Xuất Ê-díp-tô Ký 25:31-40; 27:20-21; 37:17-24;

Lê-vi Ký 22:3-9.

³¹ Người cũng hãy làm chân đèn bằng vàng ròng. Cái chân, cái thân, cái đài, cái bầu cùng cái hoa của đèn đều làm bằng vàng đánh dát.

³²Hai bên thân đèn sẽ có sáu nhánh nứt ra, ba nhánh ở bên này và ba nhánh ở bên kia. ³³Trong sáu nhánh nứt ra trên chân đèn, mỗi nhánh đều sẽ có ba cái đài hình như hột hạnh nhân cùng bầu và hoa.

³⁴Trên thân chân đèn, lại cũng sẽ có bốn cái đài hình hột hạnh nhân, bầu và hoa. ³⁵Trong sáu nhánh từ thân chân đèn nứt ra, hễ cứ mỗi

hai nhánh thì dưới có một cái bầu. ³⁶ Bầu cùng nhánh của chân đèn đều bằng vàng ròng nguyên miếng đánh dát. ³⁷ Người cũng hãy làm bảy cái thép đèn, đặt hễ khi thấp thì chiếu trước chân đèn. ³⁸ Kéo bắt tim cùng đồ đựng tàn đèn cũng sẽ bằng vàng ròng. ³⁹ Người ta sẽ dùng một ta-lâng vàng ròng làm chân đèn nầy và các đồ phụ tùng của chân đèn. ⁴⁰ Vậy, người hãy xem, cứ làm y như kiểu đã chỉ cho trên núi.

27

²⁰ Người hãy truyền cho dân Y-sơ-ra-ên đem đến dầu lọc ô-li-ve ép, đặt thấp đèn cho đèn sáng luôn luôn. ²¹ Trong hội mạc, ở ngoài màn, trước hòm báng chứng, A-rôn cùng các con trai người sẽ lo sửa soạn đèn, hầu cho trước mặt Đức Giê-hô-va đèn cháy luôn luôn từ tối cho đến sáng. Ấy là một luật đời đời cho dòng dõi dân Y-sơ-ra-ên phải giữ.

37

¹⁷ Người cũng làm chân đèn bằng vàng ròng; cái chân, cái thân, cái đài, cái bầu, và cái hoa đều làm ra bằng vàng đánh giát. ¹⁸ Hai bên thân đèn có sáu nhánh nứt ra, ba nhánh ở bên nầy và ba nhánh ở bên kia. ¹⁹ Trong sáu nhánh nứt ra trên thân chân đèn, mỗi nhánh đều có ba cái đài hình như hột hạnh nhân, cùng bầu và hoa. ²⁰ Trên thân chân đèn lại cũng có bốn cái đài hình như hột hạnh nhân, cùng bầu và hoa. ²¹ Trong sáu nhánh từ thân chân đèn nứt ra, hễ cứ mỗi hai nhánh, thì dưới có một cái bầu. ²² Bầu và nhánh của chân đèn đều bằng vàng ròng nguyên miếng đánh dát. ²³ Người cũng làm bảy cái thép đèn, kéo bắt tim và đồ đựng tàn bằng vàng ròng. ²⁴ Người dùng một ta-lâng vàng ròng, mà làm chân đèn và các đồ phụ tùng của chân đèn.

Lê-vi Ký 22

³ Hãy nói với họ rằng: Phàm ai trong dòng giống các người và trong vòng con cháu các người đã bị ô ướ, đến gần các vật thánh mà dân Y-sơ-ra-ên biệt riêng cho Đức Giê-hô-va, thì ai đó sẽ bị truất khỏi trước mặt ta: Ta là Đức Giê-hô-va.

⁴ Phàm ai là con cháu của A-rôn bị bịnh phung hay là bạch trước, thì chẳng được ăn vật biệt riêng ra thánh cho đến chừng nào được tinh sạch. Ai đụng đến một người đã bị ô ướ bởi xác chết, ai có di tinh, ⁵ hay là ai đụng đến hoặc loài côn trùng, hoặc một người bị sự ô ướ nào làm cho mình ô ướ, thì cũng phải một thể ấy. ⁶ Ai đụng đến các vật đó sẽ bị ô ướ đến chiều tối, không được ăn vật biệt riêng ra thánh, nhưng phải tắm mình trong nước. ⁷ Sau khi mặt trời lặn, người

228 / Xuất Ê-díp-tô Ký

sẽ được sạch lại, rồi mới được phép ăn các vật thánh, vì là đồ ăn của người. ⁸ Người chẳng nên ăn con thú nào chết tự nhiên hay là bị xé, hầu khỏi bị ô uế: Ta là Đức Giê-hô-va. ⁹ Vậy, họ phải giữ điều ta phán dặn, kéo mang tội lỗi và chết chăng, vì đã làm các vật thánh nay ra ô uế: Ta là Đức Giê-hô-va làm cho họ nên thánh.

Chân đèn được làm bằng vàng đánh giát nặng khoảng 75 cân anh vàng, nhưng chúng ta không biết rõ kích thước của nó. Hẳn đây là một tác phẩm nghệ thuật rất đẹp, có sáu nhánh được trang trí bởi những cái đài hình quả hạnh nhân cùng nụ và hoa. Sáu nhánh và thân giữa có đèn dầu được giữ cho cháy suốt ngày đêm (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 27:20-21; *Lê-vi Ký* 24:1-4).

Vì không có cách nào để đưa ánh sáng tự nhiên từ bên ngoài vào nên chân đèn vàng là nguồn ánh sáng duy nhất trong nơi thánh. Không có nó, các thầy tế lễ không thể làm việc được. Đức Chúa Trời muốn chúng ta thờ phượng Ngài cách khôn ngoan, chứ đừng thờ phượng vu vơ (*Giăng* 4:19-24; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 17:22-31; *Rô-ma* 1:18-25). Muốn vậy chúng ta cần ánh sáng của Lời Đức Chúa Trời hướng dẫn chúng ta (*Thi Thiên* 119:105; 130:1-8; *Châm Ngôn* 6:23).

A-rôn và các con trai của ông phải thắp đèn mỗi khi họ dâng hương trên bàn thờ bằng vàng (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 20:7-8). Chúng ta thấy rằng mùi thơm của hương xông tượng trưng cho lời cầu nguyện dâng lên Đức Chúa Trời, và Lời Chúa phải đi cùng với sự cầu nguyện (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 6:4). Sự cầu nguyện được soi sáng bởi Lời Chúa (*Giăng* 15:7), và Lời Chúa được mở ra cho chúng ta khi chúng ta cầu nguyện (*Thi Thiên* 119:18; *Ê-phê-sô* 1:15-23). Việc nghiên cứu Lời Chúa và cả sự cầu nguyện phải được Đức Thánh Linh giúp sức. Dầu, đèn (*Xa-cha-ri* 4:1-7) và lửa (bàn thờ, *Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:3-4) tượng trưng cho Đức Thánh Linh.

Đền cũng làm chúng ta nhớ đến dân Y-sơ-ra-ên, được Đức Chúa Trời chọn để làm “sự sáng cho dân ngoại” (*Ê-sai* 42:6; 49:6). Tuy nhiên, đền không được đặt ở sân ngoài đền tạm nơi mà mọi người có thể thấy, nhưng trong nơi thánh chỉ Đức Chúa Trời và các thầy tế lễ mới thấy. Vậy làm thế nào nó lại tượng trưng cho lời chứng của Y-sơ-ra-ên trước dân ngoại? *Mối tương giao của Y-sơ-ra-ên với Đức Chúa Trời qua của lễ và sự thờ phượng sẽ quyết định cho sức mạnh và mức độ làm chứng của họ.* Khi họ xây bỏ việc thờ phượng Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống, bắt đầu thờ lạy hình tượng là lúc họ mất khả năng làm chứng trước các dân ngoại.

Chúa Giê-xu Christ cũng đã đến để làm “sự sáng cho dân ngoại” (*Lu-ca* 1:79; *Giăng* 8:12), và sự sáng đó đã lan tỏa ra qua lời chứng của Hội Thánh (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 13:47-48; *Phi-líp* 2:14-16; *Ma-thi-ơ* 5:14-16). Trong *Khải Thị* 1:9-20, Chúa chúng ta đứng giữa bảy chơn đền tượng trưng cho bảy Hội Thánh của vùng Tiểu Á trong thời của Giăng. Trong đền tạm, có một chơn đền được đánh giát bởi một ta láng vàng, tượng trưng cho dân tộc Y-sơ-ra-ên và sự làm chứng của họ. Dù Hội Thánh là một dân duy nhất nhưng chiếu sáng qua nhiều nơi trên thế giới.

Ánh sáng ở bảy ngọn đèn trên chân đền được châm bởi dầu đã được chuẩn bị riêng cho mục đích đó (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 27:20-21). Dân chúng đã đem đến bột mịn để làm bánh và cũng đã đem dầu tinh khiết để dùng cho việc thắp đèn *Xuất Ê-díp-tô Ký* 25:27-28; 35:10, 14 *Xa-cha-ri* 4:1-4 cho chúng ta biết rằng dầu này tượng trưng cho Thánh Linh Đức Chúa Trời, nếu không bởi quyền năng của Ngài, chúng ta không thể làm vinh hiển Đấng Christ (*Giăng* 16:14), hoặc làm chứng về Ngài một cách hiệu quả (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:8). Chúa Giê-xu đã phán: “ngoài ta, các người không thể làm chi được” (*Giăng* 15:51).

Những gì các thầy tế lễ làm trong nơi thánh là vì Chúa

230 / Xuất Ê-díp-tô Ký

mà làm (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 28:1, 3, 4, 41; 29:1) và phải làm trước mặt Chúa (27:21; 40:25; *Lê-vi Ký* 24:4). Việc dân chúng ở trong trại quân không được biết về những việc làm của các thầy tế lễ không quan trọng vì Đức Chúa Trời đã nhìn thấy tất cả, và nhiệm vụ của họ là làm đẹp lòng Ngài. *Phần quan trọng nhất trong đời sống của một Cơ Đốc nhân chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể nhìn thấy.* Nếu Đức Chúa Trời đẹp lòng vì các điều Ngài nhìn thấy thì lương tâm chúng ta thanh sạch trước mặt Ngài, vậy chúng ta không cần phải lo lắng về những điều người khác nghĩ hay nói về chúng ta (*I Cô-rinh-tô* 4:1-5). Ngài sẽ chấp nhận công việc của chúng ta và chúc phước cho công việc ấy.

Chú thích

¹ Đức Chúa Trời là Đấng siêu việt và toàn tại, là Đấng tối cao nhưng cũng gần gũi với chúng ta. Chúng ta phải giữ quân bình trong quan điểm về thần học và về sự thờ phượng của chúng ta. Nếu quá nhấn mạnh đến sự siêu việt, chúng ta sẽ thờ phượng một Đức Chúa Trời xa vời không giúp gì cho đời sống chúng ta, nhưng nếu chỉ nhấn mạnh đến sự toàn tại thì chúng ta có thể trở nên thân thiết với Đức Chúa Trời quá mức đến nỗi không còn kính trọng sự vĩ đại của Ngài. Phải trung dung.

² Đền tạm thời Cựu Ước có nhiều tên gọi khác nhau, bao gồm: hội mạc (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 27:21) đền tạm của Đức Giê-hô-va (*Lê-vi Ký* 17:4), trại / đền tạm chứng cớ (*Dân Số Ký* 1:50; 9:15), nơi thánh của Đức Giê-hô-va (19:20), nhà của Đức Chúa Trời (*Các Quan Xét* 18:31), nhà của Đức Giê-hô-va (*I Sa-mu-ên* 1:7), và đền thờ của Đức Giê-hô-va (c.9).

³ Khi dân Do Thái vào Đất Hứa, hòm giao ước trước hết

được đặt ở Ghinh-ganh (*Giô-suê* 4:19; 9:6), nhưng sau đó đã được đặt tại Si-lô (9:27; 18:1; 19:51; 22:12; *Các Quan Xét* 21:12; *I Sa-mu-ên* 4:1-5:12). Dân Phi-li-tin đã đem hòm trở về Ki-ri-át Giê-a-rim trong 20 năm (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 6:21-7:2). Sau nỗ lực thất bại của Đa-vít để đem hòm đến Y-sơ-ra-ên, nó được đặt trong nhà của Ô-bết-Ê-đôm ba tháng (*II Sa-mu-ên* 6:1-11), và sau đó được đem đến Giê-ru-sa-lem (c.12-19). Mong ước lớn lao của Đa-vít là dựng một ngôi đền xinh đẹp cho chiếc hòm, nhưng Đức Chúa Trời đã chọn Sa-lô-môn con trai ông để làm công việc này (*II Sa-mu-ên* 7:1-17; *I Sử Ký* 17:1-27). Lần cuối chúng ta gặp chiếc hòm trong Kinh Thánh là ở trong đền thờ trên trời (*Khải Thị* 11:19). Trong *Khải Thị*, chiếc hòm là biểu tượng về sự thành tín của Đức Chúa Trời trong việc giữ giao ước của Ngài với dân chúng và là một bảo đảm rằng Luật Pháp của Ngài sẽ được minh chứng và vinh hiển của Ngài sẽ được bày tỏ.

⁴ Bản văn Hê-bơ-rơ không có từ “ê-pha” trong câu 5, vì vậy chúng ta thật sự không biết mỗi ổ bánh có lượng bột là bao nhiêu. Nếu đúng là một ê-pha, thì mỗi ổ bánh cần 1 ga-lông bột - và như vậy thì khá lớn! Hai hàng 6 ổ bánh lớn đến thế làm sao đặt trên một chiếc bàn quá nhỏ? Hay 6 ổ bánh này được xếp chồng lên nhau?

⁵ Nguyên văn Hê-bơ-rơ của *Xuất Ê-díp-tô Ký* 27:20 ghi rằng “để chúng có thể được thấp sáng liên tục”.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 10

*Xuất Ê-díp-tô Ký 24:9-25:40; 27:20-21; 30:11-16;
31:1-11; 35:4-36:38; 37:1-24; 38:21-31*

1. Ngay cả các tầng trời cao nhất cũng không phải là nơi giữ được Đức Chúa Trời, do đó, việc Đức Chúa Trời đến ngự cùng dân Ngài có ý nghĩa gì?

2. Trong tất cả những chi tiết về việc xây cất đền tạm có điều dạy dỗ nào?

3. Đức Chúa Trời mô tả sự cách biệt của Ngài đối với dân Y-sơ-ra-ên và với các tín hữu trong kỷ nguyên Cơ Đốc ra sao?

4. Ngày nay, bài học thuộc linh về việc “Đức Chúa Trời chu cấp cho nhu cầu vật chất” đã khích lệ bạn ra sao?

5. Như Bết-sa-lê-ên và Ô-hô-li-áp, Cơ Đốc nhân được trang bị và giúp đỡ cho sự phục vụ bằng cách nào?

6. Hòm giao ước đại diện cho điều gì và nó dạy dỗ chúng ta những gì?

7. 12 ổ bánh được đặt trong nơi thánh có ý nghĩa gì?

8. Sự cầu nguyện, Lời Chúa và Đức Thánh Linh phải được kết hợp với nhau như thế nào?

9. Phần quan trọng nhất trong đời sống Cơ Đốc nhân là gì?

10. Việc quá chú trọng vào tính siêu việt hoặc tính nội tại của Đức Chúa Trời có nguy hại gì?

NƠI ĐỨC CHÚA TRỜI NGỰ VÀO

(Phần II)

*Xuất Ê-díp-tô Ký 26:1-37; 27:1-19; 30:1-10, 17-21;
37:25-29; 38:1-20.*

Còn có ba vật dụng nữa trong đền tạm cần nghiên cứu: bàn thờ xông hương, chậu rửa và bàn thờ bằng đồng. Sau đó chúng ta cần nhìn qua cấu trúc của đền tạm, khung, những tấm che và những bức màn trong đền. Khi nghiên cứu, chúng ta tiếp tục nhấn mạnh về Đức Chúa Trời của đền tạm và việc Ngài làm cho dân của Ngài.

1. Đức Chúa Trời Nghe Lời Cầu Nguyện

Của Dân Ngài

Xuất Ê-díp-tô Ký 30:1-20, 34-38; 37:25-29.

¹ Người cũng hãy đóng một cái bàn thờ bằng cây si-tim, để xông hương. ² Mặt bàn sẽ vuông, bề dài một thước, bề ngang một thước, và bề cao hai thước; bàn thờ sẽ có bốn sừng ló ra. ³ Người hãy bọc vàng ròng trên mặt, bốn cạnh chung quanh và các sừng; còn tứ vi chạy đường viền vàng. ⁴ Dưới đường viền đó, nơi hai bên, hãy làm hai cái khoen bằng vàng, để xỏ đòn dùi đặng khiêng. ⁵ Hãy chuốt đòn khiêng bằng cây si-tim, bọc vàng. ⁶ Người sẽ để bàn thờ đó trước bức màn che hòm báng chứng đối cùng nắp thi ân trên hòm, là nơi ta sẽ gặp người. ⁷ Mỗi buổi sớm mai, khi A-rôn làm đèn, sẽ xông hương tại nơi đó. ⁸ Vào lúc chiều tối, khi A-rôn thắp đèn, cũng sẽ xông hương; ấy là một thứ hương phải xông trước mặt Đức Giê-hô-va luôn luôn, trải qua các đời. ⁹ Trên bàn thờ nầy chớ xông hương lạ hoặc dâng của lễ thiêu, của lễ chay hay là lễ quán nào hết. ¹⁰ Nhưng trải qua các đời, mỗi năm một lần, A-rôn sẽ lấy huyết của con sinh tể

234 / Xuất Ê-díp-tô Ký

chuộc tội, bôi trên sừng bàn thờ nầy đặng chuộc tội cho nó. Ấy sẽ là một việc rất thánh cho Đức Giê-hô-va.

¹¹ Đức Giê-hô-va cũng phán cùng Môi-se rằng: ¹² Khi nào người điểm số dân Y-sơ-ra-ên đặng kê sổ, mỗi tên phải nộp tiền đền mạng mình cho Đức Giê-hô-va, hầu cho khỏi mắc tai nạn chi trong khi kê sổ. ¹³ Kẻ nào có tên trong sổ phải nộp nửa siếc-lơ, tùy siếc-lơ của nơi thánh, cân nặng hai mươi ghê-ra; vậy, nửa siếc-lơ, tức là của dâng cho Đức Giê-hô-va. ¹⁴ Mọi người có tên vào sổ từ hai mươi tuổi sắp lên sẽ dâng của nầy cho Đức Giê-hô-va. ¹⁵ Khi dâng của nầy cho Đức Giê-hô-va đặng đền mạng mình, người giàu không nộp trội, người nghèo không nộp thiếu nửa siếc-lơ. ¹⁶ Vậy, người giàu nộp tiền đền mạng của dân Y-sơ-ra-ên, rồi dùng tiền đó vào việc hội mạc; ấy là một kỷ niệm của dân Y-sơ-ra-ên trước mặt Đức Giê-hô-va, đặng đền mạng mình.

¹⁷ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se nữa rằng: ¹⁸ Người hãy làm một cái thùng với chân thùng bằng đồng, đặng rửa mình ở trong, rồi để giữa khoảng của hội mạc và bàn thờ, và đổ nước vào. ¹⁹ A-rôn cùng các con trai người sẽ rửa tay và chân mình ở trong. ²⁰ Khi họ vào hội mạc sẽ lấy nước rửa mình, hầu cho họ khỏi chết; và khi lại gần bàn thờ đặng phụng sự, tức là xông của lễ dùng lửa dâng cho Đức Giê-hô-va, họ cũng phải giữ như vậy.

³⁴ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se nữa rằng: Hãy lấy các hương liệu, tức tô hiệp hương, loa yếm hương, phong chi hương, cùng thanh nhũ hương mỗi thứ bằng nhau, ³⁵ theo phép hòa hương, chế ra một thứ hương, mặn, trong và thánh. ³⁶ Hãy nghiền nó ra bột, rồi để trước hòm bảng chứng trong hội mạc, tức là nơi ta sẽ gặp người: về phần các người, hương nầy sẽ là một vật rất thánh. ³⁷ Còn thứ hương mà người sẽ chế, chế giống như phép hòa hương nầy; ấy là một vật người nên biệt riêng ra thánh cho Đức Giê-hô-va. ³⁸ Hễ kẻ nào làm giống y như vậy đặng ngửi mùi, sẽ bị truất khỏi vòng dân chúng.

37

²⁵ Người cũng đóng một cái bàn thờ xông hương bằng cây si-tim, hình vuông, bề dài một thước, bề ngang một thước, và bề cao hai thước. Bàn thờ có bốn sừng lộ ra. ²⁶ Người bọc vàng ròng trên mặt, bốn cạnh chung quanh và các sừng; tứ vi cũng chạy đường viền vàng. ²⁷ Dưới đường viền đó, nơi hai bên góc, người làm hai cái khoen vàng để xô đòn, đặng khiêng. ²⁸ Người chuốt đòn bằng cây si-tim và bọc vàng.

²⁹ Người cũng chế dầu thánh để xức, và hương thanh sạch bằng các

hương liệu theo nghề thợ chế hương.

Bàn thờ xông hương được làm bằng gỗ si-tim bọc vàng ròng, mặt bàn vuông mỗi cạnh ba thước, cao hai thước. Đó là vật dụng cao nhất trong nơi thánh. Nó có một đường viền bằng vàng xung quanh mặt bàn và “bốn chiếc sừng” bằng vàng ở mỗi góc. Bàn được đặt trước bức màn phân cách nơi chí thánh với nơi thánh. Thầy tế lễ xông hương trên bàn mỗi buổi sáng và chiều tối khi ông đến cất tía tim đèn.

Trong Kinh Thánh, xông hương thường là hình ảnh về sự cầu nguyện. Đa-vít đã cầu nguyện: “Nguyện lời cầu nguyện tôi thấu đến trước mặt Chúa như hương” (*Thi Thiên* 141:2), còn Giăng thì thấy các trường lão trên trời với những bình vàng đầy hương là những lời cầu nguyện của các thánh (*Khải Thị* 5:8 xem 8:3-4)¹. Mỗi khi thầy tế lễ xông hương là lúc dân được triệu tập lại để cầu nguyện (*Lu-ca* 1:8-10).

Lửa để xông hương được lấy từ bàn thờ bằng đồng là nơi các của lễ được dâng lên cho Đức Chúa Trời (*Lê-vi Ký* 16:12-13; *Dân Số Ký* 16:46). Điều này gợi ý rằng lời cầu nguyện chân thành phải căn cứ vào công tác của Đấng Christ trên thập tự giá và sự dâng hiến trọn vẹn của chúng ta cho Đức Chúa Trời. Sự nhiệt thành chân thật trong lời cầu nguyện không phải là một cảm xúc tôn giáo do chúng ta tự tạo nên; mà đúng hơn, đây là một phước hạnh Đức Chúa Trời ban cho khi chúng ta dâng mình cho Ngài. John Bunyan, tác giả của quyển “Hành Trình Vào Vĩnh Cửu” (*The Pilgrim's Progress*) đã phát biểu: “Trong sự cầu nguyện, việc có một tấm lòng không nói thành lời vẫn tốt hơn những lời nói không có tấm lòng.” Cầu nguyện qua loa chẳng ích lợi gì (*Gia-cơ* 5:16).

Để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và thoát khỏi hiểm họa của sự chết, thầy tế lễ phải sử dụng đúng loại lửa trên bàn

236 / Xuất Ê-díp-tô Ký

thờ mà còn phải dùng các hương liệu đã chỉ định, chế đúng theo phân lượng đã được truyền dạy (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 30:34-38). Na-đáp và A-bi-hu đã dùng “lửa lạ” mà thờ phượng Chúa nên bị giết chết (*Lê-vi Ký* 10:1-20). Bất cứ người Y-sơ-ra-ên nào tìm cách bắt chước loại hương đặc biệt này để dùng riêng cho mình thì sẽ bị giết chết.

Cầu nguyện không phải là lẩn tránh mơ hồ cầu xin điều này điều nọ rồi hy vọng Chúa sẽ ban cho. Kinh Thánh đưa ra các điều kiện của sự cầu nguyện – tôn kính, xưng nhận, tạ ơn, nài xin, đầu phục (*I Ti-mô-thê* 2:1; *Phi-líp* 4:6), Kinh Thánh còn cho chúng ta một bài cầu nguyện mẫu nữa (*Ma-thi-ơ* 6:5-15)². Phải biết rằng thầy tế lễ không thể vội vã bước vào đền tạm, nhanh chóng đốt hương, rồi vội vã bước ra ngoài. Không, ông cần phải dọn mình và cung kính đến gần bàn thờ, ý thức được rằng ông đang ở trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời thánh khiết.

Vì công tác Đấng Christ đã thực hiện trên thập tự giá nên các tín hữu ngày nay có thể bước qua bức màn để vào trong sự hiện diện của chính Đức Chúa Trời, và ở nơi đó, bày tỏ sự thờ phượng và nài xin trong danh Chúa Giê-xu (*Hê-bơ-rơ* 10:19-25). Chúa Giê-xu Christ, Thầy Tế Lễ – Nhà Vua Hằng Sống đang trị vì, đang ngày đêm cầu thay cho chúng ta ở trên trời (*Rô-ma* 8:33-34; *Hê-bơ-rơ* 4:14-16; 7:19-28); Thánh Linh cũng đang cầu thay trong lòng của chúng ta (*Rô-ma* 8:26-27). Chúng ta cần phải theo gương các thầy tế lễ, “cầu nguyện không thôi” lúc sáng sớm và chiều tối (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 5:17) và giao thông với Chúa suốt cả ngày.

Các thầy tế lễ đã được cảnh báo không được sử dụng bàn thờ bằng vàng vào bất cứ việc gì khác ngoài việc xông hương (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 30:9), vì không sự gì có thể thay thế được cho sự cầu nguyện. Dâng tế lễ nhiều đến đâu cũng không thể thay thế được lời cầu nguyện chân thành.

Bàn thờ bằng vàng không phải là nơi để mặc cả với Đức Chúa Trời hay tìm cách làm thay đổi ý muốn của Ngài (*Gia-cơ* 4:1-4; *I Giăng* 5:14-15). Đó là một nơi để tôn thờ Ngài và cầu nguyện để “ý Ngài được nên”.

Cũng cần phải lưu ý rằng hương đặc biệt phải được “ướp muối” (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 30:35), vì muối là một biểu tượng của sự tinh khiết và của mối liên hệ giao ước (*Lê-vi Ký* 2:13). “Nếu lòng tôi có chú về tội ác, ắt Chúa chẳng nghe tôi” (*Thi Thiên* 66:18). Chúng ta được lệnh phải đưa “tay thánh” lên khi cầu nguyện, và phải cất bỏ “sự giận dữ và cãi cọ” ra khỏi lòng mình (*I Ti-mô-thê* 2:8). Nếu Đức Chúa Trời giết đi mọi tín hữu không cầu nguyện hôm nay như Ngài đã hạ lệnh thì bao nhiêu người trong số chúng ta còn sống sót qua một buổi cầu nguyện? ³.

Mỗi năm một lần, vào ngày lễ Chuộc Tội, thầy tế lễ phải bôi huyết vào bàn thờ xông hương để thánh tẩy bàn thờ trước mặt Đức Chúa Trời (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 30:10). Ngay cả lúc cầu nguyện chúng ta vẫn có thể phạm tội.

2. Đức Chúa Trời Nhận Của Lễ Của Dân Ngài

Xuất Ê-díp-tô Ký 27:1-8; 38:1-7.

¹ Người cũng hãy đóng một bàn thờ bằng cây si-tim, hình vuông, năm thước bề dài, năm thước bề ngang, và bề cao ba thước. ² Nơi bốn góc bàn thờ hãy làm sừng ló ra và bọc đồng. ³ Những đồ phụ tùng của bàn thờ thì hãy làm bằng đồng: bình đựng tro, vá, ăng, nĩa và bình hương. ⁴ Lại làm cho bàn thờ một tấm rá bằng lưới đồng; và nơi bốn góc rá làm bốn cái khoen bằng đồng; ⁵ rồi để rá đó dưới thành bàn thờ, từ dưới chân lên đến nửa bề cao. ⁶ Cũng hãy chuốt đòn khiêng bàn thờ bằng cây si-tim, bọc đồng, ⁷ rồi xoắn vào những khoen; khi khiêng đi, đòn sẽ ở hai bên bàn thờ. ⁸ Bàn thờ sẽ đóng bằng ván, trống bọng, làm y như đã chỉ cho người trên núi vậy.

38

¹ Người cũng đóng bàn thờ về của lễ thiêu bằng cây si-tim, hình vuông, bề dài năm thước, bề ngang năm thước và bề cao ba thước. ²Người làm nơi bốn góc bàn thờ những sừng ló ra, bọc đồng. ³ Rồi

238 / Xuất Ê-díp-tô Ký

làm các đồ phụ tùng của bàn thờ bằng đồng: chảo nhỏ, vá ăng, nĩa, và bình hương. ⁴ Lại làm một tấm rá bằng lưới đồng để dưới thành bàn thờ, từ chân lên đến ngang giữa, ⁵ và đúc cái khoen cho bốn góc rá lưới đồng, đặt xô đòn khiêng. ⁶ Đoạn chuốt đòn khiêng bằng cây si-tim, và bọc đồng; ⁷ xô đòn vào khoen nơi hai bên bàn thờ, đặt khiêng bàn đi. Người đóng bàn thờ bằng ván, trống bồng.

Khi vào đền tạm để dâng của lễ, tín hữu thấy trước hết một bức tường bằng vải gai trắng, dài 150 bộ và rộng 75 bộ. Bên trong bức tường vải này là khu vực các thầy tế lễ hành lễ. Phần chính của đền tạm nằm ở đầu phía tây của khu vực này, phía đông là cổng vào rộng 30 bộ. Tại đây các thầy tế lễ gặp những người đến dâng của lễ và khám xét từng con vật thật kỹ càng xem có gì vấp gì không. Người đến thờ phượng đặt tay trên đầu con vật để nó thay thế cho mình (*Lê-vi Ký* 1:1-9), sau đó thầy tế lễ giết con vật và dâng nó lên trên bàn thờ bằng đồng theo những luật lệ đã được qui định trong *Lê-vi Ký* 1:1-7:28 ⁴.

Chỉ có một lối đi vào sân Đền Tạm và do đó chỉ có một cách để đến bàn thờ của Đức Chúa Trời. Khi Đức Chúa Trời dựng lên một hàng rào và chỉ định con đường để đi vào thì không ai có quyền được thắc mắc hay thay đổi. Chúa Giê-xu đã tuyên bố Ngài là cái cửa duy nhất (*Giăng* 10:9) và là con đường duy nhất để đến với Đức Chúa Trời (14:6), điều này giải thích lý do Phi-e-rơ đã nói rằng: “Chẳng có sự cứu rỗi trong Đấng nào khác; vì ở dưới trời, chẳng có danh nào khác ban cho loài người, để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu” (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:12). Trong xã hội đa nguyên ngày nay, nhiều người thích nghĩ rằng mọi con đường đều có thể dẫn đến Đức Chúa Trời. Cách đó chỉ dẫn đến sự chết mà thôi (*Châm Ngôn* 14:12; 16:25; *Ma-thi-ơ* 7:13-27).

Bàn thờ bằng đồng là một “cái hộp” rộng, rộng 7 bộ rưỡi và cao 4 bộ rưỡi, làm bằng gỗ si-tim được bao phủ bằng đồng thiếc. Trong Kinh Thánh, đồng thường được

xem như là sự đoán xét (*Dân Số Ký* 21:4-9; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 28:23; *Khải Thị* 1:15). Ở khoảng giữa “cái hộp” là một lưới bằng đồng trên đó các thầy tế lễ cho lửa cháy ngày đêm (*Lê-vi Ký* 6:8-13). Tro củi và tro của lễ thiêu rơi xuống qua lưới này. Vì là tro cũng là của lễ dâng lên cho Đức Chúa Trời, nên được xem là tinh sạch về mặt nghi lễ và được gom lại ở hướng đông của bàn thờ. Sau đó các thầy tế lễ sẽ mang tro này ra ngoài trại quân đến một nơi sạch sẽ (1:16; 4:12; 6:10-11).

Không giống như bàn thờ xông hương bằng vàng trong nơi thánh, bàn thờ của lễ thiêu bằng đồng là nơi đặc biệt của huyết và sự chết, vì “không đổ huyết thì không có sự tha thứ” (*Hê-bơ-rơ* 9:22). Nếu một tội nhân tìm cách vào được bên trong đền tạm và rửa trong chậu rửa thì cũng chẳng được cứu hay tha tội đâu cho dầu có ăn bánh hay xông hương. *Con đường để vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời khởi đầu tại bàn thờ bằng đồng nơi những con sinh tế vô tội chết thay cho tội nhân.* Nói tóm lại, bàn thờ bằng đồng sẽ đưa chúng ta đến thẳng đồi Gô-gô-tha nơi Con Đức Chúa Trời chết thay cho tội lỗi của thế gian (*Ma-thi-ơ* 26:26-28; *Giăng* 1:29; 3:14-16; *Rô-ma* 5:8; *I Phi-e-rơ* 2:24).

Mỗi buổi sáng, các thầy tế lễ phải dâng một của lễ thiêu trên bàn thờ bằng đồng (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 29:42-43). Đây là hình bóng về sự dâng hiến trọn vẹn cho Chúa (*Lê-vi Ký* 1:1-17). Nếu mỗi con cái Đức Chúa Trời bắt đầu một ngày bằng cách dâng chính mình lên cho Đức Chúa Trời như những “của lễ sống” (*Rô-ma* 12:1-2) thì hay biết bao!

Các mục sư đôi khi mời tín hữu “đến trước bàn thờ”, nhưng thật ra trên đất này không có bàn thờ nào được Đức Chúa Trời lập hay được Ngài chấp nhận. Tại sao? Vì sự chết của Chúa Giê-xu Christ đã giải quyết vấn đề tội lỗi một lần đủ cả (*Hê-bơ-rơ* 9:25-28), không có của lễ nào khác có thể hay phải được dâng lên nữa. Bữa ăn tối của

240 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Chúa (Tiệc Thánh) là để nhắc nhở sự hy sinh của Ngài chứ không phải lặp lại sự hy sinh của Ngài.

“Bàn thờ” duy nhất mà tín hữu có được hôm nay chính là Chúa Giê-xu Christ, Đấng đã mang trên thân thể vinh hiển của Ngài những vết thương của thập tự giá (*Hê-bơ-rơ* 13:10; *Lu-ca* 24:39; *Giăng* 20:20). Với tư cách chức tế lễ thánh, các tín hữu phải “dâng của tế lễ thiêng liêng được Đức Chúa Trời chấp nhận nhờ Chúa Giê-xu Christ” (*I Phi-e-rơ* 2:5). Chúng ta dâng lên cho Ngài thân thể (*Rô-ma* 12:1-2), của cải vật chất (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 4:18), sự ngợi khen và việc lành (*Hê-bơ-rơ* 13:15-16), cùng với tấm lòng tan vỡ của chúng ta (*Thi Thiên* 51:17).

3. Đức Chúa Trời Muốn Dân Ngài Phải Tinh Sạch

Xuất Ê-díp-tô Ký 30:17-21; 38:8.

¹⁷ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se nữa rằng: ¹⁸ Người hãy làm một cái thùng với chân thùng bằng đồng, đặt rửa mình ở trong, rồi để giữa khoảng của hội mạc và bàn thờ, và đổ nước vào. ¹⁹ A-rôn cùng các con trai người sẽ rửa tay và chân mình ở trong. ²⁰ Khi họ vào hội mạc sẽ lấy nước rửa mình, hầu cho họ khỏi chết; và khi lại gần bàn thờ dâng phụng sự, tức là xông của lễ dùng lửa dâng cho Đức Giê-hô-va, họ cũng phải giữ như vậy. ²¹ Thế thì, họ hãy rửa tay và chân, hầu cho khỏi chết. Ấy là một lệ đời đời cho A-rôn cùng dòng dõi người trải qua các đời.

38

⁸ Người dùng các tấm gương của mấy người đàn bà hầu việc nơi cửa hội mạc, chế ra một cái thùng và chân thùng bằng đồng.

Trong sân đền tạm, chậu rửa được đặt giữa bàn thờ bằng đồng và chiếc lều, các thầy tế lễ và người Lê-vi phải dùng lại đó luôn luôn để rửa tay chân. Nếu họ vào trong lều hay phục vụ tại bàn thờ bằng đồng mà không tẩy rửa trước thì có thể bị giết chết.

Chúa không định rõ kích thước hay hình dạng của chậu rửa. Cũng không thấy chỗ nào nói đến cách di chuyển nó

trên đường vượt thoát Ai Cập. Kích thước và hình dạng của chậu rửa không quan trọng nhưng chất được chứa đựng bên trong thật sự quan trọng. Chậu chứa nước sạch, và nước này được người Lê-vi giữ cho đầy suốt ngày.

Trong Kinh Thánh, nước *uống* là hình ảnh về Thánh Linh của Đức Chúa Trời (*Giăng* 7:37-39), còn nước để *rửa* là Lời Đức Chúa Trời (*Thi Thiên* 119:9; *Giăng* 15:3; *Ê-phê-sô* 5:25-27). Do vậy, chậu rửa tiêu biểu cho Lời Đức Chúa Trời thanh tẩy tâm trí và tấm lòng của những ai tiếp nhận và làm theo (*Giăng* 17:17). Việc chậu rửa được làm bằng những tấm gương bằng đồng của các phụ nữ Do Thái (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 38:8) càng cho thấy nó là hình ảnh của Lời Đức Chúa Trời, vì Lời Đức Chúa Trời được ví sánh như một chiếc gương soi (*Gia-cơ* 1:22-26; *II Cô-rinh-tô* 3:18).

Trong thời Cựu Ước, có ba cách để được sự tinh sạch theo nghi lễ: rửa bằng nước, xông qua lửa, và tẩy trong huyết. Chúng ta đã được thanh tẩy khỏi tội lỗi bởi huyết của Chúa Giê-xu Christ đổ ra vì chúng ta trên thập tự giá, và khi chúng ta xưng nhận tội lỗi mình thì huyết ấy tẩy sạch chúng ta (*I Giăng* 1:5-2:2). Nhưng khi chúng ta bất tuân Đức Chúa Trời, lòng và trí chúng ta bị ô uế bởi tội lỗi (xem *Thi Thiên* 51:1-19) và chính “sự tẩy rửa của Lời Chúa” (*Ê-phê-sô* 5:26) giúp chúng ta được phục hồi.

Các thầy tế lễ thời Cựu Ước đã trở nên ô uế, không phải vì phạm tội với Đức Chúa Trời, mà vì lo *phục vụ* Đức Chúa Trời! Bàn chân của họ bị bẩn khi họ bước đi trong sân và trong đền tạm (trong đền tạm không có sàn lát) và tay họ bị ô uế khi cầm những con sinh tế và rảy huyết. Do đó, tay và chân họ cần được tẩy rửa luôn luôn tại chậu rửa.

Khi Chúa chúng ta ở với các môn đồ Ngài trong Phòng cao, Ngài đã dạy một bài học tương tự qua việc rửa chân môn đồ (*Giăng* 13:1-15)⁵. Khi chúng ta tin Đấng Christ

cứu chuộc mình, chúng ta “được sạch cả” (c.10, *I Cô-rinh-tô* 6:9-11) và không cần phải tắm rửa nữa, nhưng khi chúng ta tiếp tục bước đi trong cuộc sống, bàn chân chúng ta trở nên dơ bẩn và chúng ta cần phải được tẩy sạch. Nếu chúng ta không được thanh tẩy thì chúng ta không thể có được mối thông công với Chúa (*Giăng* 13:8), và nếu chúng ta ở ngoài mối thông công với Chúa, chúng ta không thể hưởng được tình yêu của Ngài hay làm theo ý muốn của Ngài. Khi chúng ta xưng nhận tội lỗi mình, Ngài tẩy sạch chúng ta, và khi chúng ta suy gẫm về Lời Chúa, Thánh Linh Ngài sẽ đổi mới và phục hồi cho chúng ta.

Có hai lần Đa-vít đã cầu nguyện: “Xin hãy rửa sạch tôi” (*Thi Thiên* 51:2, 7) và Đức Chúa Trời đã nhậm lời cầu nguyện ấy (*II Sa-mu-ên* 12:13). Nhưng Ê-sai đã bảo những tội nhân trong thời của ông: “Các người hãy rửa và làm cho mình sạch” (*Ê-sai* 1:16), điều này tỏ rằng chúng ta cần thanh tẩy chính đời sống mình và cất bỏ những điều đã làm ô uế chúng ta. Phao-lô đã nghĩ đến điều này khi ông viết rằng: “Chúng ta hãy làm cho mình sạch khỏi mọi sự dơ bẩn phần xác thịt và phần thần linh, làm trọn việc nên thánh trong sự kính sợ Đức Chúa Trời” (*II Cô-rinh-tô* 7:1).

Đối với các thầy tế lễ, việc rửa trong chậu không phải là việc thừa mà là một sự cần thiết. Giữ cho chính họ được tinh sạch là một vấn đề sinh tử!

4. Đức Chúa Trời Muốn Dân Ngài Hưởng

Phước Hạnh Ngài Ban

Xuất Ê-díp-tô Ký 26:1-37; 27:9-19; 36:8-38; 38:9-20.

¹ Người hãy dùng mười bức màn mà làm nền tạm, màn dệt bằng vải gai mịn, chỉ tím, đỏ điều và đỏ sẫm, có thêu các hình chê-ru-bim cực xảo. ² Mỗi bức màn bề dài hai mươi tám thước, bề rộng bốn thước. Các bức đều đồng cỡ với nhau. ³ Mỗi năm bức màn sẽ kết dính nhau. ⁴ Người hãy thắt vòng chỉ tím nơi triêng của bức màn thứ nhứt ở đầu bức nguyên; và cũng làm như vậy cho đầu chót của bức màn

cuối trong bức nguyên thứ nhì. ⁵ Lại làm năm chục cái vòng cho bức màn thứ nhứt, và năm chục cái vòng nơi đầu triêng bức nguyên thứ nhì; các vòng hai bên sẽ đối nhau. ⁶ Cũng hãy làm năm mươi cái móc bằng vàng, rồi móc bức nguyên nầy qua bức nguyên kia, hầu cho đến tạm kết lại thành một.

⁷ Người cũng hãy kết mười một bức màn bằng lông dê, để dùng làm bong che trên đền tạm. ⁸ Bề dài mỗi bức màn ba thước, bề rộng bốn thước, mười một bức đồng một cỡ với nhau. ⁹ Người hãy kết năm bức màn nầy riêng ra, và sáu bức màn kia riêng ra; nhưng hãy gấp đôi bức màn thứ sáu ở trước đền tạm. ¹⁰ Lại thắt năm chục cái vòng nơi triêng màn thứ nhứt, ném về cuối của bức nguyên thứ nhứt, và năm chục cái vòng nơi triêng màn của bức nguyên thứ nhì; ¹¹ cũng làm năm chục cái móc bằng đồng, móc vào vòng, rồi hiệp cái bong lại, để nó thành ra một. ¹² Nhưng còn dư, tức là phân nửa bức màn dư trong bức bong nguyên, thì sẽ xử xuống phía sau đền tạm; ¹³ phần bề dài dư trong các bức màn của bong, bên nầy một thước, bên kia một thước, thì sẽ xử xuống hai bên hông đền tạm đặng che vạy.

¹⁴ Người hãy làm một tấm lá phủ bằng da chiên đực nhuộm đỏ để trên bong, và kết một tấm lá phủ bằng da cá nước đắp lên trên nữa.

¹⁵ Người cũng hãy làm những ván cho vách đền tạm bằng cây si-tim.

¹⁶ Mỗi tấm trường mười thước, hoành một thước rưỡi, ¹⁷ có hai cái mộng liền nhau; hết thảy các tấm ván vách đền tạm người cũng sẽ làm như vậy.

¹⁸ Về phía nam đền tạm, người hãy làm hai mươi tấm ván; ¹⁹ dưới hai mươi tấm ván hãy đặt bốn mươi lỗ mộng bằng bạc; cứ hai lỗ mộng ở dưới, để chịu hai cái mộng của mỗi tấm ván. ²⁰ Lại hãy làm hai mươi tấm ván về phía bắc đền tạm, ²¹ và bốn mươi lỗ mộng bằng bạc, cứ dưới mỗi tấm có hai lỗ mộng. ²² Người cũng hãy làm sáu tấm ván về phía sau đền tạm, tức là về hướng tây. ²³ Về hai góc phía sau đền tạm, phải làm hai tấm ván, ²⁴ khít nhau tự dưới chí trên bởi một cái khoen ở nơi đầu; hai cái góc đều làm như vậy. ²⁵ Thế thì, có tám tấm ván và mười sáu lỗ mộng bằng bạc; cứ hai lỗ mộng ở dưới mỗi một tấm ván. ²⁶ Lại, người hãy làm năm cây xà ngang bằng gỗ si-tim cho những tấm ván về phía bên nầy, ²⁷ năm cây xà ngang về phía bên kia và năm cây xà ngang khác nữa về phía sau của đền tạm, tức là hướng tây. ²⁸ Cây xà ngang giữa sẽ ở về thân giữa những tấm ván, chạy suốt từ đầu nầy đến đầu kia. ²⁹ Cũng hãy lấy vàng bọc ván cùng xà ngang, và làm những khoen bằng vàng, đặng xỏ các cây xà ngang. ³⁰ Người phải dựng đền tạm y như kiểu đã chỉ cho người trên núi vậy.

³¹ Người hãy làm một bức màn bằng vải gai đậu mịn, chỉ tím, đỏ

244 / Xuất Ê-díp-tô Ký

điều, đồ sạm, có thêu những hình chê-ru-bim cực xảo; ³² rồi xử màn đó trên bốn trụ bằng cây si-tim, bọc vàng, dựng trên bốn lỗ trụ bằng bạc; các móc trụ đều bằng vàng. ³³ Người sẽ treo màn đó vào móc dưới bức bong, rồi ở phía trong màn để hòm bãng chứng; màn này dùng phân biệt cho các người nơi thánh và nơi chí thánh. ³⁴ Đoạn, hãy để cái nắp thi ân trên hòm bãng chứng, đặt trong nơi chí thánh. ³⁵ Bên ngoài bức màn về phía bắc đền tạm thì để cái bàn; còn cây chân đèn thì để về phía nam đối ngang cái bàn.

³⁶ Về cửa trại người hãy làm một bức màn bằng chỉ tím, đồ điều, đồ sạm, vải gai đậu mịn, có thêu cực xảo; ³⁷ rồi làm cho bức màn này năm cái trụ bằng cây si-tim, bọc vàng; đỉnh nó cũng bằng vàng, và đúc năm lỗ trụ bằng đồng.

27

⁹ Người cũng hãy làm cái hành lang cho đền tạm. Về phía nam của hành lang làm bố vi bằng vải gai đậu mịn, dài trăm thước, ¹⁰ cùng hai chục cây trụ và hai chục lỗ trụ bằng đồng; đỉnh và nuông trụ thì bằng bạc. ¹¹ Về phía bắc cũng vậy; bố vi đó có trăm thước bề dài, hai chục cây trụ và hai chục lỗ trụ bằng đồng; đỉnh và nuông trụ thì bằng bạc. ¹² Bố vi của hành lang về phía tây có năm chục thước bề dài, mười cây trụ và mười lỗ trụ. ¹³ Bề ngang của hành lang phía trước, tức là phía đông, có năm chục thước: phía hữu ¹⁴ có mười lăm thước bố vi, ba cây trụ và ba lỗ trụ; ¹⁵ phía tả có mười lăm thước bố vi, ba cây trụ và ba lỗ trụ. ¹⁶ Còn cửa hành lang có một bức màn dài hai chục thước bằng vải gai đậu mịn, chỉ tím, đồ điều, đồ sạm, có thêu, cùng bốn cây trụ và bốn lỗ trụ. ¹⁷ Hết thấy trụ xung quanh hành lang đều sẽ có nhờ nuông bạc chấp lại với nhau; đỉnh trụ thì bằng bạc, lỗ trụ thì bằng đồng. ¹⁸ Bề dài của hành lang được một trăm thước, bề ngang, mỗi phía, năm chục thước, bề cao năm thước; bố vi sẽ bằng vải gai đậu mịn, còn những lỗ trụ thì bằng đồng. ¹⁹ Hết thấy đồ phụ tùng dùng về các việc phụng sự trong đền tạm, cùng cây nọc của đền tạm và cây nọc của hành lang, đều sẽ làm bằng đồng.

36

⁸ Các người khôn khéo trong vòng những người làm công việc, dùng mười bức màn bằng vải gai đậu mịn, chỉ tím, đồ điều, đồ sạm, thêu hình chê-ru-bim cực xảo, mà dựng đền tạm. ⁹ Mỗi bức màn đều dài hai mươi tám thước, rộng bốn thước; các bức đều đồng cỡ nhau. ¹⁰ Họ kết mỗi năm bức màn dính lại nhau; ¹¹ thắt vòng bằng chỉ tím nơi triêng của bức màn thứ nhất, ở đầu bức nguyên; và cũng làm như vậy cho triêng của bức màn ở nơi chót trong bức nguyên thứ nhì. ¹² Họ thắt năm chục vòng theo triêng của bức màn ở đầu của bức nguyên

thứ nhứt, và năm chục vòng theo triêng bức màn ở chót của bức nguyên thứ nhì; các vòng đối nhau. ¹³ Đoạn chế năm chục cái móc bằng vàng, móc bức nầy với bức kia, để cho đến tạm kết lại thành một.

¹⁴ Kế đó, họ dùng lông dê kết mười một bức màn, để làm bong trên đến tạm. ¹⁵ Bề dài mỗi bức màn ba mươi thước, bề rộng bốn thước: mười một bức màn đều đồng cỡ nhau. ¹⁶ Họ kết năm bức màn riêng ra; và sáu bức màn khác riêng ra; ¹⁷ thất năm chục cái vòng nơi triêng bức chót của bức nguyên thứ nhứt, và năm chục vòng nơi triêng bức ở đầu của bức nguyên thứ nhì; ¹⁸ làm năm chục cái móc bằng đồng, móc bức bong hiệp lại thành một.

¹⁹ Họ cũng làm cho đến tạm một tấm lá phủ bằng da chiên đực nhuộm đỏ, và một tấm lá phủ bằng da cá nước đắp lên trên.

²⁰ Họ dùng ván bằng cây si-tim làm vách cho đến tạm. ²¹ Mỗi tấm ván mười thước bề dài, một thước rưỡi bề ngang. ²² Mỗi tấm có hai cái mộng liền nhau: cả ván đến tạm đều làm một cách.

²³ Vậy, họ làm ván cho đến tạm: hai chục tấm về phía nam; ²⁴ dưới hai chục tấm làm bốn chục lỗ mộng bằng bạc: dưới mỗi tấm có hai lỗ mộng, để chịu hai cái mộng. ²⁵ Họ cũng làm hai chục tấm ván ở phía bắc đến tạm, ²⁶ và bốn chục lỗ mộng bằng bạc; dưới mỗi tấm có hai lỗ mộng. ²⁷ Về phía đằng sau của đến tạm, tức là phía tây, họ làm sáu tấm ván, ²⁸ và về hai góc sau thì làm hai tấm ván. ²⁹ Hai tấm ván góc ra khít với nhau từ dưới chí trên bởi một cái khoen ở nơi đầu; hai góc hai bên đều làm như vậy. ³⁰ Thế thì, có tám tấm ván và mười sáu lỗ mộng bằng bạc, dưới mỗi tấm có hai lỗ mộng. ³¹ Họ làm năm cây xà ngang bằng gỗ si-tim cặp mấy tấm ván về phía bên nầy của đến tạm, ³² năm cây xà ngang khác về phía bên kia, và năm cây xà ngang khác nữa về phía sau đến tạm, tức là phía tây. ³³ Họ làm cây xà ngang giữa, đặt lòn qua thân giữa các tấm ván từ đầu nầy đến đầu kia, ³⁴ và bọc vàng mấy tấm ván. Họ làm các khoen của ván bằng vàng, đặt xô xà ngang qua, và bọc vàng các cây xà ngang.

³⁵ Họ lại chế một bức màn bằng chỉ tím, đỏ điều, đỏ sậm, và vải gai đậu mịn, thêu hình chê-ru-bim cực xảo, ³⁶ rồi làm bốn cây trụ bằng gỗ si-tim, bọc vàng, cùng đỉnh bằng vàng; đúc bốn lỗ trụ bằng bạc cho mấy cây trụ đó.

³⁷ Họ cũng chế cho cửa vào Trại một tấm màn bằng chỉ tím, đỏ điều, đỏ sậm, và vải gai đậu mịn: ấy là một công việc thêu thùa. ³⁸ Họ cũng làm năm cây trụ cùng đỉnh, rồi bọc vàng trên đầu trụ, và các cây nuông; còn năm lỗ trụ thì bằng đồng.

38

⁹ Người cũng làm hành lang: về phía nam mấy bức bố vi của hành

lang bằng vải gai đậu mịn, dài trăm thước; ¹⁰ hai chục cây trụ và hai chục lỗ trụ bằng đồng, đỉnh và nuông trụ bằng bạc. ¹¹ Về phía bắc, cũng một trăm thước bố vi, hai chục cây trụ và hai chục lỗ trụ bằng đồng, đỉnh và nuông trụ bằng bạc. ¹² Về phía tây, năm chục thước bố vi, mười cây trụ, và mười lỗ trụ bằng đồng, đỉnh và nuông trụ bằng bạc. ¹³ Về phía trước, là phía đông, cũng năm chục thước: ¹⁴ nghĩa là bên hữu của hành lang mười lăm thước bố vi, ba cây trụ và ba lỗ trụ; ¹⁵ bên tả của hành lang cũng mười lăm thước bố vi, ba cây trụ và ba lỗ trụ. ¹⁶ Hết thấy bố vi của hành lang ở chung quanh đều bằng vải gai đậu mịn; ¹⁷ các lỗ trụ bằng đồng, đỉnh, nuông bằng bạc, và đầu trụ bọc bạc. Hết thấy trụ của hành lang đều nhờ có nuông bạc chắp với nhau. ¹⁸ Tấm màn nơi cửa hành lang làm thêu thùa bằng chỉ tím, đỏ điều, đỏ sẫm, và vải gai đậu mịn; bề dài hai chục thước, bề cao (tùy theo bề khổ của vải) năm thước, đồng cỡ với bề cao của các bố vi chung quanh hành lang. ¹⁹ Bốn cây trụ và bốn lỗ trụ bằng đồng, đỉnh, đồ bọc đầu trụ, và những nuông đều bằng bạc. ²⁰ Các nóc của đền tạm và của hành lang chung quanh đều bằng đồng.

Tác giả *Thi Thiên* đã viết: “Sự tôn vinh và sự oai nghi ở trước mặt Ngài, sự năng lực và sự hoa mỹ ở nơi thánh Ngài” (*Thi Thiên* 96:6). Năng lực trong nơi thánh của Ngài được bày tỏ qua chính *công trình kiến trúc* của nó và sự hoa mỹ được bày qua *sự trang trí* của nó.

Năng lực. Phần chính của đền tạm là một cấu trúc vững chắc, có những bức màn xinh đẹp treo lên. Hai mươi tấm ván gỗ si-tim cao 15 bộ và rộng 27 inch, được bọc vàng, tạo nên những bức tường ở phía Bắc và phía Nam, và 8 tấm gỗ tương tự tạo nên bức tường ở phía Tây. Mỗi tấm ván được dựng trên chân đế bằng bạc được làm từ những đồng siếc-lơ bạc (“tiền chuộc”) thu góp từ những người nam Do Thái ở trong độ tuổi phải gia nhập quân đội. Vì kiến trúc này nằm trên vùng đất gồ ghề nên phải cần đến những chân đế để được vững chắc và an toàn. Nơi Thánh của Đức Chúa Trời không thể là vùng đất cát di dời của thế gian này nhưng trên nền móng vững chắc của sự cứu chuộc. 48 tấm ván được làm cho vững thêm bằng 4 cây đòn dài (xà ngang) xuyên qua những khoen vàng trên mỗi

tấm ván.

Ở đầu phía Đông của đền tạm sừng sững 5 cột trụ, trên đó có treo một tấm vải gai được thêu một cách tinh xảo bằng các loại chỉ xanh, tím và đỏ điều. Đây là cửa đi vào trong Nơi Thánh. Một số nhà nghiên cứu tin rằng có một cây đòn dâm thẳng qua những tấm ván của tường thành ở phía Bắc và phía Nam, nối liền với những cây trụ và gia cố thêm sự bền chắc cho khung đền.

Sự hoa mỹ. Vàng, xanh, tím, đỏ và trắng là những màu sắc chính được sử dụng trên những tấm treo và tấm che của đền tạm⁶. Hàng rào vải gai bao quanh khu vực thiêng liêng màu trắng, nhắc nhở chúng ta về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Cửa trại 30 bộ ở phía Đông đền tạm được thêu bằng chỉ xanh, tím và đỏ nổi bật trên nền trắng. Màu xanh là màu của bầu trời nhắc chúng ta nhớ đến từng trời và Chúa của từng trời. Màu tím là màu hoàng gia chỉ về Vua, và màu đỏ điều khiến chúng ta nghĩ đến huyết và sự hy sinh của Chúa Cứu Thế.

Nơi Thánh và nơi Chí Thánh được che bởi bốn tấm phủ khác nhau (các tấm màn) được treo trên tường và thông xuống đến đất. Nếu nhìn vào đền tạm sẽ thấy tấm che ngoài cũng bằng da làm từ da con “bò biển” để bảo vệ những tấm che khác cũng như bảo vệ cho phần chính của đền tạm và những vật dụng trong đó. Dưới tấm che bảo vệ đó là một bức màn bằng da chiên đực nhuộm đỏ, kế đó là một bức màn được dệt từ lông dê, có thể là màu đen, và sau hết là một tấm màn xinh đẹp bằng vải gai mịn được thêu hình chê-ru-bin màu xanh, tím và đỏ.

Giữa Nơi Thánh và nơi Chí Thánh, bức màn được treo trên những móc vàng, và được chống đỡ bởi 4 cây trụ. Trên bức màn có thêu hình chê-ru-bin màu trắng, đỏ, xanh và tím. (*Hê-bơ-rơ* 10:20) cho biết rằng bức màn này là hình ảnh tiêu biểu cho thân thể của Chúa Giê-xu Christ, vì

khi thân thể Ngài được dâng trên thập tự giá thì bức màn trong đền thờ bị xé rách từ trên chí dưới (Mác 15:38). Một số nhà nghiên cứu liên hệ bốn sách Phúc Âm với bốn cây trụ chống đỡ bức màn có bốn màu. Màu tím nói về địa vị nhà vua – *Phúc Âm Ma-thi-ơ*, Phúc Âm về Vua. Màu đỏ điều nhắc chúng ta về sự hy sinh – *Phúc Âm Mác*, Phúc Âm về Người Đầy tớ Chịu khổ. Màu trắng nói về Con Người trọn vẹn – *Phúc Âm Lu-ca*, và màu xanh chỉ về trời – *Phúc Âm Giăng*, Phúc Âm về Con Đức Chúa Trời đến từ trời để chết thay cho tội lỗi của chúng ta.

Suy niệm. Dù đền tạm có vẻ bình thường đối với người bên ngoài, nhưng mọi thứ bên trong Nơi Thánh đều đắt giá và xinh đẹp, và đều nói về Chúa Cứu Thế là Đấng mà dân Y-sơ-ra-ên sẽ rao ra cho thế giới.

Những tín hữu tin kính trong thời Cựu Ước đã nhận biết những của báu mà họ có được trong nhà của Đức Chúa Trời. Hãy lắng nghe lời chứng của Đa-vít:

“Tôi đã xin Đức Giê-hô-va một điều, và sẽ tìm kiếm điều ấy! Ấy là tôi muốn trọn đời được ở trong nhà Đức Giê-hô-va, và cầu hỏi trong đền của Ngài” (*Thi Thiên 27:4*)

“Lạy Đức Giê-hô-va, tôi yêu nơi ở của nhà Ngài và nơi sự vinh hiển Ngài ngự vào” (*Thi Thiên 26:8*)

“Chúng tôi sẽ được thoả mãn với sự tốt lành của nhà Chúa, của đền thánh Ngài” (*Thi Thiên 65:4*)

Con cháu của Cô-rê cũng đã viết:

“Lạy Đức Giê-hô-va vạn quân, đền tạm Ngài đáng yêu thay!

Linh hồn tôi mong ước, vâng, đến mòn mỏi về hành lang của Đức Giê-hô-va

Lòng và thịt tôi kêu la về Đức Chúa Trời hằng sống – Phước cho người nào ở trong nhà Chúa; họ sẽ cứ ngợi khen Ngài” (*Thi Thiên 84:1-2, 4*).

Những điều các tín hữu thời Cựu Ước có được trong đền

tạm, và sau đó là trong đền thờ, thì dân sự Đức Chúa Trời ngày nay có được trong Chúa Giê-xu Christ. Những vật dụng và lễ nghi chỉ về Đấng Christ và bày tỏ nhiều khía cạnh vinh hiển trong bản tính của Ngài cùng sự cứu rỗi Ngài đã ban cho tất cả những ai tin nhận Ngài. Mọi nhu cầu thuộc linh của dân Do Thái được đáp ứng qua những sự chu cấp về đền tạm, và trong Chúa Giê-xu Christ chúng ta có được mọi sự chúng ta cần cho “sự sống và sự tin kính” (*II Phi-e-rơ* 1:3).

Nếu vẽ vời thêm thắc bất cứ điều gì, khác với Kinh Thánh về Chúa Giê-xu Christ thì sẽ gây hại cho đời sống Cơ Đốc nhiều lắm. Mọi sự đầy dẫy đều ở trong Đấng Christ (*Cô-lô-se* 1:19) cũng như mọi sự đầy dẫy của Đức Chúa Trời đều ở trong Ngài (2:9). Trong Đấng Christ có “giấu kín mọi của báu về sự khôn ngoan và tri thức” (c.3) và chúng ta phải “tìm các sự ở trên trời, là nơi Đấng Christ ngồi bên hữu Đức Chúa Trời” (3:1). Trong Đấng Christ, dân Chúa có mọi ơn phước thuộc linh (*Ê-phê-sô* 1:3). Dân chúng chẳng phải tìm kiếm bất cứ một điều gì ở ngoài Ngài.

Đối với những tín hữu yêu mến Đức Chúa Trời và muốn làm đẹp lòng Ngài thì Nơi Thánh là nguồn thức ăn và thức uống cho linh hồn họ. “Người cao trọng lẫn người thấp hèn giữa vòng loài người nương náu mình dưới bóng cánh của Chúa (Nơi Chí Thánh). Họ sống nhờ sự dư dật của nhà Chúa” (*Thi Thiên* 36:7-8).

Cũng vậy, tín hữu ngày nay sống nhờ cậy vào Chúa Giê-xu Christ và tìm thấy nơi Ngài mọi sự thỏa lòng.

Chú thích

¹ Đây không phải là những lời cầu nguyện được dâng lên bởi những người trên trời là những người đã được “trở nên thánh đồ”, và những người trên đất có thể cầu nguyện qua họ. Những ai tin Chúa Giê-xu Christ là Chúa và là Chúa Cứu Thế đều là thánh đồ (những người được biệt riêng) và có đặc quyền cầu nguyện. Hai đoạn Kinh Thánh trong sách *Khải Thị* dạy chúng ta rằng, không một lời cầu nguyện chân thành nào bởi đức tin được con cái Đức Chúa Trời dâng lên lại bị bỏ qua mà sẽ được nhậm theo cách thức và vào thời điểm Đức Chúa Trời quy định.

² “Bài cầu nguyện của Chúa” lẽ ra phải gọi là “Bài cầu nguyện của môn đồ” vì Chúa chúng ta không cầu nguyện như thế đâu. Ngài chưa bao giờ nói “Lạy Cha chúng tôi” khi cầu nguyện, và chắc chắn Ngài không cần phải cầu xin sự tha tội! Khi đọc bài cầu nguyện này phải rất thật lòng, ngẫm từng ý nghĩa, chứ không nên được đọc thuộc lòng một cách vô ý thức như thể đọc một câu thần chú. Đây là mẫu mực để chúng ta cầu nguyện. Trước hết phải tôn vinh Đức Chúa Trời. Sau mới đến những lời cầu xin cá nhân. Lời cầu xin của chúng ta chỉ được đáp ứng khi chúng ta thực sự tôn vinh Đức Chúa Trời, thực sự trông mong nước Ngài được đến, và chúng ta có làm theo ý chỉ của Ngài không? Cầu nguyện không phải là xin cho ý nguyện của mình được thành tựu trên trời mà xin cho ý Chúa được nên trên đất.

³ Mọi lời nói của chúng ta phải được “nêm thêm muối” (*Cô-lô-se* 4:6) ngụ ý rằng chúng ta phải nói với người khác bằng sự kính trọng thánh khiết tương tự như chúng ta nói với Đức Chúa Trời, vì Ngài nghe chúng ta nói. Khả năng chúng ta có thể nói với người khác là một món quà thiêng liêng từ Đức Chúa Trời, cũng giống như đặc quyền về sự

cầu nguyện. Hãy chú ý cách Đa-vít kết hợp hai điều này trong (*Thi Thiên 141:1-3*).

⁴ Để biết thêm ý nghĩa của những của lễ được liệt kê trong *Lê-vi Ký 1:1-7:28* hãy đọc “Hãy Nền Thánh” - *Be Holy* (Chariot Victor).

⁵ Qua việc rửa chân cho các môn đồ, Chúa Giê-xu dạy họ phải khiêm nhường phục vụ lẫn nhau. Ai cũng muốn tranh giành địa vị cao nhưng Chúa Giê-xu chọn chỗ thấp hèn nhất.

⁶ Màu xanh, tím, đỏ, được kết hợp với nhau 24 lần trong sách *Xuất Ê-díp-tô Ký*. Áo xống dùng cho việc tế lễ gồm có màu vàng, xanh, và tím (*Xuất Ê-díp-tô Ký 28:6, 15; 39:2, 5,8*).

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 11

Xuất Ê-díp-tô Ký 26:1-37; 27:1-19; 30:1-10,17-21;
37:25-29; 38:1-20

1. Việc xông hương nói lên điều gì?
2. Lời cầu nguyện thật sự phải được đặt trên cơ sở nào?
Thành phần của hương xông là một hỗn hợp những hương liệu đã được chỉ định. Hãy kể ra một vài yếu tố hợp thành sự cầu nguyện? Bạn thường sao nhãng những yếu tố nào nhất?
3. Ý nghĩa của việc ướp muối cho hương xông là gì?
4. Bàn thờ bằng đồng có thể tượng trưng cho điều gì? Ngày nay, cái gì đã được thay thế cho bàn thờ bằng đồng?
5. Bàn thờ duy nhất của Cơ Đốc nhân ngày nay là gì? Chúng ta dâng gì lên bàn thờ này?
6. Nước để uống và nước để tẩy rửa tượng trưng cho điều gì? Chậu rửa tiêu biểu cho điều gì?
7. Ông Wiersbe thấy được tầm quan trọng nào trong việc dùng những màu sắc khác nhau trong đền tạm?
8. Trong Tân Ước, “bức màn” được đề cập đến ở đâu?
9. Thức ăn và thức uống cho linh hồn của một tín hữu là gì? Sự đói và khát của chúng ta có thể gia tăng lên như thế nào?

CHỨC TẾ LỄ THÁNH

Xuất Ê-díp-tô Ký 28-29; 30:22-33; 39

Ước muốn của Đức Chúa Trời là dân tộc Y-sơ-ra-ên làm một “nước thầy tế lễ” (19:6) trên thế giới, bày tỏ vinh hiển Ngài và chia sẻ những phước hạnh của Ngài cho những dân tộc vô tín quanh họ. Nhưng để bày tỏ một Đức Chúa Trời thánh khiết, Y-sơ-ra-ên phải là một dân thánh, và đó là nơi chức tế lễ dòng A-rôn bước vào. Nhiệm vụ của các thầy tế lễ (gia đình A-rôn), và người Lê-vi (gia đình Kê-hát, Ghê-t-sôn, Mê-ra-ri, (xem *Dân Số Ký* 3-4) là phục vụ trong đền tạm và đại diện cho dân trước mặt Đức Chúa Trời. Các thầy tế lễ cũng phải đại diện Đức Chúa Trời trước dân bằng cách dạy họ luật pháp và giúp họ vâng lời (*Lê-vi Ký* 10:8-11; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 33:10; *Ma-la-chi* 2:7).

Nhưng Y-sơ-ra-ên đã không sống như một nước thầy tế lễ. Ngược lại, sự lãnh đạo thuộc linh trong dân tộc dần dần sa sút, các thầy tế lễ làm ngơ để cho dân thờ phượng hình tượng trong đền thờ của Đức Chúa Trời! (*Ê-xê-chi-ên* 8:1-18). Chúa đã phạt dân Ngài bằng cách để cho dân Ba-by-lôn hủy phá Giê-ru-sa-lem cùng đền thờ và bắt lưu đày hàng ngàn dân Do Thái. Tại sao sự việc này xảy ra? “Nhưng việc ấy đã xảy ra vì cơ tội lỗi của các tiên tri nó, và sự gian ác của các thầy tế lễ nó” (*Ca Thương* 4:13).

Ngày nay, Đức Chúa Trời muốn Hội Thánh Ngài thi hành chức vụ giữa thế gian như một “chức tế lễ thánh” và một “chức tế lễ nhà vua” (*I Phi-e-rơ* 2:5, 9) ¹. Nếu dân

254 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Chúa trung tín trong chức vụ tế lễ của mình, họ sẽ “rao những sự ngợi khen về Đấng đã gọi (họ) ra khỏi nơi tối tăm vào nơi ánh sáng kỳ diệu của Ngài” (1 Phi-e-rơ 2:9). Nghiên cứu về chức tế lễ thời Cựu Ước, chúng ta sẽ thấy những tương đồng đầy ý nghĩa giữa công việc của các thầy tế lễ Do Thái trong quá khứ và “chức tế lễ thánh” trong Hội Thánh ngày nay ².

1. Các Thầy Tế Lễ Được Chọn Để

Phục Vụ Đức Chúa Trời

Xuất Ê-díp-tô Ký 28:1, 3, 41; 29:1, 44.

¹ Trong vòng dân Y-sơ-ra-ên, người hãy chọn A-rôn, anh người, cùng các con trai người, là Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa, và Y-tha-ma, lập lên làm chức tế lễ trước mặt ta.

³ Hãy truyền cho hết thầy kẻ thông minh, là người ta đã ban đầy tính trí huệ, chế bộ áo cho A-rôn, đặng biệt người riêng ra thánh, hầu cho người làm chức tế lễ trước mặt ta

⁴¹ Đoạn, hãy lấy các bộ áo đó mặc cho A-rôn, anh người, cùng các con trai người; hãy xúc dầu cho, lập và biệt riêng ra thánh, để họ làm chức tế lễ trước mặt ta

29

¹ Đây là điều người sẽ làm đặng biệt A-rôn và con trai người riêng ra thánh, để họ làm chức tế lễ trước mặt ta.

⁴⁴ Ta sẽ biệt hội mặc cùng bàn thờ riêng ra thánh; cũng biệt A-rôn và các con trai người riêng ra thánh nữa, đặng họ làm chức tế lễ trước mặt ta.

Lời của Chúa: “làm chức tế lễ trước mặt ta” xuất hiện năm lần trong hai chương này, và trong (30:30; 40:13, 15; Lê-vi Ký 7:35). Các thầy tế lễ thi hành chức vụ giữa dân, nhưng bốn phận trước tiên của họ là phải phục vụ Chúa, và làm đẹp lòng Ngài. Nếu họ quên bốn phận của mình trước mặt Chúa thì dần dà họ sẽ lãng quên trách nhiệm của mình trước dân, và kết quả là dân tộc sẽ tan rã về mặt thuộc linh (xem *Ma-la-chi* 1:6-2:9).

Việc Đức Chúa Trời chọn A-rôn và các con trai người làm chức tế lễ là một hành động của ân sủng tối cao, vì họ chắc chắn đã không mong mỗi nhiệm vụ này và cũng không xứng đáng giữ chức vụ này. Việc Đức Chúa Trời cứu những tội nhân như chúng ta, khiến chúng ta trở nên con cái Ngài và rèn luyện chúng ta để nhận “chức tế lễ thánh” cũng là một hành động của ân sủng Ngài, và chúng ta đừng bao giờ quên rằng đây là một đặc quyền thuộc linh. “Các người đã không chọn ta, nhưng ta đã chọn các người” (*Giăng 15:16*).

Đáng tiếc rằng Na-đáp và A-bi-hu đã bất tuân Chúa và bị giết chết (*Lê-vi Ký 10:1-20*). Khi A-rôn chết, Ê-lê-a-sa trở thành người kế nghiệp ông (*Dân Số Ký 20:22-29*), và con cháu Y-tha-ma còn tiếp tục chức vụ tế lễ sau thời kỳ giam cầm (*E-xơ-ra 8:1-2*).

Dân Chúa ngày nay phải nhớ rằng bốn phận đầu tiên của chúng ta là làm đẹp lòng Chúa và phục vụ Ngài. Nếu chúng ta làm điều này thì Ngài sẽ làm việc trong chúng ta và qua chúng ta để thực hiện công việc của Ngài trong thế gian này. Khi Chúa Giê-xu phục hồi chức vụ môn đồ của Phi-e-rơ, Ngài không hỏi “Người có yêu chức vụ không?”, hay thậm chí “Người có yêu người khác không?” Câu hỏi được lặp đi lặp lại của Ngài là “Người yêu ta chăng?” (*Giăng 21:17*). Bốn phận quan trọng nhất của một người cha là yêu người mẹ của con cái mình, bốn phận, mà cũng là đặc quyền quan trọng nhất của tôi tớ là yêu Chúa. Mọi chức vụ đều bắt nguồn từ mối liên hệ đó.

Một phần trong việc làm hài lòng Chúa là mặc áo tế lễ. Các thầy tế lễ cả, thầy tế lễ và người Lê-vi không thể ăn mặc theo ý họ khi họ phục vụ tại đền tạm; họ phải mặc quần áo Đức Chúa Trời đã ấn định cho họ. Đức Chúa Trời đã cung cấp những quần áo này vì ít nhất là 3 lý do sau đây: 1. Chúng đem đến cho những thầy tế lễ “phẩm giá và sự tôn trọng” (*Xuất Ê-díp-tô Ký 28:2*), và biệt riêng họ,

256 / Xuất Ê-díp-tô Ký

giống như bộ đồng phục để phân biệt binh sĩ, y tá với người thường. 2. Chúng bày tỏ những lễ thật thuộc linh có liên quan đến chức vụ của họ và chức vụ của chúng ta ngày nay; và 3. Nếu các thầy tế lễ không mặc quần áo đặc biệt thì sẽ mạng vong (c.35, 43).

2. Các Thầy Tế Lễ Được Chọn Để Phục Vụ Dân Chúng *Xuất Ê-díp-tô Ký 28:6-30.*

⁶ Họ sẽ chế ê-phốt bằng kim tuyến, chỉ màu tím, đỏ điều, đỏ sẫm, và vải gai đậu mịn thêu cực xảo. ⁷ Hai bên ê-phốt làm hai đai vai, đầu đầu vào ê-phốt. ⁸ Đai để cột ê-phốt ở phía ngoài, sẽ làm nguyên miếng một cũng như công việc ê-phốt, bằng kim tuyến, chỉ tím, đỏ điều, đỏ sẫm, và vải gai đậu mịn. ⁹ Người hãy lấy hai viên bích ngọc mà khắc các tên con trai Y-sơ-ra-ên ở trên: ¹⁰ sáu tên trên viên bích ngọc này, sáu tên trên viên bích ngọc kia, tùy theo thứ tự ngày sinh của họ. ¹¹ Phải khắc các tên con trai Y-sơ-ra-ên trên hai viên bích ngọc đó, như cách của thợ khắc con dấu, và khảm trong khuôn bằng vàng. ¹² Đoạn gắn hai viên bích ngọc đó trên hai đai vai ê-phốt, dùng làm ngọc kỷ niệm về con cháu Y-sơ-ra-ên; A-rôn sẽ mang tên của họ trên hai vai mình làm kỷ niệm trước mặt Đức Giê-hô-va. ¹³ Người cũng hãy làm móc gài bằng vàng, ¹⁴ đánh hai sợi chuyền nhỏ bằng vàng rỗng như hình dây, rồi để chuyền đánh như thế vào móc gài.

¹⁵ Bảng đeo ngực về sự xét đoán, người cũng phải làm cho cực xảo, y như ê-phốt; tức là bằng kim tuyến, chỉ tím, đỏ điều, đỏ sẫm, và vải gai đậu mịn.

¹⁶ Bảng đeo ngực hình vuông và may lót; bề dài một em-ban, bề ngang một em-ban. ¹⁷ Người hãy gắn bốn hàng ngọc vào bảng đeo ngực: hàng thứ nhất gắn ngọc mã não, ngọc hồng bích, và ngọc lục bửu; ¹⁸ hàng thứ nhì, ngọc phỉ tủy, ngọc lam bửu và ngọc kim cương; ¹⁹ hàng thứ ba, ngọc hồng bửu, ngọc bạch mã não, và ngọc tử tinh, ²⁰ hàng thứ tư, ngọc huỳnh bích, ngọc hồng mã não, và bích ngọc. Các ngọc này sẽ khảm vào khuôn bằng vàng. ²¹ Số các ngọc đó hết thấy là mười hai viên, tùy theo tên các con trai Y-sơ-ra-ên; trên mỗi viên ngọc sẽ khắc tên của một trong mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên, như người ta khắc con dấu vậy.

²² Người hãy làm các sợi chuyền bằng vàng rỗng đánh như hình dây, chuyền trên bảng đeo ngực; ²³ rồi làm hai khoanh bằng vàng để ở hai góc đầu trên bảng, ²⁴ cùng cột hai sợi chuyền vàng vào hai

khoanh nơi hai đầu bảng, ²⁵ và hai đầu sợi chuyển cột vào móc gài, đoạn gắn trên hai đai vai ê-phốt về phía đằng trước ngực. ²⁶ Người cũng hãy làm hai cái khoanh bằng vàng nữa, để vào hai góc đầu dưới của bảng đeo ngực, về phía trong ê-phốt. ²⁷ Lại làm hai khoanh khác nữa bằng vàng, gắn vào hai đầu dưới đai vai ê-phốt ném về phía trước, ở trên đai gắn chỗ giáp mối. ²⁸ Rồi một sợi dây màu tím sẽ cột hai cái khoanh của bảng đeo ngực lại cùng hai cái khoanh ê-phốt, hầu cho nó dính với đai, đừng rớt khỏi ê-phốt. ²⁹ Thế thì, khi nào A-rôn vào nơi thánh, sẽ mang trên lòng mình tên các con trai Y-sơ-ra-ên nơi bảng đeo ngực về sự xét đoán, đặt giữ làm kỷ niệm luôn luôn trước mặt Đức Giê-hô-va.

³⁰ Trên bảng đeo ngực của sự xét đoán, người hãy gắn u-rim và thu-mim vào, đặt khi A-rôn đến trước mặt Đức Giê-hô-va thì các món đó sẽ ở trên lòng mình. Ấy vậy, trước mặt Đức Giê-hô-va, A-rôn sẽ mang sự xét đoán của con trai Y-sơ-ra-ên trên lòng mình luôn luôn.

Khi phục vụ Đức Chúa Trời và dân sự, thầy tế lễ cả mặc phẩm phục gồm bảy món: đồ lót (c.42-43), áo dài bên trong màu trắng (“áo choàng ngoài”, c.39, 39:27; *Lê-vi Ký* 8:6-7); một áo dài màu xanh có những cái chuông và trái lựu trên đường viền (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 28:31-35; 39:22-26); ê-phốt, là một áo không tay có màu vàng, xanh, tím và đỏ, được kết lại bởi một cái móc nam ngọc trên mỗi vai áo (28:6-8; 39:1-5; *Lê-vi Ký* 8:7); dây thắt lưng (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 28:8); bảng che ngực nam ngọc, được gắn trên ê-phốt bởi những sợi dây chuyển bằng vàng gắn trên đai vai (c.9-30, 39:8-21); và một cái mũ vải gai màu trắng (“mũ tế lễ”, 28:39) với một cái thẻ vàng trên đó ghi “Thánh cho Đức Giê-hô-va” (c.36).

Ê-phốt và thắt lưng (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 28:6-14; 39:2-7) “Ê-phốt” là một từ Hê-bơ-rơ chỉ cái áo không tay bằng vải gai, dài đến mắt cá, dùng trong lúc tế lễ (*I Sa-mu-ên* 2:18; *II Sa-mu-ên* 6:14). Ê-phốt và thắt lưng của các thầy tế lễ cả được làm bằng vải gai mịn có thêu cực xảo bằng chỉ xanh, tím và đỏ. Ê-phốt gồm hai phần, trước và sau, được nối với nhau trên mỗi vai bằng một móc vàng nam ngọc và

258 / Xuất Ê-díp-tô Ký

được một thất lưng rất đẹp buộc lại ở ngang lưng.

Điều quan trọng nơi Ê-phốt này không phải là vải hay màu sắc của nó mà là tên của sáu chi phái Y-sơ-ra-ên được khắc theo thứ tự ngày sinh trên mỗi viên bích ngọc ở hai đai vai. Mỗi khi thầy tế lễ cả mặc phẩm phục đặc biệt là ông mang toàn dân trên hai vai mình đến trước mặt Chúa. Hơn nữa, hai viên bích ngọc này nhắc nhở thầy tế lễ về hai lẽ thật quan trọng: 1. Các chi phái Y-sơ-ra-ên thật quý báu trước mặt Đức Chúa Trời; 2. Ông ở trong đền tạm không phải để phô trương những chiếc áo đẹp của mình hay để tôn cao địa vị đặc biệt của ông, nhưng để đại diện cho dân trước mặt Chúa và mang họ trên hai vai ông. Ông đã được kêu gọi không phải để phục vụ chính mình nhưng để phục vụ dân ông³.

Nếu Hội Thánh muốn trung tín với chức tế lễ thánh thì các tín hữu phải phục vụ Đấng Christ qua việc phục vụ lẫn nhau và phục vụ cho một thế giới hư mất. Chúa Giê-xu đã phán: “Ta ở giữa các ngươi như kẻ hầu việc vậy” (*Lu-ca* 22:27), và đó là tấm gương của Ngài cho chúng ta noi theo (*Giăng* 13:12-17). Trong bầu không khí thuộc linh đầy uy quyền của đền tạm, thầy tế lễ sẽ rất dễ quên dân chúng đang đứng ở bên ngoài, mà nhiều người trong số họ có những gánh nặng và nan đề cần đến sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời. “Mỗi một người trong anh em chớ chăm về lợi riêng mình, nhưng phải chăm về lợi kẻ khác nữa” (*Phi-líp* 2:4).

Bảng đeo ngực (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 28:15-30; 39:8-21). Bảng đeo ngực là một tấm vải được thêu cực xảo, hình vuông mỗi cạnh gần 23cm. Nó được treo lên cổ thầy tế lễ cả, có hai dây chuyền vàng gắn vào hai đai vai. Trên bảng đeo ngực là 12 viên ngọc thật đẹp được xếp theo 4 hàng, mỗi viên đại diện cho một chi phái Y-sơ-ra-ên. Những viên ngọc có thể được sắp xếp theo thứ tự các chi phái khi

họ ra đi (28:21 xem *Dân Số Ký* 10:1-26).

Vì vậy thầy tế lễ cả không chỉ mang dân trên hai vai mà ông còn mang họ nơi lòng ông. Nếu chúng ta không có tình yêu chân thật trong lòng mình, chúng ta sẽ không quan tâm đến nhu cầu của người khác, và chúng ta sẽ không muốn giúp đỡ họ. “Hỡi các con cái bé mọn, chớ yêu mến bằng lời nói và lưỡi, nhưng bằng việc làm và lẽ thật” (*I Giăng* 3:18). Là tôi tớ của Đức Chúa Trời, chúng ta phải làm sao để có thể nói cách thành thật với những người chúng ta phục vụ rằng, “Tôi nghĩ đến hết thủy anh em” (*Phi-líp* 1:7).

Sự khác nhau của những viên ngọc trên bảng đeo ngực mô tả sự đa dạng của những con người trong Hội Thánh và trên thế giới. Họ rất khác nhau nhưng thầy đều quý báu trước mặt Đức Chúa Trời. Mỗi chi phái có đặc điểm riêng, có cách suy nghĩ riêng, không ai giống ai. Người thì sẵn sàng ra trận, người thì chỉ thích ở nhà (*Các Quan Xét* 5:13-18). Người thì rất dễ hợp tác, người thì ưa cãi vã và hay làm ra vẻ quan trọng (*Các Quan Xét* 8:1-25). Nhưng Chúa yêu tất cả họ và thầy tế lễ cả phải giúp đỡ tất cả mọi người.

Một mục sư còn trẻ đã nói với tôi rằng: “Làm nhiệm vụ mục sư một Hội Thánh thì thú vị lắm nếu không phải làm việc với con người!” Tôi nhắc nhở vị này rằng giúp đỡ con người và đáp ứng nhu cầu thuộc linh của họ là công việc chính yếu của mục sư và để làm tròn trách nhiệm này, phải cần nhiều tình yêu, và nhẫn nại. Chúng ta giữ “chức tế lễ thánh” là một chức vụ cao cả, đòi hỏi một tấm lòng yêu thương sâu đậm.

Bên trong bảng đeo ngực có gắn “U-rim và Thu-min” (“ánh sáng và sự hoàn thiện”) mà thầy tế lễ cả dùng để tìm cầu ý muốn của Đức Chúa Trời cho dân tộc (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 28:30; *Dân Số Ký* 27:21; *I Sa-mu-ên* 30:7-8). Chúng ta không biết được thủ tục như thế nào, nhưng đây

260 / Xuất Ê-díp-tô Ký

là nhiệm vụ mà các thầy tế lễ phải thực hiện (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 33:8; *Ê-xơ-ra* 2:63; *Nê-hê-mi* 7:65). Một số người nghĩ rằng có hai viên ngọc trong túi, một đen và một trắng, và viên ngọc nào mà thầy tế lễ rút ra sẽ cho biết ý muốn của Đức Chúa Trời. Hoặc có thể nhìn cách chiếu sáng của viên ngọc để nhận biết sự hướng dẫn của Chúa. Ta không cần phải đoán già, đoán non vì những chi tiết này không cần thiết.

Tín hữu ngày nay không có những vật dụng như U-rim và Thu-mim để xác định điều Đức Chúa Trời muốn chúng ta làm, nhưng chúng ta có Lời Đức Chúa Trời hướng dẫn bước đi của chúng ta (*Thi Thiên* 119:105). Lời Đức Chúa Trời bày tỏ Đức Chúa Trời, bản tính của Ngài, ý định của Ngài, và mục đích của Ngài cho dân Ngài, và khi chúng ta càng biết Đức Chúa Trời rõ hơn thì chúng ta có thể khám phá được ý muốn của Ngài tốt hơn. Lời Đức Chúa Trời chứa đựng những mệnh lệnh để chúng ta vâng giữ, những lời cảnh cáo để chúng ta chú ý, những lời hứa để chúng ta cầu xin, và những nguyên tắc để chúng ta theo. Nếu chúng ta thành thật muốn vâng lời thì Đức Chúa Trời luôn sẵn sàng hướng dẫn chúng ta (*Giăng* 7:17; *Thi Thiên* 25:8-11).

Nhưng nếu có được một phương pháp chính xác để xác định ý muốn Đức Chúa Trời như U-rim và Thu-mim thì có thể chúng ta sẽ không cầu nguyện, không tra cứu Kinh Thánh nhiều, hoặc không hạ mình như chúng ta vẫn đang làm ngày nay khi tìm kiếm sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời. Chính việc tìm kiếm và làm theo ý muốn Đức Chúa Trời là cách giúp chúng ta tăng trưởng trong Chúa, và bỏ công tìm cầu ý Chúa cũng được phước hạnh lắm vậy.

3. Các Thầy Tế Lễ Phải Phục Vụ

Trong Sự Kính Sợ Đức Chúa Trời

Xuất Ê-díp-tô Ký 28:31-43; 39:22-31.

³¹ Người cũng hãy may áo dài của ê-phốt toàn bằng vải tím. ³² Ở

giữa áo có một lỗ tròn đầu vào; viền chung quanh, dệt như lỗ áo giáp mặt lưới, để cho khỏi tét. ³³ Nơi biên dưới hãy thắt trái lựu màu tím, đỏ điều, đỏ sậm, cùng chuông vàng nhỏ đương treo nhau ở vòng theo viền, ³⁴ nghĩa là một cái chuông rồi kể một trái lựu, ở vòng khắp chung quanh viền áo. ³⁵ Khi A-rôn hầu việc tế lễ, sẽ mặc áo đó; và khi vào hay ra nơi thánh trước mặt Đức Giê-hô-va, người ta sẽ nghe tiếng chuông vàng nhỏ, và A-rôn khỏi chết vậy.

³⁶ Người cũng hãy làm một cái thẻ bằng vàng ròng, trên đó khắc như người ta khắc con dấu, rằng: Thánh cho Đức Giê-hô-va. ³⁷ Rồi lấy một sợi dây màu tím buộc thẻ đó để trên đàng trước cái mũ. ³⁸ Thẻ đó sẽ ở trán A-rôn; A-rôn gánh tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên phạm trong khi họ dâng của lễ thánh; thẻ đó sẽ ở nơi trán A-rôn luôn luôn, để dân được đẹp ý Đức Giê-hô-va.

³⁹ Người hãy chế một cái áo lá mặc trong bằng vải gai mịn, một cái mũ bằng vải gai mịn và một cái đai thêu.

⁴⁰ Người cũng hãy chế cho các con trai A-rôn áo lá, đai và mũ, hầu cho họ được vinh hiển và trang sức. ⁴¹ Đoạn, hãy lấy các bộ áo đó mặc cho A-rôn, anh người, cùng các con trai người; hãy xúc dầu cho, lập và biệt riêng ra thánh, để họ làm chức tế lễ trước mặt ta. ⁴² Hãy chế cho họ quần lót trong bằng vải gai, đặng che sự lỏa lồ, mặc từ ngang lưng quần cho đến bắp vế. ⁴³ A-rôn cùng các con trai người sẽ mặc quần đó trong khi vào hội mạc hay là đến gần bàn thờ đặng làm việc tế lễ trong nơi thánh, thì chẳng mắc tội và chẳng chết đâu. Ấy là một mạng lệnh đời đời cho A-rôn và dòng dõi người.

39

¹ Họ dùng chỉ màu tím, đỏ điều, đỏ sậm mà chế bộ áo định cho sự tế lễ trong nơi thánh, và bộ áo thánh cho A-rôn, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

² Vậy, họ chế ê-phốt bằng kim tuyến, chỉ tím, đỏ điều, đỏ sậm, và vải gai đậu mịn. ³ Họ căng vàng lá ra, cắt thành sợi chỉ mà xen cùng chỉ tím, đỏ điều, đỏ sậm, và chỉ gai mịn, chế thật cực xảo. ⁴ Họ may hai đai vai ê-phốt, đầu hai đầu dính lại. ⁵ Đai để cột ê-phốt, phía ngoài, làm nguyên miếng một y như công việc của ê-phốt: bằng kim tuyến, chỉ tím, đỏ điều, đỏ sậm, và bằng chỉ gai đậu mịn, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se. ⁶ Họ khảm trong khuôn vàng các bích ngọc có khắc tên các chi phái Y-sơ-ra-ên, như người ta khắc con dấu. ⁷ Họ để các ngọc đó trên đai vai ê-phốt đặng làm ngọc kỷ niệm về dân Y-sơ-ra-ên, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

⁸ Họ cũng chế bảng đeo ngực cực xảo, như công việc ê-phốt: bằng kim tuyến, chỉ tím, đỏ điều, đỏ sậm, và chỉ gai đậu mịn. ⁹ Bảng đeo

262 / Xuất Ê-díp-tô Ký

ngực may lót, hình vuông, bề dài một em-ban, bề ngang một em-ban. ¹⁰ Họ nhận bốn hàng ngọc: hàng thứ nhất, ngọc mã não, ngọc hồng bích, và ngọc lục bửu; ¹¹ hàng thứ nhì, ngọc phỉ tủy, ngọc lam bửu, và ngọc kim cương; ¹² hàng thứ ba, ngọc hồng bửu, ngọc bạch mã não, và ngọc tử tinh; ¹³ hàng thứ tư, ngọc huỳnh bích, ngọc hồng mã não, và bích ngọc. Các ngọc này đều khảm vàng. ¹⁴ Số ngọc là mười hai, tùy theo số danh của các con trai Y-sơ-ra-ên. Mỗi viên ngọc có khắc một tên trong mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên như người ta khắc con dấu.

¹⁵ Đoạn, trên bảng đeo ngực họ chế các sợi chuyền bằng vàng ròng, đánh lại như hình dây. ¹⁶ Cũng làm hai cái móc và hai cái khoanh bằng vàng, để hai khoanh nơi hai góc đầu bảng đeo ngực; ¹⁷ cùng cột hai sợi chuyền vàng vào hai khoanh đó. ¹⁸ Rồi chuyền hai đầu của hai sợi chuyền vào móc gài nơi đai vai ê-phốt, về phía trước ngực. ¹⁹ Cũng làm hai khoanh vàng khác để vào hai góc đầu dưới của bảng đeo ngực, về phía trong ê-phốt. ²⁰ Lại làm hai khoanh vàng khác nữa để nơi đầu dưới của hai đai vai ê-phốt, về phía trước, ở trên đai, gần chỗ giáp mối. ²¹ Họ lấy một sợi dây màu tím, cột hai cái khoanh của bảng đeo ngực lại cùng hai cái khoanh ê-phốt, hầu cho nó dính với đai dưng rời khỏi ê-phốt, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

²² Họ cũng chế áo dài của ê-phốt bằng vải thường toàn màu tím. ²³ Cổ để trong đầu vào, ở về chính giữa áo, như lỗ áo giáp, có viền chung quanh cho khỏi tét. ²⁴ Nơi tròn áo, thắt những trái lựu bằng chỉ xe mịn màu tím, đỏ điều, đỏ sậm; ²⁵ lại làm chuông nhỏ bằng vàng ròng, gắn giữa hai trái lựu, vòng theo chung quanh tròn áo; ²⁶ cứ một trái lựu, kể một cái chuông nhỏ, vòng theo chung quanh tròn áo dùng để hầu việc, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

²⁷ Họ cũng chế áo lá mặc trong bằng vải gai mịn, dệt thường, cho A-rôn cùng các con trai người; ²⁸ luôn cái mũ, đồ trang sức của mũ, và quần lót trong, đều bằng vải gai đậu mịn; ²⁹ cùng cái đai bằng vải gai đậu mịn, chỉ tím, đỏ điều, đỏ sậm, có thêu, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

³⁰ Họ cũng dùng vàng lá ròng chế cái thẻ thánh, khắc trên đó như người ta khắc con dấu, rằng: Thánh cho Đức Giê-hô-va! ³¹ Rồi lấy một sợi dây tím dặng cột để trên mũ, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

Môi-se kể ra các món phẩm phục phụ khác:

Áo dài màu xanh (Xuất Ê-díp-tô Ký 28:31-35; 39:22-26)

được mặc bên trong Ê-phốt, có nét đặc biệt ít nhất là ba phương diện. Trước hết, nó không có đường nối, làm gợi nhớ về chiếc áo không đường nối của Chúa chúng ta, tượng trưng cho bản tính trọn vẹn và chính trực của Ngài (*Giăng* 19:23). Cổ áo được dệt để không bị tưa rách. Trong suốt thời gian thi hành chức vụ của Chúa chúng ta trên đất, một số người đã tìm cách “xé rách” chiếc áo tính cách không đường nối của Ngài và tố cáo Ngài về những điều sai trật, nhưng họ chưa bao giờ xé được. Sau hết, quanh đường viền của chiếc áo này có treo những quả lựu làm bằng chỉ xanh, tím và đỏ, cùng những chiếc chuông vàng treo ở giữa. Những quả lựu tượng trưng cho sự kết quả, và những chiếc chuông vàng cho biết rằng thầy tế lễ cả đang thi hành chức vụ trong Nơi Thánh ⁴. Những chiếc chuông và những quả lựu nhắc nhở chúng ta rằng sự bước đi trong chức tế lễ của chúng ta phải kết quả và trung tín, phải luôn chứng tỏ rằng chúng ta đang phục vụ Chúa với sự chính trực.

Cái mũ (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 28:36-38; 39:27-31) chỉ thầy tế lễ cả mới được đội, còn những thầy tế lễ khác đội mũ tròn bằng vải gai. Phía trước mũ là thẻ vàng có ghi “Thánh cho Đức Giê-hô-va”. Toàn bộ mục đích của hệ thống Lê-vi là khiến cho mọi người nam và nữ nên thánh và làm đẹp lòng Chúa.

Một số người rất ngạc nhiên khi biết rằng Chúa Giê-xu chịu chết không phải để chúng ta vui mừng, nhưng Ngài đã chịu chết để khiến cho tội nhân nên thánh. “Hãy nên thánh, vì ta là thánh” là một mệnh lệnh thường xuyên đối với dân Do Thái (*Lê-vi Ký* 11:44-45; 19:2; 20:7, 26; 21:8) và nó đã được nhắc lại trong (*I Phi-e-rơ* 1:15-16) cho các tín hữu ngày nay. *Bước đầu tiên để đi đến hạnh phúc là sự thánh khiết*. Có ngay thẳng với Đức Chúa Trời thì chúng ta mới có thể ngay thẳng với người khác và với hoàn cảnh

khó khăn của đời sống khiến chúng ta hằng lo nghĩ. Nếu ta cứ chạy theo đuổi hạnh phúc thì sẽ bao giờ tìm được, nhưng nếu hướng đến sự thánh khiết thì lại sẽ tìm được hạnh phúc trong Chúa.

Khi đội chiếc mũ thánh có gắn thẻ vàng này, thầy tế lễ cả gánh lấy tội lỗi của dân chúng khi họ đem dâng của lễ lên cho Chúa (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 28:38). Cũng như Cơ Đốc nhân đem của lễ thánh của họ đến cho Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-xu Christ, điều này khiến của lễ được chấp nhận (*I Phi-e-rơ* 2:5), thì những của lễ của dân chúng cũng được Đức Chúa Trời chấp nhận bởi sự cầu thay của thầy tế lễ cả. Tuy nhiên, Chúa chúng ta và Đấng Cầu Thay của chúng ta trên trời không cần đến bất cứ loại quần áo đặc biệt nào hay “những vương miện thánh” nào để chức vụ Ngài được chấp nhận, vì Ngài là Con Thánh của Đức Chúa Trời, và trong Ngài không có tội lỗi.

Hai lần trong phân đoạn này, các thầy tế lễ được cảnh cáo rằng họ có thể chết nếu họ không vâng phục hoàn toàn những lời chỉ dẫn của Chúa và mặc vào những quần áo thích hợp (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 28:35, 43). Nói cách khác, tôi tớ Đức Chúa Trời phải bước đi trong sự kính sợ Chúa, cẩn thận vâng lời Ngài và quy vinh hiển cho Ngài.

Không ai làm việc hết lòng cho Chúa lại phủ nhận “có niềm vui trong sự phục vụ Chúa Giê-xu”, nhưng đồng thời, chúng ta cũng phải trau dồi “lòng kính sợ” của chúng ta (*Hê-bơ-rơ* 12:28). Nếu Chúa giết mọi tín hữu ngày nay là những người không nghiêm túc khi bước vào sự phục vụ của mình thì thử hỏi có bao nhiêu người còn sót lại? Kính sợ Đức Chúa Trời không có nghĩa là khúm núm trước một đấng công nghiêm khắc mà là cung kính và khiêm nhường trước một người Cha yêu thương và một Chúa nhân từ. “Khá hầu việc Đức Giê-hô-va cách kính sợ, và mừng rỡ cách run rẩy” (*Thi Thiên* 2:11). “Con trai tôn kính cha mình, đầy tớ tôn kính chủ mình. Vậy nếu ta là cha, nào sự

tôn kính thuộc về ta ở đâu? Và nếu ta là chủ, nào sự kính sợ ta ở đâu?” (*Ma-la-chi* 1:6).

Chúng ta đã thấy các thầy tế lễ sẽ chết nếu họ không rửa tay chân tại chậu rửa (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 30:20-21), hoặc nếu họ dùng một hương nào khác với hương đã được Đức Chúa Trời chỉ định (*Lê-vi Ký* 16:13). Nếu các thầy tế lễ không vâng theo những luật lệ về sự tinh sạch và không tinh sạch, họ sẽ bị nguy cơ tử vong (22:1-9). Các thầy tế lễ dạy cho dân luật pháp vẫn chưa đủ mà chính mình phải cẩn thận vâng theo những Luật Pháp vì trách nhiệm của họ nặng nề hơn. Nhưng thái độ cơ bản khiến ta vâng lời là sự kính sợ Chúa được Thánh Linh thần cảm.

Tôi đã tham dự một số lễ “thờ phượng” Cơ Đốc và những buổi truyền giảng mà chủ đích chính là vui chơi chứ không phải là làm vinh hiển Đức Chúa Trời. Âm nhạc chỉ mang tính giải trí chứ không có sức cảm hóa, còn sự rao giảng thì hơi hợt và thiếu nghiêm trang. Diễn giả chỉ cốt làm cho thính giả cười hơn là giúp họ nhìn thấy Chúa Giê-xu và ăn năn tội lỗi. Đức Chúa Trời không giết bất cứ ai ở những buổi họp này, nhưng chúng ta không nhận được sự sống và quyền năng Thánh Linh qua các buổi họp như thế. Vì người tham dự không được hướng đến việc tôn vinh Đức Chúa Trời nên buổi họp chỉ là một thất bại.

4. Các Thầy Tế Lễ Phải Được Phong Chức

Trước Mặt Đức Chúa Trời

Xuất Ê-díp-tô Ký 29:1-37; 30:22-33.

¹ Đây là điều người sẽ làm đặc biệt A-rôn và con trai người riêng ra thánh, để họ làm chức tế lễ trước mặt ta.

² Hãy bắt một con bò tơ đực và hai con chiên đực không tì vết, dùng bột mì thiệt mịn làm bánh không men, bánh nhỏ không men nhồi với dầu, và bánh trắng không men tẩm dầu; ³ rồi để các bánh đó trong một giỏ dăng luôn lên cùng bò tơ đực và hai chiên đực.

⁴ Đoạn, người sẽ biểu A-rôn cùng các con trai người đến gần nơi cửa

266 / Xuất Ê-díp-tô Ký

hội mạc, rồi lấy nước tắm cho họ. ⁵ Kế đó, lấy bộ áo mặc cho A-rôn, tức là áo lá mặc trong, áo dài của ê-phốt, ê-phốt, và băng đeo ngực, rồi lấy đai của ê-phốt thắt lưng cho người; ⁶ đoạn đội cái mũ lên đầu và để thẻ thánh trên mũ, ⁷ cùng lấy dầu xúc đổ trên đầu và xúc cho người. ⁸ Lại biểu các con trai A-rôn đến gần mặc áo lá cho họ, ⁹ rồi lấy đai thắt lưng và đội mũ cho A-rôn cùng các con trai người. Thế thì, chức tế lễ sẽ bởi mạng lệnh định đời đời cho họ. Người lập A-rôn và các con trai người là thế.

¹⁰ Đoạn, hãy dắt con bò tơ đực lại gần trước hội mạc, A-rôn cùng các con trai người sẽ nhận tay mình trên đầu con bò đó. ¹¹ Người hãy giết bò đực trước mặt Đức Giê-hô-va, tại nơi cửa hội mạc; ¹² rồi lấy huyết bò đó, nhúng ngón tay vào, bôi các sừng của bàn thờ, và đổ khắp dưới chân bàn thờ. ¹³ Cũng hãy lấy hết thảy những mỡ bọc ruột, tấm da mỏng bọc gan, hai trái cật và mỡ trên trái cật, mà đem xông trên bàn thờ. ¹⁴ Nhưng ở ngoài trại quân hãy thiêu hết thịt, da, và phần của con bò đực đó; ấy là một của lễ chuộc tội vậy.

¹⁵ Người cũng hãy bắt một trong hai con chiên đực, A-rôn và các con trai người sẽ nhận tay mình trên đầu nó; ¹⁶ rồi giết chiên đực đó, lấy huyết mà rưới khắp chung quanh trên bàn thờ. ¹⁷ Kế đó, sả chiên ra từng miếng, rửa sạch bộ lông và giò đi, rồi để lên trên các miếng đã sả và đầu nó; ¹⁸ đoạn xông cả con chiên đực tại trên bàn thờ; ấy là một của lễ thiêu, có mùi thơm dâng cho Đức Giê-hô-va, tức là một của lễ dùng lửa dâng lên cho Đức Giê-hô-va vậy.

¹⁹ Đoạn, người hãy bắt con chiên đực thứ nhì, A-rôn cùng các con trai người sẽ nhận tay mình trên đầu nó; ²⁰ rồi người giết chiên đực đó, lấy huyết bôi nơi trái tai hữu của A-rôn và của các con trai người, trên ngón cái bàn tay mặt và ngón cái bàn chân mặt; huyết còn dư hãy rưới chung quanh trên bàn thờ. ²¹ Người hãy lấy huyết ở nơi bàn thờ và dầu xúc mà rảy trên mình và quần áo A-rôn, cùng trên mình và quần áo các con trai người. Như vậy, A-rôn cùng quần áo mình, các con trai người cùng quần áo họ sẽ được biệt riêng ra thánh.

²² Vì cơ chiên đực đó dùng làm lễ truyền chức, nên người hãy lấy mỡ, đuôi, mỡ bọc ruột, tấm da mỏng bọc gan, hai trái cật, cùng mỡ trên trái cật và giò bên hữu, ²³ lại lấy luôn một ổ bánh, một bánh nhỏ nhồi với dầu, và một cái bánh trắng ở trong giỏ bánh không men để trước mặt Đức Giê-hô-va; ²⁴ rồi người để mấy món đó trong lòng bàn tay A-rôn, và trong lòng bàn tay của các con trai người, mà đưa qua đưa lại trước mặt Đức Giê-hô-va. ²⁵ Đoạn, hãy lấy ra khỏi bàn tay họ đem xông trên bàn thờ, ở trên của lễ thiêu, để cho có mùi thơm trước mặt Đức Giê-hô-va; ấy là một của lễ dùng lửa dâng lên cho Đức Giê-hô-va. ²⁶ Cũng hãy lấy cái o chiên đực về lễ lập A-rôn

mà đưa qua đưa lại trước mặt Đức Giê-hô-va. Ấy sẽ về phần người.
²⁷ Vậy, người sẽ biệt riêng ra thánh cái o và giò của chiên đực đã dùng làm lễ lập A-rôn cùng các con trai người, tức là o đã đưa qua đưa lại, và giò đã đưa lên. ²⁸ Lễ vật này sẽ do nơi Y-sơ-ra-ên dâng cho A-rôn cùng các con trai người tùy theo mạng lệnh đời đời đã lập, vì là một điều ban cho bởi trong các của lễ thù ân của dân Y-sơ-ra-ên, tức là một của lễ đưa lên mà họ dâng cho Đức Giê-hô-va vậy.

²⁹ Những áo thánh của A-rôn sẽ để lại cho các con trai nối sau người, để họ mặc áo đó, được xúc dầu và lập trong chức tế lễ. ³⁰ Ai trong vòng con trai người được làm thầy tế lễ thế cho người, mà đến hội mặc đặng hầu việc tại nơi thánh, thì sẽ mặc áo đó trong bảy ngày.

³¹ Đoạn, người hãy bắt con chiên đực dùng làm lễ thiết lập mà nấu thịt nó trong một nơi thánh. ³² A-rôn cùng các con trai người sẽ ăn thịt chiên đực đó, cùng bánh trong giỏ nơi cửa hội mạc. ³³ Vậy, họ sẽ ăn các món này, bởi đó được chuộc tội, để lập và biệt họ riêng ra thánh; nhưng khách ngoại bang chẳng được ăn, vì các món đó đã biệt riêng ra thánh rồi. ³⁴ Nếu thịt lễ thiết lập và bánh còn dư lại đến ngày mai, người hãy thiêu trong lửa, chớ nên ăn, vì là của đã biệt riêng ra thánh. ³⁵ Vậy, theo mọi điều ta phán dặn, người hãy làm cho A-rôn cùng các con trai người, và lập họ trong bảy ngày. ³⁶ Mỗi ngày hãy dâng một con bò tơ đực đặng chuộc tội, và dâng vì bàn thờ một của lễ chuộc tội cùng xúc dầu cho, để biệt bàn thờ riêng ra thánh. ³⁷ Trong bảy ngày người hãy làm lễ chuộc tội cho bàn thờ và biệt riêng ra thánh; bàn thờ sẽ trở nên rất thánh, phàm vật chi đụng đến đều sẽ được nên thánh vậy.

30

²² Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se rằng: ²³ Hãy góp các hương liệu tốt nhất: một đực nước năm trăm sic-cơ-lơ; hương nhục quế phân nửa số đó, tức là hai trăm rưỡi; hương xương bồ hai trăm rưỡi; ²⁴ quế bì năm trăm, đều theo sic-cơ-lơ nơi thánh, và một hin dầu ô-li-ve.
²⁵ Người hãy lấy các hương liệu đó theo phép hòa hương, chế ra một thứ dầu thơm dùng làm dầu xúc thánh. ²⁶ Đoạn, lấy xúc cho hội mạc cùng hòm báng chứng, ²⁷ bàn thờ cùng các đồ phụ tùng, chân đèn cùng các đồ phụ tùng, bàn thờ xông hương, ²⁸ bàn thờ của lễ thiêu cùng các đồ phụ tùng, cái thùng và chân thùng. ²⁹ Ấy vậy, người sẽ biệt các vật này riêng ra thánh, hầu cho làm rất thánh, hễ món chi đụng đến, đều sẽ được nên thánh. ³⁰ Người cũng hãy xúc dầu cho A-rôn cùng các con trai người, biệt họ riêng ra thánh, để làm chức tế lễ trước mặt ta. ³¹ Lại hãy nói cùng dân Y-sơ-ra-ên rằng: Về phần ta, dầu này sẽ là dầu xúc thánh trải qua mọi đời các người. ³² Chớ nên đổ trên xác thịt loài người, và cũng đừng làm dầu nào khác theo

268 / Xuất Ê-díp-tô Ký

phép hòa hương đó; dầu này là thánh, cũng sẽ thánh cho các người.
³³ Hễ ai chế một thứ hòa hương giống như vậy, và đem rưới trên mình người ngoại bang, sẽ bị truất khỏi vòng dân sự.

Đức Chúa Trời phán bảo rằng thầy tế lễ cả và các con trai của ông phải tham dự trong một buổi lễ phong chức, là buổi lễ sẽ biệt riêng họ ra để làm tôi tớ của Đức Chúa Trời. Có ít nhất bảy giai đoạn trong lễ này:

Các thầy tế lễ được tắm rửa (29:4; *Lê-vi Ký* 8:6). Môi-se tập trung những vật liệu cần dùng cho lễ phong chức và đem A-rôn với các con trai ông đến cửa đền tạm. Mãi đến *Xuất Ê-díp-tô Ký* chương 40 mới thấy nói đến việc dựng đền tạm. Dường như việc dâng hiến đền tạm và lễ phong chức các thầy tế lễ đã xảy ra trong cùng một ngày (c.12-15).

Tội lỗi được minh họa bởi nhiều hình ảnh trong Kinh Thánh, chẳng hạn như bệnh tật (*Ê-sai* 1:4-6), sự tối tăm (*I Giăng* 1:5-10), sự chết (*Ê-phê-sô* 2:1-5; *Giăng* 5:24), nhưng thông thường nhất là sự dơ bẩn và sự ô uế (*Ê-sai* 1:16, 18; *Giê-rê-mi* 4:14; *II Cô-rinh-tô* 7:1; *Hê-bơ-rơ* 9:14; *Gia-cơ* 1:21; 4:8). Việc A-rôn và các con trai ông được tắm rửa kỹ lưỡng tượng trưng cho sự thanh tẩy hoàn toàn từ Chúa. Họ không cần phải tắm như thế vào những lần khác, họ chỉ cần phải rửa tay chân tại chậu rửa là đủ. Chúa Giê-xu phán rằng: “một người đã tắm rồi chỉ cần rửa chân thì cả thân thể đều được sạch” (*Giăng* 13:10), những ai tin Đấng Christ đều kinh nghiệm được sự thanh tẩy bên trong từ Chúa (*I Cô-rinh-tô* 6:9-11).

Các thầy tế lễ được mặc quần áo (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 29:5-6, 8-9, 29-30; *Lê-vi Ký* 8:7-9, 13). Môi-se mặc cho anh của ông bộ quần áo chúng ta đã nói ở trên, và ông cũng mặc cho các con trai A-rôn áo và mũ vải gai. Đây là những bộ “giáo phục” chính thức của thầy tế lễ và họ sẽ không dám thi hành chức vụ trong đền tạm mà lại mặc

những quần áo khác.

Trong Kinh Thánh, việc mặc quần áo là hình ảnh minh họa cho tính cách và đời sống của người tín hữu. Chúng ta phải bỏ đi những quần áo dơ bẩn của đời sống cũ và mặc lấy “quần áo ân sủng” đẹp đẽ do Chúa ban cho (*Ê-phê-sô* 4:17-32; *Cô-lô-se* 3:1-15). Đấng Christ đã cất đi chiếc áo nhớp của chúng ta và ban cho chúng ta chiếc áo của sự công bình mà Ngài đã mua cho chúng ta trên thập tự giá (*Ê-sai* 61:10; *II Cô-rinh-tô* 5:17, 21).

Các thầy tế lễ được xúc dầu (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 29:7, 21; *Lê-vi* Ký 8:10-12, 30). Loại dầu đặc biệt này (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 30:22-33) chỉ được sử dụng để xúc cho các thầy tế lễ, cho đền tạm cùng những vật dụng của nó. Trong Kinh Thánh Cựu Ước, các tiên tri, các thầy tế lễ và các vua đều được xúc dầu. Điều này tượng trưng cho việc Đức Chúa Trời ban Đức Thánh Linh cho họ để có được năng lực phục vụ (*Lu-ca* 4:17-19; *Ê-sai* 61:1-3). Môi-se đã đổ dầu trên đầu A-rôn, anh của ông, và vì thế dầu cũng sẽ chảy xuống râu của A-rôn và chảy trên tất cả những viên ngọc trên bảng đeo ngực. Quả là một hình ảnh thật đẹp về sự hiệp nhất trong Chúa! (*Thi Thiên* 139:2). “Ôi chớ chi cả dân của Đức Giê-hô-va đều là tiên tri và chớ chi Đức Giê-hô-va ban Thần của Ngài cho họ!” (*Dân Số* Ký 11:29).

Những ai tin nhận Chúa Giê-xu Christ làm Chúa Cứu Thế đều được sự xúc dầu của Thánh Linh Đức Chúa Trời (*I Giăng* 2:20, 27; *II Cô-rinh-tô* 1:21-22), Giăng đặt nặng chức vụ dạy dỗ của Thánh Linh trong việc hướng dẫn các tín hữu trong lẽ thật của Lời Đức Chúa Trời. Còn Phao-lô thì nói nhiều về sự yên ủi và sự vững vàng trong Chúa; chúng ta đã được xúc dầu và được ấn chứng bởi Thánh Linh, và Thánh Linh là “sự đảm bảo” của vinh hiển hầu đến. Nếu Đức Chúa Trời đã xúc dầu cho chúng ta, ấn chứng cho chúng ta, và giúp chúng ta có thể hình dung trước về thiên đàng, thì tại sao chúng ta cứ phải thất vọng

270 / Xuất Ê-díp-tô Ký

hay lo sợ Ngài sẽ lìa bỏ chúng ta?

Các thầy tế lễ được tha thứ (Xuất Ê-díp-tô Ký 29:10-14). Một con bò đực bị giết làm của lễ chuộc tội (*Lê-vi Ký 4:1-25; 8:14-17*) để chuộc tội lỗi của các thầy tế lễ. Của lễ này được dâng mỗi ngày trong một tuần (*Xuất Ê-díp-tô Ký 29:36-37*), không chỉ để thanh tẩy các thầy tế lễ mà còn để thánh hóa bàn thờ nơi các thầy tế lễ sẽ thi hành chức vụ. Chúa Giê-xu Christ là của lễ chuộc tội của chúng ta và chỉ nhờ Ngài chúng ta mới tìm thấy sự tha thứ (*Ê-sai 53:4-6, 12; Ma-thi-ơ 26:28; II Cô-rinh-tô 5:21; I Phi-e-rơ 2:24; Khải Thị 1:5-6*).

Các thầy tế lễ được dâng lên cho Đức Chúa Trời một cách trọn vẹn (Xuất Ê-díp-tô Ký 29:15-18; Lê-vi Ký 8:18-21). Trong của lễ thiêu, cả con vật sẽ được dâng lên cho Chúa, đây là hình ảnh về sự dâng hiến trọn vẹn (*Lê-vi Ký 1:1-17*). Chúa chúng ta đã dâng mình một cách trọn vẹn, không chỉ qua chức vụ của Ngài trước thập tự giá mà còn qua sự hy sinh tự nguyện của chính Ngài trên thập tự giá. Thầy tế lễ cả và các cộng sự của ông phải dâng mình hoàn toàn cho chức vụ, phải coi chức vụ là bổn phận quan trọng nhất của mình. Cơ Đốc nhân ngày nay cần suy gẫm kỹ càng các câu *Rô-ma 12:1-2* và *I Ti-mô-thê 4:15*.

Người ta thường kể câu chuyện về một Hội Thánh Anh Quốc tính toán về việc mời nhà truyền giáo D. L. Moody làm diễn giả trong một chiến dịch truyền giảng. Khi vị mục sư nói về chức vụ của Moody một cách nhiệt tình thì một thành viên của ủy ban gián tiếp phản đối: "Tại sao chúng ta phải mời Moody? Ông ta độc quyền về Thánh Linh à?"

Vị mục sư trả lời: "Không, nhưng Thánh Linh có độc quyền chiếm trọn ông."

Các thầy tế lễ được đánh dấu bằng huyết (Xuất Ê-díp-tô Ký 29:19-22; Lê-vi Ký 8:22-24). Ở thời điểm này trong lễ phong chức, chúng ta mong đợi Môi-se sẽ dâng của lễ

chuộc tội (*Lê-vi Ký 5:1-19*), nhưng ngược lại, ông lại dâng lên một chiên đực làm của lễ thù ân, “chiên đực về lễ phong chức” (*Xuất Ê-díp-tô Ký 29:22*). Từ Hê-bơ-rơ có nghĩa là “làm đầy” vì trên tay của các thầy tế lễ có nhiều bánh và thịt.

Môi-se không chỉ rảy huyết trên bàn thờ, trên A-rôn và các con trai ông, cùng với việc xúc dầu, mà mỗi người lại còn được đánh dấu bằng một chút huyết trên trái tai bên phải, ngón tay cái bên phải và ngón chân cái bên phải. Đây là một sự nhắc nhở bằng dấu hiệu rằng họ phải lắng nghe Lời Đức Chúa Trời, làm công việc Đức Chúa Trời, và bước đi trong đường lối Đức Chúa Trời. Huyết nói về của lễ, vì vậy các thầy tế lễ trở nên những “của lễ sống” trong sự phục vụ Chúa (*Rô-ma 12:1*).

Các thầy tế lễ được chu cấp (*Xuất Ê-díp-tô Ký 29:22-28, 31-34; Lê-vi Ký 8:25-29*). Một sự việc đáng chú ý khác là việc đổ đầy tay các thầy tế lễ từ “giỏ bánh” (*Xuất Ê-díp-tô Ký 29:2-3*) và từ bàn thờ (c.22-28). Các thầy tế lễ đưa qua đưa lại các tặng phẩm này trước bàn thờ của Đức Chúa Trời (c.24) và sau đó cùng dự bữa ăn thông công (c.31-34). Một số của lễ, cũng như những phần mười đặc biệt của mùa gặt đều là phần chu cấp cho các thầy tế lễ vì đã phục vụ tại bàn thờ (*Lê-vi Ký 8:28-36*). Thầy tế lễ phải xem những của lễ này là của lễ thánh và chỉ nên ăn trong khu vực của đền tạm.

Nếu các thầy tế lễ trung tín trong việc dạy Lời Chúa và khích lệ Y-sơ-ra-ên vâng lời Chúa, họ sẽ không bao giờ thiếu phương tiện để sinh sống vì dân được Lời Đức Chúa Trời thôi thúc, sẽ đem đến đền tạm những sinh tế và của lễ đã được quy định, bởi đó sẽ chu cấp cho các tội tở của Đức Chúa Trời. Đáng tiếc rằng một số thầy tế lễ trong những năm sau đó vì ích kỷ, đầy lòng tham, chỉ muốn tranh giành phần tốt nhất cho mình (*I Sa-mu-ên 2:12-17; Ma-la-chi 1:6-14*).

5. Các Thầy Tế Lễ Phải Thi Hành Chức Vụ Mỗi Ngày Xuất Ê-díp-tô Ký 29:38-46.

³⁸ Đây là các điều người sẽ dâng lên bàn thờ: Hai chiên con một tuổi, mỗi ngày thường thường như vậy. ³⁹ Buổi sớm mai người hãy dâng một trong hai chiên con; con thứ nhì hãy dâng vào buổi chiều tối. ⁴⁰ Với con chiên thứ nhất, hãy dâng một phần mười bột mì mịn nhỏ với một phần tư hin dầu ép, và cùng lễ quán một phần tư hin rượu nho. ⁴¹ Về con chiên thứ nhì hãy dâng vào buổi chiều tối với một của lễ và một lễ quán y như lễ sớm mai; ấy là một của lễ thiêu, có mùi thơm dâng cho Đức Giê-hô-va. ⁴² Ấy là một của lễ thiêu mà các người phải dâng luôn luôn, trải qua các đời, tại cửa hội mạc trước mặt Đức Giê-hô-va, là nơi ta sẽ giáng lâm mà phán cùng người. ⁴³ Vậy, ta sẽ có tại đó cùng dân Y-sơ-ra-ên; chỗ này sẽ vì sự vinh hiển ta mà được biệt riêng ra thánh. ⁴⁴ Ta sẽ biệt hội mạc cùng bàn thờ riêng ra thánh; cũng biệt A-rôn và các con trai người riêng ra thánh nữa, đặt họ làm chức tế lễ trước mặt ta. ⁴⁵ Ta sẽ ở giữa dân Y-sơ-ra-ên, làm Đức Chúa Trời dân ấy. ⁴⁶ Dân ấy sẽ biết ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng nó, đã đem chúng nó ra khỏi xứ Ê-díp-tô đặt ở giữa vòng họ. Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ.

Trong suốt tuần lễ phong chức, các thầy tế lễ phải ở trong khu vực đền tạm (*Lê-vi Ký 9:33-36*) và khi tuần lễ này chấm dứt, họ bước ngay vào chức vụ của mình. Không được nghỉ ngơi ngày nào cả! Họ phải tuân theo các thời biểu hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng và hằng năm. Tất cả thời biểu này đều dựa theo Luật Pháp Đức Chúa Trời ban cho Môi-se trên núi Si-nai.

Mỗi ngày bắt đầu bằng việc các thầy tế lễ giết một chiên con làm của lễ thiêu, biểu thị cho sự dâng mình hoàn toàn của dân trước Đức Chúa Trời, và cuối ngày là lễ dâng chiên con thứ hai làm của lễ thiêu. Đây là một gương mẫu cho chúng ta noi theo, chúng ta phải bắt đầu và kết thúc một ngày với sự đầu phục Chúa. Cùng với mỗi chiên con, họ cũng dâng một của lễ chay trộn với dầu (*Lê-vi Ký 2:1-16; 6:14-23*) và một của lễ quán khoảng một phần tư hin rượu được đổ trên bàn thờ (*Dân Số Ký 15:1-13*). Đa số của

lễ chay, các thầy tế lễ chỉ đặt một phần bột để làm chứng cơ trên bàn thờ và dùng phần còn lại để ăn, nhưng với những của lễ vào mỗi buổi sáng và chiều tối trên đây thì không được. Vì mọi thứ phải được dâng lên cho Chúa.

Bột và rượu tượng trưng cho những kết quả công lao nhọc của dân trong đồng ruộng và vườn nho. Theo ý nghĩa tượng trưng, họ trình dâng kết quả về công khó nhọc của họ lên cho Đức Chúa Trời và tạ ơn Ngài đã ban cho họ sức lực để làm việc và lương thực để ăn (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 8:6-18). Rượu đổ ra là hình ảnh về đời sống của dân dâng trọn lên cho Chúa để phục vụ Ngài (*Phi-líp* 2:17, *II Ti-mô-thê* 4:6). Tất cả những điều này sẽ làm đẹp lòng Chúa và Ngài sẽ đẹp ý khi ngự trong đền tạm và chúc phước cho dân Ngài.

Chú thích

¹ Học thuyết về “chức tế lễ của tín hữu” là một học thuyết quý giá, vì điều này có nghĩa là mỗi tín hữu có đặc quyền bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời để thờ phượng, cầu nguyện và tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Trời. Hãy chú ý rằng Phi-e-rơ nói về chức vụ tế lễ tập thể (“một chức tế lễ thánh... một chức tế lễ nhà vua, một dân thánh”) dù ông đang viết thư cho các tín hữu thuộc 5 xứ khác nhau (*I Phi-e-rơ* 1:1). Tín hữu tự tách mình ra khỏi những con cái khác của Đức Chúa Trời thì rất tai hại vì không thể học biết được ý muốn của Đức Chúa Trời. Chúng ta thuộc về nhau và chúng ta cần đến nhau, những thầy tế lễ cô lập có thể trở thành những kẻ gây rối trong Hội Thánh.

² Chức tế lễ của người Do Thái thuộc về dòng A-rôn, trong khi chức tế lễ của Đấng Christ thuộc về dòng Mên-chi-xê-đéc (*Hê-bơ-rơ* 5:1-10; 7:1-8:13). Mên-chi-xê-đéc

274 / Xuất Ê-díp-tô Ký

vừa là vua, vừa là thầy tế lễ (*Sáng Thế Ký* 14:18-24; *Thi Thiên* 110:4), còn A-rôn chỉ là một thầy tế lễ. Khi vua Ô-xia cố gắng giữ chức tế lễ, Đức Chúa Trời hành phạt ông bằng bệnh phung (*II Sử Ký* 26:16-23) vì hai chức vụ nhà vua và thầy tế lễ phải tách rời nhau cho đến khi có chức vụ tế lễ của Đấng Christ. Các thầy tế lễ dòng A-rôn chưa bao giờ hoàn tất công việc của họ, vì huyết bò đực và dê đực không thể cất đi tội lỗi, nhưng Đấng Christ đã hoàn tất công việc cứu chuộc qua việc đổ chính huyết của Ngài. Thầy tế lễ không được nghỉ ngơi tại đền tạm, nhưng Chúa Giê-xu ngự tại ngôi trên trời vì Ngài đã hoàn tất công việc của mình. Khi các thầy tế lễ cả thời Cựu Ước chết thì có người thay thế, nhưng Chúa Giê-xu bất tử và cầm quyền đời đời (*Hê-bơ-rơ* 7:16). Xin hãy xem sách "Hãy Tin Quyết" - *Be Confident*, để biết thêm *Hê-bơ-rơ* 6-10.

³ Những viên ngọc trên vai thầy tế lễ cả và trên bảng đeo ngực nhắc nhở chúng ta rằng Thầy Tế Lễ Cả trên trời của chúng ta đang mang chúng ta trên vai Ngài và nơi lòng Ngài. Ngài cảm nhận được những cảm xúc yếu đuối của chúng ta và ban cho chúng ta ân sủng cần phải có khi chúng ta đến bên ngôi Ngài và cầu xin (*Hê-bơ-rơ* 2:17-18; 4:14-16; 7:25-28).

⁴ Đôi khi người ta nói rằng vào Ngày Lễ Chuộc Tội, những cái chuông sẽ là dấu chỉ cho dân đứng bên ngoài biết rằng thầy tế lễ cả vẫn còn sống và Đức Chúa Trời đã chấp nhận những của lễ của họ. Nhưng thầy tế lễ cả không mặc áo dài đẹp vào Ngày Lễ Chuộc Tội, nhưng chỉ mặc quần áo vải gai đơn giản biểu hiệu cho sự hạ mình (*Lê-vi Ký* 16:4), vì vậy sẽ không có tiếng chuông rung trong đền tạm. Thầy tế lễ cả sẽ không mặc lễ phục cho đến sau khi con dê đực dùng làm của lễ chuộc tội được thả ra và sau khi thầy tế lễ cả đã tắm gội xong (*Lê-vi Ký* 16:23-24).

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 12

Xuất Ê-díp-tô Ký 28:1-29:46; 30:22-33; 39:1-43

1. Bốn phận đầu tiên của các thầy tế lễ là gì? Bốn phận trước hết của con dân Chúa ngày nay là gì?

2. Kiểu mẫu ê-phốt có ý nghĩa quan trọng như thế nào? Về mặt thuộc linh thì các tín hữu có thể mang ê-phốt ra sao?

3. Từ việc nghiên cứu bảng đeo ngực của thầy tế lễ cả, chúng ta có thể học được điều gì về chức vụ phục vụ trong Hội Thánh?

4. Vì sao thầy tế lễ cả mang U-rim và Thu-mim?

5. Làm sao chúng ta có thể biết những chi tiết này trong Cựu Ước tượng trưng cho điều gì (nếu có)?

6. Ông Wiersbe nói bước đầu tiên dẫn đến hạnh phúc là gì? Tại sao đối với những người vô tín thì điều này thật vô nghĩa?

7. Kính sợ Chúa nghĩa là gì? Điều này thường được hiểu sai như thế nào?

8. Việc rửa sạch tay chân tại chậu rửa là một hình thức của kiểu tẩy rửa nào khác?

9. Ai đã được xúc dầu bằng Thánh Linh của Đức Chúa Trời? Việc xúc dầu này có ý nghĩa như thế nào?

10. Việc các tín hữu phải “dâng thân thể mình làm của lễ sống và thánh” nghĩa là gì? (*Rô-ma 12:1*)

Một Tấm Lòng Tan Vỡ Và Một Gương Mặt Rạng Ngời

Xuất Ê-díp-tô Ký 32-34; 40

Vào tháng 2/1879 ở Hội Thánh Holy Trinity tại Philadelphia, mục sư nổi tiếng người Anh Phillips Brooks đã trình bày một loạt những bài giảng mà sau đó được xuất bản thành cuốn *"The Influence of Jesus"* (Ảnh Hưởng của Chúa Giê-xu). Trong bài giảng thứ ba, ông đã đưa ra lời nhận định này về sự phục vụ Đức Chúa Trời:

“Để làm một mục sư đích thực trước loài người thì phải luôn luôn chấp nhận hạnh phúc mới và sự đau khổ mới, nếu cả hai điều này càng trở nên gắn bó chặt chẽ và không thể tách rời nhau thì chức vụ phục vụ sẽ trở nên sâu sắc và thuộc linh hơn. Người phớt lờ vì người khác không thể là một người hoàn toàn buồn bã, nhưng lại càng không thể là một người luôn luôn được vui mừng trọn vẹn”¹.

Qua những chương trước, chúng ta thấy nguyên tắc này đã được thể hiện một cách sinh động trong đời sống của Môi-se. Đang vui mừng vì được gặp Đức Chúa Trời trên đỉnh núi thì lại thất vọng ê chề về dân của ông. Đó là một trong những kinh nghiệm đau buồn nhất trong cuộc đời của ông. Thế nhưng kinh nghiệm đau buồn này lại giúp ông phát triển được nhiều điểm tích cực. Những ai yêu mến Chúa và sống bởi đức tin đều qua những bước kinh nghiệm như thế.

1. Tội Lỗi: Dân Chúa Vi Phạm Luật Pháp

Xuất Ê-díp-tô Ký 32:1-33:11.

¹ Dân chúng thấy Môi-se ở trên núi chậm xuống, bèn nhóm lại chung quanh A-rôn mà nói rằng: Nào! Hãy làm các thần để đi trước chúng tôi đi, vì về phần Môi-se này, là người đã dẫn chúng tôi ra khỏi xứ Ê-díp-tô, chúng tôi chẳng biết điều chi đã xảy đến cho người rồi. ² A-rôn đáp rằng: Hãy lột những vòng vàng đeo nơi tai vợ, con trai và con gái các người đi, rồi đem lại cho ta. ³ Hết thấy đều lột vòng vàng nơi tai mình mà đem lại cho A-rôn; ⁴ người nhận lấy nơi tay họ, và dùng đục làm thành một bò con đúc. Dân chúng nói rằng: Hỡi Y-sơ-ra-ên! Đây là các thần của người đã đem người ra khỏi xứ Ê-díp-tô. ⁵ A-rôn thấy vậy, bèn lập một bàn thờ trước mặt tượng bò đó; đoạn, người la lên rằng: Sáng mai sẽ có lễ tôn trọng Đức Giê-hô-va! ⁶ Sáng mai dân chúng bèn thức dậy sớm, dâng các của lễ thiêu và lễ thù ân; ngồi mà ăn uống, đoạn đứng dậy mà vui chơi.

⁷ Đức Giê-hô-va bèn phán cùng Môi-se rằng: Hãy xuống đi, vì dân mà người đưa ra khỏi xứ Ê-díp-tô đã bại hoại rồi, ⁸ vội bỏ đạo ta truyền dạy, đúc một con bò tơ, mọp trước tượng bò đó và dâng của lễ cho nó mà nói rằng: Hỡi Y-sơ-ra-ên! Đây là các thần đã dẫn người lên khỏi xứ Ê-díp-tô! ⁹ Đức Giê-hô-va cũng phán cùng Môi-se rằng: Ta đã xem thấy dân này, kìa là một dân cứng cổ. ¹⁰ Vả, bây giờ hãy để mặc ta làm, hầu cho cơn thịnh nộ ta nổi lên cùng chúng nó, diệt chúng nó đi; nhưng ta sẽ làm cho người thành một dân lớn.

¹¹ Môi-se bèn nài xin Giê-hô-va Đức Chúa Trời người rằng: Lạy Đức Giê-hô-va, sao nổi thịnh nộ cùng dân Ngài? là dân mà Ngài đã dùng quyền lớn lao mạnh mẽ đưa ra khỏi xứ Ê-díp-tô. ¹² Sao để cho người Ê-díp-tô nói rằng: Ngài đưa chúng nó ra khỏi xứ để làm hại cho, giết đi tại trong núi, cùng diệt chúng nó khỏi mặt đất? Cầu xin Chúa hãy nguôi cơn giận và bỏ qua điều tai họa mà Ngài muốn giáng cho dân Ngài. ¹³ Xin Chúa hãy nhớ lại Áp-ra-ham, Y-sác, Y-sơ-ra-ên, là các tôi tớ Ngài, mà Ngài có chỉ mình thể cùng họ rằng: Ta sẽ thêm dòng dõi các người lên nhiều như sao trên trời, ta sẽ ban cho dòng dõi đó cả xứ mà ta chỉ phán, và họ sẽ được xứ ấy làm cơ nghiệp đời đời. ¹⁴ Đức Giê-hô-va bèn bỏ qua điều tai họa mà Ngài nói rằng sẽ giáng cho dân mình.

¹⁵ Đoạn, Môi-se ở trên núi trở xuống, tay cầm hai bảng chứng; hai bảng chứng có viết hai bên, mặt này và mặt kia. ¹⁶ Hai bảng đó là việc của Đức Chúa Trời làm ra; chữ cũng là chữ của Đức Chúa Trời khắc trên bảng. ¹⁷ Vả, Giô-suê nghe dân chúng la lên, bèn nói cùng Môi-se rằng: Trong trại quân có tiếng chiến đấu. ¹⁸ Môi-se đáp

278 / Xuất Ê-díp-tô Ký

rằng: Chẳng phải tiếng kêu về thắng trận, cũng chẳng phải tiếng kêu về thua trận; nhưng ta nghe tiếng kẻ hát. ¹⁹ Khi đến gần trại quân, Mô-i-se thấy bò con và sự nhảy múa, bèn nổi giận, liệng hai bảng chứng khỏi tay mình, bể ra nơi chân núi; ²⁰ đoạn lấy bò con của chúng đã đúc đem đốt trong lửa, rồi nghiền cho đến thành ra bụi, rải trên mặt nước, và cho dân Y-sơ-ra-ên uống.

²¹ Mô-i-se bèn nói cùng A-rôn rằng: Dân này làm chi anh, mà anh lui cho chúng phạm tội nặng dường ấy? ²² A-rôn đáp rằng: Xin chúa tôi đừng nổi giận, chúa biết rằng dân này chuyên làm điều ác! ²³ Họ có nói cùng tôi rằng: Hãy làm các thần đi trước chúng tôi; vì về phần Mô-i-se này, là người đã dẫn chúng tôi ra khỏi xứ Ê-díp-tô, chúng tôi chẳng biết có điều chi xảy đến cho người rồi. ²⁴ Tôi bèn nói cùng chúng rằng: Ai có vàng hãy lột ra! Họ bèn đưa cho tôi, tôi bỏ vào lửa, và bởi đó thành ra bò con này.

²⁵ Và, Mô-i-se thấy dân buông lung, vì A-rôn để họ buông lung, đến đổi bị sỉ nhục trong vòng các thù nghịch, ²⁶ thì người đứng nơi cửa trại quân mà nói rằng: Ai thuộc về Đức Giê-hô-va, hãy đến cùng ta đây! Hết thấy người Lê-vi đều nhóm lại gần bên người. ²⁷ Người truyền cho họ rằng: Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, có phán như vậy: Mỗi người trong các ngươi hãy đeo gươm bên mình, đi qua đi lại trong trại quân, từ cửa này đến cửa kia, và mỗi người hãy giết anh em, bạn hữu, và kẻ lân cận mình. ²⁸ Dân Lê-vi bèn làm y như lời Mô-i-se; trong ngày đó có chừng ba ngàn người bị chết. ²⁹ Và, Mô-i-se đã truyền rằng: Ngày nay mỗi người trong vòng các ngươi hãy dâng tay mình cho Đức Giê-hô-va, chẳng sót chi đến con trai hay là anh em mình, hầu cho các ngươi được ơn phước vậy.

³⁰ Ngày mai, Mô-i-se nói cùng dân chúng rằng: Các ngươi đã phạm một tội rất trọng; song bây giờ ta lên đến Đức Giê-hô-va, có lẽ ta sẽ được chuộc tội các ngươi chăng. ³¹ Vậy, Mô-i-se trở lên đến Đức Giê-hô-va mà thưa rằng: Ôi! Dân này có phạm một tội trọng, làm cho mình các thần bằng vàng; ³² nhưng bây giờ xin Chúa tha tội cho họ! Bằng không, hãy xóa tên tôi khỏi sách Ngài đã chép đi. ³³ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se rằng: Kẻ nào phạm tội cùng ta, ta sẽ xóa nó khỏi sách ta. ³⁴ Bây giờ, hãy đi, dẫn dân đến nơi ta đã chỉ phán. Nay thiên sứ ta sẽ đi trước ngươi; nhưng ngày nào ta hành phạt thì sẽ phạt tội chúng nó. ³⁵ Đức Giê-hô-va hành phạt dân là vậy, vì dân phạm về tượng bò vàng mà A-rôn đã làm ra.

33

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se rằng: Này, ngươi cùng dân mà ngươi đã dẫn ra khỏi xứ Ê-díp-tô hãy từ đây đi lên xứ ta đã thề ban

cho Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp, rằng: Ta sẽ ban xứ đó cho dòng dõi ngươi. ² Ta sẽ sai một thiên sứ đi trước ngươi, và sẽ đuổi dân Ca-na-an, dân A-mô-rít, dân Hê-tít, dân Phê-rê-sít, dân Hê-vít, và dân Giê-bu-sít, ³ đặng đưa các ngươi vào xứ đượm sữa và mật; nhưng ta không cùng lên với ngươi đâu, vì ngươi là dân cứng cổ, e ta diệt ngươi dọc đường chẳng.

⁴ Khi dân nghe lời hăm nầy, bèn đều để tang, không ai đeo đồ trang sức hết. ⁵ Vì Đức Giê-hô-va đã phán cùng Mô-i-se rằng: Hãy nói cùng dân Y-sơ-ra-ên: Các ngươi là dân cứng cổ, nếu ta cùng lên với các ngươi chỉ trong một lúc, thì ta sẽ diệt các ngươi! Vậy, bây giờ, hãy cất đồ trang sức trong mình ngươi đi, đặng ta biết liệu đái ngươi cách nào. ⁶ Thế thì, từ núi Hô-rếp, dân Y-sơ-ra-ên đã lột các đồ trang sức mình.

⁷ Mô-i-se lấy Trại đem dựng xa ra ngoài trại quân, gọi là hội mạc, phạm ai muốn cầu khẩn Đức Giê-hô-va, thì ra đến hội mạc ở ngoài trại quân. ⁸ Vừa khi Mô-i-se ra đến Trại, thì cả dân chỗi dậy, mỗi người đứng nơi cửa trại mình, ngó theo Mô-i-se cho đến khi nào người vào trong Trại rồi. ⁹ Vừa khi người vào đó, thì trụ mây giáng xuống dừng tại cửa Trại, và Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se. ¹⁰ Cả dân thấy trụ mây dừng tại cửa Trại, bèn đứng dậy, rồi mỗi người đều sắp mình xuống nơi cửa trại mình.

¹¹ Đức Giê-hô-va đối diện phán cùng Mô-i-se, như một người nói chuyện cùng bạn hữu mình. Đoạn, Mô-i-se trở về trại quân, còn kẻ hầu trẻ của người, tên là Giô-suê, con trai của Nun, không ra khỏi Trại.

Ít nhất ba lần trong những tháng ở tại núi Si-nai, dân Do Thái đã hứa vâng theo bất cứ điều gì Đức Chúa Trời bảo họ làm (19:8; 24:3, 7 và xem 20:19). Chúa biết rằng lòng họ không hề giữ những lời mà họ đã hứa nguyện (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 5:28-29). Con bò vàng đã chứng minh điều đó.

Tội trọng (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 32:1-6). Mô-i-se gọi việc họ đã làm là một "tội trọng" (c.21, 30-31), và ý kiến của ông rất chính xác. Sở dĩ tội này bị coi là rất trọng vì tư cách của người phạm tội. Chính Y-sơ-ra-ên, tuyển dân của Đức Chúa Trời mà lại phạm tội như thế. Tội ấy nghiêm trọng vì cố thời gian và nơi chốn họ phạm tội là tại núi Si-nai, sau

khi họ đã nghe Luật Pháp của Đức Chúa Trời và nhìn thấy vinh hiển của Ngài. Họ đã hứa vâng theo Luật Pháp Đức Chúa Trời, nhưng khi làm bò con vàng và chìm đắm trong những nghi lễ dâm dục, họ đã phạm đến điều răn thứ nhất, thứ hai, và thứ bảy. Họ phạm tội sau khi đã kinh nghiệm quyền năng và sự thương xót của Đức Chúa Trời: tai vạ tại Ai Cập, sự giải cứu tại Biển Đỏ, sự chu cấp thức ăn và nước uống, cùng sự dẫn dắt nhân từ của Đức Chúa Trời bằng trụ mây và lửa. Do đó tội họ phạm càng thêm trọng. Họ phản bội lòng nhân từ của Chúa. Đức Chúa Trời nổi giận trước tội lỗi của họ là điều tự nhiên (*Phục Truyền Luật Lệ Ký 9:7*).

Tại sao Y-sơ-ra-ên phạm một tội gian ác đến thế vào một thời điểm vinh quang như thế trong lịch sử của họ? Trước hết, họ thiếu kiên nhẫn vì Môi-se ở trên núi với Đức Chúa Trời đến 40 ngày đêm (c.11-12). Mà sự thiếu kiên nhẫn thường là nguyên nhân gây ra những hành động nông nổi tội lỗi. Y-sơ-ra-ên không biết cách sống bởi đức tin và tin cậy Đức Chúa Trời dù người lãnh đạo của họ ở gần hay đi xa. Môi-se có ở cùng họ thì họ vẫn cứ chỉ trích ông và quên mất những gì ông đã dạy.

A-rôn và các trưởng tộc cũng rất đáng trách vì đã không tìm cầu Đức Chúa Trời ngay để được giúp đỡ và cảnh cáo dân về những hậu quả sẽ xảy ra. A-rôn và Hu-rơ có thẩm quyền từ Môi-se để hướng dẫn dân khi ông vắng mặt (*Xuất Ê-díp-tô Ký 24:14*). Hai nhân vật này đã chính mắt thấy được hành động đầy quyền năng của Đức Chúa Trời nhưng lại không nhờ đến Ngài và Môi-se. Thay vì ngăn cản dân, A-rôn lại đồng tình với họ và làm thỏa mãn những ham muốn trong tấm lòng tội lỗi của họ. Sau đó, ông đưa ra một lời bào chữa yếu ớt và tìm cách đổ lỗi cho dân (c.22-24). Đức Chúa Trời nổi giận trước thái độ tặc trách của ông. Nếu Môi-se không cầu thay cho ông thì chắc ông đã phải mạng vong vì cơn thịnh nộ của Đức

Chúa Trời (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 9:20).

Thói thờ hình tượng của Y-sơ-ra-ên nảy sinh từ những ngày ở Ai Cập và vẫn còn âm ỉ trong lòng họ (*Giô-suê* 24:14; *Ê-xê-chi-ên* 20:4-9; 23:3, 8). A-rôn dung dưỡng thói tật ấy bằng cách chiều ý dân. Ngày nay người ta nói nhiều đến việc “đáp ứng nhu cầu của con người”, nhưng trường hợp Y-sơ-ra-ên là một dân tộc không biết được nhu cầu của chính mình thật sự là gì. Họ nghĩ họ cần một hình tượng, nhưng điều họ thật sự cần là đức tin nơi Đức Chúa Trời vĩ đại của họ ². Y-sơ-ra-ên đã từ bỏ vinh hiển của Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống mà quay qua thờ hình ảnh một con vật (*Thi Thiên* 106:19-23), nghĩa là họ đã hành động như những dân tộc ngoại đạo quanh họ (*Rô-ma* 1:22-27) ³. Nhiều người trong bọn họ thức dậy sớm không phải để cầu nguyện mà là để phạm tội.

Cuộc thử nghiệm lớn (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 32:7-14). Với người lãnh đạo, những sự khó khăn do dân chúng gây ra sẽ giúp tôi luyện ý chí hoặc sẽ làm nãn chí thối lui. Môi-se đang ở trong cơn thử thách này. Đức Chúa Trời gọi Y-sơ-ra-ên là “dân của người mà người đã đem ra khỏi xứ Ai Cập” như thể Chúa đã bỏ mặc dân tộc này cho Môi-se, nhưng Môi-se vội nhắc Ngài rằng họ là dân Ngài và chính Ngài đã giải cứu họ. Hơn nữa, Đức Chúa Trời đã lập một giao ước với tổ phụ họ để chúc phước cho họ, khiến họ thêm nhiều và ban đất cho họ (*Sáng Thế Ký* 12:1-3). Môi-se muốn Đức Chúa Trời trung tín với Lời Ngài, và Đức Chúa Trời cũng muốn ông làm như thế.

Sau đó Chúa lại đưa ra một đề nghị khác: Ngài đề nghị tiêu diệt Y-sơ-ra-ên và lập con cháu Môi-se thành một dân tộc ⁴. Một người bình thường có thể đã chấp nhận ý kiến này, nhưng Môi-se thì không, ông yêu dân của ông dù họ tội lỗi, và hơn bất cứ điều gì khác ông muốn làm vinh hiển Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên và chờ đợi Ngài thực hiện

282 / Xuất Ê-díp-tô Ký

những lời hứa của Ngài. Môi-se không lo lắng về tương lai của riêng ông; ông chỉ mong sao danh của Đức Chúa Trời được cả sáng. Dân Ai Cập nhất định sẽ chế giễu Đức Chúa Trời nếu họ nghe tin dân Y-sơ-ra-ên đã bị tiêu diệt tại núi Si-nai!

Đức Chúa Trời có quyền nổi giận vì cố tội thờ hình tượng và dâm dục thật trơ trẽn của Y-sơ-ra-ên (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 32:10-12), nhưng Môi-se đã thuyết phục Đức Chúa Trời không tiêu diệt Y-sơ-ra-ên. Khi viết câu chuyện này, Môi-se đã sử dụng tiếng nói loài người để mô tả những hành động của Đức Chúa Trời, cho nên ông đã ghi lại trong câu 14 rằng Đức Chúa Trời “ăn năn”. Từ Hê-bơ-rơ này nghĩa là “đau buồn, lấy làm tiếc” (*Sáng Thế Ký* 6:6; *I Sa-mu-ên* 15:29) mô tả sự thay đổi phương cách của Đức Chúa Trời trong việc xử lý dân Ngài (*Giê-rê-mi* 18:1-12; 19; 26). Bản tính Đức Chúa Trời không hề thay đổi, nhưng Đức Chúa Trời đáp lại những lời cầu nguyện và xưng tội của dân Ngài.

Kỷ luật nghiêm khắc (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 32:15-33:11). Đức Chúa Trời của ân sủng tha thứ tội lỗi của chúng ta, nhưng là Đấng tể trị, Đức Chúa Trời để cho tội lỗi gây nên những hậu quả kinh khiếp trong đời sống của con người. Chúng ta phải gặt lấy những gì mình đã gieo ra (*Ga-la-ti* 6:7-8). Ví dụ như, Đức Chúa Trời đã cất bỏ tội lỗi của Đa-vít nhưng cũng cảnh cáo với ông rằng lưỡi gươm sẽ không rời khỏi gia đình ông, và đúng vậy, lưỡi gươm đã hành hại gia đình ông (*II Sa-mu-ên* 12:1-14). Quả là một bi kịch khi phải gặt lấy những hậu quả của tội lỗi đã được tha thứ!

Môi-se kỷ luật dân chúng (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 32:15-29). Khi Môi-se xuống núi, ông yêu cầu Giô-suê đi cùng ông (24:12-13). Một ngày nào đó Giô-suê sẽ thay thế Môi-se, vì vậy Giô-suê cần phải học cách giải quyết những vấn đề khó khăn này. Môi-se đã nổi giận (32:19, 22), nhưng đó là cơn giận nổi lên bởi tình yêu. Việc đập bể những bảng đá

mang tính tượng trưng: Y-sơ-ra-ên đã phá vỡ giao ước và ắt phải chịu kỷ luật. Nhưng trước khi xử lý dân chúng, Môi-se đã đối chất cùng A-rôn, vì lãnh đạo thì phải có bổn phận và trách nhiệm. Nhà truyền giáo Billy Sunday nói rằng một lời bào chữa là vỏ bọc của một lý do giả dối. Những lời bào chữa yếu ớt của A-rôn đã không thuyết phục được Môi-se.

Sau đó Môi-se quay sang dân và hỏi: “Ai đứng về phía Đức Giê-hô-va?” (xem *Giô-suê* 24:15 và *I Các Vua* 18:21). Đây là một cơ hội để cả Y-sơ-ra-ên ăn năn và tái xác nhận sự phò thác của họ trước Chúa, nhưng chỉ có người Lê-vi đáp ứng lời kêu gọi này. Không để tình máu mủ và tình bạn bè lung lạc (*Ma-thi-ơ* 10:34-39; *Lu-ca* 14:26-27), họ đã mạnh dạn giết tất cả những người đã tham dự cuộc truy hoan, khoảng 3.000 người. Nhiều thế kỷ sau đó, Phao-lô đã nhắc lại sự kiện này cùng với những sự kiện khác để cảnh cáo các tín hữu Cơ Đốc về sự chống nghịch Đức Chúa Trời (*I Cô-rinh-tô* 10:1-12).

Sau đó, Môi-se hủy diệt bò vàng bằng cách đốt nó đi (nó có thể được làm bằng gỗ dát vàng), nghiền vàng thành bột, rải bột xuống một dòng nước gần đó và cho dân uống (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 9:21)⁵. Bằng cách này ông đã hoàn toàn tiêu diệt hình tượng và cũng buộc dân phải nhận biết những tội lỗi đáng kinh khiếp của họ.

Môi-se đã trở lại với Đức Chúa Trời trên núi Si-nai nơi ông kiêng ăn và cầu nguyện thay cho dân trong hơn 40 ngày đêm (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 32:30-34; 34:28; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 9:18-20). Ông trình cùng Đức Chúa Trời rằng ông sẵn lòng chịu giết nếu cái chết của ông làm dân Do Thái được sống, nhưng Đức Chúa Trời đã từ chối lời đề nghị của ông⁶. Chúa bảo đảm với Môi-se rằng thiên sứ Ngài sẽ đi trước họ và Môi-se phải lãnh đạo dân như trước. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời sẽ phạt họ theo cách của Ngài,

vào thời điểm Ngài định. Nếu dân Do Thái biết được tất cả những gì Môi-se đã phải chịu đựng vì cơ họ, họ có thể đã cảm kích ông hơn nữa, nhưng đó là cái giá phải trả của chức lãnh đạo thuộc linh trung tín.

Đức Chúa Trời kỷ luật dân (Xuất Ê-díp-tô Ký 32:35-33:11). Kỷ luật đầu tiên của Đức Chúa Trời là giáng một tai và giữa vòng dân, nhưng chúng ta không được biết có bao nhiêu người đã bị giết. Người Lê-vi đã giết 3.000 người tham dự sự thờ lạy hình tượng và những việc làm đồi bại, nhưng Đức Chúa Trời biết được tất cả những người phạm tội là ai. Đôi khi Đức Chúa Trời tuyên án ngay lập tức nhưng sau đó hoãn lại việc thi hành án phạt. Tuy nhiên, trong Cựu Ước hay Tân Ước thì “cũng có tội đến chết” (I Giăng 5:16-17).

Sự xét đoán thứ hai của Đức Chúa Trời là không đi trước Y-sơ-ra-ên khi họ đi đến Đất Hứa (*Xuất Ê-díp-tô Ký 33:1-6*). Đức Chúa Trời sẽ giữ những lời hứa Ngài đã lập với các trưởng tộc, nhưng thay vì đi trước Y-sơ-ra-ên trong thân vị Con Ngài, thiên sứ của Đức Giê-hô-va (23:20-23), Ngài sẽ chỉ định một thiên sứ đi cùng dân Do Thái. Lý do? “Người là dân cứng cổ” (32:9; 33:3, 5). Nếu họ là một dân khổ sở và phiến muộn, Chúa sẽ đến cùng họ trong ân sủng và sự thương xót (3:7-10), nhưng một dân cứng cổ chỉ có thể bị kỷ luật. Thà Đức Chúa Trời rời bỏ họ còn hơn là Ngài đến bất ngờ trên họ và tiêu diệt họ!

Khi Môi-se truyền cho Y-sơ-ra-ên sứ điệp này, họ đáp ứng bằng cách lột những trang sức của mình và than khóc. Đây có phải là sự ăn năn thật hay không, chỉ có Chúa biết. Rõ ràng, họ đã góp đồ trang sức vàng của mình cho việc làm ra một hình tượng, và đây là nguyên nhân của mọi sự. Có lẽ họ đang bắt đầu học bài học của mình- học trong cay đắng.

Sự xét đoán thứ ba là đời “hội mạc” của Môi-se đến một địa điểm bên ngoài trại quân, nơi ông sẽ trực tiếp gặp

Đức Chúa Trời. Đây không phải là đền tạm của Chúa vì đền tạm chưa được dựng lên và dâng hiến cho Chúa. Đây là một trại đặc biệt Môi-se đã sử dụng khi ông muốn cầu hỏi ý kiến Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đầy lòng nhân từ đã gặp Môi-se và nói chuyện với ông mặt đối mặt, như bạn bè nói chuyện với nhau (*Dân Số Ký* 12:1-8; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 34:10). Trụ mây dẫn dắt dân tộc trong cuộc hành trình của họ lơ lửng ở cửa trại, và dân biết rằng Môi-se và Chúa đang bàn bạc cùng nhau.

Tội lỗi luôn phải trả giá đắt. Tội lỗi của Y-sơ-ra-ên không chỉ dẫn đến cái chết của hằng ngàn người, mà còn chấm dứt sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong trại quân và trong hành trình hành hương của họ đến vùng Đất Hứa. Như Charles Spurgeon đã nói, “Đức Chúa Trời không bao giờ cho phép dân Ngài phạm tội trót lọt”.

2. Ân Sủng: Tội Tở Của Đức Chúa Trời Cầu Thay

Xuất Ê-díp-tô Ký 33:12-34:28.

¹² Môi-se thưa cùng Đức Giê-hô-va rằng: Này, Chúa phán cùng tôi rằng: Hãy đem dân này lên! Song Chúa chẳng cho tôi biết Chúa sai ai đi cùng tôi. Vả, Chúa có phán rằng: Ta biết người vì danh người, và người được ơn trước mặt ta. ¹³ Vậy bây giờ, nếu tôi được ơn trước mặt Chúa, xin cho tôi biết đường của Chúa, để cho tôi biết Chúa và được ơn trước mặt Ngài. Xin cũng hãy nghĩ rằng dân này là dân của Ngài! ¹⁴ Đức Giê-hô-va đáp rằng: Chính mình ta sẽ đi cùng người, và ta sẽ cho người an nghỉ. ¹⁵ Môi-se thưa rằng: Nếu chính mình Ngài chẳng đi, xin đừng đem chúng tôi lên khỏi đây. ¹⁶ Lấy cớ chi mà người ta sẽ biết rằng tôi cùng dân Ngài được ơn trước mặt Ngài? Có phải khi nào Ngài cùng đi với chúng tôi chẳng? Thế thì, tôi cùng dân Ngài sẽ được phân biệt với muôn dân trên mặt đất.

¹⁷ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Ta sẽ làm điều người cầu xin ta, vì người được ơn trước mặt ta, và ta biết người bởi danh người vậy. ¹⁸ Môi-se thưa rằng: Tôi xin Ngài cho tôi xem sự vinh hiển của Ngài! ¹⁹ Đức Giê-hô-va phán rằng: Ta sẽ làm cho các sự nhân từ ta phát ra trước mặt người; ta hô danh Giê-hô-va trước mặt người; làm ơn cho ai ta muốn làm ơn, và thương xót ai ta muốn thương xót.

²⁰Ngài lại phán rằng: Người sẽ chẳng thấy được mặt ta, vì không ai

thấy mặt ta mà còn sống. ²¹ Đức Giê-hô-va lại phán: Đây có một chỗ gần ta, người hãy đứng trên hòn đá; ²² khi sự vinh hiển ta đi ngang qua, ta sẽ để người trong bóng đá, lấy tay ta che người, cho đến chừng nào ta đã đi qua rồi. ²³ Ta sẽ rút tay lại, và người thấy phía sau ta; nhưng thấy mặt ta chẳng được.

34

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Hãy đục hai bảng đá như hai bảng trước; rồi ta sẽ viết trên hai bảng nầy các lời đã ở nơi hai bảng kia, mà người đã làm bể. ² Ngày mai, hãy chực cho sẵn, vừa sáng lên trên đỉnh núi Si-na-i, đứng trước mặt ta tại đó. ³ Không ai nên lên theo cùng người hết, khắp núi không nên thấy có người, và chiên, bò cũng chẳng nên ăn cỏ nơi núi nầy nữa. ⁴ Môi-se bèn đục hai bảng đá, y như hai bảng trước; dậy sớm, cầm theo tay hai bảng đó lên trên núi Si-na-i, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn.

⁵ Đức Giê-hô-va ngự xuống trong đám mây, đứng gần bên Môi-se và hô danh Giê-hô-va. ⁶ Ngài đi ngang qua mặt người, hô rằng: Giê-hô-va! Giê-hô-va! Là Đức Chúa Trời nhân từ, thương xót, chậm giận, đầy đầy ân huệ và thành thực, ⁷ ban ơn đến ngàn đời, xá điều gian ác, tội trọng, và tội lỗi; nhưng chẳng kể kẻ có tội là vô tội, và nhân tội tổ phụ phạt đến con cháu trải ba bốn đời.

⁸ Môi-se lật đặt cúi đầu xuống đất và thờ lạy, mà thưa rằng: ⁹ Lạy Chúa! Nếu tôi được ơn trước mặt Chúa, xin hãy đi giữa chúng tôi, vì dân nầy là một dân cứng cổ. Xin hãy tha sự gian ác cùng tội lỗi, và nhận chúng tôi làm cơ nghiệp của Chúa.

¹⁰ Đức Giê-hô-va phán rằng: Nầy, ta lập một giao ước. Trước mặt các dân của người, ta sẽ làm các phép lạ chưa hề có làm trên cả mặt đất, hay là nơi dân nào; và toàn dân mà trong đó có người, sẽ xem thấy việc Đức Giê-hô-va, vì điều ta sẽ làm cùng người là một điều đáng kinh khiếp. ¹¹ Hãy cẩn thận về điều ta truyền cho người hôm nay. Nầy, ta sẽ đuổi khỏi trước mặt người dân A-mô-rít, dân Ca-na-an, dân Hê-tít, dân Phê-rê-sít, dân Hê-vít, và dân Giê-bu-sít. ¹² Hãy cẩn thận, đừng lập giao ước cùng dân của xứ mà người sẽ vào, e chúng nó sẽ thành cái bẫy giữa người chẳng. ¹³ Nhưng các người hãy phá hủy bàn thờ, đập bể pho tượng và đánh hạ các thần chúng nó. ¹⁴ Vì người đừng sấp mình xuống trước mặt chúa nào khác, bởi Đức Giê-hô-va tự xưng là Đức Chúa Trời kỳ tà; Ngài thật là một Đức Chúa Trời kỳ tà vậy. ¹⁵ Hãy cẩn thận đừng lập giao ước cùng dân của xứ đó, e khi chúng nó hành dâm cùng các tà thần chúng nó và tế các tà thần của chúng nó, có kẻ mời, rồi người ăn của cúng họ chẳng. ¹⁶ Lại đừng cưới con gái chúng nó cho con trai người, e khi con gái chúng nó hành dâm với các tà thần chúng nó, quyến dụ con trai người cũng

hành dâm cùng các tà thần của chúng nó nữa chẳng.

¹⁷ Người chớ đúc thần tượng.

¹⁸ Người hãy giữ lễ bánh không men. Nhằm kỳ tháng lúa trở, hãy ăn bánh không men trong bảy ngày, như ta đã truyền dạy người; vì nhằm tháng đó người ra khỏi xứ Ê-díp-tô.

¹⁹ Các con trưởng nam đều thuộc về ta; cùng các con đực đầu lòng của bầy súc vật người, hoặc bò hoặc chiên cũng vậy. ²⁰ Nhưng người sẽ bắt một chiên con hay là dê con mà chuộc một con lừa đầu lòng. Nếu chẳng chuộc nó, người hãy bẻ cổ nó. Người sẽ chuộc các con trưởng nam mình; và chớ ai đi tay không đến châu trước mặt ta.

²¹ Trong sáu ngày người hãy làm công việc, nhưng qua ngày thứ bảy hãy nghỉ, dẫu mùa cày hay mùa gặt người cũng phải nghỉ vậy.

²² Đầu mùa gặt lúa mì, người hãy giữ lễ của các tuần lễ; và cuối năm giữ lễ mùa màng.

²³ Thường năm ba lần, trong vòng các người, mỗi người nam sẽ ra mắt Chúa Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. ²⁴ Vì ta sẽ đuổi các dân khỏi trước mặt người, ta sẽ mở rộng bờ cõi người; và trong khi người lên ra mắt Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, mỗi năm ba lần, thì sẽ chẳng ai tham muốn xứ người hết.

²⁵ Người chớ dâng huyết của con sinh tể ta cùng bánh pha men; thịt của con sinh về lễ Vượt qua chớ nên giữ đến sáng mai.

²⁶ Người sẽ đem dâng hoa quả đầu mùa của đất sanh sản vào đền Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời người.

Người chớ nấu thịt dê con trong sữa mẹ nó.

²⁷ Đức Giê-hô-va cũng phán cùng Môi-se rằng: Hãy chép các lời này; vì theo các lời này mà ta lập giao ước cùng người và cùng Y-sơ-ra-ên.

²⁸ Môi-se ở đó cùng Đức Giê-hô-va trong bốn mươi ngày và bốn mươi đêm, không ăn bánh, cũng không uống nước; Đức Giê-hô-va chép trên hai bảng đá các lời giao ước, tức là mười điều răn.

Suốt 40 ngày đêm với Đức Chúa Trời lần thứ hai trên núi Si-nai, Môi-se đã cầu thay cho dân và nài xin Chúa phục hồi những phước hạnh Ngài đã hứa ban cho họ.

Sự hiện diện của Đức Chúa Trời với dân tộc (33:12-17).

Môi-se nhắc cho Chúa về lời hứa của Ngài là cùng đi với dân chúng trong cuộc hành trình của họ. Thật ra, khi dân tộc hát những bài ca ngợi Đức Chúa Trời tại Biển Đỏ, họ đã vui mừng trong lời hứa về sự hiện diện đặc biệt của

288 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Đức Chúa Trời (15:13-18). Giờ đây Đức Chúa Trời có sẽ thực hiện lời hứa của Ngài nữa không?

Môi-se khẩn cầu ân sủng của Đức Chúa Trời, vì ông biết rằng Chúa thương xót và nhân từ, còn dân thì tội lỗi. Nếu Đức Chúa Trời giáng cho họ điều họ đáng lãnh, chắc chắn họ sẽ bị tiêu diệt! Dân Do Thái là dân của Đức Chúa Trời và Môi-se là tôi tớ của Đức Chúa Trời. Họ không muốn thiên sứ đi cùng với họ mà chỉ muốn chính Đức Chúa Trời! Y-sơ-ra-ên khác với các dân tộc khác ở chỗ Đức Chúa Trời của họ ở cùng họ, và đó là điều Môi-se thỉnh cầu. Lòng ông chắc đã rộn lên vì vui mừng khi nghe Đức Chúa Trời hứa đi cùng toàn dân và dẫn họ đến nơi yên nghỉ mà Ngài đã hứa.

Con cái Đức Chúa Trời có quyền “thương lượng” với Đức Chúa Trời như Môi-se đã làm không? Tất cả đều tùy thuộc vào mối liên hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời. Môi-se biết đường lối Đức Chúa Trời (*Thi Thiên* 103:7), và là người bạn thân thiết của Đức Chúa Trời, do đó ông có thể trình bày duyên cớ mình bằng đức tin và cách khéo léo. Mục sư yêu mến Chúa người Ê-cốt là Samuel Rutherford, người đã nếm trải được sự chịu khổ vì Đấng Christ, đã viết rằng: “chính đức tin sẽ tìm được sự thương xót từ những lần roi của Đức Chúa Trời”. Đó là điều Môi-se đang làm cho dân sự.

Vinh hiển của Đức Chúa Trời được bày tỏ (Xuất Ê-díp-tô Ký 33:18-23). Tôi tớ thật của Đức Chúa Trời quan tâm đến vinh hiển của Đức Chúa Trời hơn bất cứ điều gì khác. Môi-se và dân Do Thái đã thấy vinh hiển của Đức Chúa Trời qua trụ mây và lửa, cũng như trong “cơn bão” trên núi Si-nai, nhưng Môi-se muốn thấy vinh hiển của Đức Chúa Trời bày tỏ trực tiếp với ông. Đức Chúa Trời đã cho Môi-se biết qua về vinh hiển của Đức Chúa Trời và ông rất thoả mãn. Khi tôi tớ của Đức Chúa Trời nản lòng và thất vọng vì cơ tội lỗi của dân, phương thuốc tốt nhất cho

một tấm lòng tan vỡ là một khái tượng mới về vinh hiển của Đức Chúa Trời.

Sự tha thứ của Đức Chúa Trời được ban phát (Xuất Ê-díp-tô Ký 34:1-28). Môi-se đã có được Đức Chúa Trời thực hiện lời hứa đồng đi với dân trong cuộc hành trình của họ, nhưng Ngài có tha thứ tội lỗi của họ chăng? Ngài sẽ cùng đi với họ như một người cảnh sát trông chừng một phạm nhân hay như một người cha chăm sóc con cái yêu dấu của Ngài? Đây là câu giải đáp. Chúa ra lệnh cho Môi-se chuẩn bị hai bảng đá mới, nghĩa là Ngài sẽ thay thế những bảng đá mà Môi-se đã đập bể! Đức Chúa Trời sẽ tái giao ước! Sáng sớm hôm sau, Môi-se theo hẹn, đem bảng đá lên núi.

Nhưng trước khi hành động, Đức Chúa Trời bày tỏ sự vĩ đại của thuộc tính Ngài (c.5-7), nền tảng của toàn bộ thuyết thần học Do Thái và Cơ Đốc. Môi-se đã lặp lại những lời này trước mặt Đức Chúa Trời ở Ca-đe Ba-nê-a (*Dân Số Ký 14:17-19*), dân Do Thái sử dụng chúng trong thời Nê-hê-mi (*Nê-hê-mi 9:17-18*), Giô-na cũng đã trích dẫn khi ông ngồi bực bội ngoài thành Ni-ni-ve (*Giô-na 4:1-2*). Sách không nói rằng Môi-se đã cúi mặt khi ông nhìn thấy sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, nhưng ông thật đã cúi lạy và thờ phượng khi ông nghe Đức Chúa Trời phán những lời long trọng này.

Đức tin đến bởi việc nghe và tiếp nhận Lời Đức Chúa Trời (*Rô-ma 10:17*), vì vậy Môi-se bởi đức tin đã cầu xin Đức Chúa Trời tha thứ cho dân sự. Những đại từ trong lời cầu nguyện này rất có ý nghĩa: “Xin hãy tha sự gian ác cùng tội lỗi *chúng tôi*” (*Xuất Ê-díp-tô Ký 34:9*). Dù không phạm tội bất tuân Đức Chúa Trời, Môi-se cũng tự xem như đã phạm tội như dân sự, như E-xơ-ra và Đa-ni-ên đã xưng trong lời cầu nguyện của họ (*Ê-xơ-ra 9:1-28*; *Đa-ni-ên 9:1-27*). Chúa đã phán rằng Ngài tha thứ “điều gian ác, sự vi phạm và tội lỗi” (*Xuất Ê-díp-tô Ký 34:7*). Môi-se nắm vững lẽ thật ấy.

290 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Việc Đức Chúa Trời hồi phục lại giao ước là bằng chứng Ngài đã tha thứ cho dân Ngài và ban cho họ một sự khởi đầu mới. Nhưng Đức Chúa Trời cũng lập lại những yếu tố cần thiết của giao ước, đặc biệt là những luật về sự thờ hình tượng (c.12-17). Khi Y-sơ-ra-ên đi vào Đất Hứa, họ sẽ rất dễ thoả hiệp với kẻ thù, trước hết là giao ước với họ, sau đó tham dự những kỳ lễ của họ, và cuối cùng là kết hôn dị chủng và học lấy lối sống ngoại đạo của họ. Vấn đề quan trọng là ngay từ đầu Y-sơ-ra-ên phải tiêu diệt mọi thứ có liên quan đến hình tượng và hiểu được rằng tội thờ hình tượng đối với Đức Chúa Trời cũng như tội thông dâm đối với hôn nhân vậy.

Sống nhiều ngàn năm sau những sự kiện này, chúng ta không thể hiểu biết được sự thờ hình tượng của dân Ca-na-an gồm ghiếc ra sao khi Y-sơ-ra-ên vào chinh phạt xứ. Nó đồi bại không thể tả, và giống như những khối ung thư trong cơ thể con người, những đền thờ và bàn thờ ngoại đạo phải bị cắt bỏ và hủy phá trước khi xứ lành mạnh trở lại. Đức Chúa Trời đã kêu gọi Y-sơ-ra-ên làm công cụ để cho thế gian hưởng được phước Chúa. Thời kỳ rạng ngời nhất của công cụ ấy là lúc Chúa Cứu Thế giáng sinh.

Bởi ân sủng của Đức Chúa Trời, Môi-se đã đạt được mục đích của ông. Đức Chúa Trời hứa đi cùng dân, Đức Chúa Trời cho Môi-se thấy vinh hiển Ngài, và Đức Chúa Trời đã tha thứ tội lỗi của dân tộc. Môi-se yên lòng trở về trại quân với những bảng luật thứ hai và cho dân biết rằng Đức Chúa Trời đã tha thứ tội lỗi cho họ.

3. Vinh Hiển: Sự Hiện Diện Của Đức Chúa Trời

Nợ Cùng Dân Ngài

Xuất Ê-díp-tô Ký 34:29-35; 39:32-40:38.

²⁹ Khi Môi-se tay cầm hai bảng chứng đi xuống núi Si-na-i, chẳng biết rằng da mặt mình sáng rực bởi vì mình hầu chuyện Đức Giê-hô-va. ³⁰ Nhưng A-rôn cùng cả dân Y-sơ-ra-ên nhìn Môi-se thấy mặt

người sáng rực, sợ không dám lại gần. ³¹ Môi-se bèn gọi họ, A-rôn cùng các hội trưởng đến gần; rồi nói chuyện cùng họ. ³² Kế sau, cả dân Y-sơ-ra-ên đến gần, người truyền dạy các điều của Đức Giê-hô-va đã phán dạy mình nơi núi Si-na-i. ³³ Môi-se thôi nói chuyện cùng họ liền lấy lúp che mặt mình lại. ³⁴ Khi Môi-se vào trước mặt Đức Giê-hô-va đặng hầu chuyện Ngài, thì dờ lúp lên cho đến chừng nào lui ra; đoạn ra nói lại cùng dân Y-sơ-ra-ên mọi lời Ngài đã phán dạy mình. ³⁵ Dân Y-sơ-ra-ên nhìn mặt Môi-se thấy da mặt người sáng rực, thì Môi-se lấy lúp che mặt mình cho đến khi nào vào hầu chuyện Đức Giê-hô-va.

39

³² Các công việc của đền tạm và hội mạc làm xong là như vậy. Dân Y-sơ-ra-ên làm y như mọi lời Đức Giê-hô-va đã phán dạy Môi-se. ³³ Họ đem đền tạm đến cho Môi-se: Trại và các đồ phụ tùng của Trại, nọc, ván, xà ngang, trụ và lỗ trụ; ³⁴ bong da chiên đực nhuộm đỏ, bong da cá nước và cái màn; ³⁵ hòm bằng chứng và đôn khiêng, cùng nắp thi ân; ³⁶ bàn và đồ phụ tùng của bàn cùng bánh trần thiết; ³⁷ chân đèn bằng vàng ròng, thếp đèn đã sắp sẵn, các đồ phụ tùng của chân đèn và dầu thắp, ³⁸ bàn thờ bằng vàng, dầu xức, hương liệu, tấm màn của cửa Trại; ³⁹ bàn thờ bằng đồng và rá đồng, đôn khiêng, các đồ phụ tùng của bàn thờ, thùng và chân thùng; ⁴⁰ các bố vi của hành lang, trụ, lỗ trụ, màn của cửa hành lang, dây, nọc, hết thảy đồ phụ tùng về việc tế lễ của đền tạm; ⁴¹ bộ áo lễ đặng hầu việc trong nơi thánh, bộ áo thánh cho A-rôn, thầy tế lễ cả, và bộ áo của các con trai người để làm chức tế lễ.

⁴² Dân Y-sơ-ra-ên làm mọi công việc nầy y như mạng lệnh của Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se. ⁴³ Môi-se xem các công việc làm, thấy họ đều làm y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dạy; đoạn Môi-se chúc phước cho họ.

40

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: ² Ngày mồng một tháng giêng, người sẽ dựng đền tạm. ³ Hãy để trong đó cái hòm bằng chứng, rồi lấy màn phủ lại. ⁴ Cũng hãy đem bàn đến, chưng bày các đồ trên bàn cho có thứ tự, cùng chân đèn và thắp các đèn; ⁵ cũng hãy để bàn thờ bằng vàng, dùng xông hương trước hòm bằng chứng, rồi xủ tấm màn nơi cửa đền tạm. ⁶ Cũng hãy để bàn thờ về của lễ thiêu dâng trước cửa đền tạm; ⁷ và để cái thùng ở giữa khoảng hội mạc và bàn thờ; rồi đổ nước vào; ⁸ lại chừa hành lang chung quanh và xủ tấm màn nơi cửa hành lang.

⁹ Đoạn, người hãy lấy dầu xức mà xức đền tạm và các đồ để trong

đó; biệt riêng đền tạm và các đồ phụ tùng của đền tạm ra thánh, thì sẽ làm thánh vậy. ¹⁰ Cũng hãy xúc dầu bàn thờ về của lễ thiêu, và các đồ phụ tùng của bàn thờ; rồi biệt riêng ra thánh, thì bàn thờ sẽ làm rất thánh. ¹¹ Cũng hãy xúc dầu cho thùng và chân thùng; biệt thùng riêng ra thánh. ¹² Đoạn, hãy dẫn A-rôn cùng các con trai người đến gần cửa hội mạc, rồi tắm họ trong nước.

¹³ Người hãy mặc áo thánh cho A-rôn, xúc dầu và biệt người riêng ra thánh; vậy người sẽ làm chức tế lễ trước mặt ta. ¹⁴ Hãy dẫn các con trai người đến gần, rồi mặc áo lá cho họ; ¹⁵ xúc dầu cho như người đã xúc cho cha họ, thì họ sẽ làm chức tế lễ trước mặt ta. Sự xúc dầu sẽ phong cho họ chức tế lễ mãi mãi trải qua các đời.

¹⁶ Môi-se làm y như mọi điều Đức Giê-hô-va đã phán dặn mình.

¹⁷ Đến ngày mồng một tháng giêng về năm thứ hai, thì đền tạm đã dựng. ¹⁸ Môi-se dựng đền tạm, để mấy lỗ trụ, đóng ván, thả xà ngang và dựng trụ. ¹⁹ Người căng bong trên đền tạm, rồi trải lá phủ bong lên trên, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

²⁰ Đoạn, người cũng lấy bảng chứng, để trong hòm, xỏ đòn khiêng vào, để nắp thi ân lên trên hòm. ²¹ Người khiêng hòm vào đền tạm và treo màn để che chỗ chí thánh, phủ hòm bằng chứng lại, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

²² Người cũng để cái bàn trong hội mạc, về phía bắc đền tạm ở ngoài bức màn; ²³ rồi sắp một hàng bánh ở trên, trước mặt Đức Giê-hô-va, y như lời Ngài đã phán dặn Môi-se. ²⁴ Để chân đèn trong hội mạc về phía nam, đối diện cùng cái bàn. ²⁵ Người thấp đèn trước mặt Đức Giê-hô-va, y như lời Ngài đã phán dặn Môi-se. ²⁶ Để bàn thờ bằng vàng trước bức màn trong hội mạc; ²⁷ trên đó người xông hương, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se. ²⁸ Người cũng xủ màn nơi cửa đền tạm.

²⁹ Đoạn, người để bàn thờ về của lễ thiêu nơi cửa đền tạm, dâng trên đó của lễ thiêu và của lễ chay, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se. ³⁰ Cũng để thùng về giữa khoảng hội mạc và bàn thờ, cùng đổ nước vào để rửa; ³¹ Môi-se, A-rôn cùng các con trai của A-rôn, rửa tay và chân mình vào đó. ³² Khi nào họ vào hội mạc và lại gần bàn thờ thì rửa mình, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

³³ Chung quanh đền tạm và bàn thờ, người cũng chừa hành lang, và xủ màn nơi cửa hành lang. Ấy, Môi-se làm xong công việc là như vậy.

³⁴ Ấng mây bao phủ hội mạc và sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va đây đây đền tạm, ³⁵ cho đến đời Môi-se vào chảng đặng, vì ầng mây bao phủ ở trên và sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va đây đây đền tạm.

³⁶ Vả, trong các sự hành trình của dân Y-sơ-ra-ên, khi nào áng mây từ đền tạm ngự lên thì họ ra đi; ³⁷ còn nếu áng mây không ngự lên thì họ cũng không đi, cho đến ngày nào áng mây ngự lên. ³⁸ Vì trong các sự hành trình của dân Y-sơ-ra-ên, thì áng mây của Đức Giê-hô-va ở trên đền tạm ban ngày, và có lửa ở trên đó ban đêm hiện trước mặt cả dân Y-sơ-ra-ên.

Sách *Xuất Ê-díp-tô Ký* mở đầu với việc Môi-se thấy vinh hiển của Đức Chúa Trời trong bụi gai cháy (3:1-5), và kết thúc với vinh hiển của Đức Chúa Trời giáng xuống trại quân và đẩy dẫy đền tạm. Sự hiện diện của vinh hiển Đức Chúa Trời trong trại quân Y-sơ-ra-ên không phải là dư thừa mà là một điều cần thiết. Nó xác nhận Y-sơ-ra-ên là một dân của Đức Chúa Trời và biệt riêng họ với các dân tộc khác, vì đền tạm được hiến dâng bởi sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (29:43-44). Những dân tộc khác có những công trình kiến trúc thiêng liêng, nhưng chúng trống rỗng. Đền tạm của Y-sơ-ra-ên được chúc phước bằng sự hiện diện của vinh hiển Đức Chúa Trời.

Vinh hiển của Đức Chúa Trời được phản chiếu (Xuất Ê-díp-tô Ký 34:29-35; II Cô-rinh-tô 3:1-18). Môi-se kiêng ăn và cầu nguyện trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong 40 ngày đêm, và ông đã thấy vinh hiển của Đức Chúa Trời. Có gì ngạc nhiên chẳng khi mặt ông sáng rỡ? Ông không nhận ra rằng ông đã nhận được ít nhiều vinh hiển trên vẻ mặt của ông ⁷. Bởi sự vinh hiển này, dân chúng không dám đến gần ông, nhưng ông gọi họ đến và họ nói chuyện với ông như trước. Tuy nhiên, sau khi nói chuyện với dân xong, Môi-se mang mạng để che mặt sự vinh hiển.

Vì sao Môi-se mang mạng che mặt? Không phải vì ông có ý dọa dân chúng, nhưng vì sự vinh hiển đang phai dần đi (*II Cô-rinh-tô 3:13*). Dân Do Thái xem vinh hiển này như điều gì đó kỳ diệu và thú vị, nhưng khi vẻ sáng kia phai đi thì họ sẽ coi thường Môi-se chẳng? Ai mà đi theo một người lãnh đạo đang mất đi vinh quang của mình? Vì

294 / Xuất Ê-díp-tô Ký

vậy Môi-se đi vào trong hội mạc để nói chuyện với Đức Chúa Trời, và vinh hiển sẽ trở lại, nhưng sau đó ông sẽ mang mạng để dân không thấy vinh hiển biến mất.

Trong *II Cô-rinh-tô* 3:1-18, Phao-lô dùng việc này để giải thích nhiều sự kiện. Trước hết, ông cho rằng vinh hiển của hệ thống luật pháp Môi-se đang biến đi, nhưng vinh hiển về Phúc Âm của ân sủng Đức Chúa Trời đang trở nên rực rỡ hơn (c.7-11). Đây là câu trả lời của ông cho những người theo chủ nghĩa luật pháp đã dạy rằng sự vâng phục luật pháp cùng với đức tin nơi Đấng Christ là phương cách cứu rỗi của Đức Chúa Trời (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 15:1). Tại sao chúng ta cần phải tin nơi điều gì đó khi vinh hiển của nó đang tan biến?

Phao-lô cũng ứng dụng sự kiện này cho dân Do Thái hư mất vào thời của ông, họ có tấm lòng bị che khuất bởi cái mạng vô tín đến nỗi họ không thể nhìn thấy vinh hiển của Đấng Christ (*II Cô-rinh-tô* 3:14-16). Cách duy nhất để cất bỏ chiếc mạng che đó là tin nơi Lời Chúa và tin nhận Chúa Giê-xu Christ.

Cuối cùng, ông áp dụng kinh nghiệm của Môi-se cho những Cơ Đốc nhân bởi đức tin nhìn thấy vinh hiển Đức Chúa Trời trong Lời Ngài và kinh nghiệm được sự biến đổi thuộc linh (c.17-18). Đây là lý do Cơ Đốc nhân phải đọc Kinh Thánh và suy gẫm, vì khi con cái Đức Chúa Trời nhìn vào Lời Ngài mà thấy Con Ngài thì sẽ được biến đổi bởi Thánh Linh mà trở nên ảnh tượng của Đức Chúa Trời vì vinh hiển của Đức Chúa Trời⁸.

Vinh hiển của Đức Chúa Trời ngự vào (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 39:32-40:38). Dân Y-sơ-ra-ên không hề biết gì về những cảm nhận của lãnh tụ Môi-se trên núi, và cũng chẳng ngờ rằng mình đang sắp sửa bị Đức Chúa Trời từ bỏ và hủy diệt. Đừng bao giờ đánh giá thấp quyền năng thuộc linh của một người nam hay người nữ tận tụy biết cách phải

cầu thay với Đức Chúa Trời như thế nào. Một trong bốn vấn đề lớn nhất của chúng ta hôm nay là cần có những người cầu thay. Họ là những người nắm vững lời hứa của Đức Chúa Trời và tin cậy Đức Chúa Trời hành động cách quyền năng (*Ê-sai* 59:16; 62:1; 64:1-7).

Việc chuẩn bị cho đền tạm và những vật dụng của nó đã hoàn tất, vì vậy những người thợ đem mọi thứ đến cùng Môi-se để ông kiểm tra. Phải kiểm soát thật cẩn thận mọi thứ trước khi tiến hành việc xây cất vì nếu đang xây cất nửa chừng mà khám phá ra rằng có nhiều vật liệu không đúng tiêu chuẩn hết sức uổng công. Từ “truyền lệnh” được sử dụng 18 lần trong các chương 39 và 40 để nhắc nhở chúng ta rằng thợ thuyền đã làm theo lời Đức Chúa Trời phán bảo. Môi-se là một tôi tớ trung tín đã làm mọi điều Đức Chúa Trời bảo ông làm (*Hê-bơ-rơ* 3:1-6).

Công việc đã được chấp thuận và đền tạm đã được xây dựng (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 40:1-8, 17-19, 33). Chương này tóm tắt lại sự tận tụy của các thầy tế lễ, được mô tả trong (28:1-29:46), cũng như việc dâng hiến đền tạm và những thứ bên trong. Chính Môi-se đòi hỏi mọi thứ vật dụng phải được xúc dầu và được đặt đúng chỗ. Đức Chúa Trời không thể và sẽ không ngượng trong đền tạm nếu mọi sự không được thực hiện theo kiểu mẫu Ngài đã chỉ cho Môi-se ở trên núi (25:8-9, 40 *Hê-bơ-rơ* 8:5; 9:9)⁹.

Nhiều người có lòng thành thực nhưng lại làm công việc Đức Chúa Trời theo ý riêng rồi cầu xin Đức Chúa Trời chúc phước cho việc ấy. Nhưng sự phục vụ Đức Chúa Trời không được như thế. Trước hết chúng ta phải tìm biết điều Đức Chúa Trời muốn chúng ta làm, và chúng ta thực hiện việc ấy là để làm vinh hiển Ngài. Nếu chúng ta vâng theo ý muốn Ngài và luôn tìm cầu để được tôn vinh danh Ngài thì Ngài sẽ đến và chúc phước cho công việc của chúng ta bằng sự hiện diện đầy quyền năng của Ngài.

296 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Sau khi mọi thứ và mọi người có liên quan đến đền tạm đã được dâng lên cho Chúa thì vinh hiển của Đức Chúa Trời đầy đầy đền tạm và ngự tại đó. Sự hiện diện của vinh quang Đức Chúa Trời đầy quyền năng đến nỗi Môi-se không thể bước vào đền tạm!

Đọc lịch sử Do Thái, ta khám phá rằng vinh hiển đã có lần ngự trong đền tạm thì nay đã vắng bóng vì các thầy tế lễ và dân phạm tội nghịch với Chúa (*I Sa-mu-ên* 4:21-22). “Y-ca-bốt” nghĩa là “sự vinh hiển đã lìa khỏi”. Khi Sa-lô-môn dâng hiến đền thờ, vinh hiển của Đức Chúa Trời một lần nữa đến ngự cùng dân Ngài (*I Các Vua* 8:10-11), nhưng cũng một lần nữa tội lỗi của họ đã xua đi vinh hiển của Đức Chúa Trời (*Ê-xê-chi-ên* 8:4; 9:3; 10:4, 18; 11:23).

Mãi về sau vinh hiển của Đức Chúa Trời đến trên đất trong thân vị của Chúa Giê-xu Christ (*Giăng* 1:14). Trong bản dịch Cựu Ước bằng tiếng Hy Lạp (*Bản Bảy Mươi*), từ “ở” trong *Xuất Ê-díp-tô Ký* 40:35 là từ Hy Lạp được sử dụng trong *Lu-ca* 1:35 và được dịch là “che phủ”. Tử cung trinh trắng của Ma-ri là một nơi chí thánh mà vinh hiển của Đức Chúa Trời đã ngự vào trong thân vị Con Đức Chúa Trời. Thế gian đã làm gì với sự vinh hiển này? Đóng đinh sự vinh hiển ấy vào thập tự giá!

Ngày nay vinh hiển của Đức Chúa Trời ở đâu? Thân thể của mọi tín hữu thật là đền thờ của Đức Chúa Trời (*I Cô-rinh-tô* 6:19-20), Hội Thánh địa phương (*I Cô-rinh-tô* 3:10-23;) và Hội Thánh hữu hình (*Ê-phê-sô* 2:20-22) cũng là nơi ở của Ngài. Khi Sa-lô-môn hoàn tất đền thờ, vinh hiển của Đức Chúa Trời đã ngự vào, nhưng khi Đức Chúa Trời hoàn tất việc xây cất Hội Thánh của Ngài thì Ngài sẽ cất Hội Thánh đi! Và rồi chúng ta sẽ dự phần vinh hiển Đức Chúa Trời trên thiên đàng vĩnh viễn! “Thành không cần mặt trời và mặt trăng chiếu sáng, vì vinh hiển của Đức Chúa Trời đã chiếu sáng nó, và Chiên Con là sự sáng của nó” (*Khải Thị* 21:23).

Ngày nay Đức Chúa Trời không sống trong những tòa nhà (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:48-50; *I Các Vua* 8:7). Nhà cửa, đền đài được dâng hiến cho Đức Chúa Trời chỉ để dùng làm công cụ cho công tác của Ngài và những người phục vụ Ngài mà thôi. Còn Đức Chúa Trời thật sự ngự giữa vòng dân Ngài; trách nhiệm của mỗi cá nhân chúng ta và cũng của cả tập thể Hội Thánh là phải làm vinh hiển danh Chúa (*I Cô-rinh-tô* 6:20; 14:23-25). Hãy nghĩ đến những khổ nạn của chúng ta phải chịu khi vinh quang Đức Chúa Trời lìa khỏi ta. Phải làm sao để khỏi kêu lên tiếng than “I-ca-bốt” như nàng dâu của vị quan xét Hê-li (xem *I Sa-mu-ên* 4:19-23). Muốn vậy ta phải theo gương lãnh tụ Môi-se, làm bất cứ sự gì cũng phải tuân theo khuôn mẫu của Đức Chúa Trời thì vinh hiển của Ngài mới ngự vào.

Chú thích

¹ Phillips Brooks, *The Influence of Jesus (Ảnh Hưởng Của Chúa Giê-xu)* (London: H.R.Allenson), 191.

² Một số người biện hộ cho A-rôn bằng cách nói rằng bò vàng được xem là hình tượng cho Đức Chúa Trời (c.4) chứ không thay thế cho Ngài, nhưng những lý lẽ của họ không chắc chắn. Việc tạo bất cứ hình tượng nào để tượng trưng cho Đức Giê-hô-va là không hợp pháp đối với người Do Thái. A-rôn biết vậy. Không thể kiểm soát được dân, ông lại thỏa hiệp với họ và thế là tội lỗi lan tràn.

³ Nhóm từ “đứng dậy mà vui chơi” trong (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 32:6) được diễn giải trong các câu 18-19. Lễ hội của họ là việc thờ lạy hình tượng với tất cả sự dâm dục và đồi bại của nó. Từ “buông lung” trong câu 25 có nghĩa là “thả cửa, mặc sức”. A-rôn đã cho phép dân làm mọi điều họ muốn, và tấm lòng xấu xa đã thao túng họ.

⁴ Ít nhất ba lần trong chức vụ của mình, Môi-se đã đặt

298 / Xuất Ê-díp-tô Ký

dân Chúa lên trên cả lợi ích của ông. Ở xứ Ai Cập, Môi-se đã từ bỏ tư cách hoàng tử để đứng về phía dân Chúa cùng chịu hoạn nạn thử thách với họ (*Hê-bơ-rơ* 11:24-26). Trên núi Si-nai, Môi-se đã từ chối lời đề nghị của Đức Chúa Trời để lập nên một dân tộc mới từ ông và con cháu ông (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 32:10), và Môi-se đã từ chối đề nghị tương tự lần thứ hai tại Ca-đe Ba-nê-a (*Dân Số Ký* 14:1-20). Môi-se đã phạm những sai lầm, nhưng ta có thể thấy trong mọi phương diện, ông là một người cao trọng và là một lãnh đạo vĩ đại.

⁵ Trong Kinh Thánh, sự phạm tội đôi khi được so sánh với việc ăn uống. Xin xem *Gióp* 15:16; 20:12-19; *Thi Thiên* 109:18; *Châm Ngôn* 4:17; 9:17; 18:8; 20:17; 26:22.

⁶ “Sách Sự Sống” là quyển sách ghi lại tên của những người sống và sau đó xóa đi khi họ chết. Xin xem *Thi Thiên* 9:5; 69:28. Không nên nhầm lẫn quyển sách này với “Quyển Sách Sự Sống Của Chiên Con” ghi tên của những người được cứu (*Khải Thị* 13:8; 17:8; 20:15; 21:27). Một tội nhân chưa được tha thứ thì sẽ bị Chúa diệt (*II Sa-mu-ên* 12:13). Phao-lô sẵn sàng bị kết án đời đời vì cố dân Do Thái (*Rô-ma* 9:3) và Chúa Giê-xu cũng đã chịu chết và gánh lấy sự xét đoán thay cho dân của mình cũng như cho cả thế giới (*Ê-sai* 53:4-6:8).

⁷ Những người thuộc về Chúa thật sự ít khi nhận ra về đạo đức của mình, mà thường cảm thấy như không đạt được tiêu chuẩn mong muốn. Tại lễ Ngũ Tuần (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:1-47), mỗi môn đồ có thể thấy những lưỡi bằng lửa hiện ra trên đầu các tín hữu khác, nhưng lại không thấy được lưỡi bằng lửa trên đầu mình.

⁸ Từ “biến đổi” trong *II Cô-rinh-tô* 3:18 trong tiếng Hy Lạp là “hóa hình”, như trong *Ma-thi-ơ* 17:2. Nó mô tả sự vinh hiển từ bên trong được bày tỏ ra bên ngoài. Môi-se chỉ *phản chiếu* vinh hiển của Đức Chúa Trời; tín hữu tận

tuy sẽ *chiếu ra* sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Không như Môi-se, chúng ta không che mạng khi chúng ta đến với Lời Đức Chúa Trời vì chúng ta không có gì để che giấu.

⁹ Nhận định trong câu 33: “Ấy, Môi-se làm xong công việc là như vậy” nhắc chúng ta nhớ về lời cầu nguyện của Đấng Christ trong *Giăng* 17:4 và tiếng kêu của Ngài từ thập tự giá, “Mọi việc đã được trọn” (*Giăng* 19:30) cũng như lời của Phao-lô, “Ta đã xong sự chạy, ta đã giữ được đức tin” (*II Ti-mô-thê* 4:7). Điều cốt yếu của một Cơ Đốc nhân là kết thúc cuộc đời trong vinh hiển .

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 13

Xuất Ê-díp-tô Ký 32-34, 40

1. Tại sao việc đúc bò vàng lại là một tội trọng? Điều gì đã dẫn đến việc làm tai hại này?
2. Những người lãnh đạo lẽ ra phải làm gì khi được yêu cầu phải đúc một tượng thần?
3. Vì sao việc đáp ứng “những nhu cầu vật lý” của con người không phải lúc nào cũng là một điều tốt?
4. ĐỨC CHÚA TRỜI “ĂN NĂN” HOẶC “ĐỔI Ý” (32:14) NGHĨA LÀ GÌ?
5. Vì sao ĐỨC CHÚA TRỜI cho ghi chép lại lịch sử về mối liên hệ của dân Y-sơ-ra-ên với Ngài? (*I Cô-rinh-tô 10:11-13*)
6. Làm thế nào để biết rằng một điều gì đó có phải là một sự trừng phạt đến từ ĐỨC CHÚA TRỜI hay không?
7. Bạn nhìn sự vinh hiển của ĐỨC CHÚA TRỜI theo cách nào?
8. Trong lời phán về những thuộc tính của Ngài, ĐỨC CHÚA TRỜI tuyên bố rằng Ngài “không để cho tội nhân thoát khỏi sự trừng phạt”. Điều này có nghĩa gì?
9. Pha-ô-lô đã áp dụng sự kiện Môi-se dùng mạng che mặt ra sao?
10. Cơ Đốc nhân có thể lập kế hoạch cho chức vụ của mình như thế nào để khỏi quá lố?

LỜI BẠT

Khi nghiên cứu sách *Xuất Ê-díp-tô Ký*, chúng ta đã cùng đi với Môi-se từ vinh hiển của Đức Chúa Trời trong bụi gai cháy đến vinh hiển của Ngài trong đền tạm. Chúng ta học được những lẽ thật cơ bản nào?

1. Mục đích của Đức Chúa Trời là cho con dân Ngài có được tự do. Ngài không muốn chúng ta ở trong ách nô lệ của bản ngã, tội lỗi, và thế gian.

2. Mục đích của Đức Chúa Trời trong sự tự do là muốn dân Ngài phải sống và phục vụ có trách nhiệm. Tự do không phải là làm bất cứ điều gì chúng ta muốn mà là cơ hội để thực hiện bất cứ điều gì Đức Chúa Trời muốn chúng ta làm.

3. Sự tự do có trách nhiệm (sự trưởng thành) có được khi chúng ta kinh nghiệm những hoạn nạn thử thách và tin cậy Đức Chúa Trời sẽ giúp chúng ta vượt qua. Phàn nàn khi gặp khó khăn là dấu hiệu của sự non kém thuộc linh.

4. Đức Chúa Trời muốn ngự nơi lòng của mỗi chúng ta (*Giăng 14:21-24*). Tội lỗi của chúng ta khiến Đức Chúa Trời đau buồn không thể tương giao và chúc phước cho ta được vì chúng ta chống nghịch cùng Chúa. Ở trên trời chúng ta có một Đấng Trung Bảo và là Đấng Cầu Thay cho chúng ta, là Đức Chúa Giê-xu Christ, chúng ta có thể xưng tội mình với Ngài và nhận được sự tha thứ (*I Giăng 1:5-2:2*).

5. Tín hữu ngày nay là một nước của các thầy tế lễ, trách nhiệm trên hết của chúng ta là thờ phượng và làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Mọi điều chúng ta có được và mọi điều chúng ta làm đều tùy thuộc vào điều này. Với tư cách thầy tế lễ, chúng ta phải phục vụ nhau và phục vụ thế giới hư mất.

6. Mục tiêu quan trọng nhất trong đời sống của một Cơ

302 / Xuất Ê-díp-tô Ký

Độc nhân là làm sao trong giờ ứng hầu trước mặt Chúa, có thể thành thực thưa rằng: “Con đã làm vinh hiển Cha trên đất. Con đã làm xong việc Cha giao cho con làm” (Giăng 17:4).

Tự do là gì? Bạn được tự do chẳng?

Tự do phải chăng là bạn có quyền làm bất cứ điều gì hoặc bất cứ khi nào bạn muốn? Nhiều người trả lời, "Vâng!" Nhưng họ đã sai lầm. Tự do như thế chẳng khác nào nô lệ. Nó biến đời sống thành ngục tù. Bạn tưởng bạn tự do nhưng thật sự bạn đang bị nô lệ, và bạn không thể tự giải phóng chính mình.

Tự do thật bắt đầu bằng sự nhận biết Đức Chúa Trời và vui hưởng sự tự do mà chỉ Ngài có thể ban cho.

Trong sách *Xuất Ê-díp-tô Ký*, Môi-se giải thích thế nào Đức Chúa Trời giải phóng bạn khỏi nô lệ, đem bạn về với Ngài, và dẫn bạn vào con đường tự do với ý thức trách nhiệm. Tập giải nghĩa này sẽ giúp bạn khám phá:

- Tự do thật là gì và làm sao để có được;
- Thế nào Đức Chúa Trời quan tâm và dẫn dắt con dân Ngài mỗi ngày;
- Thờ phượng thật là gì và làm thế nào thấy phước hạnh trong sự thờ phượng;
- Sự vâng phục ý muốn Chúa sẽ giải phóng bạn như thế nào?
- Dầu bất cứ điều gì đang trói buộc bạn hôm nay, bạn vẫn có thể được giải phóng!

Tập giải nghĩa này có phần câu hỏi để nghiên cứu và thảo luận.

Warren W. Wiersbe

Tiến sĩ Warren W. Wiersbe là giáo sư Kinh Thánh nổi tiếng trên các làn sóng phát thanh. Ông từng làm mục sư tại Hội Thánh Moody Church, Chicago và giáo sư về môn giảng luận tại Trường viện Grand Rapids Baptist Seminary. Ông đã viết trên 100 cuốn sách, trong đó bộ Giải Nghĩa Kinh Thánh này - BE SERIES - đã ấn hành trên 4 triệu bản.

văn phẩm nguồn sống

Vietnam Ministries, Inc.

P.O. Box 4568, Anaheim, CA 92803

(714) 758-VPNS 758-8767

Fax: (714) 535-3943